

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 542/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Văn bản số 6156 /SNNMT-QLĐĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2026.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai để áp dụng trong các trường hợp sau đây:

- Tính tiền sử dụng đất.
- Tính tiền thuê đất.
- Xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng khi nhà nước giao đất, cho thuê đất.
- Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa.

5. Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

6. Các trường hợp áp dụng Hệ số điều chỉnh giá đất khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai.
2. Cơ quan tài chính; cơ quan thuế.
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường.
4. Văn phòng đăng ký đất đai.
5. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực.
6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Cách thức xác định hệ số điều chỉnh giá đất

Hệ số điều chỉnh giá đất (K) bao gồm: Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt}), hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh}) và hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng (K_{ah}), được tính theo công thức: $K = K_{tt} \times K_{qh} \times K_{ah}$

Điều 4. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Hệ số điều chỉnh mức biến động giá đất thị trường (K_{tt}) đối với các loại đất được quy định tại bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai quy định tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh}) đối với các loại đất được quy định tại bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này (*trừ trường hợp quy định với đất nông nghiệp*).

3. Hệ số điều chỉnh theo các yếu tố khác ảnh hưởng (K_{ah}) đối với các loại đất được quy định tại bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này (*trừ trường hợp quy định với đất nông nghiệp*).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này;

b) Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, lĩnh vực và phạm vi quản lý nhà nước kiểm tra, hướng dẫn, thực hiện đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Quyết định số 9/2026/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất, giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Quy định chuyển tiếp

a) Trường hợp đã có Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, thuộc trường hợp áp dụng giá đất cụ thể theo quy định Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa ban hành quyết định về giá đất cụ thể thì tiếp tục áp dụng xác định giá đất theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

b) Trường hợp xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà đã thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân các xã, phường đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các xã, phường nhưng đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành chưa ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì tiếp tục áp dụng xác định giá đất theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra VB);
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh Lào Cai;
- Công báo điện tử;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung Tâm Thông tin và Hội nghị (CTTĐT tỉnh);
- Như Điều 6 Quyết định;
- Lưu: VT, TNMT (Quyết).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn thành Sinh

Phụ lục I
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI ĐẤT
NÔNG NGHIỆP VÀ CÁC LOẠI ĐẤT CÒN LẠI

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt} = lần)
I	Đất nông nghiệp	
I.1	Phường Sa Pa	
1	Đất trồng lúa	1,2
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1,2
3	Đất nuôi trồng thủy sản	1,2
4	Đất trồng cây lâu năm	1,2
5	Đất rừng sản xuất	1,2
6	Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	1,2
7	Đất chăn nuôi tập trung; Đất nông nghiệp khác	1,2
8	Đất nông nghiệp cùng thửa có nhà ở, đất nông nghiệp tiếp giáp với thửa đất ở	1,2
I.2	Các xã, phường còn lại	
1	Đất trồng lúa	1,0
2	Đất trồng cây hàng năm khác	1,0
3	Đất nuôi trồng thủy sản	1,0
4	Đất trồng cây lâu năm	1,0
5	Đất rừng sản xuất	1,0
6	Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng	1,0
7	Đất chăn nuôi tập trung; Đất nông nghiệp khác	1,0
8	Đất nông nghiệp cùng thửa có nhà ở, đất nông nghiệp tiếp giáp với thửa đất ở	1,0
II	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	
1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	1,0
2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	1,0
3	Đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất phi nông nghiệp khác	Xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường của đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có cùng vị trí
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp có kinh doanh, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt	Xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường của đất thương mại dịch vụ có cùng vị trí.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (K_{tt} = lần)
5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp không kinh doanh, đất quốc phòng, đất an ninh, đất sử dụng vào các mục đích công cộng không kinh doanh	Xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường của đất ở có cùng vị trí.
6	Đất có mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp nuôi trồng khai thác thủy sản	Xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường của đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có cùng vị trí
III	Đất chưa sử dụng	Xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường của loại đất được đưa vào sử dụng tại cùng vị trí

Phụ lục II

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ
XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP; ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC 1**

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. PHƯỜNG ÂU LÂU

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu đường	Cuối đường	1,10
2	Đường Võ Văn Kiệt	Đầu đường	Cuối đường	1,10
3	Đường Phạm Hùng	Đầu đường	Cuối đường	1,10
4	Đường Võ Chí Công	Đầu đường	Cuối đường	1,10
5	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Từ đường Nâng cấp Quốc lộ 32C	Đường Âu Cơ	1,10
6	Đường nội bộ khu tái định cư thuộc công trình Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai			1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
7	Đường Hoàng Quốc Việt	Ngã ba cầu Yên Bái	Ngã 4 với đường Võ Văn Kiệt	1,10
		Ngã 4 với đường Võ Văn Kiệt	Đường rẽ vào đường đê chống ngập sông Hồng	1,10
		Đường rẽ vào đường đê chống ngập sông Hồng	Đến gặp đường 32C nâng cấp - (khu vực quán cá Hà Oanh)	1,10
		Từ sau đường 32C nâng cấp	đến hết gặp đường bê tông đi TDP Trục Thanh	1,10
		Đoạn tiếp theo	Đến hết địa giới TDP Đông Thịnh	1,10
8	Đường 32C nâng cấp	Từ nút giao với đường Hoàng Quốc Việt tại TDP Ngòi Châu	Hết đường đường đôi	1,00
		Đoạn tiếp theo từ hết đường đôi	Gặp đường Hoàng Quốc Việt	1,00
9	Đường Bách Lãm	Cầu Bách Lãm	Gặp đường Nâng cấpQuốc lộ 32C	1,10
10	Đường nội bộ khu đô thị Riverside			1,10
11	Đường Tuần Quán	Ranh giới phường Yên Bái	Gặp đường Phạm Hùng	1,10
12	Đường đê chống lũ sông Hồng, kết hợp đường giao thông nông thôn	Đường nhựa rộng 10,5m; vỉa hè 5mx2; hành lang đê 5m		1,00
13	Đường nhựa nội bộ quỹ đất dọc kè sông Hồng khu vực giáp trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Yên Bái (Rộng 7,5m, hành lang 3mx2)			1,20
14	Đường nội bộ khu tái định cư thuộc công trình Đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai			1,20
15	Đường nội bộ Khu tái định cư Đê chống ngập Sông Hồng phường Âu Lâu			1,20
16	Đường nội bộ khu tái định cư dự án khu đô thị Bách Lãm AB			1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
17	Đường nhánh từ sau VT1 đường Nâng cấp Quốc lộ 32C vào khu TĐC bệnh viện Phổi tỉnh Yên Bái			1,20
18	Đường nhánh từ sau VT1 đường Nâng cấp Quốc lộ 32C vào khu TĐC bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái			1,20
19	Đường nhánh từ sau VT1 đường Nâng cấp Quốc lộ 32C vào khu TĐC cầu Văn Phú (Đường vào Gò Mør)			1,20
20	Đường nhánh từ sau VT1 đường Nâng cấp Quốc lộ 32C vào khu TĐC trường cao đẳng Y tế			1,20
21	Đường nhánh từ sau VT1 đường Nâng cấp Quốc lộ 32C vào khu TĐC cho các hộ bảo lữ			1,20
22	Đường Âu Cơ	Cầu Văn Phú	Đường nút giao IC 12	1,00
23	Đường nội bộ khu TĐC số 5 và khu 5A	Vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt	Vào khu tái định cư số 5 (đường nội bộ khu TĐC số 5)	1,10
24	Đường nội bộ Khu 5B và quỹ đất giáp khu 5B			1,10
25	Đường Ngô Minh Loan	Cầu Yên Bái	Cầu Ngòi Lâu	1,00
25	Đường Ngô Minh Loan	Đoạn tiếp theo	gặp đường Âu Lâu - Quy Mông	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đến địa giới xã Lương Thịnh	1,00
26	Đường khu tái định cư Tổ dân phố Đẳng Con	Từ đường Ngô Minh Loan	Nhà văn hóa TDP Đẳng Con	1,00
27	Đường Âu Lâu - Quy Mông (Tỉnh lộ 166)	Đường Ngô Minh Loan	Nhà văn hóa TDP Đẳng Con	1,00
		Nhà văn hóa thôn Đẳng Con	Giáp ranh xã Quy Mông, tỉnh Lào Cai	1,00
28	Đường Ngô Minh Loan đến đầu cầu Hai Luồng	Đường Ngô Minh Loan	Đầu cầu Hai luồng (Đường nhựa rộng 7,0m; vỉa hè 1,5mx2)	1,00
29	Đường Nội bộ trong khu đấu giá và khu TĐC Hai Luồng			1,00
30	Đường nội bộ quỹ đất giáp bến xe Nước Mát	Đường nội bộ rộng 6m, hành lang 3mx2		1,00
		Đường nội bộ rộng 3m, hành lang giao thông 3mx2		1,00
31	Đường từ đường Ngô Minh Loan đi bến phà cũ	Đường Ngô Minh Loan	Đường Trục I	1,00
		Đoạn từ đường Trục I	Hết khu di tích Nhà Tầm	1,00
		Hết khu di tích Nhà Tầm	Bến phà cũ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
32	Đường nhánh từ đường Ngô Minh Loan qua cầu Ngòi Lâu thuộc TDP Nước Mát	Đường Ngô Minh Loan	Cầu qua suối Ngòi Lâu	1,00
		Đoạn tiếp theo	hết đường giải cấp phối	1,00
33	Đường Trục 1	Đoạn từ sau đường Ngô Minh Loan	Cổng Khu Công Nghiệp	1,00
		Cổng Khu Công Nghiệp	Giáp ranh giới xã Quy Mông, tỉnh Lào Cai	1,00
34	Đường Nội bộ trong khu đấu giá và khu TĐC Trục I			1,00
35	Đường nội bộ khu tái định cư khu công nghiệp Âu Lâu tổ DP Châu Giang			1,00
36	Đường quỹ đất dân cư thuộc TDP Hợp Minh 1+2 (Từ sau VT1 đường Ngô Minh Loan Hết quỹ đất dân cư tổ 1+2)	Sau VT1 đường Ngô Minh Loan	Gặp đường bê tông rẽ vào giếng làng	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết quỹ đất dân cư tổ 1+2	1,00
37	Đường Hợp Minh - My	Ngã 3 Hợp Minh	Hết cầu Đầm Mủ	1,00
		Hết cầu Đầm Mủ	Ngã ba bà Chắt	1,00
		Ngã ba bà Chắt	Giáp ranh xã Việt Hồng, tỉnh Lào Cai	1,00
38	Quốc lộ 32C	Từ hết TDP Đông Thịnh	Đến đường đôi đi đường Âu Cơ	1,00
		Đoạn tiếp theo	Giáp xã Hiền Lương, tỉnh Phú Thọ	1,00
39	Đường nút giao IC12	Đầu đường	Hết đường rộng 10,5m	1,00
		Đoạn tiếp theo	Địa giới xã Việt Hồng	1,00
40	Đường vào khu tái định cư TDP Ngọn Ngòi			1,00
41	Đường vào khu tái định cư TDP Trục Thanh			1,00
42	Đường nối từ Quốc lộ 32C vào khu tái định cư TDP Hòa Quân	Quốc lộ 32	Vào khu tái định cư TDP Hòa Quân	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
43	Đường vào khu tái định cư cụm công nghiệp Trấn Yên tại TDP Trục Thanh, phường Âu Lâu (Giai đoạn I và giai đoạn 2)	Đoạn các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 10,5m		1,00
		Đoạn các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 7,5 m		1,00
		Đoạn các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 6,5 m		1,00
44	Đường vào Khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Khe Ngay			1,00
45	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Đồng Danh			1,00
46	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Bảo Hưng			1,00
47	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội Hải Phòng tại tổ dân phố Bình Trà			1,00
48	Đường khu tái định cư dự án đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng tại tổ dân phố Nước Mát			1,00
49	Khu đất bố trí tái định cư dự án nâng cấp Quốc lộ 32C, đoạn Hiền Lương tại tổ dân phố Tiên Phong (giao đất TĐC năm 2025) lô 646; lô 642; lô 418; lô 424; lô 422			1,00
50	Đường giao thông có độ rộng mặt đường rộng từ 5,5 m đến 6,5m			1,10
51	Đường giao thông có độ rộng mặt đường từ 3,5m đến dưới 5,5m			1,10
52	Đường giao thông có độ rộng mặt đường từ 2,5m đến dưới 3,5m			1,10
53	Các tuyến đường khác còn lại			1,10
54	Đường TDP Hợp Minh 5 đi ngã ba Bảo Hưng	Ngã 4 với đường Võ Văn Kiệt qua ngã 3 Bảo Hưng cũ	Gặp đường bê tông vào nhà văn hóa TDP Bảo Lâm	1,00
55	Đường nội bộ quỹ đất dân cư thôn Tiên Phong (giáp khu tái định cư Bão lũ)			1,00

2. PHƯỜNG NAM CƯỜNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Trần Bình Trọng	Đoạn từ đường lên đồi Ra đa (số nhà 48 ông Uân)	Hết đất nhà ông Thụ số nhà 56, Đối diện đường Phạm Ngũ Lão	1,00
		Đoạn giáp ranh nhà ông Thụ	Hết đập Nam Cường	1,00
		Đoạn giáp đập Nam Cường	Tiếp giáp đất ở nhà ông Đảng số nhà 398, đối diện hết đất Trụ sở Công an phường Nam Cường	1,00
		Đoạn từ nhà ông Đảng số nhà 398	Trạm gác Sân Bay Yên Bái	1,00
2	Đường Lê Chân	Đoạn giáp ranh giới phường Yên Bái	Ngã ba đường Thao trường (hết đất số nhà 68) - đối diện ngã ba đường Đồng Tiến (tiếp giáp đất số nhà 81)	1,00
		Ngã ba đường Thao trường (hết đất số nhà 68)	Nhánh rẽ giáp ngõ 118, đối diện bên đường hết đất số nhà 127	1,00
		Đoạn từ Nhánh rẽ giáp ngõ 118	Đến Khu di tích lịch sử Đình, Đền, Chùa Nam Cường	1,00
3	Đường Phạm Khắc Vinh	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Giáp vị trí 1 đường Trần Bình Trọng (đầu cầu D1)	1,00
4	Đường Vực Giang (Từ đường Lê Chân đi Vực Giang gặp đường Quân sự)	Đoạn sau VT1 đường Trần Bình Trọng	Ngã ba Đình Làng (hết đất nhà bà Mão)	1,00
		Đoạn tiếp theo Ngã ba Đình Làng (hết đất nhà bà Mão)	Cầu Trần Đình (giáp đất nhà ông Vượng)	1,00
		Cầu Trần Đình (giáp đất nhà ông Vượng)	Đường đá quân sự	1,00
5	Đường Láng Tròn (Từ đường Vực Giang đi Láng Tròn, gặp đường Trần Bình Trọng)	Đoạn sau VT1 đường Vực Giang	Gặp đường Trần Bình Trọng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
6	Đường Xóm Đảo - TDP Nam Thọ	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng (ngã ba)	Giáp đất nhà ông Cận (sau vị trí 1 đường kè hồ 1)	1,00
		Đoạn tiếp theo từ ngã 3 cống vào Đầm Sấu	Tiếp giáp đất quân sự	1,00
		Đoạn tiếp theo ngã ba sau vị trí 1 đất nhà bà Tiếp	Sau vị trí 1 đường kè hồ 1	1,00
7	Đường Cường Bắc (Từ khu vực quân sự đi TDP Đồng Lân)	Đoạn từ giáp đất khu vực quân sự	Giáp đất Ao (phường Quản lý) - đối diện hết đất xưởng mộc nhà ông Tư	1,00
		Đoạn từ đất Ao (phường Quản lý) - đối diện hết đất xưởng mộc nhà ông Tư	Hết đất nhà bà Đức Mùi	1,00
		Đoạn giáp đất nhà bà Đức Mùi	Ranh đất TDP Đồng Lân giáp đất nhà ông Nhất	1,00
8	Đường Phạm Ngũ Lão	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Hết đất Trạm biến áp	1,00
		Đoạn giáp đất Trạm biến áp	Hết đất nhà ông Mạnh	1,00
		Đoạn giáp đất nhà ông Mạnh	Đến giáp ranh giới đất phường Yên Bái	1,00
9	Đường Đồng Tiến	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Gặp đường Lê Chân	1,00
		Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đồng Tiến	Gặp đường lên RaĐa	1,00
10	Đường Độc Miếu	Sau VT1 Đường Đồng Tiến	Đến Ngã 6 Cầu Đền	1,00
11	Đường Phạm Khắc Vinh nhánh 2	Sau VT1 Đường Phạm Khắc Vinh	Đến đường Đồng Tiến	1,00
12	Đường Bờ Đập	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Đập đầu mố Nam Cường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
12	Đường Bờ Đập	Đoạn tiếp theo dọc theo Ngòi ống	Ngã ba đường rẽ Xuân Lan	1,00
		Đoạn còn lại Quan đập Tuy Lộc cũ	Đến giáp ranh giới đất TDP Xuân Lan	1,00
13	Đường lên RADA	Sau VT 1 đường Trần Bình Trọng	Đến giáp đất Quân sự (Ra Đa)	1,00
14	Đường Láng Dài	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Đường Xóm Đào - TDP Nam Thọ	1,00
		Đoạn tiếp theo từ Cổng (trước đất ông Chiến)	Đến gặp đường Xóm Đào - TDP Nam Thọ (sau vị trí 1 đất nhà ông Thanh)	1,00
15	Đường Dộc Đình	Sau VT 1 đường kè hồ 3	Đến đường Thao trường	1,00
16	Đường thao trường	Sau VT1 đường Lê Chân	Đến đường Cường Bắc	1,00
17	Đường nội bộ khu đất đấu giá TDP Nam Thọ	Sau VT1 Đường Trần Bình Trọng	Đến gặp đường Bờ Đập	1,00
18	Đường kè hồ 1	Đoạn hết đất nhà ông Bình đến gặp ngã ba Đường Xóm Đào - TDP Nam Thọ theo ven Hồ 1	Đến hết đất nhà ông Thiện Anh (Đầm Sấu)	1,00
		Đoạn tiếp theo vòng theo ven hồ	Đập đầu mỗi hồ 1	1,00
		Đoạn tiếp theo hướng qua nhà văn hóa TDP Nam Thọ	Đầu cầu Đ1 (giáp đất ông Mai Quang Chiến) đường bê tông rộng 3,5m	1,00
19	Đường kè hồ 02	Từ nhà ông Tùng (đường Vực Giang)	Đến cầu D1	1,00
20	Đường Kè hồ 03 (Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân đến cầu Trần Đình)	Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân	Đến cầu Trần Đình (đường Bê tông rộng 6,0m)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
20	Đường Kè hồ 03 (Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân đến cầu Trần Đình)	Đoạn tiếp giáp đường Vực Giang	Đình làng Nam Cường (đường Bê tông rộng 3,0m)	1,00
		Đoạn từ Cầu Đền vòng theo ven hồ 3	Đất bà Nga (đường Bê tông rộng 3,0m)	1,00
21	Đường lên Trường Tiểu Học Nam Cường	Sau VT1 Đường Trần Bình Trọng	Đến đường Phạm Khắc Vinh	1,00
22	Đường Phú Thịnh	Từ đầu cầu D2, Chạy theo dưới Nghĩa trang nhân dân Khe Don	Giáp ranh giới tổ dân phố Hiến Dương (nhà ông Trung Hiền)	1,00
23	Các tuyến đường liên tổ dân phố	Nhánh rẽ từ từ sau vị trí 1 đường Phú Thịnh (đất ông Khoa)	Gặp đường Cường Bắc	1,00
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Phú	Đến tiếp giáp TDP Đồng	1,00
		Thịnh qua Khu vui chơi Cát Thành cũ	Chuối (hết đất nhà Ông Hải Loan) và đến cổng Nhà bà the (đường cụt)	1,00
		Nhánh rẽ vào ngõ 118 sau vị trí 1 sau vị trí 1 đường Lê Chân	Hết đất nhà ông Chúc và đến hết đất nhà ông Hùng	1,00
		Nhánh rẽ 1: Sau vị trí 1 đường Láng Tròn tiếp giáp phía sau đất nhà ông Tám số nhà 38	Đến giáp ranh giới đất Quân sự (Trung đoàn 921).	1,00
		Nhánh rẽ 2: Sau VT1 đường Láng Tròn (đối diện tiểu công viên)	Đến giáp ranh giới đất Quân sự (Trung đoàn 921).	1,00
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc: Đất nhà Bà Hương	Giáp đất phường Yên Bái (ngã ba rẽ cổng sau trường Y)	1,00
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc, nhà bà Tụ	Ngã ba giáp đất nhà bà Lương	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
23	Các tuyến đường liên tổ dân phố	Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc (sau đất nhà ông Hiếu)	Gặp đường Phú Thịnh	1,00
		Nhánh rẽ sau vị trí 1 đường Cường Bắc (sau trang trại ông Thành)	Hết đất nhà ông Liên	1,00
		Nhánh rẽ Sau vị trí 1 đường Bờ Đập (nhà ông Cường)	Đến giáp ranh giới TDP Đồng Tiến đất nhà ông Tiến (đường Cụt)	1,00
24	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc phường Nam Cường cũ)			1,00
25	Đường Cường Thịnh	Đoạn giáp ranh TDP Hồng Hà (ngã ba trước nhà ông Cựơc)	Ngã ba hết đất nhà ông Thành	1,00
		Đoạn tiếp theo (tiếp giáp đất ông Thành)	Qua ngã ba Trỏ Đá đến ngã ba rẽ tổ dân phố Đồng Phú.	1,00
		Đoạn ngã ba ông Thành tiếp giáp đất khu tái định cư	Giáp trạm gác Tiểu đoàn 27, Trung đoàn 921	1,00
		Đoạn từ ngã ba đồi Cọ đến ngã ba Trỏ Đá, rẽ trái theo đường bê tông	Tiếp giáp ranh giới TDP Đồng Phú (hết đất nhà ông Trung Hiền)	1,00
		Đoạn từ ngã ba đồi Cọ đi qua UBND xã Cường Thịnh (cũ)	Đến ngã tư TDP Đàm Hồng (hết đất nhà ông Thuận và đối diện hết đất nhà ông Thắng)	1,00
		Đoạn tiếp theo từ ngã tư TDP Đàm Hồng	Đến tiếp giáp đất xã Trấn Yên (hết đất nhà ông Hưng)	1,00
		Đoạn từ ngã tư TDP Đàm Hồng	Ngã ba đối diện đất ở nhà ông Hùng Dung	1,00
		Đoạn từ ngã tư TDP Đàm Hồng	Đến ngã ba hết đất nhà ông Tuấn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
25	Đường Cường Thịnh	Đoạn nhà ông Thuận qua ngã ba nhà ông Tuấn	Giáp ranh nhà ông Bình Bàn	1,00
		Đoạn từ ngã ba giáp đất Bưu điện đối diện hết đất UBND xã Cường Thịnh (cũ)	Ngã ba hết đất nhà ông Ngọc (đường rẽ tổ dân phố Cường Bắc và đường rẽ TDP Trục Bình)	1,00
		Ngã ba – đường rẽ đi tổ dân phố Cường Bắc	Hết đất nhà ông Nhất TDP Đồng Lân (giáp ranh TDP Cường Bắc)	1,00
		Ngã ba đường rẽ đi TDP Trục Bình (tiếp giáp đất nhà ông Ngọc – đối diện đất nhà ông Thương)	Hết đất nhà ông Quý giáp ranh TDP Trục Bình	1,00
		Đoạn từ ngã ba dốc Đình	Hết đất nhà Hùng (giáp ranh giới TDP Trục Bình)	1,00
		Đoạn từ ngã ba quán tạp hóa Thu Anh	Hết đất nhà ông Hanh (giáp đất nghĩa trang Đại Phong)	1,00
		Đoạn từ ngã ba (sau UBND xã Cường Thịnh cũ)	Đến ngã ba ông Hợi (TDP Đất Đen)	1,00
		Đoạn từ ngã ba nhà ông Kiều TDP Đàm Hồng	Đập Chóp Dù	1,00
		Đoạn từ đất nhà văn hóa TDP Đất Đen	Ngã ba giáp đất ông Thân TDP đất Đen	1,00
		Đoạn từ ngã ba nhà ông Tịnh (TDP Hiền Dương)	Trạm gác Tiểu đoàn 27, Trung đoàn 921	1,00
26	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc địa bàn xã Cường Thịnh cũ)			1,00
27	Đường Yên Bái – Khe Sang	Từ ranh giới phường Yên Bái	Cầu Bốn Thước	1,00
		Cầu Bốn Thước	Hết đất nhà ông Cường Hải tổ dân phố Minh Long	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
27	Đường Yên Bái – Khe Sang	Đất nhà ông Cường Hải tổ dân phố Minh Long	Đến hết đất nhà ông bà Sơn Hoan-TDP Bái Dương	1,00
		Từ nhà ông Nguyễn Đình Thái TDP Ninh Thuận	Giáp ranh đất xã Trấn Yên	1,00
28	Đường Yên Bái – Khe Sang rẽ TDP Ninh Phúc (Khu trung đoàn cũ)	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Đến giáp đất khu trung đoàn cũ	1,00
29	Đường Yên Bái – Khe Sang rẽ TDP Ninh Phúc (Đường giáp xã Trấn Yên)	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang (giáp ranh xã Trấn Yên)	Đến hết đất ngã ba nhà ông Trần Văn Chiến	1,00
30	Đường TDP Xuân Lan nhánh I (Đoạn từ gác chắn tổ dân phố Xuân Lan đến Cổng Công ty CP VLXD Yên Bái)	Đoạn từ gác chắn tổ dân phố Xuân Lan	Cổng Công ty CP VLXD Yên Bái	1,00
31	Đường TDP Xuân Lan nhánh II (Từ nhà ông Hiền Hợp đến Giáp ranh giới phường Yên Bái)	Từ đất nhà ông Hiền Hợp	Giáp ranh giới phường Yên Bái	1,00
32	Đường TDP Xuân Lan nhánh III (Từ đường sắt cầu Bốn Thước đến Cầu Ống)	Từ đường sắt cầu Bốn Thước	Cầu Ống	1,00
33	Đường TDP Xuân Lan nhánh IV (Từ nhà ông bà Hưng Chinh đến giáp ranh giới đất sân bay)	Từ đất nhà ông bà Hưng Chinh	Giáp ranh giới đất sân bay	1,00
34	Đường TDP Minh Thành nhánh I (Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang đến hết đất nhà ông Lung)	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Hết đất nhà ông Lung	1,00
35	Đường thôn Minh Thành nhánh II (Từ nhà ông Nguyễn Thế Tạo đến hết đất NVH Minh Đức cũ)	Từ đất nhà ông Nguyễn Thế Tạo	Đến hết đất NVH Minh Đức cũ	1,00
36	Đường TDP Thanh Sơn nhánh I (Từ nhà bà Cúc Đoán đến giáp ranh giới đất sân bay)	Từ đất nhà bà Cúc Đoán	Giáp ranh giới đất sân bay	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
37	Đường TDP Thanh Sơn nhánh II (Từ cổng Đầm Rôm đến gặp Nhánh I – hết đất nhà ông Vũ Văn Hiệp)	Từ cổng Đầm Rôm	Gặp Nhánh I (hết đất nhà ông Vũ Văn Hiệp)	1,00
38	Đường liên tổ (sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang đến hết đất nhà bà Tuyền)	Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Hết đất nhà bà Tuyền	1,00
39	Đường TDP Minh Long nhánh I (Từ nhà ông Phú Huyền đến cánh đồng (Đầm Rôm))	Đường TDP Minh Long nhánh I (Từ nhà ông Phú Huyền)	cánh đồng (Đầm Rôm)	1,00
40	Đường TDP Minh Long nhánh II (Từ nhà ông Thắng Bình đến gặp ranh giới đất sân bay)	Từ đất nhà ông Thắng Bình	Gặp ranh giới đất sân bay	1,00
41	Đường TDP Minh Long nhánh III (Từ nhà ông Bình Thảo đến gặp đường sắt)	Từ đất nhà ông Bình Thảo	Gặp đường sắt	1,00
42	Đường TDP Minh Long nhánh IV (Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà bà Nga Trạm đến gặp đường nối đê bao đến sân thể thao xã Tuy Lộc cũ)	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà bà Nga Trạm	Hết gặp đường nối đê bao đến sân thể thao xã Tuy Lộc cũ	1,00
43	Đường TDP Minh Long nhánh V (Từ nhà ông Ngô Gia Anh Cổng nhà ông Nguyễn Văn Giang TDP Hợp Thành)	Từ đất nhà ông Ngô Gia Anh	Cổng nhà ông Nguyễn Văn Giang TDP Hợp Thành	1,00
44	Đường TDP Hợp Thành nhánh I (Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà ông Luận đến Ngã tư ra Trung tâm công nghệ cao Hòa Bình Minh)	Sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang qua nhà ông Luận	Ngã tư ra Trung tâm công nghệ cao Hòa Bình Minh	1,00
45	Đường TDP Hợp Thành nhánh II (Từ nhà ông Đinh Công Long qua trường THCS đến nhà bà Hảo Lâm)	Từ đất nhà ông Đinh Công Long qua trường THCS	Đất nhà bà Hảo Lâm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
46	Đường TDP Hợp Thành nhánh III (Từ nhà ông Hạnh Tâm đến Gặp nhánh IV (hết đất ông Đặng Văn Bình))	Đường TDP Hợp Thành nhánh III (Từ nhà ông Hạnh Tâm đến)	Gặp nhánh IV (đến hết đất ông Đặng Văn Bình)	1,00
47	Đường TDP Hợp Thành nhánh IV (Từ nhà ông Hòa Lan) đến gặp nhánh (hết đất ông Lê Văn Thú)	Đường TDP Hợp Thành nhánh IV (Từ nhà ông Hòa Lan)	Gặp nhánh (đến hết đất ông Lê Văn Thú)	1,00
48	Đường TDP Bái Dương nhánh I (từ nhà ông Quang Thành đến đường sắt)	Đường TDP Bái Dương nhánh I (từ nhà ông Quang Thành)	Đường sắt	1,00
49	Đường TDP Bái Dương nhánh II (từ nhà ông Đước đến đường sắt)	Đường TDP Bái Dương nhánh II (từ nhà ông Đước)	Đường sắt	1,00
50	Đường TDP Bái Dương nhánh III (Từ nhà ông Khôi Lan qua Nhà văn hóa TDP Bái Dương đến Gặp ranh giới đất Sân bay)	Đường TDP Bái Dương nhánh III (Từ nhà ông Khôi Lan qua Nhà văn hóa TDP Bái Dương)	Gặp ranh giới đất Sân bay	1,00
51	Đường TDP Bái Dương nhánh IV (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Kiều đến đường sắt)	Đường TDP Bái Dương nhánh IV (Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Kiều)	Đường sắt	1,00
52	Đường đê bao Tuy Lộc (Đoạn nối từ đường Yên Bái – Khe Sang thuộc TDP Xuân Lan đến Hết đất ông Hà Công Vũ thuộc TDP Bái Dương)	Đường đê bao Tuy Lộc (Đoạn nối từ đường Yên Bái – Khe Sang thuộc TDP Xuân Lan)	Hết đất ông bà Hưng Định thuộc TDP Xuân Lan	1,00
53	Đường đê bao Tuy Lộc (Đoạn nối từ đường Yên Bái – Khe Sang thuộc TDP Xuân Lan đến Hết đất ông Hà Công Vũ thuộc TDP Bái Dương)	Đường đê bao Tuy Lộc (Từ nhà ông bà Hưng Định thuộc TDP Xuân Lan)	Hết đất ông Hà Công Vũ thuộc TDP Bái Dương	1,00
54	Đường nối từ đường đê đến sân thể thao xã Tuy Lộc cũ	Đường đê bao Tuy Lộc cũ	Sân thể thao xã Tuy Lộc cũ	1,00
55	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang đến Ngã ba Dung Hanh	Từ sau vị trí 1 đường Yên Bái – Khe Sang	Đến Ngã ba Dung Hanh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
56	Đường từ ngã ba Dung Hanh đến Giáp ranh sân bay Yên Bái	Đường từ ngã ba Dung Hanh	Giáp ranh sân bay Yên Bái	1,00
57	Đường từ ngã ba ông Nguyễn Đăng Khoa đến Ngã ba ông Cựơc	Đường từ ngã ba ông Nguyễn Đăng Khoa	Ngã ba ông Cựơc	1,00
58	Đường từ ngã ba Dung Hanh đến hết ranh giới đất ở nhà ông Lực	Đường từ ngã ba Dung Hanh	Hết ranh giới đất ở nhà ông Lực	1,00
59	Đường từ ngã ba ông Đinh Tiến Dũng đi NVH TDP Hồng Hà Đến ngã ba ông Cựơc	Đường từ ngã ba ông Đinh Tiến Dũng	NVH TDP Hồng Hà Đến ngã ba ông Cựơc	1,00
60	Đường ngã ba đất bà Nguyễn Thị Chinh đi qua NVH TDP Hồng Thái đến Ngã ba ông Trần Duy Lâm	Đường ngã ba đất bà Nguyễn Thị Chinh	NVH TDP Hồng Thái đến Ngã ba ông Trần Duy Lâm	1,00
61	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Hùng đến hết đất ông Đỗ Viết Văn	Đoạn từ nhà ông Trần Văn Hùng	Hết đất ông Đỗ Viết Văn	1,00
62	Đường từ nhà ông Tùy Đông đến cầu máng TDP Ninh Phúc	Đường từ nhà ông Tùy Đông	Cầu máng TDP Ninh Phúc	1,00
63	Đường từ sau vị trí 1 Yên Bái – Khe Sang rẽ vào TDP Ninh Phúc đến hết ranh giới đất ở nhà ông Ngọc	Sau vị trí 1 Yên Bái – Khe Sang	Hết ranh giới đất ở nhà ông Ngọc	1,00
64	Đường giáp bờ sông (đoạn từ NVH Ninh Thuận đến đất khu vực Nhà bia liệt sỹ)	Đoạn từ NVH Ninh Thuận	Giáp ranh đất Nhà bia	1,00
65	Đường Thanh Liêm	Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến nhà ông Tuấn	Đến đất nhà ông Tuấn	1,00
		Đoạn nhà ông Tuấn	Đến hết ranh giới đất phường Nam Cường (xã Minh Bảo cũ)	1,00
66	Đường Hà Huy Tập (Đoạn qua địa phận phường Nam Cường)	Đoạn giáp ranh đất phường Yên Bái	Sau vị trí 1 đường Thanh Liêm	1,00
67	Đường Trục Bình đi Cường Bắc	Từ đất bà Hoa Trường	Nghĩa trang TDP Bảo Tân	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
68	Đường Bảo Yên - Trục Bình	Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đất nhà bà Xuân Minh	Đến hết đất nhà ông Ngôn	1,00
69	Đường Yên Minh nối Thanh Liêm	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm (Nhà bà Hạnh Tốt)	Hết đất nhà bà Thu	1,00
70	Đường Đồng Đình (Đoạn từ đường Thanh Liêm đến Công ty CP chăn nuôi Hòa Lộc)	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Đến hết cổng Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hòa Lộc	1,00
71	Đường Bê tông từ đường Thanh Liêm (nhà bà Hạnh Tốt) đến giáp ranh phường Văn Phú (Yên thịnh cũ)	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Giáp ranh phường Văn Phú (Yên thịnh cũ)	1,00
72	Đường từ đường Thanh Liêm đến hết đất Nhà bà Nguyên	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Hết đất bà Nguyên	1,00
73	Đường từ đường Rặng Nhãn đến ngã ba Nhà Nguyễn Hộ Giáo Minh Bảo	Từ sau VT1 đường Rặng Nhãn (nhà ông Dũng)	Đến hết đất Nhà Nguyễn Hộ giáo Minh Bảo	1,00
74	Đường Rặng Nhãn (Từ đường Thanh Liêm đập đường Đá Bia)	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm	Ngã ba Trục Bình	1,00
		Ngã ba Trục Bình	Đến VT1 đường Đá Bia	1,00
75	Đường Yên Thế	Từ sau VT1 đường Thanh Liêm (sau đất nhà Ông Lịch)	Giáo đất phường Văn Phú (phường Yên Thịnh cũ) hết đất nhà bà Tám	1,00
76	Đường liên thôn Trục Bình – Cường Thịnh	Đường liên thôn Trục Bình (ông Bách)	Đến đất Cường thịnh (giáp đất nhà ông Khoa)	1,00
77	Đường Liên thôn Bảo Tân – Yên Minh	Đường liên thôn Bảo Tân (Bà Chức) giáp đất phường Yên Bái	Hết ngã ba đất bà Đết bà Niên	1,00
78	Đường Bảo Yên nối đường Rặng Nhãn (di Sân vận động Thanh Niên)	Sau vị trí 1 đường Thanh Liêm Đường Bảo Yên (Từ đất nhà Tiến)	Đến đường Rặng Nhãn (cổng chùa Minh Bảo)	1,00
79	Đường Bảo Tân đi sân vận động Thanh Niên (phường Đồng Tâm) (Từ khán đài A sân vận động Thanh Niên đến gặp đường Rặng nhãn)	Từ giáp đất phường Yên Bái (đất nhà ông Thân)	Hết gặp đường Rặng Nhãn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
80	Đường vào Hồ Thuận Bắc	Cầu Sinh Thái	Hồ Thuận Bắc	1,00
81	Đường xóm 1 (đường Bàng Trám) Yên Minh	Sau VT1 đường Thanh Liêm	Ngã ba đất bà Niên	1,00
82	Đường ngõ 106 từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đất nhà ông Khoản đến hết đất nhà ông Cẩm TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau VT1 đường Thanh Liêm từ đất nhà ông Khoản	Hết đất nhà ông Cẩm	1,00
83	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đến hết đất nhà bà Huế TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau VT1 đường Thanh Liêm từ đất nhà bà Mai	Đến hết đất nhà bà Huế	1,00
84	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà ông Tiên đến hết đất nhà ông Chinh TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà ông Tiên	Hết đất nhà ông Chinh	1,00
		Đoạn từ nhà ông Ngân	Hết đất nhà ông Hiệp và ông Quý	1,00
85	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đến hết đất nhà bà Tuyết TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm	Hết đất nhà bà Tuyết	1,00
86	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Huyện Linh đến hết đất nhà ông Thắng (đường lên nhà VH Yên Minh)	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Huyện Linh	Hết đất nhà ông Thắng (Đường lên nhà VH Yên Minh)	1,00
87	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất ông Ngừ đến hết đất nhà ông Hiễn TDP Yên Minh	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà ông Ngừ	Đến hết đất nhà ông Hiễn	1,00
88	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất bà Thu đến hết đất ông Bắc TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà bà Thu	Hết đất nhà ông Bắc	1,00
89	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Ông Thành đến hết đất bà Chi TDP Thanh Niên.	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Ông Thành	Hết đất nhà Bà Chi	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
90	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm đất Bà Khiếu đến hết đất Bà Trường TDP Thanh Niên.	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Bà Khiếu	Hết đất nhà Bà Trường	1,00
91	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Bà Chanh đến hết đất bà Muôn TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Bà Chanh	Hết đất nhà Bà Muôn	1,00
92	Đoạn từ nhà Bà Đào đến hết đất nhà ông Tiến (đường Đá lải) TDP Thanh Niên	Nhánh 1: Đoạn từ đất nhà Bà Đào	Hết đất nhà ông Tiến	1,00
93	Sau vị trí đường Thanh Liêm đến nhà ông Hợp (Đường Đá lải TDP Thanh Niên	Sau VT1 đường Thanh Liêm	Đến hết đất nhà ông Hợp	1,00
94	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ Trụ sở CA cũ đến hết đất ông Đốc TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ Trụ sở CA cũ	Hết đất nhà ông Đốc	1,00
95	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất ông Báu đến hết đất Vinh Dạ TDP Thanh Niên.	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà ông Báu	Hết đất nhà ông Vinh Dạ (đường Đồng Gáo)	1,00
96	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Ông Duy đến hết đất ông Lự TDP Thanh Niên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Ông Duy	Đến hết đất nhà Ông Lự	1,00
97	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất Ông Hạnh hết đất ông Thắm Hậu TDP Bảo Yên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà Ông Hạnh	Đến hết đất nhà Thắm Hậu	1,00
98	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà Văn hóa Bảo Yên đến hết đất Ông Vinh TDP Bảo Yên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà Văn hóa Bảo Yên	Đến hết đất nhà ông Vinh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
99	Đường nhánh sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất bà Xuân hết đất Ông Chia TDP Bảo Yên	Đoạn tiếp theo sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ đất nhà bà Xuân	Đến hết đất nhà ông Chia	1,00
100	Đường Đầm Bùn (TDP Bảo Yên)	Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm (từ đất nhà bà Ngân)	Đến hết đất ông Hải	1,00
101	Đường Dốc đỏ (TDP Bảo Yên)	Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm từ nhà Ông Đắc	Hết đất ông Sâm Hào	1,00
102	Từ sau vị trí vị trí 1 đường Thanh Liêm vào Xóm Thùng TDP Bảo Yên	Sau vị trí 1 đường Thanh Liêm	Đến hết đất nhà ông An	1,00
103	Đường Bê tông từ đất nhà bà Mười đến trại Lợn Kỳ Anh (TDP Bảo Tân)	Từ đất nhà bà Mười	Trại Lợn Kỳ Anh	1,00
104	Đường bê tông từ đất Thủy Khang đến hết đất nhà ông Vĩnh (giáp tổ dân phố đất đen (Cường thịnh cũ)	Từ đất nhà Thủy Khang	hết đất nhà ông Vĩnh (giáp TDP đất đen)	1,00
105	Đường Bê tông từ đất nhà ông Ám đến hết đất nhà ông Lợi (TDP Bảo Yên)	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình	Hết đất nhà ông Lợi	1,00
106	Đường Bê tông từ ngã ba (nhà ông Minh) đến hết đất nhà Bà Lưu (TDP Bảo Yên)	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình (ngã ba nhà ông Minh)	Hết đất Nhà bà Lưu	1,00
107	Đường bê tông từ ngã ba (nhà ông Thuấn đến hết đất ông Vinh TDP Bảo Yên	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình (ngã ba nhà ông Thuấn)	Hết đất nhà ông Vĩnh	1,00
108	Đường bê tông từ ngã ba (nhà ông Thuấn) đến hết đất nhà ông Hưng (TDP Bảo Yên)	Từ sau VT1 đường Bảo Yên – Trục Bình (ngã ba nhà ông Thuấn)	hết đất nhà ông Hưng	1,00
109	Đường Bê tông từ đất nhà ông Long đến hết đất bà Thu TDP Yên Minh đi Thanh Niên	Đoạn từ nhà ông Long	Hết đất Nhà bà Thu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
110	Đường Bê tông từ nhà bà Bình đến hết đất nhà ông Quang	Từ sau VT1 đường Đồng đình	hết đất Nhà ông Quang	1,00
111	Đường Bê tông từ ngã ba Công ty Hoà Lộc đến hết đất nhà ông Lợi	Từ sau VT1 đường Đồng đình (ngã ba Công ty Hoà Lộc)	Hết đất nhà ông Lợi	1,00
112	Đường Bê tông từ nhà bà Nguyên đến hết đất nhà ông Hợp và bà Thủy	Đoạn từ đất nhà bà Nguyên	Hết đất nhà ông Hợp và bà Thủy	1,00
113	Đường Bê tông từ nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Tích TDP Trục Bình	Đoạn từ nhà ông Hiền	hết đất Nhà ông Tích	1,00
	Đường BT từ Trạm Biến thế đến hết đất nhà ông Quang TDP Trục Bình	Đoạn từ Trạm Biến thế	hết đất Nhà ông Quang	1,00
	Đường BT từ Trạm Biến thế đến hết đất nhà bà Hải TDP Trục Bình	Đường từ Trạm biến thế	hết đất nhà bà Hải	1,00
	Đường Bê tông từ nhà ông Trường đến hết đất nhà ông Tân TDP Trục Bình	Đường từ nhà ông Trường	hết đất nhà ông Tân	1,00
114	Đường Rặng Nhãn từ đất nhà ông Khương đến hết đất nhà Bà An TDP Thanh Niên	Đường sau vị trí 1 Đường Rặng Nhãn từ đất nhà ông Khương	hết đất Nhà Bà An	1,00
115	Đường sau vị trí 1 Đường Rặng Nhãn từ Cổng chùa Minh Bảo đến hết đất Thủy Giang TDP Bảo Yên	Đường sau vị trí 1 Đường Rặng Nhãn từ Cổng chùa Minh Bảo	hết đất Thủy Giang	1,00
116	Đường bê tông từ hết đất nhà bà Hòa đến hết đất ông Sơn TDP Trục Bình	Đoạn từ nhà bà Hòa	hết đất Nhà ông Sơn BT 3m ngõ cụt	1,00
117	Đường bê tông từ hết đất nhà ông Sơn Xuân đến hết đất nhà ông Dương Trại gà (TDP Trục Bình)	Đường từ nhà ông Sơn	hết đất Nhà ông Dương BT 3m ngõ cụt	1,00
118	Đường bê tông từ nhà ông Bằng đến hết đất nhà ông Phương TDP Trục Bình.	Đường từ nhà ông Bằng	hết đất Nhà Ông Phương BT 3m ngõ cụt	1,00
119	Đường bê tông từ đất nhà Văn hóa đến hết đất ông Thoán	Đường từ nhà Văn hóa	hết đất Nhà ông Thoán BT 3m	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
120	Nhánh 1 từ đất nhà ông Thoán đến hết đất nhà ông Chiến TDP Trục Bình.	Nhánh từ đất nhà ông Thoán	hết đất Nhà ông Chiến BT 3m ngõ cụt	1,00
121	Nhánh 2 từ đất nhà ông Thoán đến hết đất nhà ông Hoàn TDP Trục Bình.	Nhánh từ đất nhà ông Thoán	hết đất Nhà ông Hoàn BT 3m ngõ cụt	1,00
122	Đường bê tông từ nhà Văn hoá Trục Bình đến nhà Nguyễn Hộ giáo Minh Bảo	Đường bê tông từ nhà Văn hoá Trục Bình	giáp đất Nhà Nguyễn Hộ giáo Minh Bảo	1,00
123	Đường bê tông từ đất nhà ông Vinh đến hết đất nhà ông Hữu TDP Trục Bình	Đường từ đất nhà ông Vinh	hết đất Nhà ông Hữu BT 3m ngõ cụt	1,00
124	Đường bê tông từ đất nhà ông Sinh đến hết đất Mỏ đá Vigaera TDP Bảo Tân.	Đường từ đất nhà ông Sinh đến	đất Mỏ đá Vigraxera	1,00
125	Sau vị trí 1 đường Rặng nhãn (Từ đất nhà bà Hoa Trường đến hết đất Bà Đẩu) đường đi Cường Thịnh	Đường từ đất Hoa Trường	hết đất bà Đẩu (đường đi Cường Thịnh)	1,00
126	Đường bê tông từ Ngã ba đất (nhà ông Xuân) đến hết đất bà Thúy TDP Bảo Tân	Đường từ Ngã ba đất nhà ông Xuân	hết đất Nhà bà Thúy BT 3m ngõ cụt	1,00
127	Đường bê tông từ đất nhà ông Tư đến hết đất nhà ông Hải TDP Bảo Tân.	Đường từ đất nhà ông Tư	hết đất Nhà ông Hải BT 3m ngõ cụt	1,00
128	Đường bê tông từ cầu (sau Đại đội C20) đến hết đất nhà ông Long TDP Bảo Tân	Đường từ cầu (sau Đại đội C20)	hết đất Nhà ông Long BT 3m ngõ cụt	1,00
129	Nhánh 1: Đường bê tông từ đất nhà ông Tấn đến hết đất nhà ông Nghị TDP Thanh Niên	Đường từ đất nhà ông Tấn	hết đất Nhà ông Nghị BT 3m ngõ cụt	1,00
130	Nhánh 2: Đường bê tông từ đất ngã ba nhà bà Oanh đến hết đất nhà ông Đua TDP Thanh Niên	Đường từ đất ngã ba nhà bà Oanh	hết đất nhà ông Đua BT 3m	1,00
131	Đường bê tông từ đất nhà bà Hà đến hết đất bà Sợi (Minh) TDP Bảo Tân	Đường từ ngã đất bà nhà bà Hà	hết đất Bà Sợi (Minh)	1,00
132	Đường bê tông từ đất nhà Chức đến hết đất nhà Ông Luận TDP Bảo Tân	Đường từ ngã ba đất nhà Bà Chức	Hết đất nhà ông Luận	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
133	Đường bê tông từ ngã ba đất bà Chúc đến hết đất bà Phụng TDP Bảo Tân.	Đường từ ngã ba đất nhà Bà Chúc	Hết đất nhà Bà Phụng	1,00
134	Đường bê tông từ đất ông Quyền đến hết đất bà Thu TDP Bảo Yên.	Đường từ ngã ba đất nhà ông Quyền	đến hết đất nhà bà Thu	1,00
135	Đường bê tông từ đất nhà ông Quyền đến hết đất nhà ông Sửu TDP Bảo Yên	Đường từ ngã ba đất nhà ông Quyền	hết đất nhà ông Sửu	1,00
136	Đường bê tông từ ngã ba Nhà ông Tảo đến hết đất bà Nguyệt TDP Bảo Tân	Đường từ đất nhà ngã ba Nhà ông Tảo	hết đất nhà Bà Nguyệt	1,00
137	Đường bê tông từ đất ông Vĩnh đến hết đất nhà ông Cồ TDP Bảo Tân	Đường từ đất nhà ông Vĩnh	hết đất nhà ông Cồ đường đất 2,5m	1,00
138	Đường bê tông từ đất nhà bà Dự đến hết đất nhà ông Quang TDP Bảo Tân	Đường từ đất nhà bà Dự	hết đất nhà ông Quang	1,00
139	Đường bê tông từ nhà Văn Hóa Bảo Yên cũ đến hết đất nhà ông Quốc TDP Bảo Yên	Đường từ nhà Văn Hoá	hết đất Nhà ông Trại ông Quốc	1,00
140	Đường bê tông từ nhà Văn hóa Bảo yên cũ đến hết đất nhà ông Tao	đường từ nhà Văn hóa	hết đất nhà ông Tao	1,00
141	Đường bê tông từ đất nhà ông Lịch đến hết đất nhà Bà Hương TDP	Đường nhà ông Lịch	Nhà bà Hương	1,00
142	Đường bê tông từ đất ông Luận đến hết đất nhà ông Duyên TDP Yên Minh	đường từ ngã ba đất nhà ông Luận	đến hết nhà ông Duyên	1,00
143	Đường bê tông từ đất nhà Luận đến hết đất nhà Hoàng Anh TDP Yên Minh	đường từ ngã ba đất nhà ông Luận	đến hết đất nhà ông Hoàng Anh	1,00
144	Đường bê tông từ đất nhà ông Luận đến hết đất bà Hà TDP Bảo Tân	đường từ ngã ba đất nhà ông Luận	đến hết đất bà Hà	1,00
145	Đường bê tông xóm 5 thôn Bảo Tân đến hết đất nhà ông Vũ TDP Bảo Tân	Đường xóm 5 thôn Bảo Tân (Giáp đất phường Đồng Tâm)	hết đất nhà ông Vũ	1,00
146	Các tuyến đường khác còn lại có chiều rộng mặt đường từ 2,0m đến dưới 3,0m (địa bàn xã Minh Bảo cũ)			1,00

3. PHƯỜNG VĂN PHÚ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Đinh Tiên Hoàng (Từ giáp địa giới xã Yên Bình đến giáp ranh giới phường Yên Bái)	Từ giáp địa giới xã Yên Bình	Đến gặp đường Yên Thế	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đến gặp đường Lương Văn Can	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đến giáp đất Bệnh viện Trảng An	1,00
		Đoạn từ đất bệnh Viện Trảng An	Đến phường Yên Bái	1,00
2	Đường Trần Phú (Từ ranh giới phường Yên Bái đến cầu bê tông, TDP Lương Thịnh)	Đoạn từ ranh giới phường Yên Bái	Đến hết ranh trường dân tộc Nội Trú	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đến cầu bê tông TDP Lương Thịnh	1,00
3	Đường Lê Văn Tám (Đoạn đi qua địa phận phường Văn Phú)			1,00
3a	Đường Thanh Liêm (Đoạn đi qua địa phận phường Văn Phú)			1,00
4	Đường Nguyễn Đức Cảnh (Từ chợ Km 6 đến gặp đường Trần Phú)	Đoạn sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đến vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
		Từ VT1 Nguyễn Tất Thành	VT1 đường Trần phú	1,00
5	Đường Lương Văn Can (Từ ngã ba Nhà thờ Km 7 đến gặp đường Trần Phú)	Đoạn sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đầu cầu	1,00
		Đoạn tiếp theo	Gầm Cầu Vượt	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đường Trần Phú	1,00
6	Đường Phan Đăng Lưu (Từ ngã ba Công đoàn tỉnh đến gặp đường Thanh Liêm)	Từ sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Hết nhà bà Lù Thị Tinh	1,00
		Đoạn tiếp theo	Gặp Đường Thanh Liêm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
7	Đường Lương Yên (Từ UBND phường Yên Thịnh cũ đến TDP Lương Thịnh)	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 150 m	1,00
		Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng vào 150 m	Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
		Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	Đường Trần phú	1,00
8	Đường Yên Thế	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Hết đất Nhà văn hóa tổ 6	1,00
		Đoạn tiếp theo	Giáp ranh giới phường Nam Cường	1,00
9	Đường Nguyễn Quang Bích (Từ vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng đến gặp đường Trần Phú)	Vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã 3 (NVH tổ 5)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
		Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	Nhà nghỉ Phương Thúy	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đường Trần Phú	1,00
10	Đường Nguyễn Tất Thành	Đoạn từ ngã tư km 5	Đường Nguyễn Quang Bích	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	1,00
11	Đường bê tông Tổ 7 phường Văn Phú	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 100m	1,00
		Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng vào 100m	Hết đường bê tông (hết đất nhà ông Bằng)	1,00
		Hết đường bê tông (hết đất nhà ông Bằng)	Hết đường bê tông (hết đất nhà ông Tài)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
12	Đường bê tông Tổ 5 phường Văn Phú	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 100m	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết đường bê tông	1,00
13	Đường bê tông Tổ 1 phường Văn Phú	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Đi vào 100m	1,00
		Đoạn tiếp theo	Cầu bê tông	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đến hết địa phận phường Văn Phú	1,00
14	Đường Yên Thế kéo dài (<i>phường Văn Phú</i>)	Đường từ đường Đinh Tiên Hoàng qua trường MN Yên Thịnh	Đường Nguyễn Tất Thành	1,00
15	Khu tái định cư đối diện nhà nghỉ Hồng Phú			1,00
16	Đường Nội bộ View, tổ 7 Phường Văn Phú			1,00
17	Đường nội bộ quỹ đất tổ 2 (<i>Khu vực quán Vua cá hồi</i>)			1,00
18	Đường Thanh Hùng (<i>Đường từ sau vị trí 1 vào khu Tái định cư 2A vào UBND phường</i>)			1,00
19	Đường 7C (<i>Từ đường Trần Phú hết TDP Thanh Lương</i>)	Từ đường Trần Phú	VT1 Đường Lạc Long Quân	1,00
		VT1 Đường Lạc Long Quân	Hết TDP Thanh Lương (Cầu Phây)	1,00
20	Đường từ cầu bê tông qua TDP Lương Thịnh 2 đến gặp đường Nguyễn Tất Thành			1,00
21	Đường TDP Lương Thịnh đi thôn Thanh Lương (<i>sau vị trí 1 đường 7C vào khu nhà ông Đô</i>)	Sau vị trí 1 đường 7C	Khu nhà ông Đô	1,00
22	Đường từ ngã ba nhà bà Chuyên qua TDP Thanh Lương đến cổng UBND phường	Ngã ba nhà bà Chuyên	Sau VT1 đường Lạc Long Quân	1,00
		Sau VT1 đường Lạc Long Quân	Nhà ông Lê Đình Tính	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
22	Đường từ ngã ba nhà bà Chuyên qua TDP Thanh Lương đến cổng UBND phường	Sau VT1 đường Lạc Long Quân	Trụ sở UBND phường Văn Phú	1,00
		Sau VT1 đường Lạc Long Quân	Đi Cây Phay	1,00
		Đường nhánh đi Đồng Hóc	Hết đất nhà bà Kiệm	1,00
23	Đường từ cổng UBND phường đi TDP Trần Thanh	Đường từ UBND phường	Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	1,00
		Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	Đến nhà Văn hóa TDP Trần Thanh	1,00
		Đoạn tiếp theo đến	TDP Bình Sơn	1,00
		Ngã ba nhà bà Thoa (Đoàn)	TDP Văn Quý	1,00
		Từ nhà ông Tuấn	TDP Lem	1,00
24	Đường Trần Ninh (Từ giáp nhà ông Chúc thôn Thanh Hùng đến hết nhà văn hóa TDP Trần Ninh)	Nhà ông Chúc thôn Thanh Hùng	Hết nhà văn hóa TDP Trần Ninh	1,00
25	Đường Trần Ninh	Ngã tư Đèn Rỏi	Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	1,00
		Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	Ngã ba nhà ông Lại Việt Hà	1,00
		Sau VT1 Đường Lạc Long Quân	Sau VT1 đường vào UBND phường Văn Phú (đến nhà bà Lê Thị Bích Lụa)	1,00
26	Đường TDP Lương Thịnh (từ nhà bà Phương đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành)	Nhà bà Phương	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
27	Đường Âu Cơ đoạn đi qua địa phận phường Văn Phú	Giáp ranh giới phường Yên Bái	Ngã sáu	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
28	Đường từ ngã sáu vòng xuyên Thanh Hùng đến khu Tái định cư 2A			1,00
29	Đường nội bộ khu Tái định cư 2A			1,00
30	Đường từ ngã tư Đền Rối đến giáp địa phận TDP Tuy Lộc			1,00
31	Đường sau vị trí 1 Đường Âu Cơ đến khu tái định cư 2A (đường giáp khu tái định cư số 1 đường Âu Cơ)	Sau VT1 đường Âu Cơ	Ngã ba hết đất nhà ông Thông	1,00
		Ngã ba hết đất nhà ông Thông	Đến nhà ông Tiến	1,00
		Ngã ba hết đất nhà ông Thông	Nhà bà Kiệm	1,00
32	Đường Tuần Quán (đoạn từ ngã sáu hướng đi cầu Tuần Quán đến hết ranh giới phường Văn Phú)	Ngã sáu hướng đi cầu Tuần Quán	Hết ranh giới phường Văn Phú	1,00
33	Đường từ sau VT1 đường Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh giới xã Yên Bình (Trường quân sự Ấp Bắc			1,00
34	Đường từ sau VT1 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà ông Nghị			1,00
35	Đường Lạc Long Quân (đoạn từ km4+400m đường Nguyễn Tất Thành đến giao với đường Âu Cơ tại Km3+300m)			1,00
36	Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến Đường Lạc Long Quân (Đường nội bộ rộng 7,0 m)			1,00
37	Đường nội bộ quỹ đất Lương Thịnh (đối diện đền Lương Nham)			1,00
38	Đường Trần Thanh đi Trần Ninh (từ ngã ba nhà văn hoá thôn Trần Thanh đến sau VT1 đường đường nối Nguyễn tất Thành với đường Âu Cơ): bê tông rộng 3,5m.	Ngã ba nhà văn hoá thôn Trần Thanh	Sau VT1 đường đường nối Nguyễn tất Thành với đường Âu Cơ)	1,00
39	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành đến đường Trần Phú (Giáp nhà ông Phạm Văn Đông)			1,00
40	Đường Yên Bái - Văn Tiến	Giáp ranh giới phường Yên Bái	ngã 3 đến khách sạn Ngôi Sao	1,00
		Nhà nghỉ Hoa Cau	Đến Đường Âu Cơ	1,00
		Đoạn tiếp theo	Đến Công ty cổ phần khoáng sản Viglacera	1,00
		Ngã 3 Ngôi Sao	Đến Công ty cổ phần khoáng sản Viglacera	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
40	Đường Yên Bái - Văn Tiến	Đoạn tiếp theo	Quốc lộ 2D (trụ sở UBND Văn Tiến cũ)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận TDP Bình Sơn	1,00
		Đoạn tiếp theo	Cầu Góc gạo	1,00
		Đoạn tiếp theo	Cổng làng văn hóa Đồng Tâm	1,00
		Đoạn tiếp theo	Cổng Làng văn hóa Đăng Thọ	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	1,00
41	Đường Yên Bái Văn Tiến đi đường Âu Cơ (cửa NVH đa năng xã Văn Phú cũ)			1,00
42	Đường Trần Xuân Lai nhánh 1 (đường từ nhà ông Thoán Mai đến đường nối QL37 với đường nối Cao tốc Nội Bài Lào Cai)			1,00
43	Đường Trần Xuân Lai nhánh 2 (Đường từ nhà ông Chúc đến hết đất nhà bà Ninh)			1,00
44	Đường từ Trụ sở Đảng Ủy Phường Văn Phú đến nhà ông Tuấn Lựu			1,00
45	Đường từ ngã ba Ngân hàng đi chợ Văn Phú			1,00
46	Đường tái định cư ga Văn Phú			1,00
47	Đoạn từ nhà bà Liên đi Phai Đồng			1,00
48	Đường Yên Bái - Văn Tiến đi Hậu Bồng	Đoạn từ ngã 3 (UBND xã Văn Tiến cũ)	Ngã ba Ngòi sè (Trạm viễn thông Vinaphone)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Cầu Ngòi Sen	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết địa phận phường Văn Phú	1,00
49	Đường bê tông từ cổng nhà ông Tuấn Tĩnh đến giáp đường sắt			1,00
50	Đường bê tông từ cổng nhà ông Sơn Dũng đến nhà ông Tuấn Thư			1,00
51	Đường từ Quốc lộ 2D đến Cổng Công ty Môi trường & nặng lượng Nam Thành			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
52	Đường ngã ba Ngòi sẻ đi Đồng Tiến	Ngã ba Ngòi sẻ (Trạm viễn thông Vinaphone)	Nhà ông Phúc Xuân	1,00
		Đoạn tiếp theo	Ngã ba nhà ông Trần Hữu Tuấn (TDP Đồng Tiến)	1,00
53	Đường từ Quốc lộ 2D đến hết địa phận TDP Bình Sơn	Đường bê tông từ Quốc lộ 2D	Hết địa phận TDP Bình Sơn	1,00
		Nhà văn hóa TDP Bình Sơn	Ao Chùa	1,00
54	Đường nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn từ giáp ranh giới phường Yên Bái đến gặp đường Yên Bái - Văn Tiến)	Giáp ranh giới phường Yên Bái	Đường Yên Bái - Văn Tiến	1,00
55	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái (từ nút giao với đường Âu Cơ đến đầu cầu Giới Phiên)	Nút giao với đường Âu Cơ	Đầu cầu Giới Phiên	1,00
56	Đường nội bộ khu tái định cư Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái			1,00
57	Đường nội bộ khu tái định cư Dự án Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất trên trục đường Âu Cơ, giáp khu 3C) - Hạng mục: Mặt bằng điểm 4B			1,00
58	Đường nội bộ dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu số 3 - Điểm 3C)			1,00
59	Đường nội bộ dự án Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu số 3 - Điểm 3A)			1,00
60	Đường nội bộ khu tái định cư Lương Sơn			1,00
61	Đường nội bộ khu tái định cư Bình Sơn			1,00
62	Đường nội bộ khu Tái định cư số 4			1,00
63	Đường nội bộ khu tái định cư 4C			1,00
64	Đường nội bộ khu tái định cư 4A			1,00
65	Đường nội bộ khu 4D			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
66	Đường Vũ Văn Uyên	Giáp xã Yên Bình	Đường rẽ vào khu tái định cư	1,00
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 (hết đất ông Nguyễn Quốc Luận)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết TDP Thanh Bình	1,00
67	Đường bê tông từ đường Quốc lộ 2D (gốc gạo) đi Tổ dân phố Đông Văn	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	Nghĩa trang Tổ dân phố Hợp Thịnh	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hội trường Tổ dân phố Đông Văn (cũ)	1,00
68	Đường nối đường Đại Đồng đi đường Hương Lý	Sau vị trí 1 giáp xã Yên Bình	Đường Vũ Văn Uyên sau VT 1	1,00
		Đường Vũ Văn Uyên sau VT 1	Giáp ranh xã Yên Bình	1,00
69	Đường nối QL2D đi tỉnh Phú Thọ	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	Đường giẽ khu tái định cư Khu công nghiệp	1,00
		Đường giẽ khu tái định cư Khu công nghiệp	Ngã 3 trạm điện đi xã Yên Bình	1,00
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 nhà ông Trần Hữu Tuấn (TDP Đông Văn)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới TDP Trung Nghiêm	1,00
70	Đường nhựa đi xã Yên Bình (xã Thịnh Hưng cũ)	Ngã 3 trạm điện đi xã Yên Bình	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Như Ninh	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết nhà ông Nguyễn Hồng Minh	1,00
71	Đường khu tái định cư Khu công nghiệp phía Nam (Từ sau vị trí 1 đường nhựa nối đường Hương Lý đi phường Văn Phú đến hết đường trục chính khu tái định cư)	Sau vị trí 1 đường nhựa nối đường Hương Lý đi phường Văn Phú	Hết đường trục chính khu tái định cư	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
72	Đường Vành đai TDP Đăng Thọ	Sau VT 1 đường Vũ Văn Uyên	Hết đất nhà ông Nguyễn Tiến Lưu	1,00
		Đoạn tiếp theo	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	1,00
73	Đường TDP Vạn Xuân	Sau vị trí 1 đường Hương Lý	Hết đất nhà Văn hóa TDP Vạn Xuân	1,00
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Mạnh Cường	1,00
		Đoạn sau VT1 đường Hương Lý	Ngã 3 nhà ông Lê Văn Mật	1,00
74	Đường TDP Đăng Thọ	Sau vị trí 1 đường Hương Lý	Cổng rẽ vào nhà bà Nguyễn Thị Luân	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết TDP Đăng Thọ	1,00
		Sau VT1 đường Hương Lý (giáp đất nhà ông Hiệp)	Cổng qua đường trước nhà bà Bùi Thị Sáu	1,00
75	Đường TDP Đồng Tâm	Đoạn sau vị trí 1	Ngã 3 cổng nhà ông Lương Công Thiện	1,00
		Sau vị trí 1 đường Hương lý	Hết đất nhà ông Lê Đình Tuyển	1,00
		Sau vị trí 1 đường Hương lý	Hết đất nhà ông Phan Văn Mỹ	1,00
76	Đường TDP Lem	Sau vị trí 1 đường Hương lý	Ranh giới giáp TDP Trần Thanh	1,00
		Sau vị trí 1 đường Hương lý	Hết đất nhà ông Nguyễn Hữu Khải	1,00
77	Đường TDP Thanh Bình: Đoạn giáp đất xã Yên Bình (khu dân cư giáp nhà ông Thới, xã Yên Bình và giáp nhà ông Thơm, phường Văn Phú)			1,00
78	Đường Cụm công nghiệp Phú Thịnh (Từ sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D đến hết TDP Hợp Thịnh)	Sau vị trí 1 đường Quốc lộ 2D	Hết TDP Hợp Thịnh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
79	Đường nội bộ quỹ đất tái định cư cụm công nghiệp Phú Thịnh			1,00
80	Đường nội bộ quỹ đất tái định cư dự án đường nối đường Nguyễn Tất Thành đi trung tâm y tế			1,00
81	Đường nối Nguyễn Tất Thành đi Trung tâm y tế huyện (Sau vị trí 1 đường Vũ Văn Uyên đến ngã ba nhà ông Luận)			1,00
82	Các tuyến đường khác còn lại			
82.1	Các tuyến đường khác còn lại từ 3m trở lên (trên địa bàn phường Yên Thịnh cũ)			1,00
82.2	Các tuyến đường khác còn lại dưới 3m (trên địa bàn phường Yên Thịnh cũ)			1,00
82.3	Các tuyến đường khác còn lại từ 3m trở lên (trên địa bàn xã Tân Thịnh và xã Văn Phú cũ)			1,00
82.4	Các tuyến đường khác còn lại dưới 3m (trên địa bàn xã Tân Thịnh và xã Văn Phú cũ)			1,00
82.5	Các tuyến đường khác còn lại từ 3m trở lên (trên địa bàn xã Phú Thịnh cũ)			1,00
82.6	Các tuyến đường khác còn lại dưới 3m (trên địa bàn xã Phú Thịnh cũ)			1,00

4. PHƯỜNG YÊN BÁI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên)	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
2	Đường Điện Biên (Từ Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên) đến Ngã 5 Cao Lanh)	Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên)	Hết đất cây xăng Chiến Thắng	1,00
		Cây xăng Chiến Thắng	Đầu cầu Dài	1,00
		Đầu cầu Dài	Ngã tư Cao Thắng	1,00
		Ngã tư Cao Thắng	Ngã năm Cao Lanh	1,00
3	Đường Hoàng Hoa Thám (Từ ngã năm Cao Lanh đến cổng Ngòi Yên)	Ngã năm Cao Lanh	Giáp đường sắt Hà Nội -Yên Bái	1,00
		Đường sắt Hà Nội -Yên Bái	Hết đường Hoàng Hoa Thám	1,00
4	Đường Trần Hưng Đạo (Từ cổng Ngòi Yên đến ngã tư cầu Yên Bái)	Cổng Ngòi Yên	Phố Dã Tượng	1,00
		Phố Dã Tượng	Đầu phố Nguyễn Du	1,00
		Đầu phố Nguyễn Du	Ngã tư đầu cầu Yên Bái	1,00
5	Đường Nguyễn Phúc (Từ ngã tư cầu Yên Bái đến hết địa giới phường Yên Bái)	Ngã tư cầu Yên Bái	Ngã ba Âu Lâu	1,00
		Trạm điện	Ngã ba Âu Lâu	1,00
		Ngã ba Âu Lâu	Hết ranh giới CTCP Kinh doanh chế biến lâm SX khẩu Yên Bái	1,00
		CTCP Kinh doanh chế biến lâm sản xuất khẩu Yên Bái	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
6	Đường Lê Hồng Phong (Từ ngã ba Âu Lâu đến ngã tư Nam Cường)	Từ ngã ba Âu Lâu	Ngòi Nam Cường	1,00
		Ngòi Nam Cường	Hết ranh giới trường Lê Hồng Phong	1,00
		Trường Lê Hồng Phong	Hết ranh giới cây xăng vật tư	1,00
		Cây xăng vật tư	Giáp vị trí 1 đường Thành Công	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
7	Đường Thành Công (Từ ngã tư Nam Cường đến đường sắt cắt đường ngang khu cổng Ngòi Yên)	Ngã tư Nam Cường	Phố Tô Hiến Thành	1,00
		Phố Tô Hiến Thành (qua đường Thành Công)	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	1,00
		Vị trí 1 đường Thành Công cải tạo	Hết đất Chi cục thi hành án dân sự	1,00
		Chi cục thi hành án dân sự	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	1,00
		Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Hoa Thám	1,00
8	Đường Thanh Niên (Từ ngã ba cửa ga Yên Bái ven bờ sông Hồng đến gặp đường Nguyễn Phúc)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Phố Yết Kiêu	1,00
		Phố Yết Kiêu	Phố Đinh Liệt	1,00
		Phố Đinh Liệt	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	1,00
9	Phố Yết Kiêu (Từ đầu nam chợ Yên Bái đến gặp đường Thanh Niên)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Hết đất số nhà 25	1,00
		Số nhà 25	Đường Thanh Niên	1,00
10	Phố Mai Hắc Đế (Từ đường Trần Hưng Đạo gặp đường Thanh Niên)	vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách đường Trần Hưng Đạo 50m về phí hướng đi đường Thanh Niên	1,00
		Cách đường Trần Hưng Đạo 50m về phí hướng đi đường Thanh Niên	Vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
11	Phố Nguyễn Cảnh Chân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thanh Niên	1,00
12	Phố Nguyễn Du	Nhà thi đấu TDTT	Đường Hòa Bình	1,00
13	Phố Trần Đức Sắc	Sau VT 1 đường Nguyễn Thái Học	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
14	Phố Tô Ngọc Vân	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	1,00
15	Phố Mai Văn Ty	Phố Tô Ngọc Vân	phố Trần Đức Sắc	1,00
16	Phố Phó Đức Chính	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	1,00
17	Đường Lý Thường Kiệt (Từ ngã tư Nam Cường đến ngã năm Cao Lanh)	Ngã tư Nam Cường	Đến hết số nhà 40 và ngõ 11	1,00
		Từ số nhà 40 và ngõ 11	Đường Lý Đạo Thành	1,00
		Đường Lý Đạo Thành	Vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	1,00
18	Đường Trần Bình Trọng	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	đường Phạm Ngũ Lão	1,00
19	Đường Yên Ninh (Từ ngã tư Nam Cường đến ngã tư Km 5 - giao với các đường Nguyễn Tất Thành, Điện Biên, Đinh Tiên Hoàng)	Ngã tư Nam Cường	Hết đất Trạm viễn thông Nam Cường và hết ranh giới số nhà 27	1,00
		Trạm viễn thông Nam Cường và hết ranh giới số nhà 27	Đầu cầu Bệnh viện Sản nhi	1,00
		Đầu cầu Bệnh viện Sản nhi	Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Lào Cai	1,00
		Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Lào Cai	Đường Quang Trung	1,00
		Đường Quang Trung	Ngã tư Km5	1,00
20	Đường Hồ Xuân Hương (Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Hoa Thám đến cầu Trầm)	Sau VT 1 đường Hoàng Hoa Thám	Hết đất chợ Yên Ninh	1,00
		Chợ Yên Ninh	Hết đất số nhà 94	1,00
		Số nhà 94	Hết đất nhà bà Hòa (công trường Lý Tự Trọng)	1,00
		Nhà bà Hòa (công trường Lý Tự Trọng)	Cầu Trầm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
21	Đường Kim Đồng (Từ ngã tư Bệnh viện Sản Nhi đến gặp đường Điện Biên - ngã ba cầu Dài)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết đất số nhà 46	1,00
		Số nhà 46	Số nhà 406	1,00
		Số nhà 406	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	1,00
22	Đường Đá Bia (Từ ngã tư bệnh viện Sản Nhi đến cầu nghĩa trang Đá Bia)	Vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết đất số nhà 21	1,00
		Số nhà 21	Hết khu tập thể bệnh viện cũ (Cổng qua đường)	1,00
		Khu tập thể bệnh viện cũ (Cổng qua đường)	Nghĩa trang Đá Bia	1,00
23	Đường Quang Trung (Từ đường Yên Ninh khu trường Nguyễn Huệ gặp đường Điện Biên Km 4)	Vị trí 1 đường Yên Ninh	Số nhà 400	1,00
		Số nhà 400	Số nhà 12	1,00
		Số nhà 12	Vị trí 1 đường Điện Biên	1,00
24	Đường Lê Lợi (Từ ngã tư km 4 đến cầu Bảo Lương)	Vị trí 1 đường Điện Biên	Đầu cầu Đ2 (cầu thứ hai)	1,00
		Cầu Đ2 (cầu thứ hai)	Hết cổng nhà máy Sứ	1,00
		Cổng nhà máy Sứ	Cầu Bảo Lương	1,00
25	Đường Trần Phú (Từ ngã ba Ngân hàng Nhà nước đến hết ranh giới phường Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Sau vị trí 1 đường Âu Cơ	1,00
		Sau Quán Đá	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
26	Đường Lê Văn Tám (Từ ngã ba Km 6 qua Trung tâm GTVL đến ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp)	Vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Hết xưởng sửa chữa ô tô Dung Bắc	1,00
		Từ xưởng sửa chữa ô tô Dung Bắc	Đến hết số nhà 143	1,00
		Từ số nhà 143	Hết số nhà 60	1,00
		Số nhà 60	Vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	1,00
27	Đường Trần Quốc Toản (Từ chợ Đồng Tâm qua Sở Xây dựng đến Ngân hàng Nhà nước)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên (chợ Km 4)	Hết đất số nhà 67	1,00
		Số nhà 67	Giáp vị trí 1 đường Điện Biên (Ngân hàng Nhà nước)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
28	Phố Tô Hiệu (Từ cổng Sở Giáo dục đến gặp đường Hà Huy Tập)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50 m hướng về sân vận động	1,00
		Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50 m hướng về sân vận động	Ngã ba khán đài A sân vận động Thanh Niên	1,00
		Ngã ba khán đài A sân vận động Thanh Niên	Đường Ngô Gia Tự	1,00
		Ngã ba khán đài A sân vận động Thanh Niên qua trường tiểu học Nguyễn Trãi	Đường Hà Huy Tập	1,00
29	Phố Võ Thị Sáu	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Đường Ngô Gia Tự	1,00
30	Đường Ngô Gia Tự (Từ ngã ba Bưu điện tỉnh đến gặp đường Hà Huy Tập)	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Cách vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng 50 m hướng đi về đường Hà Huy Tập	1,00
		Cách vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng 50 m hướng đi về đường Hà Huy Tập	Phố Võ Thị Sáu	1,00
		Phố Võ Thị Sáu	Đường Hà Huy Tập	1,00
31	Phố Ngô Sĩ Liên	Vị trí 1 đường Trần Phú	Ngã ba	1,00
		Ngã ba	Hết tiểu khu Hào Gia (giáp suối)	1,00
32	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Vị trí 1 đường Trần Phú	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
33	Đường Bảo Lương	Ngã tư km 2	Đường Lê Lợi	1,00
34	Đường Cao Thắng	Vị trí 1 đường Điện Biên	Vị trí 1 đường Yên Ninh	1,00
35	Đường Hòa Bình (Từ ngã ba tiếp giáp đường Thành Công đến giáp vị trí 1 đường Nguyễn Phúc)	Sau vị trí 1 đường Thành Công	Hết đất bà Phạm Thị Sở	1,00
		Đất bà Phạm Thị Sở	Giáp vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	1,00
36	Phố Trần Nguyên Hãn	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
37	Phố Trần Quang Khải	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
38	Phố Đinh Lễ	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
39	Phố Đinh Liệt	Đường Trần Hưng Đạo khu trường Lý Thường Kiệt	Đường Thanh Niên	1,00
40	Phố Đào Duy Từ	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
41	Đường Thanh Liêm	Sau vị trí 1 đường Lê Văn Tám	Đường Hà Huy Tập	1,00
42	Phố Hòa Cường	Ngã ba Công ty CPXDGT đường Lê Hồng Phong	Đường Hoà Bình	1,00
43	Phố Dã Tượng	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
44	Đường Nguyễn Thái Học (Từ ngã năm Cao Lanh đến ngã tư cầu Yên Bái)	Ngã năm Cao Lanh	Đường Thành Công rẽ ra đường Hoàng Hoa Thám	1,00
		Đường Thành Công rẽ ra đường Hoàng Hoa Thám	Phố Nguyễn Du	1,00
		Phố Nguyễn Du	Đầu cầu Yên Bái	1,00
45	Phố Đào Tấn	Sau vị trí 1 phố Đỗ Văn Đức	Sau vị trí 1 phố Yên Hòa	1,00
46	Đường Hoàng Văn Thụ	Sau vị trí 1 đường Kim Đồng	Hết số nhà 17	1,00
		Số nhà 17	Cổng qua đường (hết đất nhà ông Bằng)	1,00
		Cổng qua đường (hết đất nhà ông Bằng)	Sau vị trí 1 đường Quang Trung	1,00
47	Đường Lý Tự Trọng	Sau vị trí 1 đường Quang Trung	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	1,00
48	Đường Yên Bái - Văn Tiến	Ngã tư cầu Bảo Lương	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
49	Phố Đoàn Thị Điểm (Từ đường Trần Hưng Đạo đến gặp phố Trần Nguyên Hãn)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía đường Trần Nguyên Hãn	1,00
		Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía phố Trần Nguyên Hãn	Vị trí 1 phố Trần Nguyên Hãn	1,00
		Sau vị trí 1 phố Trần Nguyên Hãn	Vị trí 1 phố Mai Hắc Đế	1,00
		Sau vị trí 1 phố Mai Hắc Đế	Vị trí 1 phố Dã Tượng	1,00
50	Phố Bùi Thị Xuân	Đường Trần Quang Khải	Phố Đinh Lễ	1,00
51	Phố Lê Quý Đôn (Đường ngang đi phía Đông nam trường Lý Thường Kiệt)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía đường Thanh Niên	1,00
		Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía đường Thanh Niên	Vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
52	Phố Tuệ Tĩnh (Từ đường Thành Công vào Bệnh viện thành phố)	Sau vị trí 1 đường Thành Công	Trung tâm y tế Yên Bái	1,00
53	Đường Lý Đạo Thành	Sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt (qua ven hồ Công viên)	Vị trí 1 đường Thành Công	1,00
54	Đường Hà Huy Tập	Phố Tô Hiệu	hết đất nhà bà Lê Thị Sâm Tổ	1,00
		Từ đất nhà bà Lê Thị Sâm Tổ	giáp ranh giới phường Nam Cường	1,00
55	Đường vào trường Nguyễn Trãi	Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50m hướng về cổng trường Nguyễn Trãi)	Cổng trường Nguyễn Trãi	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
56	Đường Lê Chân	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Giáp ranh giới phường Nam Cường	1,00
57	Phố Phùng Khắc Khoan (Từ đường Hòa Bình đoạn đường sắt cắt ngang gặp đường Lê Hồng Phong)	Sau VT1 đường Hòa Bình	Cách VT1 đường Lê Hồng Phong 50m (hướng về đường Hòa Bình)	1,00
		Cách VT1 đường Lê Hồng Phong 50m (hướng về đường Hòa Bình)	Vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	1,00
58	Đường Nguyễn Khắc Nhu	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	Vị trí 1 đường Hòa Bình	1,00
59	Đường Phạm Ngũ Lão (Từ đường Trần Bình Trọng qua Vật tư nông nghiệp thị xã cũ)	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 50m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	1,00
		Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 50m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 150m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	1,00
		Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 150m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	Hết ranh giới nhà ông Sinh	1,00
60	Đường Lê Trực (Từ đến)	Đường Trần Phú (qua Trường Cao đẳng Sư phạm)	Hết ranh giới nhà ông Vũ Huy Dương	1,00
		Hết ranh giới nhà ông Vũ Huy Dương	Vị trí 1 đường Âu Cơ	1,00
61	Đường Lê Lai (Từ Công an tỉnh gặp đường Bảo Lương)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Trạm xá Công an Tỉnh	1,00
		Trạm xá Công an Tỉnh	Đường Bảo Lương (hướng Km ²)	1,00
		Đường Bảo Lương (hướng Km ²)	Đường Bảo Lương (hướng Nhà máy Sứ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
62	Đường Trương Quyền	Cầu ông Phó Hoan	Ngã ba đường Trương Quyền	1,50
		Ngã ba đường Trương Quyền	Vị trí 1 đường Bảo Lương (hướng nhà máy Sứ)	1,40
		Vị trí 1 đường Bảo Lương (hướng nhà máy Sứ)	Vị trí 1 đường Bảo Lương (hướng Km ²)	1,30
63	Phố Đặng Dung	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Giáp đất nhà ông Lễ	1,00
		Đất nhà ông Lễ	Vị trí 1 đường Kim Đồng	1,00
64	Phố Tô Hiến Thành	Đường Thành Công	Trung tâm thương mại Vincom	1,00
65	Phố Minh Khai	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
		Sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	Vị trí 1 đường Nguyễn Đức Cảnh	1,00
66	Đường Thành Trung (Từ đường Yên Ninh khu Công ty Dược gặp đường Hoàng Văn Thụ)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50m (hướng đi đến đường Hoàng Văn Thụ)	1,00
		Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50m (hướng đi đến đường Hoàng Văn Thụ)	Hết ranh giới đất nhà xây ông Châm, bà Hà (đối diện đường vào Tổ Minh Tân 6)	1,00
		Đất nhà xây ông Châm, bà Hà (đối diện đường vào Tổ Minh Tân 6)	Vị trí 1 đường Hoàng Văn Thụ	1,00
67	Đường đi đền Tuần Quán	Ngã ba đường Bảo Lương	Đường Hưng Hóa	1,00
68	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Âu Cơ	1,00
69	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên)	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
70	Đường Âu Cơ	Ngã Tư giao với đường Trần Phú	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
71	Đường Phế liệu	Phố Nguyễn Cảnh Chân	Phố Trần Quang Khải	1,00
72	Phố Hội Bình (Cạnh Công ty ảnh Sao Mai cắt ngang qua chợ Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Vị trí 1 đường Thanh Niên	1,00
73	Phố Yên Lạc (Từ Chi cục QLTT tỉnh Yên Bái qua Sân vận động đến đường Nguyễn Thái Học)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50m về hướng đi đường Nguyễn Thái Học	1,00
		Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50m về hướng đi đường Nguyễn Thái Học	Vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	1,00
74	Phố Đỗ Văn Đức	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Hoa Thám	1,00
75	Phố Yên Hòa	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Hoa Thám	1,00
76	Đường Tuần Quán	Cầu Tuần Quán (hướng đi ngã 6)	Hết địa phận phường Yên Bái	1,00
77	Đường nối từ ngã 5 Cao Lanh đến hết ranh giới phường Yên Bái	Ngã 5 Cao Lanh	Ngã tư cầu Bách Lãm	1,00
		Ngã tư cầu Bách Lãm	Đường Tuần Quán	1,00
		Đường Tuần Quán	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
78	Đường Bách Lãm	Ngã tư đầu cầu Bách Lãm (bên phường Yên Bái)	Vị trí 1 đường Yên Ninh	1,00
79	Đường Trần Xuân Lai	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Vị trí 1 đường Bách Lãm	1,00
80	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hưng Hóa	Ngã ba Công ty cổ phần sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	1,00
81	Đường nối từ đường Điện Biên đến Đường nối từ ngã 5 Cao Lanh đến cầu Văn Phú (sau vị trí 1 đường Điện Biên qua cầu Phó Hoan đến gặp đường nối Quốc lộ 37 với Nội Bài Lào Cai đoạn từ Cầu Bách Lãm đến gặp đường Tuần Quán)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Đường nối từ ngã 5 Cao Lanh đến cầu Văn Phú	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
82	Đường Điện Biên - Yên Ninh (phía Sở Y Tế)	Đất nhà bà Nguyễn Thị Khanh (từ cổng thoát nước)	Đường bê tông tổ Yên Ninh 10	1,00
83	Đường bê tông Tổ Nguyễn Thái Học 15 (khu đất đấu giá)			1,00
84	Ngõ 683 (đường bê tông Tổ Yên Ninh 9)	sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau VT 1 đường Yên Ninh 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Ngã ba (nhà ông Bình Hợi)	1,00
		Ngã ba (nhà ông Bình Hợi)	Hết đường bê tông (đường Tổ Yên Ninh 9)	1,00
		Hết đường bê tông (đường Tổ Yên Ninh 9)	đường Đá Bia (đường Tổ Yên Ninh 9)	1,00
85	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 9 (phía Trường Y Tế Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau VT 1 đường Yên Ninh 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Cổng trường Y tế	1,00
		Cổng trường Y tế	Hết đất nhà ông Vịnh	1,00
86	Đường từ sau vị trí 1 đường Điện Biên - Yên Ninh (phía Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc) đến hết đường bê tông	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Cai Bẩy	1,00
87	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 8 (Đường vào nhà ông Hoàng Trí Thức)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Ranh giới phường Nam Cường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
88	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 10 (Đường vào nhà ông Súc)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Ngã ba nhà ông Hà	1,00
		Ngã ba nhà ông Súc	Ngã ba nhà bà Hà	1,00
		Ngã ba nhà ông Hà	Phố Đặng Dung	1,00
		Ngã ba nhà ông Hà	Hết đất nhà ông Vinh, bà Thanh	1,00
89	Ngõ 105 (Đường bê tông Tổ Yên Ninh 10)	Phố Đặng Dung	Hết đường bê tông	1,00
90	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 3	Sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt	Cách sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt 50m	Đường Cao Thắng	1,00
		Ngã 3 (sau Sở Giao thông)	Hết các đường nhánh bê tông nội bộ quỹ đất Tô Yên Ninh 3	1,00
		Nhà ông Minh	Ngã ba nhà bà Yến	1,00
91	Đường kè suối khe dài Tổ Yên Ninh 6	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	1,00
92	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 6 (Đường vào CTCP tư vấn Giao thông Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	Hết nhà bà Tâm	1,00
		Nhà bà Tâm	Vị trí 1 đường Kim Đồng và đến nhà ông Chư	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
93	Ngõ 331 (Đường bê tông Tổ Yên Ninh 4, giáp Chi cục kiểm lâm)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m Nhà bà Tươi	Hết nhà bà Tươi Nhà ông Hà	1,00
94	Đường Tổ dân phố Phúc Cường	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hải)	Hết đất nhà bà Trần Thị Hồng Thắng	1,00
		Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hùng)	Vị trí 1 đường Hòa Bình (nhà ông Minh)	1,00
		Vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hải)	Gác chắn đường Hòa Bình	1,00
95	Đường Tổ dân phố Phúc Cường	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	Hết ranh giới đất ông Phạm Đức Tạo	1,00
96	Đường Tổ dân phố Phúc Thọ	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	Hết đất ông Đinh Phú Sáu	1,00
97	Đường Tổ dân phố Phúc An	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	Hết đất bà Trần Thị Mỹ	1,00
98	Đường Tổ dân phố Phúc An	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	Hết đất bà Nguyễn Thị Trọ	1,00
		Đất bà Nguyễn Thị Trọ	Đường Tổ dân phố Phúc An	1,00
99	Đường Tổ dân phố Phúc Yên	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	Đất ông Nguyễn Quốc Chiến	1,00
100	Đường Tổ dân phố Phúc Tân - Tổ dân phố Phúc Yên	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Ngọc Anh	1,00
		Đất ông Nguyễn Ngọc Anh	Hết ranh giới đất bà Lê Thị Hòa	1,00
101	Đường vào Đầm Mỏ	Sau vị trí 1 đường Lê Lợi	Cách sau vị trí 1 đường Lê Lợi 200m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Lê Lợi 200m	Hết đất nhà ông Vũ Văn Lưu (mương nước)	1,00
		Đất nhà ông Vũ Văn Lưu (mương nước)	Đường nội bộ khu đất đầu giá	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
102	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 12	Sau vị trí 1 phố Tuệ Tĩnh	Hết đất nhà ông Toàn Phương	1,00
		Nhà ông Toàn Phương	Hết đường bê tông	1,00
		Các đường nhánh	Quỹ đất đấu giá Tổ Nguyễn Thái Học 12	1,00
103	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 12	Sau vị trí 1 đường Thành Công	Ngã ba thứ 2	1,00
		Ngã ba thứ 2	Hết đường bê tông (nhà ông Hợi)	1,00
104	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 12	Ngã ba thứ 2	Hết đất bà Hằng (qua Tổ Nguyễn Thái Học 12)	1,00
		Hết đất bà Hằng (qua Tổ Nguyễn Thái Học 12)	Hết đất nhà Nguyễn Đức Toàn	1,00
105	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 6 (Tổ 31, 32 cũ)	Công ty TNHH 1 thành viên MT&CTĐT	Đường rẽ vào Tổ Nguyễn Thái Học 6	1,00
		Đường rẽ vào Tổ Nguyễn Thái Học 6	Ngã ba hết đất nhà ông Khải	1,00
105	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 6 (Tổ 31, 32 cũ)	Ngã ba hết đất nhà ông Khải	Hết đất Tổ Nguyễn Thái Học 6 (giáp đất nhà ông Sinh)	1,00
		Lối rẽ đi Tổ Nguyễn Thái Học 6 (Tổ 32 cũ)	Ngã ba đến hết đất ông Phùng Nguyên Ngọc	1,00
		Ngã ba đến hết đất ông Phùng Nguyên Ngọc	Hết đường bê tông	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
106	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 15	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Hết đất nhà bà Tiến	1,00
		Đất nhà bà Tiến	Hết đường bê tông rẽ vào Nhà văn hóa Tổ Nguyễn Thái Học 15 (NVH phố Thăng Lợi I cũ)	1,00
		Hết đường bê tông rẽ vào Nhà văn hóa Tổ Nguyễn Thái Học 15 (NVH phố Thăng Lợi I cũ)	Giáp đường bê tông Tổ Nguyễn Thái Học 15 (khu đất đấu giá - Tổ 68 cũ)	1,00
107	Đường trục C (Tổ Nguyễn Thái Học 2)	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Hết đường	1,00
108	Đường dân sinh Tổ dân phố Hồng Thắng	Sau vị trí 1 phố Đào Duy Từ	Vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	1,00
109	Đường bê tông vào tổ Đồng Tâm 18	Sau vị trí 1 đường Âu Cơ	Cách sau vị trí 1 đường Âu Cơ 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Âu Cơ 50m	Cách Khu I (Khu 6,2ha) 100m (hướng về phía đường Âu Cơ)	1,00
		Cách Khu I (Khu 6,2ha) 100m (hướng về phía Khu I)	Khu I (Khu 6,2ha)	1,00
110	Đường bê tông từ Tổ Yên Ninh 5 (giáp Khu chi cục Kiểm lâm tỉnh)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	Hết đất nhà ông Sỹ, nhà bà Lan	1,00
		Đất nhà ông Sỹ, nhà bà Lan	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Khanh (cổng thoát nước)	1,00
111	Ngõ 268: Đường Bê tông Tổ Yên Ninh 12	Sau vị trí 1 đường Bảo Lương	Cách sau vị trí 1 đường Bảo Lương 50m	1,00
		Cách sau vị trí 1 đường Bảo Lương 50m	Hết đường bê tông	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
112	Đường nội bộ Khu đô thị mới Tổ Minh Tân 9			1,00
113	Đường bê tông lên sân bóng Hoàng Nam phường Yên Ninh	Cổng nhà hàng F1	Hết các đường nhánh bê tông khu sân bóng Hoàng Nam	1,00
114	Đường Tổ dân phố Phúc Cường (Tổ 32-36 cũ)			1,00
115	Đường Tổ dân phố Phúc Tân (Tổ 15-16 cũ)			1,00
116	Đường bê tông Tổ Minh Tân 2, Minh Tân 3	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết đất nhà ông Đồng Sỹ Huyền (Tổ Minh Tân 3)	1,00
		Đất nhà ông Đồng Sỹ Huyền (Tổ Minh Tân 3)	Hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Năng (Tổ Minh Tân 2)	1,00
		Đất nhà ông Nguyễn Trọng Năng (Tổ Minh Tân 2)	Vị trí 1 đường Yên Ninh (ngõ 919)	1,00
117	Đường vào khu tái định cư số 1 đường Âu Cơ	Sau vị trí 1 đường Âu Cơ	Cổng qua đường	1,00
		Cổng qua đường	Hết ranh giới phường Yên Bái	1,00
118	Đường vào xưởng gạch Xuân Lan	Vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	Trạm Biến áp TĐC Xuân Lan	1,00
		Trạm Biến áp TĐC Xuân Lan	Hất xưởng gạch Xuân Lan	1,00
		Đường nội bộ quỹ đất Xuân Lan		1,00
119	Đường từ đường Nguyễn Văn Cừ đến gặp đường Trần Phú (tổ Đồng Tâm 10)			1,00
120	Kè Hào Gia	Ban Nội chính	Đường Ngô Sỹ Liên (cầu D41)	1,00
		Đường Trần Phú	Nhà văn hóa đa năng tổ Đồng Tâm 18	1,00
		Cầu D41	Đường Trần Phú và gặp đường Lê Lợi	1,00
121	Đường nội bộ Khu I (Khu 6,2ha)	Các thửa đất thuộc băng 2, băng 3		1,00
		Các thửa đất thuộc băng 4, băng 5		1,00
		Các thửa đất thuộc băng 6, băng 7		1,00
		Các nhánh còn lại		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
122	Đường nội bộ khu đô thị Viettel			1,00
123	Đường nội bộ Khu đô thị Hạnh phúc	Đường nội bộ rộng 9,5m, hành lang 5mx2		1,00
		Đường nội bộ rộng 6,5m, hành lang 3mx2		1,00
124	Đường nội bộ quỹ đất khu vực đường Cao Thắng			1,00
125	Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến Đường Bách Lãm	Đường rộng 6m, hành lang 3mx2, Khu tái định cư số 2 dự án Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh		1,00
126	Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến đường Hưng Hóa	Đường nội bộ rộng 6,0m, hành lang 3mx2 (thuộc Dự án Đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lãm đến cầu Văn Phú)		1,00
		Đường nội bộ rộng 7,0m, hành lang 4mx2 (thuộc Dự án xây dựng khu đô thị mới quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán)		1,00
		Đường nội bộ rộng 10,5m, hành lang 5mx2 (thuộc Dự án xây dựng khu đô thị mới quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán)		1,00
127	Đường nội bộ khu tái định cư sau Công ty xăng dầu Yên Bái			1,00
128	Đường nội bộ khu tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật công viên Đồng Tâm			1,90
129	Đường nội bộ dự án: Chính trang đô thị khu vực tổ dân phố số Yên Ninh 4 và tổ dân phố số Yên Ninh 5	Đường nội bộ rộng 9m, hành lang 3m*2 bên		1,90
		Đường nội bộ rộng 7m, hành lang 3m*2 bên		1,90
130	Đường nội bộ dự án: Chính trang đô thị khu vực tổ dân phố số Yên Ninh 5	Đường nội bộ rộng 7,5m, hành lang 3m*2 bên		1,90
		Đường nội bộ rộng 7,0m, hành lang 3*2 bên		1,90
131	Đường nội bộ quỹ đất tổ Yên Ninh 14 (cầu Bảo Lương)			1,00
132	Kè Cầu Dài (Từ đường Lê Lợi đến cầu bệnh viện)	Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 6 m		1,00
		Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 3 m		1,00
133	Kè Cầu Dài (nhánh Sứ đến cầu Bảo Lương)	Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 3 m		1,00
		Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 6 m		1,00
134	Đường nội bộ khu tái định cư hạ tầng đô thị phía nam, phường Yên Bái			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
135	Ngõ 275 Đường Bảo Lương (Khu dân cư mới tổ Yên Ninh 12)			1,00
136	Đường nội bộ sân bóng Trung Hậu cũ			1,00
137	Đường nội bộ tiểu khu Hào Gia			1,00
138	Đường nội bộ quỹ đất đấu giá tổ Đồng Tâm 15 (tổ 35 cũ)			1,00
139	Khu đô thị Casamony			1,00
140	Đường nội bộ khu đấu giá TDP Đồng Tâm 11 (khu quán vua cá hồi đối diện thuế Lào Cai)			1,00
141	Các tuyến đường khác còn lại			1,00

5. PHƯỜNG CẦU THIA

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Trục đường QL 32	Trục đường QL 32 đoạn qua địa phận phường Cầu Thia		1,00
2	Trục đường tỉnh lộ 174 (Đoạn từ giáp ranh giới phường Nghĩa Lộ đi xã Trạm Tầu)	Giáp phường Nghĩa Lộ	Hết đất nhà ông Lò Văn Thái TDP Bản Đường	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới trường THCS Hạnh Sơn	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới Trạm y tế (Hạnh Sơn cũ)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới NVH Bản Lồm	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới đập tràn (hết ranh giới xã Hạnh Sơn cũ)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới Trường THCS Phúc Sơn	1,00
		Đoạn tiếp theo	Ngã 3 đường TL 174 rẽ vào NVH bản Năng Phai	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới phường Cầu Thia (giáp xã Trạm Tầu)	1,00
3	Đường Điện Biên (Từ số nhà 01 đầu Cầu Thia hết Hồ Điều Hòa)	Số nhà 01	Hết Số nhà 96	1,00
		Đoạn tiếp theo	Ngã tư giáp Hồ điều hòa phường Cầu Thia (lối rẽ đường tránh Quốc Lộ 32, khu 10 phát triển đất)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Khu đô thị Gold Field	1,00
4	Đường tránh Quốc lộ 32 (Từ Giáp ranh giới phường Trung Tâm đến đầu Cầu Thia mới)"	Từ Giáp ranh giới phường Trung Tâm	Đầu Cầu Thia mới (nhà ông Thành)	1,00
5	Đường Vành Đai suối Thia (từ đường tránh Quốc lộ 32 đến hết địa giới phường Cầu Thia, giáp ranh phường Trung Tâm)	Đường tránh Quốc Lộ 32 (nhà ông Phú Uyên)	Hết địa giới phường Cầu Thia, giáp ranh phường Trung Tâm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
6	Đường nội bộ Khu 10	Đường Điện Biên	Ngõ 71 đường Điện Biên	1,00
		Ngõ 71 (nhà ông Thành) đường Điện Biên	Đến cánh đồng	1,00
7	Đường Khu 15 (từ đường Điện Biên đầu nối với đường tránh Quốc Lộ 32)			1,00
8	Đường nội bộ Khu 15 (từ đường Điện Biên đến đường tránh Quốc Lộ 32 (Xưởng sửa ô tô ông Huy)	Đường Điện Biên	Đường tránh Quốc Lộ 32 (Xưởng sửa ô tô ông Huy)	1,00
9	Các ngõ, ngách đường Điện Biên	Số nhà 02	Số nhà 27	1,00
		Ngách 9/5 đường Điện Biên		1,00
		Ngõ 6, đường Điện Biên (từ đường Điện Biên	Đường tránh Quốc Lộ 32 đến SN 27 (hết ranh giới nhà ông Nam-nhà nghỉ Anh Đào đầu Cầu Thia mới)	1,00
		Nghách 1/Ngõ 6 đường Điện Biên		1,00
10	Đường vào bãi rác cũ	Từ SN 37 (bà Liên)	Hết SN 43 (Ông Chiến)	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới phường (sau SN 51B)	1,00
11	Ngõ 71 đường Điện Biên	Số nhà 01	Hết Số nhà 13	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết Số nhà 17	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết đường rẽ vào NVH tổ 3 (Ngõ 28 đường Bản Vệ)	1,00
12	Đường Nậm Thia (Từ đường Điện Biên đến đường Bản Vệ)	Số nhà 02	Hết số nhà 45 và số nhà 62	1,00
		Hết số nhà 51 và số nhà 62	Hết số nhà 108	1,00
		Hết số nhà 108	Hết số nhà 158 và số nhà 75	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
13	Các Ngõ đường Nậm Thia	Ngõ 63 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 64 đường Nậm Thia (từ nhà ông Thử đến hết ranh giới nhà ông Quyền)		1,00
		Ngõ 90 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 92 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 96 đường Nậm Thia (từ nhà bà Lâm đến hết ranh giới nhà ông Vang)		1,00
		Ngõ 100 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 102 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 114 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 126 đường Nậm Thia		1,00
		Ngõ 142 đường Nậm Thia		1,00
14	Đường Bản Vệ (Từ đường Nậm Thia đến hết ranh giới phường)	Số nhà 02		Số nhà 08 và hết số nhà 25
		Đoạn tiếp theo		Hết ngõ 36 và số nhà 47
		Đoạn tiếp theo		Số nhà 58
		Đoạn tiếp theo		Số nhà 65
		Đoạn tiếp theo		Số nhà 83
15	Các Ngõ, ngách đường Bản Vệ	Ngõ 10 đường Bản Vệ: Từ số nhà 01		Đến hết số nhà 07
		Ngõ 18 đường Bản Vệ: Từ số nhà 01		Đến hết số nhà 22 (cả 2 bên đường)
		Ngõ 28 đường Bản Vệ: Từ số nhà 01; số nhà 02		Đến hết số nhà 10
		Ngõ 36 đường Bản Vệ: Từ số nhà 01; số nhà 02		Đến hết số nhà 13 và số nhà 14

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
15	Các Ngõ, nhánh đường Bản Vệ	Ngõ 48 đường Bản Vệ: Từ số nhà 01	Đến hết số nhà 05 và số nhà 02	1,00
		Ngõ 53 đường Bản Vệ: Từ số nhà 02	Đến hết số nhà 28	1,00
		Ngõ 63 đường Bản Vệ		1,15
		Ngách 9/36 đường Bản Vệ		1,00
16	Đường Tân Thượng (Từ đường Điện Biên đến đường Sang Hán)	Đất Trạm xá Phường số nhà 02	Đến hết số nhà 11	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết số nhà 31 và số nhà 22	1,00
17	Các ngõ đường Tân Thượng	Ngõ 13 đường Tân Thượng: Từ đường Tân Thượng	Đường tránh Quốc lộ 32 (hết số nhà 12 giáp đất nhà ông Sâm)	1,00
		Ngõ 17 đường Tân Thượng. Từ đường Tân Thượng	Đường tránh Quốc lộ 32 (hết ranh giới đất ông Piềng số nhà 8)	1,00
17	Các ngõ đường Tân Thượng	Đường vào nhà ông Uân: Từ đường tránh Quốc lộ 32 sau cửa hàng VLXD Tuấn Quỳnh	Hết ranh giới nhà ông Uân	1,00
		Đường vào khu tái định cư tổ 7 phường Cầu Thia từ đường tránh Quốc lộ 32 (nhà ông Nhất)	Hết khu Tái định cư	1,00
18	Đường Sang Hán (Từ đường Điện Biên đến hết đất địa giới hành chính phường)	Số nhà 02	Hết số nhà 18 và số nhà 27	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết số nhà 43 và số nhà 32	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết số nhà 53 và số nhà 50 (hết ranh giới phường)	1,00
19	Từ QL32 đến trụ sở công an phường cầu thia (tiếp giáp ngã ba ông Tỏ)	QL 32	Trụ sở công an phường Cầu Thia (tiếp giáp ngã ba ông Tỏ)	1,15
		Ngã ba ông Tỏ	Cầu Bản Có	1,15

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
20	Từ đường QL 32 đi các tuyến nội bộ khu vực Thanh Lương cũ	Quốc lộ 32	Hết ranh giới đất hộ ông Trần Văn Tuấn bản Khá Thượng đến hộ ông Hà Văn Quýnh	1,15
		Quốc lộ 32 hết ranh giới hộ ông Đinh Văn Thi đi khu Ka Hai	Giáp ranh giới đất hộ ông Lê Văn Quý	1,15
		Quốc lộ 32	Hết ranh giới đất hộ bà Lê Thi Hiền đi Vòng Hồ	1,15
		Quốc lộ 32	Nội thôn bản Khá Hạ	1,15
21	Khu vực xã Thanh Lương cũ	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Thanh Lương	giáp ranh giới Phường Trung Tâm (xã Phù Nham cũ)	1,00
		Đường bê tông bản Khinh giáp đất ông Lý Xuân Hùng và khu nhà văn hóa Bản Khinh qua hộ ông Lưu Văn Trà	Hết ranh giới nhà văn hóa bản Khá Thượng 1	1,15
22	Khu vực xã Thạch Lương cũ	Ngã ba ông Tỏ	Giáp ranh giới phường Trung Tâm (xã Nghĩa Lộ cũ)	1,15
		Sau trường TH+THCS Thạch Lương hướng rẽ TĐC Co Hả	Giáp ranh giới phường Trung Tâm (Khu đồi chè xã Nghĩa Lộ cũ)	1,15
		Hộ ông Hiệp đối diện quán Thoa Béo	Đường nội bộ khu Tái định cư thôn Co Hả	1,00
		Nhà bà Bình	Đường nội bộ khu tái định cư thôn Nậm Tăng	1,00
23	Khu vực xã Hạnh Sơn cũ			1,00
24	Khu vực Phúc Sơn cũ	Khu Tái định cư bản Ngoa (điểm số 1)		1,15
		Khu Tái định cư bản Ngoa (điểm số 2)		1,15
25	Các tuyến đường khác còn lại trên địa bàn phường Cầu Thia (cũ)			1,15
26	Các tuyến đường khác còn lại			1,00

6. PHƯỜNG NGHĨA LỘ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Điện Biên (từ khách sạn Mường Lò đến hết nhà thi đấu (thị xã Nghĩa Lộ cũ))	Ngã tư cầu Bản Lé	Hết khu đô thị Gold Field	1,00
		Khách sạn Mường Lò	hết SN 179- phường Nghĩa Lộ	1,00
		số nhà 181	số nhà 197	1,00
		Từ số nhà 199	Đoạn giao đường Thanh Niên	1,00
		Từ số nhà 231	Đoạn giao đường Nguyễn Thái Học	1,00
		Đoạn giao đường Nguyễn Thái Học	Hết sân vận động cũ (cả 02 bên đường)	1,00
2	Các ngõ đường Điện Biên	Ngõ 147	hết ngõ	1,00
		Ngõ 163	hết ngõ	1,00
		Ngõ 181	hết ngõ	1,00
		Ngõ 199	hết ngõ	1,00
		Ngõ 231	hết ngõ	1,00
		Ngõ 282	hết ngõ	1,00
		Ngõ 292	hết ngõ	1,00
		Ngách 8/Ngõ 292	hết ngách	1,00
3	Đường Nguyễn Thái Học	Đoạn giao đường Ao Sen	Đoạn giao đường Điện Biên	1,00
		Đoạn giao đường Điện Biên	Đoạn giao Đường Phạm Quang Thắm	1,00
		Đoạn giao Đường Phạm Quang Thắm	Đoạn giao đường Trần Huy Liệu	1,00
4	Các ngõ, ngách đường Nguyễn Thái Học	Ngõ 9	hết ngõ	1,00
		Ngõ 81	hết ngõ	1,00
		Ngõ 93	hết ngõ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
5	Đường Hoàng Liên Sơn	Đoạn giao đường Trần Huy Liệu	Đoạn giao đường Pú Trạng	1,00
		Đoạn giao đường Pú Trạng	hết Bệnh viện đa khoa số 3	1,00
6	Các ngõ đường Hoàng Liên Sơn	Ngõ 423	hết ngõ	1,00
		Ngõ 479	hết ngõ	1,00
		Ngõ 646 (Cầu Nung cũ)	hết ngõ	1,00
		Ngõ 666 (Cầu Nung cũ)	hết ngõ	1,00
7	Đường Nguyễn Quang Bích	Giao với đường Điện Biên (taluy âm)	Giao với đường 3/2 (taluy âm)	1,00
		Giao với đường Điện Biên (taluy dương)	Giao với đường Đinh Nhu (taluy dương)	1,00
		Giao với đường 3/2 (taluy âm); Giao với đường Đinh Nhu (taluy dương)	Hết đất nhà ông Lò Văn Học - TDP Đê 4	1,00
		Giáp ranh giới ông Lò Văn Học	Giáp ranh giới phường Cầu Thia	1,00
8	Các ngõ đường Nguyễn Quang Bích	Ngõ 182	hết ngõ	1,05
		Ngõ 214	Hết số nhà 10	1,05
9	Đường Ao Sen	Số nhà 01 và số nhà 02	Hết số nhà 08 và số nhà 11 (Cả 2 bên đường)	1,00
		Số nhà 10 và số nhà 13	Hết số nhà 44 và số nhà 71	1,00
		Từ số nhà 46 và số nhà 73	hết đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
10	Các ngõ, ngách đường Ao Sen	Ngõ 11, từ số nhà 01, 02	Hết số nhà 05, 44	1,00
		Số nhà 46	hết ngõ	1,00
		Ngách 10/Ngõ 11	hết ngách	1,00
		Ngách 30/Ngõ 11	hết ngách	1,00
		Ngách 48/Ngõ 11	hết ngách	1,05
		Ngách 54/Ngõ 11	hết ngách	1,00
		Ngách 9/Ngõ 11	hết ngách	1,00
		Ngách 11/Ngõ 11	hết ngách	1,05
		Ngõ 73 đường Ao Sen	hết Ngõ	1,00
		Ngách 6/Ngõ 73 đường Ao Sen	hết ngách	1,00
11	Đường Nguyễn Du: Từ số nhà 02 đến hết số nhà 32	Giao với đường Điện Biên	Giao với đường Lê Quý Đôn	1,00
12	Đường Lê Quý Đôn	Giao với đường Điện Biên	hết đất trường Nguyễn Quang Bích	1,00
		tiếp giáp trường Nguyễn Quang Bích	giao ngõ 147, đường Điện Biên	1,00
		Ngõ 3	Hết ngõ	1,00
		Ngách 3/ngõ 3	hết ngách	1,00
		Ngõ 51	Hết ngõ	1,00
13	Đường An Hòa	Giao với đường Điện Biên (taluy dương)	Ngõ 14 (taluy dương)	1,00
		Số nhà 01	Hết số nhà 31 (Ta luy âm)	1,00
		Số nhà 14 và số nhà 33	Hết số nhà 72 và số nhà 91 (Cả hai bên đường)	1,00
		Số nhà 76	hết đường (Ta luy dương)	1,00
		Số nhà 93	hết đường 121 (Taluy âm)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
14	Các ngõ, ngách đường An Hòa	Ngõ 6, Số nhà 01, 02	đến hết số nhà 21, 04	1,00
		Ngõ 6: Số nhà 23, 06	Hết ngõ	1,00
		Ngách 6/Ngõ 6 đường An Hòa	Hết ngách	1,00
		Ngách 9/Ngõ 6 đường An Hòa	Hết ngách	1,00
		Ngõ 14: Giao với đường An Hòa	Ngõ 14: Giao với đường Tông Co	1,00
		Ngõ 2: Giao với đường An Hòa	Giao với ngõ 14, đường An Hòa	1,00
15	Đường 2/9	Giao với đường Tông Co	Giao với đường Nguyễn Quang Bích	1,00
16	Các ngõ, ngách đường 2/9	Ngõ 2, 13, 16	Hết ngõ	1,00
		Ngách 11/ngõ 13; Ngách 2/ngõ 17; Ngõ 24; Ngõ 6; Ngõ 14; Ngõ 48; Ngõ 31	Hết số nhà 05	1,05
		Đường nội bộ khu tái định cư Ao Sen 1	Hết đường	1,00
17	Đường 3/2	Giao với đường An Hòa	Giao với đường Nguyễn Quang Bích	1,00
18	Các ngõ đường 3/2	Ngõ 49; 46; 40; 03; 26; 25; 37	Hết ngõ	1,00
19	Đường Tông Co	Giao đường Lê Quý Đôn	số nhà 45 và tiếp giáp số nhà 18	1,00
		Số nhà 47, 18	tiếp giáp đường Thanh Niên	1,00
20	Các ngõ, ngách đường Tông Co	Ngõ 01: Số nhà 01, 02	tiếp giáp ngõ 02 đường An Hòa	1,00
		Số nhà 15, 04	Hết số nhà 47, 30	1,00
		Từ số nhà 49, 32	Hết ngõ	1,00
		Ngõ 62; Ngõ 93	Hết ngõ	1,00
		Ngõ 22; 80	Hết ngõ	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
21	Đường nội bộ khu đô thị Golded Field	Trục quay mặt vào quảng trường 2 bên	hết đường	1,00
		Đường Nội bộ các băng 01,02,03,04	hết đường	1,00
		Đường nội bộ băng 05	hết đường	1,00
		Đường nội bộ khu dân cư đô thị số 2 (khu vực khách sạn Mường Lò)		1,00
22	Đường Thanh Niên	Giao với đường đường Điện Biên	Giao với Ngõ 147 (Đường Điện Biên)	1,00
		Giao với ngõ 147 (Đường Điện Biên)	giao với Đường 3/2	1,00
		Giao với đường 3/2	hết đường	1,00
23	Đường Hoa Ban	Số nhà 02	Hết số nhà 21 và số nhà 18A (cả 2 bên)	1,00
		Giáp số nhà 21 và số nhà 18A	giao với ngõ 82	1,00
		Giao với ngõ 82	Hết ranh giới Nhà máy nước Nghĩa Lộ số nhà 138 (cả 2 bên đường)	1,00
24	Các ngõ còn lại đường Hoa Ban	Ngõ 2: Giao với đường Hoa Ban	giao với ngõ 292 đường Điện Biên	1,00
		Ngõ 46: giao với đường Hoa Ban	giao với đường 19/5	1,00
		Ngõ 16: giao với đường hoa ban	Cổng trường Lý Tự Trọng số nhà 12	1,00
24	Các ngõ còn lại đường Hoa Ban	Ngõ 16: Số nhà 01; 14	hết ngõ	1,00
		Ngách 12/Ngõ 16	hết ngách	1,00
		Ngách 10/Ngõ 16	hết ngách	1,00
		Ngõ 30	hết ngõ	1,00
		Ngõ 82; 86; 102; 110; 114	hết ngõ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
25	Đường Pú Trạng	Giao đường Hoàng Liên Sơn	Hết số nhà 91, 94	1,00
		Đoạn tiếp theo	Cầu Pú Trạng	1,00
		Cầu Pú Trạng	Hết ranh giới khu dân cư	1,00
26	Các ngõ đường Pú Trạng	Ngõ 72;76;90;18	Hết ngõ	1,00
27	Đường 19/5	Giao với đường Hoa Ban	Hết số nhà 65 (Ta luy dương)	1,00
		Giao với đường Hoa Ban	Hết số nhà 36 (Ta luy âm)	1,00
28	Các ngõ đường 19/5	Ngõ 31	Hết ngõ	1,00
		Ngõ 32;34;49	Hết ngõ	1,00
29	Đường Pú Lo	Số nhà 0 1, 02	hết đường	1,00
		Ngõ 5 đường Pú Lo: Số nhà 02	Hết số nhà 36	1,00
30	Đường Phạm Quang Thắm	Số nhà 68, 101	Hết số nhà 106, 119	1,00
		Số nhà 108, 121	tiếp giáp đường Pú Trạng	1,00
		Ngõ 125 đường Phạm Quang Thắm: Số nhà 01	Hết ngõ	1,00
31	Đường Nghĩa Tân: Từ số nhà 65 đến hết số nhà 87 (cả 2 bên đường)	Số nhà 58, 65	Hết số nhà 80, 87	1,00
32	Đường Vương Thừa Vũ (từ đường Hoa Ban đến đường Nguyễn Quang Bích)	đoạn giao đường Hoa Ban	đoạn giao Đường Nguyễn Quang Bích	1,00
33	Đường Đinh Nhu (từ đường Nguyễn Quang Bích (đường 174 đi Trạm Tầu) đến đường Vương Thừa Vũ (Cổng sân Vận đông)	từ đoạn giao đường Nguyễn Quang Bích	đoạn giao đường Vương Thừa Vũ	1,00
34	Ngõ nối đường Đinh Nhu gặp đường Hoa Ban (Giáp BQLDA đầu tư xây dựng thị xã)	Ngõ nối đường Đinh Nhu	Đường Hoa Ban (Giáp BQLDA đầu tư xây dựng thị xã)	1,00
35	Đường Trần Huy Liệu (từ đường Hoàng Liên Sơn (ngã tư dốc Hoa Kiều) đến đường Phạm Quang Thắm)	từ đoạn giao đường Hoàng Liên Sơn (ngã tư dốc Hoa Kiều)	đoạn giao Đường Phạm Quang Thắm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
36	Đường khu dân cư Tổ 3 phường Pú Trạng (Từ đường Phạm Quang Thắm)	Từ đoạn giao đường Phạm Quang Thắm	hết đường	1,00
37	Khu tái định cư TDP 13 (tổ 8 phường Pú Trạng cũ) từ nhà bà Phương đến hết đất ông Tuyền	Khu tái định cư TDP 13 (tổ 8 phường Pú Trạng cũ) từ nhà bà Phương	Hết đất ông Tuyền	1,05
38	Đường Bê Tông tổ Bản Ngoa (từ ranh giới nhà ông Thắng đến khu tái định cư)	Ranh giới đất ông Thắng	Hết ranh giới đất ông Nổi	1,05
		Đoạn tiếp theo	Hết nhà Văn Hóa Bản Ngoa	1,05
39	Đường bê tông TDP Bản Vệ	Đầu đường	Cuối đường	1,05
40	Đường bê tông liên TDP Đêu 2 - Bản Vệ	Nhà ông Nghĩa TDP Đêu 2	Đường Bản Vệ	1,05
41	Đường dân sinh Đêu 1 - Đêu 4 từ ranh giới nhà ông Muồn TDP Đêu 1 đến hết ranh giới nhà ông Sáng TDP Đêu 4	ranh giới đất ông Muồn TDP Đêu 1	Hết ranh giới đất ông Sáng TDP Đêu 4	1,00
42	Đường dân sinh Đêu 1 - Đêu từ ngã tư Đêu 2-Bản Vệ (nhà văn hóa) đến đường Nguyễn Quang Bích nhà ông Chu Văn Dọc TDP Đêu 3	Đường dân sinh Đêu 1 - Đêu 3 từ ngã tư Đêu 2-Bản Vệ (nhà văn hóa)	Đường Nguyễn Quang Bích nhà ông Chu Văn Dọc TDP Đêu 3	1,00
43	Đường dân sinh Đêu 2 từ ngã ba đường Đêu 2 - Bản Vệ (nhà ông Thiết) đến hết ranh giới nhà bà Ngoan TDP Đêu 2	Đường dân sinh Đêu 2 từ ngã ba đường Đêu 2 - Bản Vệ (đất ông Thiết)	Hết ranh giới đất bà Ngoan TDP Đêu 2	1,00
44	Đường bê tông TDP Đêu 1 từ ngã tư Bản Vệ (nhà ông Hò) đến hết ranh giới nhà ông Tom	Đường bê tông TDP Đêu 1 từ ngã tư Bản Vệ (đất ông Hò)	Hết ranh giới đất ông Tom	1,00
45	Đường liên thôn Đêu 1 - Đêu 4 từ ngã 3 đường Đêu 2 Bản Vệ nhà ông Cánh (thôn Đêu 1) đến hết ranh giới nhà ông Đức Hợp (thôn Đêu 4)	Đất ông Cánh TDP Đêu 1	Hết ranh giới đất bà Hương (Đêu 4) sau vị trí 1 đường Nguyễn Quang Bích	1,10
46	Đường Nậm Đông	Ranh giới đất ông Dung Duyên	Hết ranh giới đất ông Chu Văn Tượng	1,00
		Đoạn tiếp theo	Hết ranh giới đất ông Trận	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
47	Trục đường bê tông từ giáp ranh xã Liên Sơn) đến hết bản Noong Khoang 1	Giáp ranh xã Liên Sơn	Hết ranh giới đất nhà ông Chảng	1,10
		Ranh giới đất ông Chảng	Hết ranh giới đất ông Lò Văn Liêng	1,00
		Ranh giới đất ông Chảng	Hết ranh giới đất nhà ông Vì Văn Thìn (hướng đi tổ dân phố Bản Lọng)	1,15
		Nhà ông Lường Văn Xuân	Giáp ranh giới xã Liên Sơn (hướng đi bãi rác)	1,15
48	Các tuyến đường khác còn lại			1,50

7. PHƯỜNG TRUNG TÂM

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đường Điện Biên	Từ ngã tư (rẽ đường tránh Quốc Lộ 32 và Khu 10 phát triển đất Khu)	Hết số nhà 152	1,00
		Từ giáp số nhà 152	Hết số nhà 188	1,00
		Từ giáp số nhà 188	Hết số nhà 208	1,00
		Từ giáp số nhà 208	Hết số nhà 222	1,00
		Từ giáp số nhà 222	Hết khách sạn Nghĩa Lộ số nhà 234	1,00
		Từ ranh giới ông Cường (Trung tâm mua sắm Thanh Cường)	Ngã tư ngân hàng Nông nghiệp và PTNT	1,00
2	Đường Quốc lộ 32	Từ ngã ba cầu Nung (nhà ông Dũng Tổ 2 phường Trung Tâm	Hết ô đất số 646 (Khu đấu giá TDP Bản Lè-Phán Thượng)	1,00
		Từ giáp ô đất số 646 (Khu đấu giá TDP Bản Lè-Phán Thượng)	Cầu giáp ranh giới Cây xăng khu 2 TDP bản Xa	1,00
		Từ ranh giới Cây xăng khu 2	Hết ranh giới Cây xăng và trạm dừng nghỉ của doanh nghiệp Việt Hoa.	1,00
		Từ giáp ranh giới Cây xăng và trạm dừng nghỉ của doanh nghiệp Việt Hoa.	Ngã Tư đèn đỏ vào Khu phát triển đất Khu 7, Khu 9	1,00
		Ngã Tư đèn đỏ vào Khu phát triển đất Khu 7, Khu 9	Đầu Ngã tư Bờ Hồ (đường rẽ vào Tổ DP Chao Hạ)	1,00
		Từ Đầu Ngã tư Bờ Hồ (đường rẽ vào Tổ DP Chao Hạ)	Hết khu phát triển đất (Khu 8)	1,00
		Hết khu phát triển đất (Khu 8)	Hết địa giới hành chính phường Trung Tâm	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
2	Đường Quốc lộ 32	Từ đầu Cầu Thia (mới)	Hết ranh giới khu đấu giá TDP Pá Xỏm. (Nhà ông Cơ, đường rẽ vào TDP Ta Tiu)	1,00
		Từ giáp ranh giới khu đấu giá TDP Pá Xỏm. (Nhà ông Cơ, đường rẽ vào TDP Ta Tiu)	Ngã ba cây xăng (đường rẽ vào Năm Hăn)	1,00
		Từ đầu cầu Thia cũ	Đoạn ngã ba tuyến tránh (Nhà ông Thăng Tinh)	1,00
		Từ ngã ba cây xăng (đường rẽ vào Năm Hăn)	Giáp ranh giới đất ông Thắng (Tinh)	1,00
		Từ ranh giới đất ông Thắng (Tinh)	Cổng ngang qua đường (Cổng Phương Sa)	1,00
		Cổng ngang qua đường (Cổng Phương Sa)	Đường rẽ vào Công ty chè Nghĩa Lộ	1,00
		Đường rẽ vào Công ty chè Nghĩa Lộ	Hết ranh giới nhà ông Minh Sen	1,00
		Ranh giới nhà ông Minh Sen	Hết ranh giới nhà ông Vĩ Dương	1,00
		Ranh giới nhà ông Vĩ Dương	Hết ranh giới nhà ông Hiền Vượng	1,00
		Ranh giới nhà ông Hiền Vượng	Hết ranh giới nhà ông Đoàn Văn Huynh	1,00
		Ranh giới nhà ông Đoàn Văn Huynh	Hết ranh giới nhà ông Phạm Minh Tuyên	1,00
		Ranh giới nhà ông Phạm Minh Tuyên	Giáp ranh xã Văn Chấn	1,00
3	Đường Nguyễn Thái Học (QL 32 Nghĩa Lộ đi xã Mù Cang Chải)	Nhà Thờ họ đạo số nhà 02	Hết số nhà 46	1,00
		Số 48	Hết số nhà 58	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
4	Đường Hoàng Liên Sơn (đốc Đỏ - chợ Mường Lò đi xã Mù Cang Chải)	Số nhà 01 và số nhà 02	Hết ranh giới Công ty thủy lợi 2 số nhà 21 (Cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 21	Hết số nhà 81 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 81	Hết số nhà 122 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 122	Hết số nhà 149 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 149	Hết số nhà 198 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 198 và Giáp ranh giới nhà ông bà Tuấn Bường	Hết số nhà 258 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 258	Hết số nhà 300 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 300	Hết số nhà 320 (cả 2 bên đường)	1,00
4	Đường Hoàng Liên Sơn (đốc Đỏ - chợ Mường Lò đi xã Mù Cang Chải)	Giáp số nhà 320	Hết số nhà 338A (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 338A	Hết số nhà 372 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 372	Hết số nhà 458 (cả 2 bên đường)	1,00
		Số nhà 458	Hết số nhà 504	1,00
		Giáp số nhà 508	Đầu cầu Nung (Cầu Nung mới)	1,00
5	Đường Thanh Niên (Từ Đường Điện Biên đến đường Hoàng Liên Sơn)	Cầu trắng (giáp ranh giới đất ông Cường Thanh)	Giáp số nhà 03	1,00
		Số nhà 03	Hết số nhà 37	1,00
		Giáp số nhà 02	Giáp số nhà 46	1,00
		Giáp số nhà 46	Hết số nhà 66	1,00
		Thửa đất số 631 (Khu 1)	Hết thửa đất số 662 (Khu 1)	1,00
		Thửa đất số 663 (khu 1)	Hết thửa đất số 584	1,00
		Thửa đất số 584	Giáp đường tránh Quốc lộ 32	1,00
		Đường tránh Quốc lộ 32	Giáp VT 1 đường bao suối Thia	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
6	Đường Phạm Ngũ Lão (Từ Đường Điện Biên đến đường Hoàng Liên Sơn)	Số nhà 01	Hết số nhà 47 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 47	Hết số nhà 79 (cả 2 bên đường)	1,00
		Ngõ 37 Phạm Ngũ Lão (đường Phạm Ngũ Lão)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Từ số nhà 01 đến hết số nhà 13	1,00
		Ngõ 49 đường Phạm Ngũ Lão (đường Phạm Ngũ Lão)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Sau ranh giới đất bà Tân đến hết số nhà 15	1,00
		Ngõ 52 đường Phạm Ngũ Lão: số nhà 01	Hết số nhà 09	1,00
		Ngách 6/ngõ 37 đường Phạm Ngũ Lão ranh giới đất ông Diệt	Hết ranh giới đất bà Phúc (Tổ 13)	1,00
7	Các ngõ đường Hoàng Liên Sơn	Ngõ 115 đường Hoàng Liên Sơn: số nhà 01	Hết số nhà 15	1,00
		Ngõ 239 đường Hoàng Liên Sơn: số nhà 01	Hết số nhà 11	1,00
		Ngõ 70 đường Hoàng Liên Sơn: số nhà 01	Hết số nhà 18	1,00
		Ngõ 104 đường Hoàng Liên Sơn: Số nhà 02	Hết số nhà 12 và từ số nhà 03 đến Hết số nhà 09	1,00
		Ngõ 223 đường Hoàng Liên Sơn (Sau VT1 đường Hoàng Liên Sơn)	Hết thửa đất số 472	1,00
		Ngõ 226 đường Hoàng Liên Sơn số nhà 02	Hết số nhà 26	1,00
		Ngõ 282 đường Hoàng Liên Sơn số nhà 01	Hết số nhà 17	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
7	Các ngõ đường Hoàng Liên Sơn	Ngõ 282 đường Hoàng Liên Sơn giáp số nhà 17	Hết số nhà 37 và Hết số nhà 38	1,00
		Ngõ 225 đường Hoàng Liên Sơn: Số nhà 01	Hết ranh giới đất bà Huệ	1,00
		Ngõ 120 đường Hoàng Liên Sơn: Số nhà 01	Hết số nhà 16	1,00
		Ngõ 310 đường Hoàng Liên Sơn: Số nhà 02; số nhà 01	Hết số nhà 18	1,00
		Ngõ 336 đường Hoàng Liên Sơn: Số nhà 01	Hết số nhà 13	1,00
8	Đường đi cầu Nung cũ (từ đường Quốc lộ 32 nhà ông Mến phường Trung Tâm và nhà ông Chài phường Pú Trạng) đến đầu cầu Nung cũ (đường đi cầu Nung cũ)	Đoạn nhà ông Mến phường Trung Tâm nhà ông Chài phường Pú Trạng	Hết ranh giới nhà ông Đại (cả hai bên đường)	1,00
		Ranh giới nhà ông Đại	Hết ranh giới nhà bà Hà phường Trung Tâm và ông Hoàn phường Pú Trạng (đầu cầu Nung cũ)	1,00
8	Đường đi cầu Nung cũ (từ đường Quốc lộ 32 nhà ông Mến phường Trung Tâm và nhà ông Chài phường Pú Trạng) đến đầu cầu Nung cũ (đường đi cầu Nung cũ)	Ngõ vào nhà ông Công TDP Bản Lè II: sau Vị trí 1 đường cầu Nung cũ	Hết ranh giới nhà ông Công.	1,00
		Ngõ 624 đường Hoàng Liên Sơn sau vị trí 1 đường Hoàng Liên Sơn	Đường tránh Quốc lộ 32	1,00
		Ngõ 396 đường Hoàng Liên Sơn số nhà 01	Số nhà 06	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
9	Ngõ 212 đường Điện Biên:	Số nhà 01	Hết số nhà 09	1,00
		Giáp số nhà 09	Hết số nhà 19 và số nhà 30	1,00
		Giáp số nhà 30	Hết cửa hàng được (Đường bao chợ Mường Lò)	1,00
10	Ngõ 242 đường Điện Biên	Số nhà 01	Hết số nhà 07	1,00
		Số nhà 09	Hết số nhà 21	1,00
		Ngõ 236 đường Điện Biên: số nhà 02	Hết số nhà 08 và từ số nhà 01 đến Hết số nhà 13	1,00
11	Ngõ 178 đường Điện Biên	Số nhà 01	Hết số nhà 07	1,00
		Giáp số nhà 07	Hết số nhà 16	1,00
		Ngõ 162 đường Điện Biên: số nhà 01	Hết số nhà 21 (cả 2 bên đường)	1,00
12	Đường Trần Quốc Toản (Từ Đường Điện Biên đến đường Hoàng Liên Sơn): Từ số nhà 02 đến hết số nhà 22 và số nhà 11	Đường Trần Quốc Toản (Đường Điện Biên	Đường Hoàng Liên Sơn: Từ số nhà 02 đến Hết số nhà 22 và số nhà 11	1,00
13	Đường Kim Đồng (Từ Đường Điện Biên đến đường Hoàng Liên Sơn): Từ số nhà 01 đến hết số	Đường Kim Đồng (Đường Điện Biên)	Đường Hoàng Liên Sơn: Từ số nhà 01 đến Hết số nhà 29	1,00
		Ngõ số 7 đường Kim Đồng (đường Kim Đồng)	Đường Trần Quốc Toản: Từ số nhà 02 đến Hết số nhà 06	1,00
		Ngõ số 19 đường Kim Đồng (đường Kim Đồng)	Đường Trần Quốc Toản: Từ số nhà 02 đến Hết số nhà 08	1,00
14	Đường Phạm Quang Thắm (Từ đường Điện Biên gặp đường Nguyễn Thái Học)	Số nhà 01	Hết số nhà 33 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 33	Hết nhà ông Sơn (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp nhà ông Sơn	Hết số nhà 99	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
15	Ngõ 18 đường Phạm Quang Thắm	Số nhà 01	Hết số nhà 07 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 07	Hết số nhà 19	1,00
16	Ngõ 43 đường Phạm Quang Thắm	Số nhà 01	Hết số nhà 08	1,00
17	Ngõ 42 đường Phạm Quang Thắm	Đầu đường	Cuối đường	1,00
18	Ngõ 8 đường Phạm Quang Thắm	Số nhà 01	Hết số nhà 05; số nhà 04	1,00
19	Đường Nghĩa Tân (đường Thanh Niên gặp đường Nguyễn Thái Học)	Số nhà 02	Hết số nhà 26 và từ số nhà 01 đến Hết số nhà 23	1,00
		Số nhà 25	Hết số nhà 63 (cả 2 bên đường)	1,00
20	Đường Pá Kết (Từ đường Hoàng Liên Sơn đi hết địa giới phường Trung Tâm)	Số nhà 02	Hết số nhà 16 (Ta luy âm)	1,00
		Sau vị trí 1 đường Hoàng Liên Sơn	Hết số nhà 03 (Ta luy dương)	1,00
		Số nhà 18	Hết số nhà 28 (Ta luy âm)	1,00
		Giáp Số nhà 03	Hết số nhà 11 (Ta luy dương)	1,00
		Giáp Số nhà 28	Hết số nhà 31 (Cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp Số nhà 31	Giáp ngõ 13 đường Nghĩa Lợi	1,00
		Ngõ 9 đường Pá Kết: số nhà 03	Hết số nhà 15 (cả 2 bên đường)	1,00
		Ngõ 5 đường Pá Kết: số nhà 02	Hết số nhà 06	1,00
		Ngõ 28 đường Pá Kết: số nhà 01	Hết ranh giới Nhà Văn Hóa số nhà 07	1,00
21	Đường Tô Hiệu	Số nhà 02	Hết số nhà 18	1,00
		Giáp số nhà 18	Hết số nhà 54 và số nhà 75 (Cả 2 bên đường)	1,00
22	Ngõ 44 đường Tô Hiệu (từ đường Tô Hiệu đến đường Bản Lè)	Từ số nhà 01 đến	Sau vị trí 1 đường TDP Bản Lè (sau ranh giới nhà ông Tâm Vê)	1,00
23	Ngõ 36 đường Tô Hiệu	Từ đầu đường	Cuối đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
24	Đường nội bộ khu phát triển đất (Cạnh trường Tô Hiệu)	Đầu đường	Cuối đường	1,00
25	Đường nội bộ khu phát triển đất (Sau trường Nguyễn Trãi)	Đầu đường	Cuối đường	1,00
26	Đường Bản Lè (Từ đường Hoàng Liên Sơn đến hết địa giới phường Trung Tâm)	Số nhà 01	Hết số nhà 35 và từ số nhà 02 đến Hết số nhà 22	1,00
		Giáp số nhà 22	Hết số nhà 62 (cả hai bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 62	Đường Quốc Lộ 32L (cả 2 bên đường)	1,00
		Ngõ 61 đường TDP Bản Lè số nhà 02	Số nhà 12	1,00
		Ngõ 37 đường TDP Bản Lè sau vị trí 1	Số nhà 10	1,00
		Ngõ 75 đường TDP Bản Lè từ đường Bản Lè	Đường Quốc lộ 32 Hết SN 5 ranh giới đất ông Cương	1,00
		Đoạn đường Quốc Lộ 32 (nhà ông Ôn, ông Nhọt)	Đường đi cầu Nung cũ	1,00
27	Đường Cang Nà: Từ đường Điện Biên đến đất ông Yêm	Số nhà 02	Hết số nhà 08 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 08	Hết số nhà 34 (cả 2 bên đường)	1,00
		Ngõ 22 đường Cang Nà: số nhà 02	Hết số nhà 18 (cả 2 bên đường)	1,00
		Ngõ 16 đường Cang Nà: số nhà 02	Hết số nhà 11 (cả 2 bên đường)	1,00
		Ngõ 8 đường Cang Nà: số nhà 03	Hết số nhà 09	1,00
28	Đường nội bộ khu Phát triển đất Tổ Cang Nà (Sau cây Xăng Dốc đỏ)	Sau VT1 đường Trần Phú	Gặp đường Cang Nà	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
29	Đường Võ Thị Sáu (Từ đường Hoàng Liên Sơn đi Công an phường Trung Tâm)	Số nhà 01	Hết số nhà 09 (cả 2 bên đường)	1,00
		Số nhà 11	Hết số nhà 19	1,00
		Đoạn số nhà 19	Nhà ông Tâm	1,00
		Ngõ 18 đường Võ Thị Sáu: Sau vị trí 1 đường Võ Thị Sáu	Hết số nhà 11	1,00
30	Đường Hoàng Văn Thọ	Sau vị trí 1 đường Võ Thị Sáu	Hết ranh giới chợ C	1,00
		Ranh giới chợ C	Hết ranh giới nhà bà Hiền (Giáp ngõ 28 đường Pá Kết)	1,00
		Giáp ngõ 28 đường Pá Kết	Giáp ranh giới nhà ông Mè	1,00
		Ranh giới nhà ông Mè	Ngã 3 đường đi TDP Bản Xa	1,00
31	Đường nội bộ Khu 6	Giáp đường Hoàng Văn Thọ	Giáp chợ mở rộng	1,00
		Các đường nội bộ còn lại của Khu 6		1,00
32	Các đường nội bộ Khu 1 (Băng 1)	Đầu đường	Cuối đường	1,00
33	Các đường nội bộ Khu 1 (Băng 2)	Đầu đường	Cuối đường	1,00
34	Đường Trần Phú	Đầu đường	Cuối đường Trần Phú	1,00
35	Đường nội bộ khu phát triển đất (Đối diện Tôn Hoa Sen)	Đầu đường	Cuối đường	1,00
36	Đường liên TDP Phán Hạ + Phán Thượng + Sà Rèn	Đường tránh Quốc lộ 32 (qua ranh giới nhà ông Túm, nhà ông Ngàn)	Hết ranh giới nhà ông Kháng TDP Phán Thượng	1,00
		Đoạn tiếp theo (giáp ranh giới nhà ông Kháng)	Hết ranh giới nhà ông Đình Văn Chiến TDP Phán Hạ	1,00
		Giáp ranh giới nhà ông Kháng	Hết ranh giới nhà bà Hòa TDP Sà Rèn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
36	Đường liên TDP Phán Hạ + Phán Thượng + Sà Rèn	Ngã ba đường Phán Thượng (giáp ranh giới nhà ông Ngành) đi TDP bản Xa	Hết ranh giới nhà bà Thanh	1,00
		Ngã ba đường liên TDP Phán Thượng (giáp ranh giới đất ông Túm)	Ngã ba Phán Thượng (Hết ranh giới đất ông Chính)	1,00
		Ngã ba đường liên TDP Phán Hạ (giáp ranh giới nhà ông Phong)	Hết ranh giới nhà ông Chôm	1,00
		Ngã ba ranh giới đất ông Khương	Giáp Suối Nung (Sà Rèn)	1,00
		Ngã ba nhà văn hóa TDP Sà Rèn	Hết ranh giới đất ông Học Sà Rèn	1,00
		Đầu đường khu tái định cư Phán Thượng	Cuối đường khu tái định cư Phán Thượng	1,00
		Đường Sà Rèn đất nhà ông Lò Văn Bình	Hết đất nhà ông Lò Văn Tiến	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Phán Thượng	Cuối các tuyến đường khác còn lại TDP Phán Thượng	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Sà Rèn (Tổ 1, bản Phán Hạ)	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Sà Rèn (Tổ 1, bản Phán Hạ)	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Sà Rèn (Tô, Bản Sà Rèn)	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Sà Rèn (Tô, Bản Sà Rèn)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
37	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Từ đường Điện Biên gặp đường Hoàng Liên Sơn)	Số nhà 02; số nhà 01	Hết số nhà 11 (cả 2 bên đường)	1,00
		Giáp số nhà 11	Hết số nhà 73	1,00
		Giáp số nhà 73	Hết số nhà 89	1,00
		Ngõ 75 đường Nguyễn Thị Minh Khai: số nhà 02	Hết số nhà 16	1,00
		Ngõ 39 đường Nguyễn Thị Minh Khai: số nhà 02	Hết số nhà 10	1,00
38	Đường Bản Xa	Nhà ông Tâm	Hết ranh giới nhà ông Kem (nhánh 1)	1,00
		Nhà ông Tâm	Đường tránh Quốc lộ 32 (nhánh 2)	1,00
		Nhà ông Tâm	Nhà ông Sơ	1,00
		Đoạn tiếp theo thửa đất số 209 Khu 5	Giáp đường Quốc lộ 32 thửa đất số 86 Khu 5	1,00
		Đoạn nhà ông Phương	Cầu treo TDP bản Xa	1,00
		Ranh giới nhà ông Lâm	Hết ranh giới nhà ông Pắt	1,00
		Đường dân sinh TDP Bản Xa đoạn ngã ba ranh giới Nhà văn hóa	Hết ranh giới đất ông Thiệp	1,00
		Đoạn đất nhà Lò Văn An	Hết đất nhà ông Lò Minh Tâm	1,00
		Đoạn đất nhà Hoàng Văn Lâm	Hết đất nhà ông Hà Văn Ấu	1,00
		Đoạn đất nhà Hoàng Văn Quế	Hết đất nhà ông Lò Văn Nga	1,00
38	Đường Bản Xa	Đầu Đường nội bộ khu 11	Cuối Đường nội bộ khu 11	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Bản Xa	Cuối các tuyến đường khác còn lại TDP Bản Xa	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
39	Đường Chao Hạ 1	Ngã tư đường Chao Hạ - TDP Bản Xa (giáp ranh giới nhà ông Ôn)	Nhà bà Nườn (nhánh 1)	1,00
		Ngã 3 nhánh 1 (giáp ranh giới nhà ông Ún)	Hết ranh giới nhà ông Nghĩa Chao Hạ 2	1,00
		Ngã 3 đường Chao Hạ - TDP Bản Xa (giáp ranh giới nhà bà Lột)	Hết ranh giới nhà bà Kỳ TDP Sang Hán	1,00
		Đoạn đất nhà Hoàng Thị Tích qua đất nhà ông Hoàng Văn Phúc	Hết đất nhà ông Vũ Đức Đình	1,00
		Đầu các tuyến đường còn lại thuộc TDP Chao Hạ 1	Cuối các tuyến đường còn lại thuộc TDP Chao Hạ 1	1,00
40	Đường Chao Hạ - Bản Xa (đoạn từ giáp phường cầu Thia đến nhà ông Thuận qua Khu 7, Khu 9 và đường liên TDP Xa đi Sang Thái đến đường Thanh Niên)	Giáp ranh giới phường cầu Thia	Hết ranh giới nhà ông Thuận	1,00
		Đoạn giáp ranh giới nhà ông Thuận	Ngã 3 đường đi khu tái định cư đường đi Sang Hán	1,00
		Ngã 3 đường đi khu Tái định cư (đường đi Sang Hán)	Đường Thanh Niên	1,00
41	Đường Chao Hạ 2	Nhà ông Nghĩa	Hết ranh giới nhà ông Sách	1,00
		Giáp ranh giới ông Đình	Hết ranh giới nhà ông Cù (Sang Thái)	1,00
		Đường dân sinh Chao Hạ 2 đoạn ngã ba giáp ranh giới ông Sách	Hết ranh giới nhà ông Luân Chao Hạ 2	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Chao Hạ 2	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Chao Hạ 2	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
42	Đường TDP Nà Làng (từ giáp đường Thanh Niên đến cổng TDP Phán Thượng)	Giáp đường Thanh Niên	Giáp đường tránh Quốc lộ 32	1,00
		Giáp đường tránh Quốc lộ 32	Cổng TDP Phán Thượng	1,00
		Đoạn đất nhà Vi Văn Hiền	Hết đất nhà ông Hà Văn Nghèn	1,00
		Đoạn đất nhà Hoàng Văn Phượng	Hết đất nhà ông Lường Văn Sang	1,00
		Đoạn đất nhà bà Vi Thị Định	Hết đất nhà ông Hà Văn Xôm	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Nà Làng	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Nà Làng	1,00
43	Đường Sang Đóm	Từ cầu Sang Đóm	Đường vành đai Suối Thia	1,00
		Ranh giới nhà ông Phòng (Sang Đóm)	Hết ranh giới nhà ông È	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Sang Đóm	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Sang Đóm	1,00
44	Đường khu tái định cư	Ngã tư đường Chao Hạ - Bản Xa (khu ranh giới nhà ông Can bản Sang Thá	Ngã tư trạm biến áp Sang Hán	1,00
		Ngã tư trạm biến áp	Đất nhà Lường Văn Hà	1,00
		Đầu Đường nội bộ khu tái định cư Sang Hán	Cuối Đường nội bộ khu tái định cư Sang Hán	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Sang Hán	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Sang Hán	1,00
45	Đường nội bộ Khu 2	Đầu đường nội bộ Khu 2	Cuối Đường nội bộ Khu 2	1,00
46	Đường nội bộ Khu 5	Đoạn đường Nghĩa Lợi	Hết chợ mở rộng	1,00
		Đầu Các đường nội bộ còn lại khu 5	Cuối Các đường nội bộ còn lại khu 5	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
47	Đường Vành đai Suối Thia (từ cầu treo TDP bản Xa đến tiếp giáp ranh giới phường Cầu Thia)	Đường Vành đai Suối Thia (cầu treo TDP bản Xa	Tiếp giáp ranh giới phường Cầu Thia	1,00
48	Đường vào khu 7 và khu 9	Đoạn đường Quốc lộ 32	Đường Chao Hạ, TDP Bản Xa	1,00
		Đoạn tiếp theo đường Chao Hạ, TDP Bản Xa	Hết khu 9	1,00
		Đầu Các đường Nội bộ khu 7, khu 9	Cuối Các đường Nội bộ khu 7, khu 9	1,00
49	Các đường nội bộ khu 3 và khu 4	Đầu Các đường nội bộ khu 3 và khu 4	Cuối Các đường nội bộ khu 3 và khu 4	1,00
50	Đường nội bộ khu dân cư Chao Hạ 1 (giáp khu 8)	Đầu Đường nội bộ khu dân cư Chao Hạ 1 (giáp khu 8)	Cuối Đường nội bộ khu dân cư Chao Hạ 1 (giáp khu 8)	1,00
51	Đường Sang Thái	Từ đất nhà ông Lường Văn Tư	Hết đất nhà bà Lường Thị Ề đến cầu Sang Đóm	1,00
		Từ nhà ông Hoàng Văn Mặc	Hết đất nhà ông Lường Văn Hà	1,00
		Đầu Các tuyến đường khác còn lại TDP Sang Thái	Cuối Các tuyến đường khác còn lại TDP Sang Thái	1,00
52	Các đoạn đường trục chính	Đoạn Quốc lộ 32 rẽ đi Thanh Lương	Hết ranh giới nhà bà Năm Dực	1,00
		Đoạn tiếp theo đất nhà bà Năm Dực	Ranh giới phường Cầu Thia	1,00
		Đoạn Quốc lộ 32	Hết ranh giới nhà bà Thái Tươi	1,00
		Nhà bà Thái Tươi	Hết khu vực trạm xá	1,00
		Sau VT1 (đường trạm vào xá)	Ranh giới phường Cầu Thia	1,00
		Sau VT1 đường đi trạm xá	Nhà Văn hoá TDP 3	1,00
		Đoạn Quốc Lộ 32	Khu nhà ông Kính Doanh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
53	Các đoạn đường trục chính	Đoạn sau vị trí 1 Quốc Lộ 32	Nhà ông Đức Oanh	1,00
		Nhà Ông Đức Oanh	Nhà bà Đồng Thị Nhùn	1,00
		Đoạn Quốc lộ 32	Hết ranh giới phường Trung Tâm (Đi xã Phình Hồ)	1,00
		Đoạn sau vị trí 1 Quốc lộ 32	Nhà ông Dung Văn Hiệp	1,00
		Nhà ông Dung Văn Hiệp	Nhà ông Vũ Đức Hùng	1,00
		Nhà ông Dung Văn Hiệp	k h	1,00
		Đến nhà bà Bài	Đinh Công Kiên	1,00
		Đến nhà bà Bài	Bùi Minh Đức	1,00
		Đến nhà bà Bài	Nhà ông Đức (Sen)	1,00
		Đoạn sau vị trí 1 Quốc lộ 32 (ông Nguyên)	Đến hết đường bê tông	1,00
		Đoạn sau vị trí 1 Quốc lộ 32 (ông Hải)	Đến hết đường bê tông	1,00
		Sau vị trí 1 Quốc lộ 32 (nhà Dũng)	Đến hết đường bê tông	1,00
54	Đoạn từ Quốc lộ 32 rẽ đến khu chế biến	Đoạn Quốc lộ 32	Hết trường trung học cơ sở Nghĩa Lộ	1,00
		Từ tiếp giáp đất bà Lan	Hết Công ty cổ phần chè Nghĩa Lộ	1,00
		Từ trường trung học cơ sở Nghĩa Lộ	Cổng khu chế biến	1,00
		Cổng khu chế biến	Cầu sang tổ dân phố Năm Hăn	1,00
55	Đoạn từ Quốc lộ 32 rẽ đi Tổ dân phố Năm Hăn Thượng (Đường giáp bờ hồ)	Đoạn Quốc lộ 32	Hết ranh giới nhà ông Bách	1,00
		Ranh giới nhà ông Bách	Giáp cầu sang tổ dân phố Năm Hăn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
56	Đoạn từ Quốc lộ 32 rẽ Đồng Lú	Đoạn Quốc lộ 32	Ngã ba nhà ông Mạnh Lã	1,00
		Sau vị trí 1 Đường đi Đồng Lú	Khu Trại Bò	1,00
		Từ nhà ông Mạnh Lã	Ngã ba nhà ông Tiêu (Tủa)	1,00
		Ngã ba nhà ông Tiêu (Tủa)	Nhà thờ Đồng Lú	1,00
		Ngã ba nhà ông Tiêu (Tủa)	Đi phường Cầu Thia	1,00
		Từ sau vị trí 1 Ngã ba ông Mạnh Lã	Hết đường bê tông đi trạm điện 220KV	1,00
57	Đoạn từ đầu cầu Ta Tiu đi thao trường Quân khu II	Đoạn đầu cầu Ta Tiu	Ngã tư nhà ông Khoáng	1,00
		Đoạn nhà ông Khoáng	Cổng nhà máy gạch Tuynel Văn Chấn	1,00
		Từ sau vị trí 1 ngã tư nhà ông Khoáng	Đi ngầm Ta Tiu	1,00
		Nhà Bà Huệ	Ngã ba đường trung tâm	1,00
		Nhà máy gạch Tuynel	Đội Suối Mùa	1,00
		Đoạn nhà bà Liễu	Cổng vào Nhà máy gạch Tuynel Văn Chấn	1,00
		Đoạn ngã ba nhà Bà Huệ	Đầu cầu mới (Cầu đường nối IC14)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
58	Các đường liên xã, phường	Đoạn rẽ tỉnh lộ 174	Hết ranh giới nhà ông Thường Thơm (đi TDP Chanh)	1,00
		Nhà ông Thường Thơm (đi TDP Chanh)	Đầu cầu treo TDP Chanh và Ngầm Suối Nhi	1,00
		Ngầm Suối Nhi	Ngã ba (Hết đất trụ sở UBND phường Trung Tâm)	1,00
		Ngã ba (Hết đất trụ sở UBND phường Trung Tâm)	Ngã ba vào nhà máy gạch Tuylen (Hết nhà ông Hải, ông Dũng)	1,00
		Đoạn tiếp theo hết đất Nhà ông Dũng	Hết ranh giới nhà ông Thuật (TDP bản Dao)	1,00
		Ranh giới nhà ông Thuật (TDP bản Dao)	Giáp ranh giới nhà ông Đài	1,00
		Ranh giới nhà ông Đài	Hết ranh giới nhà ông Chấn (TDP Phù Ninh)	1,00
58	Các đường liên xã, phường	Ranh giới nhà ông Chấn (TDP Phù Ninh)	Hết đường bê tông (Hết đất nhà ông Lường Văn Nguyên)	1,00
		Đường bê tông (Hết đất nhà ông Lường Văn Nguyên)	Giáp đất xã Sơn Lương	1,00
		Đoạn rẽ đường liên xã ngã Tư nhà ông Khoa (Xuân) đi vào TDP Cốc Cù	Hết đất nhà bà Hà Thị Viễn giáp đất xã Liên Sơn	1,00
		Sau vị trí 1 nhà ông Ngô Văn Lộ	Hết khu tái định cư Tổ dân phố Suối Dao	1,00
		Đoạn rẽ tỉnh lộ 174	Hết ranh giới nhà bà Chi Dừng	1,00
		Ranh giới nhà bà Chi Dừng	Giáp TDP bản Lào phường Cầu Thia	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
58	Các đường liên xã, phường	Đoạn rẽ từ Quốc Lộ 32	Hết đất nhà văn hóa TDP Năm Hăn	1,00
		Đoạn rẽ Quốc Lộ 32	ngã tư nhà ông Toàn Dịu; TDP Năm Hăn Thượng	1,00
		Ngã tư nhà ông Toàn Dịu	Hết đất tái định cư Năm Hăn Thượng.	1,00
		Ngã ba nhà ông Canh Lực	Đường rẽ xuống ngầm Ta Tiu.	1,00
		Ngã ba nhà ông Canh Lực	Hết đường Năm Hăn Thượng giáp đất tổ dân phố số 16 (Cầu Bê tông Năm Hăn Thượng	1,00
		Đoạn rẽ ngã Năm, Quốc Lộ 32 đi vào TDP Pá Xỏm	Ngã ba đường liên xã ông Việt Lai TDP Pá Xỏm.	1,00
		Đoạn rẽ ngã ba, Quốc Lộ 32 nhà bà Sáu đi vào khu tái định cư	Hết đất nhà ông Tiên (Thu).	1,00
59	Đường Nội bộ khu Phát triển đất Tổ DP Lọng, Phường Trung Tâm	Đường khu Tái định cư TDP Lọng	Hết khu Phát triển đất.	1,00
60	Đoạn từ sau nhà ông Cương Nhọt đến gặp đường đầu nối với Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Đoạn sau nhà ông Cương Nhọt	Gặp đường đầu nối với Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	1,00
61	Từ đường đầu nối với Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) đến sau vị trí 1 đường đi Thao trường quân khu II	Đường đầu nối với Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Sau vị trí 1 đường đi Thao trường quân khu II	1,00
62	Từ sau vị trí 1 cổng chào tổ dân phố Phù Ninh đến đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) đến sau vị trí 1 đường đi thao trường Quân khu II	Sau vị trí 1 cổng chào tổ dân phố Phù Ninh	Đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) đến sau vị trí 1 đường đi thao trường Quân khu II	1,00
63	Từ sau vị trí 1 đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) đến bờ hồ nhà ông Cường (Hồ 1)	Sau vị trí 1 đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Bờ hồ nhà ông Cường (Hồ 1)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
64	Từ sau nhà ông Lạc đến hết nhà ông Lò Văn Thắng (Lũng Mu)	Sau nhà ông Lạc	Hết nhà ông Lò Văn Thắng (Lũng Mu)	1,00
65	Từ ngã tư TDP bản Long đến giáp đường đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Ngã tư TDP bản Long	Giáp đường đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	1,00
66	Đoạn từ sau VT1 đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) tiếp theo đến nhà ông Đinh Văn Tinh	Đoạn sau VT1 đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) tiếp theo	Nhà ông Đinh Văn Tinh	1,00
67	Đoạn từ ngã ba nhà ông Lò Văn Ngời (TDP Cốc Cũ) đến đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Đoạn ngã ba nhà ông Lò Văn Ngời (TDP Cốc Cũ)	Đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	1,00
68	Đoạn từ sau VT1 đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14) đến đường Bê tông xã Sơn Lương	Đoạn sau VT1 đường nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Đường Bê tông xã Sơn Lương	1,00
69	Đường bê tông từ cổng chào Tổ dân phố Chanh đến hết vị trí 1 (ngã ba cạnh UBND phường Trung Tâm)	Đường bê tông cổng chào Tổ dân phố Chanh	Hết vị trí 1 (ngã ba cạnh UBND phường Trung Tâm)	1,00
70	Các tuyến đường khác còn lại			1,50

8. PHƯỜNG SA PA

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 4D	Giáp địa phận xã Tả Phìn	Ngã 3 đường tránh QL 4D	1,00
		Ngã 3 đường tránh QL 4D (Km110)	Đường vào trụ sở Công ty GX Sa Pa	1,20
		Đất trường Võ Thị Sáu	Đường đi Bản Khoang	1,10
		Đường đi Bản Khoang	Km91+700 QL4D	1,10
		Km91+700 QL4D	Giáp đất Lai Châu	1,20
2	Đường tránh Quốc lộ 4D			1,20
3	Tỉnh lộ 152	Đường lên thôn Hang Đá	Đường bê tông vào công viên văn hóa Mường Hoa	1,00
		Cổng vào dự án công viên văn hóa Mường Hoa	Suối vàng	1,00
		Suối Vàng	Hết địa phận phường Sa Pa	1,00
4	Tỉnh lộ 155	QL4D	Hết địa phận phường Sa Pa	1,40
5	Đường Điện Biên Phủ	Ngõ 347	Ngã ba Thạch Sơn - Điện Biên Phủ	1,00
		Ngã ba Thạch Sơn - Điện Biên Phủ	Đường Nguyễn Viết Xuân và đường Đỗ Quyên	1,00
		Đường Nguyễn Viết Xuân và đường Đỗ Quyên	Ngõ 606	1,00
		Ngõ 606	Đường T1 Khu Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc	1,00
		Đường T1 Khu Tái định cư và sắp xếp dân cư Tây Bắc	Cổng trường nội trú	1,00
		Cổng Trường Nội trú	Ngã 3 đường tránh Quốc lộ 4D	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
5	Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 đường tránh Quốc lộ 4Đ	Giáp đất trường Võ Thị Sáu	1,00
		Đường vào trụ sở Công ty GX Sa Pa	Đường vào Trung tâm Dạy nghề	1,00
		Đường vào Trung tâm Dạy nghề	Hết số nhà 275	1,00
		Số nhà 275	Hết số nhà 347	1,00
6	Đường Violet	Đường Mường Hoa	Đường Fan Si Păng	1,20
7	Đường Fan Si Păng	Ngã 3 đường Violet	Hết cổng Bảo tồn	1,00
8	Đường Fan Si Păng	Ngã 5	Phố Cầu Mây	1,00
		Phố Cầu Mây	Giáp nhà nghỉ Cát Cát	1,00
		Nhà nghỉ Cát Cát	Hết số nhà 58	1,00
		Hết nhà số 58	Ngã ba đường Violet	1,00
		Phố Đồng Lợi	Giáp nhà nghỉ Phương Nam (phần đường thấp hơn đường chính)	1,00
9	Đường đi khu du lịch Cát Cát	Cổng Bảo tồn	Đường lên lầu vọng cảnh (Công ty Việt Nhật)	1,00
		Đổi diện đường lên lầu vọng cảnh (công ty Việt Nhật)	Trạm y tế xã San Sả Hồ (cũ)	1,00
		Trạm y tế xã San Sả Hồ (cũ)	Ngã tư Cát Cát	1,00
10	Đường Mường Hoa	Phố Cầu Mây	Hết đất Khách sạn Sa Pa Lodge	1,20
		Hết đất Khách sạn Sa Pa Lodge	Hết số nhà 049	1,20
		Hết số nhà 049	Ngã ba đường Violet	1,20
		Ngã ba đường Violet	Đường đi thôn Hang Đá	1,20
11	Đường nối TL 152 đến QL 4Đ	TL 152 (nhà ông Triu)	Hết dự án Bản Mòng	1,50
		Hết dự án Bản Mòng	Hết địa phận phường Sa Pa	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
12	Đường qua nhà máy thủy điện Lao Chải	Đường TL 152	Ngã 3 đi thôn Ý Linh Hồ, Lao Chải San 2	1,50
		Ngã 3 đi thôn Ý Linh Hồ, Lao Chải San 2	Nhà ông Lò A Thắng	1,30
		Ngã 3 đi Ý Linh Hồ	Nhà ông Thào A Tung	1,30
13	Đường Lao Chải	Đường tỉnh lộ 152	Đầu cầu thôn Lao Hàng Chải	2,00
14	Tuyến đường từ Cát Cát đi Ý Linh Hồ	Cầu cứng thôn Cát Cát thuộc địa phận phường Sa Pa	Đập tràn đi Ý Linh Hồ	2,00
15	Các tuyến đường thuộc dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cầu Mây			1,50
16	Các đường thuộc công viên văn hóa Mường Hoa	-	-	1,00
17	Đường Sa Pả - Tả Phìn	Quốc lộ 4D	Đường tránh quốc lộ 4D	1,20
		Ngã 3 đường tránh quốc lộ 4D	Hết địa phận phường Sa Pa	1,50
18	Đường vào trụ sở Công ty Cổ phần đầu tư GX Sa Pa	Ngã ba đi HTX Hà Lâm Phong	Điểm trường Mầm Non Suối Hồ	1,20
		QL4D	Ngã ba đi HTX nắm Hà Lâm Phong	1,50
19	Đường đi nhà ông Giàng A Chu (Bí thư xã Sa Pả cũ)	Trường Mầm non	Suối Hồ	1,20
20	Đường Má Tra - đi thôn Can Ngải xã Tả Phìn	Đường đi Suối Hồ - Má Tra	Đường tránh Quốc lộ 4D	1,20
		Đường tránh Quốc lộ 4D	Hết địa phận phường Sa Pa	1,20
21	Đường đi Suối Hồ - Má Tra	Đường Điện Biên Phủ (giáp ông Lùng tổ 1)	Đường tránh QL 4D	1,50
22	Ngõ vào trường Lê Văn Tám	Đường Điện Biên Phủ	Hết đất nhà nghỉ Thiên Đường và nhà bà Hà	1,00
23	Ngõ Đoàn Kết (ngõ 152 đường Điện Biên Phủ)	Nhà số 01	Hết ngõ	1,00
24	Đường bê tông tổ 1 đi thôn Chu Lìn 1 xã Tả Phìn	Đường tránh QL4D	Hết địa phận phường Sa Pa	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
25	Chợ Văn hoá - Bến xe	Tuyến N1 (đường Điện Biên Phủ)	Đường N4	1,30
		Tuyến N1 (đoạn còn lại)		1,30
		Tuyến phố Đỗ Quyên (đường Điện Biên Phủ)	Đường N5	1,30
		Tuyến phố Đỗ Quyên (đoạn còn lại)		1,30
26	Đường khu tái định cư đường tránh Quốc lộ 4D			1,00
27	Ngõ Sơn Tùng	Phố Đỗ Quyên	Hết ngõ	1,20
28	Ngõ vào Công ty Nông Liên	Đường Điện Biên Phủ	Hết đất quy hoạch Trạm biến áp 110KV	1,20
29	Đường Sín Chải	Đoạn QL4D	600m	1,50
		Đoạn cách quốc lộ 4D 600m	Hết địa phận phường Sa Pa	1,50
30	Các ngõ còn lại	TDP số 1	Đường đi Bản Khoang dọc theo QL4D	1,20
		Đường đi Bản Khoang	Hết TDP số 2 dọc theo QL4D	1,50
31	Đường Lý Thị Dũ	Địa phận đường Sa Pa	Đường Sín Chải	1,50
		Ngã tư Cát Cát	Trường THCS	1,00
		Trường THCS	Trụ sở UBND xã Hoàng Liên	1,00
		Trụ sở UBND xã Hoàng Liên (cũ)	đến hết địa phận phường Sa Pa	1,00
32	Đường đi Suối Hồ	Đường Điện Biên Phủ	Hết nhà Lâm Mỹ	1,00
33	Ngõ vườn treo	Cách đường Điện Biên Phủ 50m	Hết sân bóng ông Thanh	1,00
		Cách đường Điện Biên Phủ 50m	Thiền viện Trúc Lâm	1,00
		Đường rẽ Thiền Viện	Hết ngõ	1,00
34	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Điện Biên Phủ	Cổng Traphaco	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
35	Đường HC1- đường quy hoạch Trung tâm hành chính mới xa Sa Pa	Các lô 1,2,3,4 thuộc LK4 và các lô 6,7,8 thuộc LK3		1,00
		Các lô 5,6,7 thuộc LK4		1,00
36	Đường HC4-đường quy hoạch Trung tâm hành chính mới xa Sa Pa	LK1, LK2 và các lô 1, 2,3, 4, 5 thuộc LK3		1,00
37	Ngõ giáp số nhà 636 đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	Hết ngõ	1,00
38	Các đường khu tái định cư Tây Bắc	Tuyến đường T1		1,20
		Các tuyến đường còn lại		1,20
39	Đường Thác Bạc	Ngõ giáp nhà số 021 đường Thác Bạc (đường vào nhà ông Xuân)	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,10
		Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Điện Biên Phủ	1,10
		Số nhà 011	Ngõ giáp số nhà 021 (đường vào nhà ông Xuân)	1,10
		Đường Fan Si Păng	Phố Thác Bạc	1,30
		Phố Thác Bạc	Số nhà 11	1,10
40	Ngõ giáp nhà số 021 đường Thác Bạc (ngõ nhà ông Xuân)	Đường Thác Bạc theo 2 hướng	Hết đất khách sạn Hà Nội và đến nhà điều dưỡng Công an tỉnh Lào Cai	1,00
41	Ngõ vào nhà ông Hiếu Liên (tổ 3)	Đường Thác Bạc vào ngõ nhà ông Hiếu Liên theo các hướng		1,00
42	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Thác Bạc	Đường vào đền Mẫu Thượng	1,10
		Đường vào đền Mẫu Thượng	Đường Điện Biên Phủ	1,00
43	Đường cũ vào Đài Khí tượng	Đường Nguyễn Chí Thanh	Lối lên cũ của Đài Khí tượng	1,00
44	Ngõ giáp số nhà 73 đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Nguyễn Chí Thanh	Nhà đá bà Thoa	1,00
45	Đường vào Đài Vật lý địa cầu	Đường Nguyễn Chí Thanh	Cổng Đài Vật lý địa cầu	1,00
46	Đường vào đền Mẫu Thượng	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Điện Biên Phủ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
47	Ngõ 95 đường Nguyễn Chí Thanh (ngõ vào trung tâm giống cũ)	Đường Nguyễn Chí Thanh	Khu nhà ở Sun Home	1,00
48	Ngõ 779 đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	Hết đường	1,00
49	Phố Hoàng Liên	Địa phận phường Sa Pa	Hết số nhà 33 Hoàng Liên (Viet Trekking)	1,00
		Phố Cầu Mây	Hết số nhà 12 Hoàng Liên (khách sạn Đoàn An Dưỡng 17 Sa Pa)	1,20
50	Ngõ phố Hoàng Liên	Phố Hoàng Liên	Hết địa phận phường Sa Pa	1,00
		Phố Hoàng Liên	Hết ngõ	1,00
51	Đường bậc	Đường Thác Bạc	Đường Nguyễn Chí Thanh	1,50
52	Ngõ 62 đường Phan Si Păng	Đường Phan Si Păng	Hết ngõ	1,20
53	Ngõ vào Nhà Văn hóa tổ dân phố số 2B	Đường Điện Biên Phủ	Nhà Văn hóa tổ dân phố số 2B	1,00
54	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Điện Biên Phủ	Phố Lương Đình Của	1,00
55	Phố Lương Đình Của	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngũ Chỉ Sơn	1,00
56	Phố Bé Văn Đàn	Phố Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Viết Xuân	1,00
57	Phố Điện Biên	Đường Điện Biên Phủ	Phố Lương Đình Của	1,00
58	Phố Kim Đồng	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Thạch Sơn	1,00
59	Phố Võ Thị Sáu	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Thạch Sơn	1,00
60	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Thạch Sơn	1,00
61	Phố Hoàng Văn Thụ	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Thạch Sơn	1,00
62	Phố Thủ Dầu Một	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Thạch Sơn	1,00
63	Phố Lê Văn Tám	Phố Hoàng Văn Thụ	Phố Võ Thị Sáu	1,00
64	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Thạch Sơn	1,00
65	Đường Xuân Viên	Đường Điện Biên Phủ	Phố Xuân Hồ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
66	Phố Lê Hồng Phong	Đường Điện Biên Phủ	Phố Xuân Hồ	1,00
67	Phố Xuân Hồ	Đường Xuân Viên	Đường Điện Biên Phủ	1,00
68	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ	Phố Xuân Hồ	1,00
		Phố Xuân Hồ	Hết phố Lê Quý Đôn	1,00
69	Ngõ Hùng Hồ I	Đoạn đường bê tông		1,50
70	Đường bậc Xuân Viên (Giáp số nhà 19)	Đường bậc phố Xuân Viên	Đường Hoàng Diệu	1,20
71	Ngõ Hùng Hồ II	Đường Hoàng Diệu	Ngõ Hùng Hồ I	1,20
72	Đường Sở Than	Đường Điện Biên Phủ	Phố Thác Bạc	1,20
73	Ngõ 19 đường Sở Than	Đường Sở Than	Đường Hoàng Diệu	1,00
74	Ngõ 36 đường Sở Than	Đường Sở Than	Hết ngõ	1,00
75	Ngõ 731 đường Điện Biên Phủ (Ngõ vào nhà ông Phẩm)	Đường Điện Biên Phủ	Đường Sở Than	1,00
76	Đường vào Đài Truyền hình (cũ)	Đường Đường Biên Phủ	Cổng Đài Truyền hình (cũ)	1,00
77	Đường Thạch Sơn	Đường Fan Si Păng (ngã 5 trường tiểu học thị trấn)	Hết số nhà 014 (KS Sa Pa Paradise) và hết số nhà 01 (Nhà nghỉ Linh Trang)	1,30
		Hết số nhà 014 (KS Sa Pa Paradise)	Phố Thủ Dầu Một	1,30
		Phố Thủ Dầu Một	Phố Kim Đồng	1,20
		Phố Kim Đồng	Ngã ba Thạch Sơn - Điện Biên Phủ	1,20
78	Ngõ giáp số nhà 40A đường Thạch Sơn	Đường Thạch Sơn	Hết số nhà 40B	1,50
79	Đường Ngũ Chỉ Sơn	Đường Xuân Viên	Đường Thạch Sơn	1,20
80	Phố Xuân Viên	Phố Hoàng Diệu	Phố Xuân Hồ	1,30
81	Phố Phạm Xuân Huân	Phố Hàm Rồng	Đường bậc Hàm Rồng	1,00
		Đường bậc Hàm Rồng	Hết phố	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
82	Phố Hàm Rồng	Đường Thạch Sơn	Đường bậc Hàm Rồng	1,00
83	Đường bậc Hàm Rồng	Phố Cầu Mây	Trạm soát vé khu du lịch Hàm Rồng	1,00
84	Đường vào nhà ông Thọ Loan	Đường bậc Hàm Rồng rẽ vào khu nhà ông Thọ Loan 70m		1,00
85	Phố Hoàng Diệu	Phố Xuân Viên	Khách sạn Victoria	1,00
86	Ngõ giáp số nhà 01 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Đường Sở Than	1,00
87	Ngõ 47 đường Phan Si Păng	Đường Phan Si Păng	Ngã ba đường vào nhà ông Thanh Thuý	1,00
88	Ngõ 54 Đường Phan Si Păng	Đường Phan Si Păng nhà bà Khánh Hải	Hết ngõ	1,00
89	Phố Thác Bạc	Ngã ba dưới của phố Thác Bạc N giao với đường Thác Bạc	Ngã ba trên của phố Thác Bạc giao với đường Thác Bạc	1,20
90	Phố Cầu Mây	Đường Thác Bạc	Hết phố Cầu Mây	1,40
91	Ngõ 20 Phố Tuệ Tĩnh (vào Phố Khuyên)	Hết nhà số 020	Hết đường	
92	Ngõ 09 đường Sở Than	Đường Sở Than	Hết ngõ	1,20
93	Ngõ 545, đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	Hết ngõ (bao gồm cả đường bậc)	1,40
94	Ngõ 30 đường Mường Hoa (cạnh Khách Sạn Charm)	Đường Mường Hoa	Hết ngõ	1,50
95	Đường Sâu Chua	Đường QL4D	Hết địa phận phường Sa Pa	1,50
96	Đường Sả Xéng	Đầu cầu 32	Hết nhà ông Đào Trọng Huân	1,50
		Nhà ông Đào Trọng Huân	Hết địa phận TDP số 3	1,50
97	Ngõ 03 đường Điện Biên Phủ (khu tập thể nông trường cũ)	Đường Điện Biên Phủ	Hết ngõ	1,20
98	Đường vào Trung tâm dạy nghề	Đường Điện Biên Phủ	Bệnh viện đa khoa số 4 tỉnh Lào Cai	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
99	Ngõ 233 đường Điện Biên Phủ (Đường khu tái định cư mở đất)	Đường Điện Biên Phủ	Hết đường	1,30
100	Ngõ 285 đường Điện Biên Phủ	Đường Điện Biên Phủ	Hết ngõ	1,20
101	Ngõ 09 đường Điện Biên Phủ (Đường vào khu sản xuất) thuộc TDP 1 phường Sa Pa	Đường QL4D	Hết khu đất	1,20
102	Đường vào khu sân bóng HTX Thanh Xuân	Đường bê tông đường vào Trung tâm dạy nghề	Sân bóng	1,20
103	Ngõ 273 đường Điện Biên Phủ thuộc TDP 1 phường Sa Pa	Đường Điện Biên Phủ	Hết đường	1,20
104	Ngõ 275 đường Điện Biên Phủ thuộc TDP 1 phường Sa Pa	Đường Điện Biên Phủ	Hết đường	1,20
105	Các đoạn đường còn lại chỉ xe máy đi được thuộc các tổ dân phố Sa Pa 1 đến Sa Pa 7, tổ dân phố Sa Pả 1, tổ dân phố Hàm Rồng 4, 5, tổ dân phố Phan Si Păng 1, 2, 3, 4			1,00
106	Các vị trí còn lại thuộc Các tổ dân phố Sa Pa 1 đến Sa Pa 7, tổ dân phố Sa Pả 1, tổ dân phố Hàm Rồng 4, 5, tổ dân phố Phan Si Păng 1, 2, 3, 4, tổ dân phố Cầu Mây 1, tổ dân phố Ô Quý Hồ 1, 2			1,50
107	Các tổ dân phố Hàm Rồng 1, 2, 3; tổ dân phố Phan Si Păng 5, tổ dân phố Ô Quý Hồ 3; tổ dân phố Cầu Mây 2, 3; tổ dân phố Sa Pả 2, 3, 4			1,05
108	Chợ Văn hoá - Bến xe	Tuyến phố Đỗ Quyên (đoạn còn lại)		1,00
109	Đường N5	Giáp đường phố Đỗ Quyên (N2 cũ)	Đến hết đường	1,00
110	Ngõ 347 đường Điện Biên Phủ (đường đi thôn Sả Ség - phường Sa Pa)	Đường Điện Biên Phủ vào 205m		1,00
111	Đường bậc Cầu Mây	Phố Cầu Mây	Hết đường	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
112	Phố Tuệ Tĩnh	Đường bậc phố Phạm Xuân Huân	Phố Cầu Mây	1,50
		Đoạn giáp sân chợ (bên dương)		1,50
		Đoạn giáp sân chợ (bên âm)		1,30
113	Phố Đồng Lợi	02 đầu giáp phố Cầu Mây	Phố Tuệ Tĩnh	1,20
114	Ngõ đường Violet (cạnh nhà ông Ngọc - Thủy)	Đường Violet	Phố Đồng Lợi	1,00
115	Phố Hoàng Liên	Sau số nhà 12 Hoàng Liên (khách sạn Đoàn An Dưỡng 17 Sa Pa)	Hết địa phận phường Sa Pa	1,00
116	Ngõ 47 đường Vi Ô Lét	Đường Vi Ô Lét	Đường Đồng Lợi	1,20

9. PHƯỜNG CAM ĐƯỜNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Cầu Bắc Cường	Phố Châu Úy	1,00
		Phố Châu Úy	Phố Mỏ Sinh	1,00
		Phố Mỏ Sinh	Đến nút giao Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp - Bình Minh	1,00
2	Đại lộ Trần Hưng Đạo kéo dài	Đến nút giao Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp - Bình Minh	Hết địa phận phường Cam Đường	1,00
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố Phú Thịnh	1,00
		Phố Phú Thịnh	Đường Trần Kim Chiến	1,00
		Đường Trần Kim Chiến	Nút giao Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp - Bình Minh	1,00
4	Đường Lê Thanh	Đầu cầu Kim Tân	Phố Phú Thịnh	1,00
		Phố Phú Thịnh	Phố Châu Úy	1,00
		Phố Châu Úy	Đường Trần Phú	1,00
5	Đường Trần Phú	Trạm đăng kiểm	Phố Châu Úy	1,00
		Phố Châu Úy	Phố Nguyễn Hữu Thọ	1,00
		Phố Nguyễn Hữu Thọ	Cầu chui Bắc Lệnh	1,00
6	Phố Ngô Minh Loan	Đường Lê Thanh	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
7	Phố Cù Chính Lan	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố Ngô Minh Loan	1,00
8	Phố Hoàng Trường Minh	Phố Ngô Minh Loan	Phố Kim Sơn	1,00
9	Phố Lạc Sơn	Phố Ngô Minh Loan	Phố Lê Văn Thiêm	1,00
10	Phố Nguyễn Thị Định	Phố Ngô Minh Loan	Phố Phú Thịnh	1,00
11	Ngõ Nguyễn Thị Định	Phố Nguyễn Thị Định	Hết đường	1,00
12	Phố Lê Văn Thiêm	Phố Cù Chính Lan	Đường Trần Phú	1,00
13	Phố Mường Hoa	Phố Ngô Minh Loan	Phố Kim Sơn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
14	Đường Ngô Quyền	Cầu Ngòi Đum	Phố Phú Thịnh	1,00
15	Phố Lùng Thàng	Đường Trần Phú	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
16	Phố Cốc Sa	Đường Lê Thanh	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
17	Phố Cao Xuân Huy (Đường D7)	Phố Lùng Thàng	Phố Cốc Sa	1,00
18	Phố Bùi Bằng Đoàn	Phố Lùng Thàng	Đường Lê Thanh	1,00
19	Đường 1/5	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	1,00
20	Đường Trần Kim Chiến	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Cầu Giang Đông	1,00
21	Đường Nguyễn Trãi	Đường Trần Kim Chiến vào Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Giáp phường Bắc Lệnh	1,00
22	Đường Nguyễn Trãi (B10)	Từ giáp địa phận phường Nam Cường	Đường Võ Nguyên Giáp (bệnh viện Sản Nhi)	1,00
23	Đường Phùng Chí Kiên	Đường 1/5	Phố Mỏ Sinh	1,00
		Phố Mỏ Sinh	Phố Lý Thường Kiệt	1,00
		Phố Lý Thường Kiệt	Phố Chiềng On	1,00
24	Phố Mỏ Sinh	Đường Trần Phú	Đường Trần Hưng Đạo	1,00
		Đường Trần Hưng Đạo	Phố 30/4	1,00
		Đoạn Phố 30/4	Đường Nguyễn Trãi	1,00
25	Phố Nguyễn Danh Phương	Phố Mỏ Sinh	Đến Lê Văn Thịnh	1,00
26	Phố Cao Xuân Quế	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố Nguyễn Thiện Kế	1,00
27	Phố Bùi Kỳ	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Cao Xuân Quế	1,00
28	Phố Đình Gia Quế	Phố Đình Gia Quế	Hết đường	1,00
29	Phố Nguyễn Thiện Kế	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố Cao Xuân Quế	1,00
30	Khu dân cư trước khối II	Các đường còn lại		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
31	Phố Tùng Tung	Đường Trần Phú	Phố Mỏ Sinh (Hướng về cầu chui Bắc Lệnh)	1,00
		Phố Mỏ Sinh	Đường Trần Phú (Hướng về cầu chui Bắc Lệnh)	1,00
32	Phố Trần Tung (Khu dân cư B5-B6)	Đường Trần Phú	Phố Quang Thái	1,00
33	Phố Quang Thái (Khu dân cư B5-B6)	Đường Trần Phú	Đường Trần Phú	1,00
34	Phố Nguyễn Trường Tộ (Khu dân cư B5- B6)	Đường Trần Phú	Phố Quang Thái	1,00
35	Phố Nguyễn Khoái (Khu dân cư B5-B6)	Đường Trần Phú	Phố Quang Thái	1,00
36	Phố Đan Đường (Khu dân cư B5-B6)	Phố Trần Tung	Phố Nguyễn Trường Tộ	1,00
37	Phố Trần Thủ Độ	Phố Ca Văn Thỉnh	Phố Ca Văn Thỉnh	1,00
38	Phố Ca Văn Thỉnh	Đường Trần Phú	Đường Trần Phú	1,00
39	Phố Y Lan	Phố Châu Úy	Đường Lê Thanh	1,00
40	Phố Võ Thị Thắng	Đường E8	Đường Lê Thanh	1,00
41	Đường E6	Đường Trần Phú	Đường Lê Thanh	1,00
42	Phố Hoàng Việt	Đường Trần Phú	Đường Lê Thanh	1,00
43	Đường E8	Đường Trần Phú	Đường Lê Thanh	1,00
44	Phố Khúc Hạo (M5 + M6)	Đường Trần Phú	Đường Trần Phú	1,00
45	Phố Lý Tử Tấn (M7)	Phố Khúc Hạo	Phố Khúc Hạo	1,00
46	Phố Chu Phúc Uy (M8)	Phố Khúc Hạo	Phố Khúc Hạo	1,00
47	Phố Mai Kỳ Sơn (M9)	Phố Khúc Hạo	Phố Khúc Hạo	1,00
48	Phố Cao Xuân Huy (Đường D7)	Từ trụ sở khối 8	hết đường	1,00
49	Phố Nguyễn Hữu Thọ	Phố Cốc Sa	đường Trần Phú	1,00
50	Phố Bùi Quốc Khái (M3)	Phố Cao Bá Đạt (M1)	Phố Bùi Hữu Nghĩa (M4)	1,00
51	Phố Cao Bá Đạt (M1)	Phố Nguyễn Hữu Thọ	Phố Bùi Hữu Nghĩa (M4)	1,00
52	Phố Bùi Hữu Nghĩa (M4)	Phố Nguyễn Hữu Thọ	đường Trần Phú	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
53	Phố Bùi Viện (M2)	Phố Cao Bá Đạt (M1)	Phố Bùi Hữu Nghĩa (M4)	1,00
54	Tổ 16, tổ 17 Nam Cường (Phường Nam Cường cũ)	Các hộ nằm trên trục đường chuyên dùng của mô		1,00
		Các hộ còn lại có vị trí nhà ở làm cách đường chuyên dùng mô sau 20m nằm xa các phố, vị trí nhà ở trong các đường cụt, ngõ cụt		1,00
55	Đường suối Đôi - Pèng	Đường Trần Phú	Đường chuyên dùng mô (phường Nam Cường cũ)	1,00
56	Tổ 15 Nam Cường	Các khu vực còn lại của tổ 15 Nam Cường	Các khu vực còn lại của tổ 15 Nam Cường	1,00
57	Đường WB, tổ 14 Nam Cường	Phố Tùng Tung	Phố Nguyễn Danh Phương	1,00
58	Tổ 11, tổ 12 Nam Cường (Phường Nam Cường cũ)	Các hộ tổ 12 có vị trí nhà ở xã các phố, nhà ở trong các đường cụt, ngõ cụt		1,00
		Khu vực tổ 11 giáp địa phận phường Bắc Lệnh		1,00
59	Tổ 13, 14 Nam Cường (Phường Nam Cường cũ)	Các hộ không bám mặt đường WB và các hộ còn lại có vị trí nhà ở nằm xã các phố, vị trí nhà ở nằm trong các đường cụt, ngõ cụt		1,00
60	Tổ 9, 10 Nam Cường (Phường Nam Cường cũ)	Các hộ còn lại có vị trí nhà ở nằm xã các phố, vị trí nhà ở trong các đường cụt, ngõ cụt		1,00
61	Tổ 3, tổ 6 Nam Cường (Phường Nam Cường cũ)	Tổ 3, tổ 6 Nam Cường (Phường Nam Cường cũ)		1,00
62	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường Nam Cường cũ	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường Nam Cường cũ		1,00
63	Các tuyến đường còn lại trong dự án khu dân cư B6 kéo dài phường Nam Cường cũ	Các tuyến đường còn lại trong dự án khu dân cư B6 kéo dài phường Nam Cường cũ		1,00
64	Đường quy hoạch thuộc dự án sắp xếp khu dân cư tổ 12 Nam Cường	Đường quy hoạch thuộc dự án sắp xếp khu dân cư tổ 12 Nam Cường		1,00
65	Tiểu khu đô thị số 13	Các tuyến đường còn lại		1,00
66	Đường D16 (tiểu khu đô thị số 13)	Lê Văn Thịnh	Đường D19A	1,00
67	Đường quy hoạch thuộc dự án tiểu khu đô thị số 15 Nam Cường cũ			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
68	Đường Hoàng Quốc Việt	Cầu chui Bắc Lệnh	Cầu Cung Ứng	1,00
		Cầu Cung Ứng	Hết địa phận phường Bắc Lệnh cũ	1,00
		Từ giáp địa phận phường Bắc Lệnh cũ	Ngã ba giao với Phố Hà Đặc	1,00
		Phố Hà Đặc	Đầu đường đi vào mỏ (khu vực ngã ba Bến Đá)	1,00
69	Phố 30/4	Trần Kim Chiến	Phố Chiềng On	1,00
70	Phố Chiềng On	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố 30/4	1,00
		Phố 30/4	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
		Từ Võ Nguyên Giáp	Phố Lê Thiết Hùng	1,00
71	Phố Nguyễn Thế Lộc	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố 30/4	1,00
		Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố Nguyễn Danh Phương	1,00
72	Phố Phan Huy Ích	Phố Nguyễn Thế Lộc	Phố Lê Văn Thịnh	1,00
73	Phố Lê Văn Thịnh	Phố Phùng Chí Kiên	Phố Nguyễn Danh Phương	1,00
74	Đường T1, khu dân cư giáp phố Mỏ Sinh kéo dài	Đường Nguyễn Trãi	Phố Mỏ Sinh kéo dài	1,00
75	Đường T2 khu dân cư giáp phố Mỏ Sinh kéo dài	Đường Nguyễn Trãi	Đường T3	1,00
76	Đường T3, khu dân cư giáp phố Mỏ Sinh kéo dài	Đường T1	Phố Mỏ Sinh kéo dài	1,00
77	Đường T4 khu dân cư giáp phố Mỏ Sinh kéo dài	Phố Mỏ Sinh	Đường T5	1,00
78	Đường T5 khu dân cư giáp phố Mỏ Sinh kéo dài	Đường T4	Đường T7	1,00
79	Đường T7, T8, T9 khu dân cư giáp phố Mỏ Sinh kéo dài	Đường T1	Đường T5	1,00
80	Phố Lưu Hữu Phước	Phố Nguyễn Thế Lộc	Phố Lý Thường Kiệt	1,00
81	Phố Đỗ Nhuận	Phố Nguyễn Thế Lộc	Phố Lý Thường Kiệt	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
82	Phố Lê Thiết Hùng	Phố Nguyễn Thế Lộc	Phố Lý Thường Kiệt	1,00
		Phố Lý Thường Kiệt	Phố Chiềng On	1,00
83	Phố Lý Thường Kiệt	Phố 30/4	Đường D19A	1,00
84	Phố Lý Nhân Tông	Phố 30/4	Phố Nguyễn Danh Phương	1,00
85	Đường nối (đường ngõ xóm) Bắc Lệnh	Đường Hoàng Quốc Việt	Cổng trường tiểu học Bắc Lệnh	1,00
		Đường Hoàng Quốc Việt	Cổng trường cấp II Bắc Lệnh	1,00
		Đường Hoàng Quốc Việt	Cổng trường Lý Tự Trọng (cũ)	1,00
		Cổng trường Lý Tự Trọng (cũ)	Chân đồi truyền hình	1,00
86	Đường trước trường cấp 1+2 Bắc Lệnh	Cổng trường cấp II Bắc Lệnh	giáp tường rào trường CN kỹ thuật	1,00
87	Phố Mạc Thị Bưởi	Nối giữa phố Trần Văn Ôn	Phố Hoàng Văn Thái	1,00
88	Phố Hoàng Văn Thái	Đường Hoàng Quốc Việt (SN 281)	Phố Trần Văn Ôn	1,00
89	Phố Phùng Thế Tài	Phố Mạc Thị Bưởi nối	Tiểu khu 19 (giáp với đường sắt)	1,00
90	Phố Trần Văn Ôn	Số nhà 103 đường Hoàng Quốc Việt	giáp với Tiểu khu 19	1,00
91	Phố Ngô Gia Khảm	Số nhà 201 đường Hoàng Quốc Việt	Phố Hoàng Văn Thái	1,00
92	Phố Chế Lan Viên	Phố Trần Văn Ôn	Phố Phùng Thế Tài	1,00
93	Phố Cù Huy Cận	Phố Ngô Gia Khảm	Phố Hoàng Văn Thái	1,00
94	Phố An Tiêm	Phố Cù Huy Cận	Phố Hoàng Văn Thái	1,00
95	Tiểu khu đô thị số 19	Các đường H1 và H2		1,00
		Các đường còn lại		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
96	Dự án: San gạt mặt bằng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	Đường H10 (Đường H12	Đường H1	1,00
		Đường H11 (Đường Hoàng Quốc Việt	Đường H1	1,00
		Đường H12 (Đường Hoàng Quốc Việt	Đường H10	1,00
97	Tổ 5 Bắc Lệnh (Phường Bắc Lệnh cũ)	Mặt đường tổ 5 Đường Hoàng Quốc Việt	giáp phường Bình Minh	1,00
		Các ngõ còn lại		1,00
98	Tổ 6 Bắc Lệnh (Phường Bắc Lệnh cũ)	Mặt đường tổ 6 Đường Hoàng Quốc Việt qua bãi đá mỏ Apatít	Giáp tổ 13	1,00
		Các ngõ còn lại		1,00
99	Ngõ tổ 7, 8, 9, 10, 11 Bắc Lệnh (Phường Bắc Lệnh cũ)	Ngõ tổ 7, 8, 9, 10, 11 Bá	Ngõ cụt	1,00
100	Tổ 12 Bắc Lệnh (Phường Bắc Lệnh cũ)	Đường xóm phía sau đường Hoàng Quốc Việt (khu tập thể bệnh viện cũ)		1,00
101	Tổ 13, 14 Bắc Lệnh (PhườngBắc Lệnh cũ)	Mặt đường Đường Hoàng Quốc Việt	giáp phường Nam Cường	1,00
		Các ngõ còn lại		1,00
102	Tổ 15,16,17 Bắc Lệnh (Phường Bắc Lệnh cũ)	Các khu vực còn lại		1,00
	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường Bắc Lệnh cũ			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
103	Phố Bình Minh (29m)	Từ nút giao đại lộ Trần Hưng Đạo - Võ Nguyên Giáp - Bình Minh	Phố Nguyễn Đức Thuận (N5)	1,00
		Phố Nguyễn Đức Thuận (N5)	Đường 20/11 (Chân cầu nối Cao Tốc)	1,00
		Đường 20/11 (Chân cầu nối Cao Tốc)	QL 4E	1,00
104	Phố Nguyễn Bặc	Đường Hoàng Quốc Việt	Hết phố	1,00
105	Phố Vũ Văn Mật	Đường Hoàng Quốc Việt (bưu điện Cam Đường)	Giáp Phố Nguyễn Bặc	1,00
106	Phố Hoàng Sào	Đường Hoàng Quốc Việt	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
107	Phố Mã Yên Sơn	Phố Hoàng Sào	Đài truyền hình	1,00
108	Phố Nguyễn Chích	Đường Hoàng Sào	Hết phố	1,00
109	Phố Trần Xuân Soạn	Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Võ Văn Tần	1,00
		Phố Võ Văn Tần	Ngã ba Đào Tấn	1,00
110	Phố Trịnh Hoài Đức	Phố Nguyễn Huy Tụ	Phố Tân Tiến	1,00
		Phố Tân Tiến	Hết đường	1,00
111	Phố Vũ Uy (Phố T1)	Phố Trần Quý Cáp	Phố Trần Xuân Soạn	1,00
112	Phố Nguyễn Huy Tụ (Phố T2 + T3)	Phố Hoàng Sào	Phố Trần Xuân Soạn	1,00
		Phố Trần Xuân Soạn	Phố Tân Tiến	1,00
113	Phố Trần Quý Cáp (Phố T4)	Phố Võ Văn Tần	Phố Nguyễn Huy Tụ	1,00
114	Phố Đào Tấn (Phố T8)	Phố Nguyễn Huy Tụ	Phố Trần Xuân Soạn	1,00
115	Phố Đào Tấn (Phố T9)	Phố Trần Xuân Soạn	Phố Giàn Than	1,00
116	Phố Trần Quang Diệu (Phố T13)	Phố Hoàng Sào	Phố Đào Tấn	1,00
117	Phố Võ Văn Tần	Từ ngã ba phố Hoàng Sào (cạnh nhà thi đấu)	Hết đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
118	Phố Tân Tiến	Đường Hoàng Quốc Việt	Ngã ba Đào Tấn	1,00
119	Phố Giàn Than	Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Hoàng Sào	1,00
120	Phố Nguyễn Xí	Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Vũ Văn Mật	1,00
121	Phố Hoàng Đức Chử	Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Hà Đặc	1,00
122	Phố Hà Đặc	Đường Hoàng Quốc Việt	Ngã ba Cầu Gò	1,00
123	Phố Tô Vũ	Đường Hoàng Quốc Việt	Phố Hoàng Đức Chử	1,00
124	Phố Hoàng Công Chất	Phố Nguyễn Xí	Hết đường	1,00
125	Phố 23/9	Đường Hoàng Quốc Việt (giáp ngân hàng Sài Gòn Bank)	Ngã ba 23/9 - Nguyễn Đình Thi	1,00
126	Phố Cầu Gò	Đường Hoàng Quốc Việt	Ngã ba Phố 23/9	1,00
127	Phố Trần Văn Nỗ	Từ ngã ba Bến Đá	giáp địa phận xã Cam Đường	1,00
128	Phố Nguyễn Đình Thi	Từ ngã ba phố 23/9	Phố Trần Văn Nỗ	1,00
129	Đường vào mỏ	Từ ngã ba Bến Đá	Địa phận xã Cam Đường cũ	1,00
130	Ngõ xóm 1-23/9	Phố 23/9	hết đường (giáp địa phận phường Bắc Lệnh)	1,00
131	Ngõ xóm 1 tổ 6 (tổ 12 cũ) Bắc Lệnh	Đường Hoàng Quốc Việt (giáp số nhà 573)	Hết đường	1,00
132	Ngõ xóm 1 tổ 7 Bắc Lệnh	Đường Hoàng Quốc Việt (giáp Ngân hàng Sài Gòn Bank)	Hết đường	1,00
133	Ngõ xóm 1 tổ 8 (tổ 19 cũ) Bắc Lệnh	Phố 23/9 đi qua nhà văn hóa khu dân cư số 9	Hết đường	1,00
134	Ngõ xóm 1 tổ 11 (tổ 26 cũ) Bắc Lệnh	Phố Hoàng Đức Chử (giáp đội số 2 công an Phòng cháy chữa cháy)	Hết đường	1,00
135	Ngõ xóm 2 - Hà Đặc	Phố Hà Đặc	Hết đường	1,00
136	Ngõ xóm 1 tổ 12 Bắc Lệnh cũ	Từ Ngõ 2 - Hà Đặc	Hết đường	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
137	Ngõ xóm 1 tổ 13 (tổ 30 cũ)	Phố Hà Đặc (giáp số nhà 020)	Hết đường	1,00
138	Ngõ xóm 1 tổ 14 (tổ 33 cũ)	Phố 23/9	Hết đường	1,00
139	Ngõ xóm 1 tổ 16 (tổ 36 cũ)	Phố Nguyễn Đình Thi	Trạm bơm tổ 36 (tổ 28 cũ)	1,00
140	Ngõ xóm 2 tổ 6 (tổ 12 cũ)	Đường Hoàng Quốc Việt (giáp số nhà 577)	Hết đường	1,00
141	Ngõ xóm 2 tổ 10 (tổ 25 cũ)	Đường Hoàng Quốc Việt (giáp chi nhánh điện lực Cam Đường)	Hết đường	1,00
142	Ngõ xóm 3 - Hoàng Đức Chử	Phố Hà Đặc (giáp số nhà 002)	Hết đường	1,00
143	Ngõ xóm 1 - Hà Đặc	Phố Hà Đặc	Hết đường (ngõ gần nhất phía sau trường tiểu học)	1,00
144	Ngõ Cầu Gồ	Phố Cầu Gồ (giáp số nhà 079)	Hết đường	1,00
145	Đường Nguyễn Văn Linh	Ngã tư Bến Đá (số nhà 783 đường Hoàng Quốc Việt, tổ 17, phường Pom Hán)	Đường Bình Minh	1,00
		Đường Bình Minh	Đường TN7	1,00
		Đường TN7	Hết địa phận phường Xuân Tăng	1,00
146	Phố Nguyễn Duy Trinh (đường E1)	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Đoạn giao cắt với đường Trần Hữu Tước	1,00
147	Phố Lưu Quang Vũ	Giao cắt với phố Nguyễn Duy Trinh (số nhà 042, tổ 19)	Giao cắt với Phố Trần Hữu Tước (số nhà 069, tổ 19)	1,00
148	Phố Xuân Quỳnh	Giao cắt với phố Nguyễn Duy Trinh (số nhà 003, tổ 19)	Giao cắt với Phố Trần Hữu Tước (số nhà 068, tổ 19)	1,00
149	Phố Trần Hữu Tước (đường E2)	Đại lộ Trần Hưng Đạo (cây xăng số 17)	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
150	Phố Nguyễn Cảnh Chân (đường E3)	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Hết khu nhà ở Bình Minh (HUD8)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
151	Phố Lê Đức Thọ	Phố Lê Đức Thọ; Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo	Giao cắt với Phố Đào Duy Kỳ, Khu đô thị Kosy, tổ 20	1,00
152	Tiểu khu đô thị số 17			1,00
153	Đường Nguyễn Văn Cừ	Từ Phố Võ Chí Công (Đường A2)	Phố Đào Duy Kỳ (Đường A22)	1,00
154	Phố Võ Chí Công (Đường A2)	Đường A7	Đường A6A	1,00
155	Phố Lê Quang Đạo (Đường A3, A4)	Đường A7	Đường A6A	1,00
156	Phố Hoàng Minh Giám (Đường A5)	Đường A3	Đường A6A	1,00
157	Phố Hà Huy Giáp (Đường A6)	Đường A7	Đường A6A	1,00
158	Phố Trần Văn Giàu (Đường A8)	Đường A7	Đường 11	1,00
159	Phố Đào Duy Kỳ (Đường A22)	Đường A7	Đường 11	1,00
160	Các đường còn lại			1,00
161	Phố Nguyễn Đức Thuận	Phố Bình Minh	Hết đường	1,00
162	Phố Phạm Huy Thông (BM19)	Phố Nguyễn Cơ Thạch	Hết đường	1,00
163	Phố Nguyễn Cơ Thạch (N8+BM17+BM18)	Phố Bình Minh	Đường 4E	1,00
164	Tổ 21 (tổ 16 phường Bình Minh cũ)	Cổng UBND phường (cũ) đi vào	Đằng sau phường thuộc tổ 16	1,00
165	Tổ 23a Pom Hán cũ	Các đường nhánh trừ các hộ bám mặt phố Nguyễn Cơ Thạch		1,00
166	Khu Nhón 1+2 (Tổ 25+26+27)	Các hộ nằm trong khu vực sau làn dân cư đường 4E cũ	Giáp khu TĐC đường cao tốc	1,00
167	Tổ 27, 28 Pom Hán cũ	Các ngõ xóm sau khu dân cư đường 4E		1,00
168	Tổ 29, 30 Pom Hán cũ	Toàn tổ		1,00
169	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường Pom Hán cũ			1,00
170	Đường H1 (Đường nối TĐC 31, 32)	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Hoàng Đức Chừ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
171	Đường RD-07	Phố Bình Minh	Hết đường	1,00
172	Đường N1	Phố Nguyễn Đức Thuận	Hết đường	1,00
173	Đường N2	Phố Phạm Duy Thông	Hết đường	1,00
174	Nguyễn Cơ Thạch kéo dài	Phố Nguyễn Cơ Thạch	Hết đường	1,00
175	Ngõ xóm 3 Hoàng Sào (tổ 3)	Phố Hoàng Sào (trạm biến áp)	Hết đường	1,00
176	Ngõ 1, Mã Yên Sơn	Phố Mã Yên Sơn	Hết đường (sau trụ sở UBND phường)	1,00
177	Ngõ 2, Mã Yên Sơn	Phố Mã Yên Sơn	Hết đường (sau trụ sở UBND phường)	1,00
178	Ngõ dẫy 3B - (tổ 8-9)	Phố 23/9	Hết đường	1,00
179	Phố Nguyễn Trung Ngạn	Phố Bình Minh	Đường ven suối	1,00
180	Các đường thuộc dự án Nước khoáng nóng Pom Hán			1,00
181	Các tuyến đường thuộc Hạng mục mặt bằng hai bên đường Trần Hưng Đạo kéo dài, đoạn từ Km 0 + 00 đến Km 1 + 544 (gồm các tuyến từ T1 đến T7, T9, ĐH1)	Km 1 + 544 (gồm các tuyến từ T1 đến T7, T9, ĐH1)		1,00
182	Phố 20 tháng 11 (đường N9)	Đường Bình Minh (số nhà 160)	Cuối đường Bình Minh (chân cầu)	1,00
183	Đường Trung đoàn 53	Từ giáp Dự án Đại lộ Trần Hưng Đạo kéo dài	Giáp Đường Quốc lộ 4E	1,00
184	Khu cửa ngòi tổ 13 Xuân Tăng cũ	Đường WB và các đường nhánh Đường WB vào ngõ xóm đoạn Đường Trần Hưng Đạo kéo dài	Giáp địa phận phường Bình Minh	1,00
185	Tổ 12 Xuân Tăng cũ	Toàn tổ		1,00
186	Tổ 14 Xuân Tăng cũ	Đại lộ Trần Hưng Đạo kéo dài (công ty Huy Long)	Giáp tiểu khu đô thị số 20	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
186	Tổ 9 Bình Minh cũ	Các ngõ tổ 9		1,00
187	Đường Nguyễn Trãi	Phố Quốc Hương	Tiếp giáp cầu Làng Giàng	1,00
188	Đường Nguyễn Trãi (đường TN7)	Từ giáp Đại lộ Trần Hưng Đạo kéo dài	Giáp đường Quốc lộ 4E	1,00
189	Phố Nguyễn Bá Lại (đường XT2)	Đường Nguyễn Trãi (XT22)	Phố Phan Bá Vành (XT20)	1,00
190	Phố Cư Hòa Vần (đường XT3)	Đường Nguyễn Trãi (XT22)	Phố Phan Bá Vành (XT20)	1,00
191	Phố Đỗ Hành (đường XT4)	Từ XT22	Phố Phan Bá Vành (Đường XT20)	1,00
192	Phố Nguyễn Cao (đường XT5)	Từ XT22	Phố Phan Bá Vành (Đường XT20)	1,00
193	Phố Đặng Tất (đường XT5A)	Từ XT22	Phố Phan Bá Vành (Đường XT20)	1,00
194	Phố Nguyễn Hữu Huân (đường XT6)	Đường Nguyễn Trãi (XT22)	Phố Phan Bá Vành	1,00
195	Phố Nguyễn Gia Thiều (đường XT7)	Từ XT22	Phố Đặng Thái Thân (Đường XT21)	1,00
196	Phố Thái Phiên (đường XT8)	Từ XT22	Phố Đặng Thái Thân (Đường XT21)	1,00
197	Phố Đặng Dung (đường XT9)	Từ XT22	Phố Đặng Thái Thân (Đường XT21)	1,00
198	Phố Phan Bá Vành (đường XT20)	Phố Phan Bá Vành đoạn Phố Quốc Hương	Phố Trần Khát Chân	1,00
199	Phố Đặng Thái Thân (đường XT21 + XT25)	Phố Đặng Thái Thân đoạn Đường phố Thân Nhân Trung	Phố Trần Khát Chân	1,00
200	Phố Quốc Hương (đường XT1)	Phố Phan Bá Vành (Đường XT20)	Đại lộ Trần Hưng Đạo (kéo dài)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
201	Các đường còn lại thuộc khu tái định cư Sở giao thông	Các đường còn lại nối Đường Trần Hưng Đạo kéo dài	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ Phố Quốc Hưng đến hết Phố Thân Nhân Trung)	1,00
202	Phố Trần Khát Chân (đường XT14)	Phố Phan Bá Vành (Đường XT20)	Đại lộ Trần Hưng Đạo (kéo dài)	1,00
203	Phố Trương Hán Siêu (đường XT15)	Phố Phan Bá Vành (Đường XT20)	Đại lộ Trần Hưng Đạo (kéo dài)	1,00
204	Các đường thuộc khu tái định cư trường đại học Fansipan (Sau khi đã hoàn thành hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng và giao tái định cư)			1,00
205	Phố Thân Nhân Trung (XT 10)	Phố Phan Bá Vành	Đường Nguyễn Trãi	1,00
206	Phố Triệu Quốc Đạt (đường XT17)	Đường TN7	Đại lộ Trần Hưng Đạo kéo dài	1,00
207	Đường liên xã (WB)	Từ đoạn rẽ vào ngõ nhà ông Cước Xuân Tăng cũ	Giáp Phố Quốc Hương (đường XT1)	1,00
208	Các đường thuộc tiểu khu đô thị số 20 Xuân Tăng			1,00
209	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường Xuân Tăng cũ			1,00
210	Phố 19/8 (B11)	Phố Chiềng On	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
211	Phố 19/5 (B9)	Phố Chiềng On	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
212	Phố Vương Thừa Vũ (B12)	Đường Nguyễn Trãi (B10)	Hết đường	1,00
213	Phố Bùi Nguyên Khiết (DN2)	Phố Vương Thừa Vũ	Phố 22/12	1,00
214	Phố Hoàng Cầm (DN3)	Phố Vương Thừa Vũ	Phố 22/12	1,00
215	Phố Nguyễn Tuân (DM1)	Đường Nguyễn Sơn	Đường T7	1,00
216	Phố 22/12 (DM2)	Đường Nguyễn Trãi (B10)	Hết đường	1,00
217	Phố Đoàn Kết (DM3)	Đường Nguyễn Trãi (B10)	Phố Tân Hưng	1,00
		Phố Tô Ngọc Vân	Đường B6 kéo dài	1,00
218	Phố Nguyễn Hữu An (DM4)	Phố Tân Hưng	Phố Nguyễn Sơn	1,00
219	Phố Bằng Giang (DM5)	Phố Hoàng Cầm	Phố 19/5	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
220	Phố Soi Làn (DM6)	Phố Hoàng Cầm	Phố 19/5	1,00
221	Phố Tân Hưng	Đường N1	Phố Vương Thừa Vũ (B12)	1,00
222	Phố Nguyễn Sơn	Đường N1	Phố Vương Thừa Vũ (B12)	1,00
223	Phố Lê Anh Xuân (B13)	Phố Chiềng On	Phố Hồ Đắc Di (T5)	1,00
224	Phố Đặng Thùy Trâm	Phố Chiềng On	Phố Hồ Đắc Di (T5)	1,00
225	Phố Trần Hoàn (B14)	Phố 19/5 (B9)	Phố Đặng Thùy Trâm (B11A)	1,00
226	Phố Soi Chiềng (B15)	Phố 19/5 (B9)	Phố Đặng Thùy Trâm (B11A)	1,00
227	Phố Hồ Đắc Di (T5)	Phố 19/5 (B9)	Phố Đặng Thùy Trâm (B11A)	1,00
228	Đường T5	Đoạn còn lại		1,00
229	Đường đi Soi Làn (từ WB đến Đại lộ Trần Hưng Đạo thuộc tổ 9, 10, 11, 12) Bình Minh	Trục đường WB Đại lộ Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
		Các đường nhánh từ trục đường WB đi vào các ngõ xóm trong khu dân cư		1,00
230	Tổ 13 Bình Minh			1,00
231	Tổ 17 Bình Minh			1,00
232	Tổ 19 cũ Bình Minh			1,00
233	Các tuyến đường khác còn lại (phường Bình Minh cũ)			1,00
234	Phố 30/4	Phố Chiềng On	Phố Lý Thường Kiệt	1,00
235	Phố Lý Thường Kiệt	Phố 30/4	Đường Nguyễn Trãi	1,00
236	Đường DH12	Phố Vương Thừa Vũ	Phố 19/8	1,00
237	Tổ 7 Bình Minh	Các hộ bám mặt đường, ngõ, xóm		1,00
238	Tổ 2 Bình Minh	Các hộ bám mặt đường, ngõ, xóm	Các hộ bám mặt đường, ngõ, xóm	1,00
239	Đường (D5)	Đường T7	Đường (T10)	1,00
240	Đường D6	Đường T7	Đường (T10)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
241	Đường B6 kéo dài	Đường B10	Đường Võ Nguyên Giáp	1,00
242	Đường H1, H2, H3, ... H10 thuộc quy hoạch Làng Thể thao Olympic Tây Bắc (Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng)			1,00
243	Các tuyến đường thuộc dự án San gạt mặt bằng trường dân tộc nội trú tỉnh (khu vực đã có hạ tầng)	Đường DH9		1,00
		Đường DH13		1,00
		Đường DH14		1,00
		Đường DH15		1,00
		Đường DH16		1,00
		Đường DH17		1,00
244	Đường vào trụ sở UBND xã Cam Đường cũ (đường D1)	Đường N1	Đầu cầu làng Vạch	1,00
245	Đường vào mỏ	Từ núi lở lên	Hết địa phận xã Cam Đường cũ	1,00
246	Phố Suối Ngàn	Cổng đình làng Nhón	Cầu làng Vạch	1,00
247	Đường đập tràn cũ	Từ nhà truyền thống	Đập tràn	1,00
248	Đường lên trạm điện	Đường QL 4E cũ	Trạm điện 35	1,00
249	Mặt đường WB (đường liên xã Cam Đường - Hợp Thành)	Đoạn Cầu làng Vạch	Nhà văn hóa thôn Sơn Lầu	1,00
		Từ nhà văn hóa thôn Sơn Lầu	Hết địa phận xã Cam Đường cũ (giáp xã Hợp Thành)	1,00
250	Đường khu tái định cư trung tâm cụm xã Cam Đường cũ	Đường N1 (Đường Nguyễn Văn Linh (QL 4E cũ))	cầu số 1 (cầu Ngòi Đường)	1,00
		Đường N6 (Phố Liên Hợp)		1,00
		Đường N3, N4, N5, N7		1,00
		Đường N2 (Phố Văn Hiến)		1,00
		Đường D3		1,00
251	Khu tái định cư Làng Vạch			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
252	Khu tái định cư Làng Thác			1,00
253	Khu tái định cư Đất Đền			1,00
254	Khu tái định cư thôn Sơn Lầu			1,00
255	Khu tái định cư Dạ 2			1,00
256	Các khu vực còn lại trên địa bàn xã Cam Đường cũ			1,00
257	Phố Đào Trọng Lịch (đường N2A*)	Phố Nguyễn Thị Định (N2)	Phố Lê Văn Thiêm (N4)	1,00
258	Phố Kim Sơn	Phố Ngô Minh Loan	Phố Nguyễn Thị Định	1,00
259	Phố Tân Lập	Phố Nguyễn Thị Định	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
260	Phố Phú Thịnh	Đường Trần Phú	Đường Lê Thanh	1,00
		Phố Lê Thanh	Cầu Phú Thịnh	1,00
261	Phố Bùi Đức Minh	Phố Hoàng Quy	Phố Tân Lập (phía tiểu khu đô thị số 2)	1,00
262	Phố Võ Đại Huệ	Phố Tân Lập	Phố An Lạc	1,00
263	Các đường còn lại thuộc tiểu khu đô thị số 2 (Phường Bắc Cường cũ)			1,00
264	Phố Vĩ Kim	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	1,00
265	Đường D6A	Đường vòng Phố Vĩ Kim	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
266	Phố Châu Úy	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Đường Trần Phú	1,00
267	Phố Lê Duy Lương	Phố Châu Úy	Phố Phan Kế Bính	1,00
268	Phố Phan Kế Bính	Đường vòng Phố Châu Úy	Đại lộ Trần Hưng Đạo	1,00
269	Phố Mạc Đăng Dung	Đường Ngô Quyền	Đường N27	1,00
270	Phố Nguyễn Thăng Bình	Đường N27	N9	1,00
271	Các đường còn lại thuộc tiểu khu đô thị số 3 Bắc Cường			1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
272	Phố Hoàng Quy	Đường Trần Hưng Đạo	Giao với đường Võ Nguyên Giáp	1,00
		Từ giao với đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường	1,00
273	Phố Quách Văn Rạng	Đường vòng Đại lộ Trần Hưng Đạo	Phố Phú Thịnh	1,00
274	Phố An Lạc	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Hết đường	1,00
275	Các đường còn lại thuộc dự án khu dân cư đường B1 (phường Bắc Cường cũ)			1,00
276	Phố Trần Thị Lan (đường D4 + D4A)	Đường M15	Điểm Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - GDTX thành phố	1,00
277	Phố Đô Đốc Bảo	Từ Lê Văn Thiêm	Phố Phú Thịnh	1,00
278	Phố Đô Đốc Tuyết (đường E15)	Đường E13	Đường Lê Thanh (ngã tư cây xăng Linh Hương)	1,00
279	Phố Đô Đốc Lộc (đường E16)	Đường E13	Đường M15	1,00
280	Phố Trương Định (đường E17)	Phố Lê Văn Thiêm	M15	1,00
281	Phố Nguyễn Minh Không (đường E18)	Phố Lê Văn Thiêm	Đường E17	1,00
282	Phố Huỳnh Thị Cúc (đường M16)	Đường Lê Thanh	Đường Trần Phú	1,00
283	Các đường còn lại thuộc tiểu khu đô thị số 4			1,00
284	Các đường thuộc tiểu khu đô thị số 5			1,00
285	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Tân Lập	Đường T7		1,00
		Đường T8		1,00
		Các đường còn lại thuộc dự án		1,00
286	Khu vực thôn Vĩ Kim			1,00
287	Khu vực thôn Chính Cường			1,00
288	Các hộ bám mặt đường tỉnh lộ 156	Đường Lê Thanh	Hết tỉnh lộ 156	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
289	Khu vực thôn Cửa Cải (tổ 30)			1,00
290	Khu vực xóm Láo Túng (tổ 30)			1,00
291	Đường N9	Cầu Ngòi Đum 2	Phố Phú Thịnh	1,00
292	Các đường thuộc khu dân cư Chiến Thắng			1,00
293	Các vị trí còn lại trên địa bàn phường Bắc Cường			1,00
294	Khu Tái định cư Tân Lập	Các tuyến		1,00
295	Các đường nội bộ tiểu khu đô thị 21 Bắc Cường			1,00
296	Các đường thuộc dự án San gạt mặt bằng tổ 1, 2 Bắc Cường			1,00
297	Các đường thuộc dự án Khu TĐC phục vụ khu đô thị mới Bắc Cường 1,2 (khu vực đã có hạ tầng)			1,00
298	Tiểu khu đô thị số 10	Đường S9		1,00
		Các đường còn lại (trừ đường S5)		1,00
299	Đường S5			1,00
300	Đường D2, D3 thuộc Tiểu khu đô thị số 6, 7	Từ đường N1	Đường N2	1,00
301	Đường D4 thuộc Tiểu khu đô thị số 6, 7	Trần Kim Chiến	Đường N3	1,00
302	Các đường còn lại thuộc Tiểu khu đô thị số 6, 7 (trừ đường Võ Nguyên Giáp)			1,00
303	Đường N18 thuộc Tiểu khu đô thị mới số 16	Đường N23	Đường N24	1,00
304	Đường N20 thuộc Tiểu khu đô thị mới số 16	Đường N23	Đường N24	1,00
305	Đường T1 thuộc Tiểu khu đô thị mới số 16	Đường N23	Đường N24	1,00
306	Các tuyến đường khác còn lại thuộc tổ 21, 27, 31 Bắc Cường			1,00
307	Các tuyến đường khác còn lại thuộc tổ 29 Bắc Cường			1,00
308	Các tuyến đường khác còn lại thuộc tổ 13A Bình Minh			1,00
309	Các tuyến đường khác còn lại thuộc tổ 9, 11, 17 Bình Minh			1,00
310	Tổ 5 Xuân Tăng			1,00
311	Tổ dân phố Thác (xã Cam Đường cũ)			1,00

10. PHƯỜNG LÀO CAI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
1	Quốc lộ 4D	Đường Hoàng Liên	Hết số nhà 550	1,00
		Số nhà 552	Hết địa phận phường Lào Cai	1,00
		Cầu chui	Phố Phan Bội Châu (cây xăng Quốc lộ 4D)	1,00
		Phố Phan Bội Châu (cây xăng Quốc lộ 4D)	Cổng chào Lào Cai (Giáp Tổ dân phố Bản Quẩn)	1,00
		Cổng chào Lào Cai (Giáp Tổ dân phố Bản Quẩn)	Về phía Hà Nội đến lối rẽ Cầu K8	1,00
		Lối rẽ Cầu K8	Nút giao với đường M2 của khu Tái định cư Minh Sơn	1,00
		Nút giao với đường M2 của khu Tái định cư Minh Sơn	Cầu Bản Phiệt	1,00
		Cầu Bản Phiệt	Cổng Trường THCS Bản Phiệt	1,00
		Cầu Bản Phiệt cũ	QL 70	1,00
		Trường THCS Bản Phiệt	Hết đất Cầu thủy điện	1,00
		Giáp Cầu thủy điện	Giáp ranh xã Phong Hải	1,00
2	Quốc lộ 70	Cầu Bản Phiệt	Giáp ranh xã Phong Hải	1,00
3	Tỉnh lộ 157	Nút giao đường Lương Định Của (gốc địa)	Cầu trước cổng Khu Công Nghiệp Đông Phú mới	1,00
		Cầu trước cổng Khu Công Nghiệp Đông Phú mới	Cổng Công ty Hoàng Lan	1,00
		Cổng Công ty Hoàng Lan	Hết địa phận phường Lào Cai	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
4	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Kiêu I	Phố Sơn Hà	1,00
		Phố Sơn Hà	Cầu Cốc Lếu	1,00
		Cầu Cốc Lếu	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
		Phố Nguyễn Tri Phương	Phố Phạm Hồng Thái	1,00
		Phố Phạm Hồng Thái	Phố Hồ Tùng Mậu	1,00
		Phố Hồ Tùng Mậu	Phố Hợp Thành	1,00
		Phố Hợp Thành	Cầu Phố Mới	1,00
5	Đường An Dương Vương	Cầu Cốc Lếu	Phố Phan Huy Chú	1,00
		Phố Phan Huy Chú	Phố Đinh Lễ	1,00
		Phố Đinh Lễ	Đường Nguyễn Du kéo dài	1,00
		Đường Nguyễn Du kéo dài	Chân Cầu Phố Mới	1,00
		Chân Cầu Phố Mới	Cầu Ngòi Đum	1,00
6	Phố Phan Bội Châu	Cầu Kiêu I	Cổng lên Đền Thượng	1,00
		Cổng lên Đền Thượng	Phố Nậm Thi	1,00
		Phố Nậm Thi	Quốc lộ 4D	1,00
7	Phố Nguyễn Quang Bích	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lạc Long Quân	1,00
8	Phố Sơn Hà	Đường Nguyễn Huệ	Cầu Chui	1,00
9	Đường vào trạm nghiên CLANKER	Quốc lộ 4D	Trạm Nghiên CLANKER	1,00
10	Phố Trần Nguyên Hãn	Đường Nguyễn Huệ	Nguyễn Công Hoan	1,00
11	Phố Trần Nguyên Hãn (đoạn qua Bưu Điện)	Đường Nguyễn Huệ	Phố Nguyễn Công Hoan	1,00
12	Phố Văn Cao	Đường Nguyễn Huệ	Phố Nguyễn Công Hoan	1,00
13	Phố Nguyễn Công Hoan	Cầu Kiêu I	Cầu Chui	1,00
14	Phố Nguyễn Thái Học	Cầu Kiêu I	Cầu Chui	1,00
15	Đường Lạc Long Quân	Ban quản Lý khu kinh tế cửa khẩu	Đường Phạm Văn Khả	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
16	Đường M1 (thuộc xã Vạn hoà cũ)	Phố Phạm Văn Khả	Nút giao Lương Định Của (công trường tiểu học Vạn Hòa)	1,00
		Nút giao Lương Định Của (công trường tiểu học Vạn Hòa)	Đường trục phường (Vạn Hòa cũ)	1,00
17	Phố Phạm Văn Khả	Phố Khánh Yên	Đường Lạc Long Quân	1,00
18	Phố Lê Lợi	Phố Nguyễn Thái Học	Phố Nậm Thi	1,00
19	Phố Ngô Thì Nhậm	Phố Phan Bội Châu	Phố Lê Lợi	1,00
20	Phố Nậm Thi	Đầu Phố Phan Bội Châu	Phố Lê Lợi	1,00
21	Phố Nguyễn Thiếp	Phố Phan Bội Châu	Phố Lê Lợi	1,00
22	Phố Bùi Thị Xuân	Phố Phan Bội Châu	Phố Lê Lợi	1,00
23	Phố Hoàng Diệu	Quốc lộ 4D	Đền Cấm	1,00
24	Phố Tố Hữu	Giao cắt với Phố Hoàng Diệu (Đường T1 khu TĐC Đền Cấm - Giáp Công chào Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, tổ 4)	Giao cắt Đường T2 (tổ 4)	1,00
25	Phố Phùng Hưng	Phố Hoàng Diệu	Hết Đường khu tiểu thủ công nghiệp (đến nút giao TL157)	1,00
26	Lối đất số 12	Đường Nguyễn Huệ	Phố Lê Ngọc Hân	1,00
27	Phố Đinh Công Tráng	Đường Nguyễn Huệ	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
28	Phố Triệu Quang Phục	Đường Nguyễn Huệ	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
		Phố Hoàng Diệu	Phố Phùng Hưng	1,00
29	Các tuyến đường dự án khu nhà ở thương mại tại nút giao đường Triệu Quang Phục và Hoàng Diệu	Phố Triệu Quang Phục	Phố Hoàng Diệu	1,00
30	Phố Tô Hiệu (Tuyến T1)	Quốc lộ 4D	Cây xăng Na Mo	1,00
31	Tuyến T2	Quốc lộ 4D	Phố Tô Hiệu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
32	Tuyến T3	Phố Tô Hiệu	Phố Triệu Tiến Tiên	1,00
33	Tuyến T4	Quốc lộ 4D	Phố Tô Hiệu	1,00
34	Phố Triệu Tiến Tiên (T5)	Tuyến T2	Tuyến T4	1,00
35	Phố Na Mo (T6)	Tuyến T2	Tuyến T4	1,00
36	Phố Dã Tượng	Phố Minh Khai	Phố Tôn Thất Thuyết	1,00
		Phố Tôn Thất Thuyết	Phố Ngô Văn Sở	1,00
37	Phố Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Huệ	Phố Khánh yên	1,00
38	Phố Ngô Văn Sở	Phố Khánh Yên	Phố Dã Tượng	1,00
		Phố Dã Tượng	Đường Nguyễn Huệ	1,00
		Đường Nguyễn Huệ	Phố Khánh Yên	1,00
39	Phố Hợp Thành	Đường Nguyễn Huệ	Phố Ngô Văn Sở	1,00
		Phố Ngô Văn Sở	Đường Lạc Long Quân	1,00
40	Phố Hồ Xuân Hương	Phố Ngô Văn Sở	Đường Lạc Long Quân	1,00
41	Ngõ 02 Nguyễn Tri Phương; HTX Nhật Anh			1,00
42	Phố Phạm Hồng Thái	Đường Nguyễn Huệ	Phố Tôn Thất Thuyết	1,00
43	Đường Khánh Yên	Đường Nguyễn Huệ	Phố Quảng trường Ga (Giáp Đội cảnh sát giao thông Đường bộ - Đường sắt ga quốc tế Lào Cai)	1,00
		Phố Quảng trường Ga (Giáp Đội cảnh sát giao thông Đường bộ - Đường sắt ga quốc tế Lào Cai)	Phố Quảng trường Ga (Giáp khách sạn Thiên Hải)	1,00
		Phố Quảng trường Ga (Giáp khách sạn Thiên Hải)	Đường Đình Bộ Lĩnh (dốc Bao bì)	1,00
44	Các Đường quy hoạch thuộc mặt bằng dự án Hạ Tầng kỹ thuật Đền Thượng và khu dân cư tổ 27			1,00
45	Phố Hà Chương	Đường Nguyễn Huệ	Phố Lê Khôi	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
		Phố Lê Khôi	Phố Nguyễn Tri Phương	
46	Phố Trần Khánh Dư	Giao Cắt với Phố Lê Khôi (khu nhà văn hóa Lê Khôi, tổ 1)	Giao cắt với Phố Hà Chương (số nhà 019, tổ 1)	1,00
47	Phố Cao Thắng	Đường Nguyễn Huệ	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
48	Tuyến đường nội bộ khu nhà ở Công ty TNHH Hương Việt	Phố Lương Ngọc Quyến	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
49	Phố Lê Khôi	Phố Nguyễn Tri Phương	Phố Triệu Quang Phục	1,00
		Phố Triệu Quang Phục	Phố Lương Ngọc Quyến	1,00
50	Phố Lê Ngọc Hân	Đường Nguyễn Huệ	Phố Minh Khai	1,00
51	Phố Lương Ngọc Quyến	Đường Nguyễn Huệ	Phố Minh Khai	1,00
		Đường Nguyễn Huệ	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
52	Phố Đặng Tiến Đông	Đường Nguyễn Huệ	Phố Lê Khôi	1,00
53	Tuyến đường T1, T2 thuộc dự án khu nhà ở Công ty TNHH Hương Việt	Phố Lương Ngọc Quyến	Phố Nguyễn Tri Phương	1,00
54	Phố Mạc Đình Chi	Phố Phạm Hồng Thái	Phố Lương Ngọc Quyến	1,00
55	Phố Hồ Tùng Mậu	Đường Lạc Long Quân	Phố Ngô Văn Sở	1,00
		Phố Ngô Văn Sở	Đường Nguyễn Huệ	1,00
56	Phố Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Phố Minh Khai	1,00
57	Phố Tôn Thất Thuyết	Đường Nguyễn Huệ	Phố Hồ Tùng Mậu	1,00
58	Phố Lương Thế Vinh	Đường Nguyễn Huệ	Phố Đinh Bộ Lĩnh	1,00
59	Phố Phạm Ngũ Lão	Phố Dã Tượng	Phố Hồ Tùng Mậu	1,00
60	Ngõ 26 Phạm Ngũ Lão	Ngõ vào Khu dân cư Bình An		1,00
61	Phố Minh Khai	Đường Nguyễn Huệ	Phố Phan Đình Phùng	1,00
		Phố Phan Đình Phùng	Cầu Phố Mới	1,00
62	Phố Hà Bổng	Phố Quảng trường ga	Phố Ngô Văn Sở	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
63	Đường M18	Đường Nguyễn Huệ	Phố Khánh Yên	1,00
64	Phố Quảng Trường Ga	2 đoạn 2 bên quảng trường ga (nối Đường Nguyễn Huệ và Phố Khánh Yên)		1,00
65	Phố Kim Hải	Phố Phan Đình Phùng	Phố Hợp Thành	1,00
66	Phố Nguyễn Viết Xuân (K1)	Phố Ngô Văn Sở	Phố Đinh Bộ Lĩnh	1,00
67	Phố Lê Thị Hồng Gấm (K2)	Phố Ngô Văn Sở	Phố Đinh Bộ Lĩnh	1,00
68	Phố Phan Đình Giót (K3)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lạc Long Quân	1,00
69	Phố Ngũ Chỉ Sơn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lạc Long Quân	1,00
70	Phố Mai Văn Ty	Phố Tô Vĩnh Diện	Phố Phạm Văn Khả	1,00
71	Phố Ngọc Uyển	Phố Tô Vĩnh Diện	Phố Phạm Văn Khả	1,00
72	Phố Đinh Bộ Lĩnh	Chân Cầu phố mới	Ngã 5 lối rẽ cầu Phú Thịnh	1,00
73	Phố Cô Tiên (đường M21)	Phố Tô Vĩnh Diện	Phố Phạm Văn Khả	1,00
74	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường M18	Đường Lạc Long Quân	1,00
75	Ngõ tổ 26	Phố Khánh Yên	Giáp khu Đầu máy	1,00
76	Ngõ tổ 29	Phố Khánh Yên	Đường sắt	1,00
77	Ngõ lên đồi 117			1,00
78	Đường Trần Thái Tông - Quốc Lộ 4E	Đường Thủ Dầu Một	Ngã rẽ đi Cầu Duyên Hải	1,00
		Cầu Duyên Hải	Lối rẽ lên nghĩa trang	1,00
		Lối rẽ lên nghĩa trang	Cầu Quang Kim	1,00
79	Đường Điện Biên	Đường Thủ Dầu Một	Bệnh viện đa khoa khu vực Lào Cai - Cam Đường	1,00
		Bệnh viện đa khoa khu vực Lào Cai - Cam Đường	Đường Nhạc Sơn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
80	Phố Duyên Hải	Nút giao Thủy Hoa - Duyên Hà - Thanh Niên	Đầu Đường Nguyễn Đức Cảnh	1,00
		Đầu Đường Nguyễn Đức Cảnh	Ngã ba Duyên Hải (Đến giáp số nhà 174- đối diện công ngang qua đường)	1,00
		Ngã ba Duyên Hải (Đến giáp số nhà 174- đối diện công ngang qua đường)	Ngã ba giao giữa Phố Duyên Hải và đường Trần Quang Khải	1,00
		Ngã ba giao giữa Phố Duyên Hải và đường Trần Quang Khải	Đường Thủ Dầu Một	1,00
81	Đường Thủ Dầu Một	Phố Duyên Hải	Phố Lương Khánh Thiện	1,00
82	Phố Nguyễn Đức Cảnh	Phố Duyên Hải	Phố Đặng Châu	1,00
83	Phố Lương Khánh Thiện	Đường Thủ Dầu Một	Phố Nguyễn Đức Cảnh	1,00
		Đường Nhạc Sơn	Đường Thủ Dầu Một	1,00
84	Phố Trần Quang Khải (A2 cũ)	Phố Nguyễn Đức Cảnh	Phố Duyên Hải (B4)	1,00
85	Phố Hữu Nghị	Phố Duyên hải	Khu thương mại Kinh Thành	1,00
86	Phố Hàn Thuyên	Tuyến 2 (Đường nhánh khu Kim Thành 500m)		1,00
87	Tuyến đường thuộc dự án Khu đô thị mới đường Trần Quang Khải, Nguyễn Đức Cảnh (Đường: D1, D2, D3, T tách thành 02 đoạn)	Tại tuyến đường TĐC2 - Trần Quang Khải, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai (A2 cũ)		1,00
		Các tuyến đường còn lại		1,00
88	Đường Trần Thánh Tông	Phố Trần Thái Tông	Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	1,00
89	Phố Nguyễn Đình Tứ (đường N1)	Phố Lê Quảng Ba	Phố Đàm Quang Trung	1,00
90	Phố Trần Quý Khoáng (đường D2)	Phố Đàm Quang Trung	Ngã 4 Phố Lê Quảng Ba, Nguyễn Đình Tứ	1,00
91	Phố Lê Quảng Ba (đường D1)	Đường Thủ Dầu Một qua Ngã tư biên phòng	Phố Đàm Quang Trung	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
92	Phố Đàm Quang Trung (đường L1+đường Làng đen)	Công chào Làng đen (Đường Điện Biên)	Phố Lê Quảng Ba	1,00
93	Phố Đàm Quang Trung (đường L1+đường Làng đen)	Phố Lê Quảng Ba	Phố Vũ Trọng Phụng	1,00
94	Phố Vũ Trọng Phụng (đường L2 Làng đen, đến cầu chui cao tốc)	Phố Trần Quý Khoáng (D2) khu phụ trợ Bắc duyên hải	Cầu Chui cao tốc	1,00
95	Phố Nguyễn Cao Luyện (đường N2 TĐC thôn 9)	Phố Doãn Kế Thiện (Đường N5)	Phố Lưu Quý An (Đường D3)	1,00
96	Phố Dương Quảng Hàm (đường N3 TĐC thôn 9)	Phố Lưu Quý An (Đường D3)	Phố Đỗ Đức Dục (Đường N4)	1,00
97	Phố Doãn Kế Thiện (đường N5)	Phố Lưu Quý An (Đường D3)	Tỉnh lộ 156 (Giáp chợ Lục Cầu)	1,00
98	Phố Lưu Quý An (đường D3)	Tỉnh lộ 156	Phố Doãn Kế Thiện (Đường N5)	1,00
99	Phố Đỗ Đức Dục (đường D4)	Tỉnh lộ 156	Phố Nguyễn Cao Luyện (Đường N2)	1,00
100	Các đường phía sau làn dân cư thuộc khu vực phố Nguyễn Đức Cảnh Thủ Dầu Một, Tô Hiến Thành	Đường M5 (từ Đường Thủ Dầu Một đến đường M6)		1,00
		Các đường còn lại		1,00
101	Các tuyến đường của dự án khu dân cư Tổ 1 Duyên Hải	Tuyến T3		1,00
		Các tuyến còn lại của dự án		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
102	Các tuyến đường lõi đất đường Nguyễn Đức Cảnh, Thủ Dầu Một và Tô Hiến Thành, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai (Khu A)			1,00
103	Khu thương mại Kim Thành cũ gồm:			1,00
	Đường Vũ Đức Duy	Phố Duyên Hải	Phố Hương Sơn	1,00
	Phố Khúc Thừa Dụ	Đường Thủ Dầu Một	Cao tốc Nội Bài - Lào Cai	1,00
	Phố Hương Sơn	Phố Khúc Thừa Dụ	Đường nối TL156	1,00
	Phố Hoa Quán	Phố Hương Sơn	Phố Đặng Huy Trứ (DN3)	1,00
	Phố Phan Phù Tiên	Phố Hương Sơn	Phố Khúc Thừa Dụ	1,00
	Phố Đặng Huy Trứ	Phố Hương Sơn	Phố Khúc Thừa Dụ	1,00
	Phố Lê Hoa	Phố Hương Sơn	Phố Ngô Sỹ Liên	1,00
	Phố Ngô Sỹ Liên	Phố Hoa Quán	Phố Phan Huy Trứ	1,00
	Phố Phạm Thân Duật	Phố Hương Sơn	Phố Phan Phù Tiên	1,00
	Các đường còn lại			1,00
104	Các đường thuộc dự án khu đô thị mới từ tổ 24A đến tổ 26B (T1, T2, T3, T4, N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9 tách thành 03 đoạn)	T2, T3, N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8		1,00
		T1, T4		1,00
		N9		1,00
105	Đường ngõ xóm tổ 13 Cốc Lều	Đường đi xã Đồng Tuyền	Hết đường	1,00
106	Đường ngõ xóm tổ 16 Cốc Lều	Đường ngõ xóm sau số nhà 245 tổ 26A Đường Điện Biên		1,00
107	Đường vào Đồng Tuyền	Đường Điện Biên	Ngã ba sau trường Nguyễn Bá Ngọc	1,00
108	Phố Thanh Niên	Phố Hoàng Liên	Phố Đăng Châu	1,00
		Phố Đăng Châu	Phố Duyên Hà	1,00
109	Phố Duyên Hà	Đường Hoàng Liên	Phố Đăng Châu	1,00
		Phố Đăng Châu	Phố Duyên Hải	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
110	Phố Đăng Châu	Phố Thủy Hoa	Phố Duyên Hà	1,00
		Phố Duyên Hà	Phố Lê Hồng Phong	1,00
111	Phố Sơn Den	Phố Duyên Hà	Phố Thủy Hoa	1,00
112	Phố Hưng Hóa	Đường Hoàng Liên	Phố Duyên Hà	1,00
113	Phố Ngô Gia Tự	Phố Duyên Hà	Phố Lê Hồng Phong	1,00
114	Phố Lê Hồng Phong	Đường Nhạc Sơn	Phố Lương Khánh Thiện	1,00
115	Phố Ba Chùa	Phố Ngô Gia Tự	Phố Duyên Hà	1,00
116	Đường ngõ xóm tổ 4 Cốc Lều	Đường Lê Hồng Phong	Hết đường	1,00
117	Phố Thủy Hoa	Đường Hoàng Liên	Phố Duyên Hải	1,00
118	Ngõ Thủy Hoa	Giáp số nhà 082 Phố Thủy Hoa (Công ty liên doanh khách sạn Quốc tế Lào Cai)		1,00
119	Phố Thủy Tiên	Đường Hoàng Liên	Phố Đăng Châu	1,00
120	Phố Lê Chân	Phố Thanh Niên	Phố Hưng Hóa	1,00
121	Phố Lê Văn Hưu	Đường Nhạc Sơn	Phố Lương Khánh Thiện	1,00
122	Phố Nguyễn Siêu	Phố Duyên Hà	Phố Nguyễn Đức Cảnh	1,00
123	Phố Nguyễn Biểu	Phố Ba Chùa	Phố Nguyễn Đức Cảnh	1,00
124	Phố Phùng Khắc Khoan	Phố Nguyễn Siêu	Phố Nguyễn Biểu	1,00
125	Phố Trần Đại Nghĩa (A3 cũ)	Trần Đăng	Ngã ba giao với Đường Điện Biên	1,00
126	Phố Nguyễn Khuyến	Đường Nhạc Sơn	Phố Trần Đại Nghĩa	1,00
		Nhà văn hóa Nguyễn Khuyến	Phố Ngô Tất Tố	1,00
127	Ngõ Nhạc Sơn cũ	Đường Nhạc Sơn	Hết số nhà 033	1,00
		Đoạn còn lại (Từ hết số nhà 031 đến số nhà 007)		1,00
128	Phố Nguyễn An Ninh	Đường Điện Biên	Đường Nhạc Sơn	1,00
129	Phố Nguyễn Văn Huyền	Phố Nguyễn An Ninh	Phố Trừ Văn Thố	1,00
130	Phố Ngô Đức Kế	Phố Trừ Văn Thố	Đường Nhạc Sơn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
131	Phố Phan Kế Toại	Phố Nguyễn An Ninh	Phố Nguyễn Văn Huyền	1,00
132	Phố Phan Trọng Tuệ	Phố Nguyễn An Ninh	Đường Điện Biên	1,00
133	Phố Trừ Văn Thố	Phố Nguyễn An Ninh	Đường Điện Biên	1,00
134	Các đường còn lại thuộc Hồ số 6	Các đường còn lại		1,00
135	Phố Trần Quốc Hoàn	Phố Trần Đăng	Đường Điện Biên	1,00
136	Phố Nguyễn Khang	Nhà ở xã hội Điện Biên	Phố Trần Đăng	1,00
137	Phố Trần Duy Hưng	Ngã tư Nguyễn Khuyến	Đường Điện Biên	1,00
138	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Phố Trần Duy Hưng	Phố Nguyễn Khang	1,00
139	Các đường còn lại thuộc hồ Đài phát thanh truyền hình (cũ)	Các đường còn lại		1,00
140	Phố Ngô Tất Tố	Phố Trần Quốc Hoàn	Đường Nhạc Sơn	1,00
141	Phố Tô Hiến Thành	Đường Điện Biên	Phố Trần Quang Khải	1,00
142	Phố Trần Đăng	Đường Điện Biên	Phố Nguyễn Khuyến	1,00
143	Đường ngõ xóm tổ 8 Cốc Lều	Khu vực phía sau làn dân cư Nguyễn Khuyến đến đồi trung tâm giáo dục thường xuyên		1,00
144	Đường ngõ xóm tổ 9 Cốc Lều	Khu vực phía sau làn dân cư Phố Nguyễn An Ninh Giáp chân đồi Nhạc Sơn tổ 21		1,00
145	Đường M4 (doanh nghiệp Phùng Minh)	Phố Lương Khánh Thiện	Phố Lê Hồng Phong	1,00
146	Các tuyến đường trong khu dân cư và dịch vụ giải trí Minh Hải			1,00
147	Đường Hoàng Liên	Cầu Cốc Lều	Đường Nhạc Sơn	1,00
		Đường Nhạc Sơn	Phố Phan Chu Trinh	1,00
		Phố Phan Chu Trinh	Phố Nguyễn Du	1,00
		Phố Nguyễn Du	Phố Lê Lai	1,00
		Phố Lê Lai	Cầu Kim Tân	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
148	Đường Nhạc Sơn	Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Văn Thụ	1,00
		Phố Hoàng Văn Thụ	Phố Phan Chu Trinh	1,00
		Phố Phan Chu Trinh	Phố Quang Minh	1,00
		Phố Quang Minh	Đường Hoàng Liên	1,00
149	Phố Cốc Lếu	O tròn Ngã 5 đường Hoàng Liên	Phố Kim Đồng	1,00
		Phố Kim Đồng	Ngã 4 Lê Văn Tám - Nguyễn Trung Trực	1,00
		Ngã 4 Lê Văn Tám - Nguyễn Trung Trực	Đường Hoàng Liên	1,00
150	Phố Hoà An	Phố Cốc Lếu	Phố Hồng Hà	1,00
151	Phố Hồng Hà	Đường Hoàng Liên	Phố Kim Chung	1,00
		Phố Kim Chung	Phố Lê Văn Tám	1,00
		Phố Lê Văn Tám	Phố Phan Huy Chú	1,00
		Phố Phan Huy Chú	Phố Sơn Đạo	1,00
152	Ngõ Hồng Hà	Bao quanh chợ B Cốc Lếu		1,00
153	Ngõ Trạm điện Hồng Hà	Phố Hồng Hà	Đường An Dương Vương	1,00
154	Phố Sơn Tùng	Đường Hoàng Liên	Phố Cốc Lếu	1,00
		Phố Cốc Lếu	Đường An Dương Vương	1,00
155	Phố Kim Đồng	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
		Phố Cốc Lếu	Phố Nguyễn Trung Trực	1,00
156	Phố Kim Chung	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
157	Phố Võ Thị Sáu	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
158	Phố Lý Tự Trọng	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
159	Phố Lê Văn Tám	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
160	Phố Trần Quốc Toản	Đường An Dương Vương	Phố Cốc Lếu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
160	Phố Cao Bá Quát	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
161	Phố Tân Đà	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
162	Phố Nguyễn Công Trứ	Phố Hồng Hà	Phố Cốc Lếu	1,00
163	Phố Phan Huy Chú	Đường Hoàng Liên	Đường An Dương Vương	1,00
164	Phố Nguyễn Trung Trực	Phố Sơn Tùng	Phố Cốc Lếu	1,00
165	Phố Sơn Đạo	Đường An Dương Vương	Đường Hoàng Liên	1,00
		Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Văn Thụ	1,00
		Phố Hoàng Văn Thụ	Phố Phan Chu Trinh	1,00
166	Ngõ Sơn Đạo	Phố Sơn Đạo	Chân đồi Công ty giống cây trồng	1,00
167	Phố Đình Lễ	Đường Hoàng Liên	Đường An Dương Vương	1,00
168	Phố Lê Quý Đôn	Đường Hoàng Liên	Đường Nhạc Sơn	1,00
169	Ngõ 74 - Lê Quý Đôn	Ngõ Lê Quý Đôn		1,00
170	Phố Nghĩa Đô	Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Văn Thụ	1,00
171	Phố Phan Chu Trinh	Đường Hoàng Liên	Phố Đặng Trần Côn	1,00
		Phố Đặng Trần Côn	Đường Nhạc Sơn	1,00
172	Phố Tân Thuật	Phố Hoàng Hoa Thám	Trường mầm non-Hoa Mai	1,00
		Đường Hoàng Liên	Số nhà 032 (Phố Tân Thuật)	1,00
173	Phố Hoàng Văn Thụ	Đường Nhạc Sơn	Phố Trần Đăng Ninh	1,00
174	Ngõ 116 đường Hoàng Văn Thụ	Phố Hoàng Văn Thụ	Phố Đặng Trần Côn	1,00
		Số nhà 002 (ngõ 116)	Hết ngõ	1,00
175	Phố Hoàng Hoa Thám	Phố Hoàng Văn Thụ	Phố Phan Chu Trinh	1,00
		Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Văn Thụ	1,00
176	Phố Nguyễn Hiền	Phố Hoàng Văn Thụ	Phố Đặng Trần Côn	1,00
177	Phố Lương Văn Can	Phố Đặng Trần Côn	Phố Sơn Đạo	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
178	Phố Trần Đăng Ninh	Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Văn Thụ	1,00
		Phố Hoàng Văn Thụ	Đường Nhạc Sơn	1,00
179	Ngõ 158 đường Trần Đăng Ninh	Đường Trần Đăng Ninh	Lối Hồng Ngọc	1,00
180	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Nhạc Sơn	Phố Lê Quý Đôn	1,00
181	Phố Đoàn Thị Điểm	Đường Nhạc Sơn	Phố Đặng Trần Côn	1,00
182	Phố Ngô Thì Sĩ	Phố Trần Đăng Ninh	Phố Lê Quý Đôn	1,00
183	Phố Đặng Trần Côn	Phố Phan Chu Trinh	Phố Sơn Đạo	1,00
184	Ngõ Đặng Trần Côn	Phố Đặng Trần Côn	Phố Sơn Đạo	1,00
185	Ngõ Thái Sơn	Phố Đặng Trần Côn	Hết đất Thái Sơn	1,00
186	Đường vào UBND phường Cốc Lếu cũ	Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Văn Thụ	1,00
		Phố Phan Chu Trinh	UBND phường Cốc Lếu cũ	1,00
187	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Hoàng Liên	Phố Hoàng Hoa Thám	1,00
188	Đường lên đồi mưa Axít	Đường Nhạc Sơn	Công ty xây lắp công trình Vũ Yên	1,00
189	Các đường thuộc khu vực dự án công ty TNHH xây dựng Thái Lào	Phố Nguyễn Minh Châu		1,00
		Phố Nguyễn Quý Đức		1,00
		Ngã 3 công ty	Phố Nguyễn Minh Châu	1,00
		Nút giao Trần Đăng Ninh - Đặng Trần Côn	Phố Nguyễn Minh Châu	1,00
190	Ngõ An Sinh	Đường Hoàng Liên	Phố Cốc Lếu	1,00
191	Các tuyến phố trong Dự án nhà ở thương mại CIC;			1,00
192	Các đường quy hoạch thuộc dự án: “Khu đô thị mới tổ 31, 32, 33, 34, phường Duyên Hải (nay là Cốc Lếu), phường Lào Cai”			1,00
193	Đường Ngô Quyền	Đường Hoàng Liên	Phố Nguyễn Du	1,00
		Phố Nguyễn Du	Phố Yết Kiêu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
194	Đường Ngô Quyền kéo dài	Đường Ngô Quyền	Cầu Ngòi Đum	1,00
195	Đường N6	Đường Ngô Quyền	Phố Soi Tiên	1,00
196	Ngõ Ngô Quyền 1	Giáp số nhà 429 Đường Hoàng Liên	Đường Ngô Quyền	1,00
197	Phố Lý Ông Trọng	Phố Soi Tiên	Đường An Dương Vương	1,00
198	Phố Mai Hắc Đế	Phố Soi Tiên	Đường An Dương Vương	1,00
199	Ngõ Hoàng Liên	Đường Hoàng Liên	Phố Soi Tiên	1,00
200	Đại lộ Trần Hưng Đạo	Ngã sáu	Cầu Bắc Cường	1,00
201	Ngã sáu	Các lô đất bao quanh Ngã sáu		1,00
202	Đường Nhạc Sơn cũ	Đổi diện dải cây xanh	Đường Nhạc Sơn	1,00
203	Ngõ sau đường An Dương Vương - Đoàn Khuê - Ngô Quyền - Yết kiêu kéo dài	Đường Ngô Quyền	hết ngõ	1,00
204	Phố Soi Tiên	Đường Hồng Hà	Phố Đinh Lễ	1,00
		Phố Đinh Lễ	Đường N6	1,00
		Đường N6	Phố Nguyễn Du	1,00
		Phố Nguyễn Du	Đường An Dương Vương	1,00
205	Phố Cao Lỗ	Phố Soi Tiên	Phố Lý Ông Trọng	1,00
206	Phố Lý Nam Đế	Phố Soi Tiên	Đường An Dương Vương	1,00
207	Phố Vạn Phúc	Phố Lê Đại Hành	Đường An Dương Vương kè sông Hồng) (2 bên Giáp chân Cầu Phô mới)	1,00
208	Phố Vạn Phúc	Đường An Dương Vương	Hết số nhà 014 Vạn Phúc	1,00
		Số nhà 016 Vạn Phúc	Phố Tráng A Pao	1,00
		Phố Tráng A Pao	Phố Đoàn Khuê	1,00
209	Phố Tráng A Pao	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
210	Phố Đoàn Khuê (Nhánh nối 5 cũ)	Đường Ngô Quyền	Phố Lê Đại Hành	1,00
211	Phố Đoàn Khuê	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	1,00
212	Đường M1 (thuộc phường Kim Tân cũ)	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	1,00
213	Phố Ngòi Đum	Phố Yết Kiêu	Đường Ngô Quyền kéo dài	1,00
214	Phố Chu Huy Mân (đường NB1)	Trong khu dân cư Chiến Thắng		1,00
215	Các đường thuộc khu dân cư Chiến Thắng	Các Đường thuộc khu dân cư Chiến Thắng		1,00
216	Phố Tạ Đình Đề	Phố Yết Kiêu	Đường Ngô Quyền Kéo dài	1,00
217	Phố Yết Kiêu	Ngã sáu	Đường Ngô Quyền	1,00
218	Phố Yết Kiêu kéo dài	Đường D1	Đường C1 thuộc quy hoạch khu dân cư Chiến Thắng	1,00
219	Đường D1 (theo quy hoạch khu dân cư Chiến Thắng)	Đường Ngô Quyền Kéo dài	Đường An Dương Vương	1,00
220	Phố Lý Công Uẩn	Ngã Sáu	Phố Quy Hóa	1,00
		Phố Quy Hóa	Phố Nguyễn Du	1,00
		Phố Nguyễn Du	Đường Ngô Quyền	1,00
221	Phố Nguyễn Du	Đường Hoàng Liên	Phố Lý Công Uẩn	1,00
		Phố Lý Công Uẩn	Phố Soi Tiền	1,00
222	Phố Thành Công	Phố Lý Công Uẩn	Hết Đường bao quanh chợ	1,00
		Đoạn sau làn dân cư Đường Ngô Quyền		1,00
223	Phố Lê Lai	Đường Hoàng Liên	Phố Lý Công Uẩn	1,00
		Phố Lý Công Uẩn	Đường Ngô Quyền	1,00
224	Phố Hàm Tử	Phố Lê Lai	Phố Vạn Hoa (sau trường THCS Kim Tân)	1,00
225	Phố Phú Bình	Phố Lý Đạo Thành	Phố Lê Lai	1,00
226	Phố Vạn Hoa	Đường Ngô Quyền	Phố Lý Công Uẩn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
227	Phố Chu Văn An	Phố Nguyễn Du	Phố Lý Đạo Thành	1,00
228	Phố Kim Thành	Đường Hoàng Liên	Phố Tuệ Tĩnh	1,00
		Đường Hoàng Liên	Ban QLDA 661	1,00
229	Phố Tuệ Tĩnh	Phố Hàm Nghi	Phố Mường Than	1,00
230	Phố Xuân Diệu	Đường Hoàng Liên	Phố Hàm Nghi	1,00
231	Phố Him Lam	Giữa Đường Hoàng Liên với Phố Trần Bình Trọng (gần khu chi nhánh NH nông nghiệp Kim Tân)		1,00
232	Phố Trần Bình Trọng	Phố Xuân Diệu	Phố Hàm Nghi	1,00
233	Phố Lý Đạo Thành	Đường Hoàng Liên	Phố Lý Công Uẩn	1,00
		Phố Lý Công Uẩn	Phố Quy Hóa	1,00
234	Phố Quy Hoá	Đường Hoàng Liên	Đường An Dương Vương	1,00
235	Ngõ Quy Hóa	Phố Quy Hóa	Số nhà 035 ngõ Quy Hóa	1,00
236	Ngõ Lê Đại Hành	Phố Quy Hóa	Phố Yết Kiêu	1,00
		Phố Lê Đại Hành	đến hết ngõ	1,00
237	Phố Ngọc Hồi	Phố Lê Đại Hành	Đường Ngô Quyền (Giáp Phố Quy Hóa)	1,00
238	Phố Tân Trào	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	1,00
		Đường Ngô Quyền	Phố Lê Đại Hành	1,00
239	Phố Lê Thanh Nghị	Phố Lê Đại Hành	Đường Ngô Quyền	1,00
240	Phố Quang Minh	Đường Nhạc Sơn	Phố Trung Đô	1,00
241	Phố Mường Than	Đường Nhạc Sơn	Phố Lý Công Uẩn	1,00
		Phố Lý Công Uẩn	Trường Nội trú cũ	1,00
242	Ngõ Mường Than	Phố Mường Than	Phố Bà Triệu	1,00
243	Ngõ xưởng in	Phố Mường Than	Doanh nghiệp Hoàng Sơn	1,00
244	Ngõ Trường Nội Trú	Phố Mường Than	Phố Quy Hoá	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
245	Phố Kim Hoa	Phố An Phú	Phố Trung Đô	1,00
246	Phố Bà Triệu	Phố Tuệ Tĩnh	Phố Lý Công Uẩn	1,00
247	Phố Trần Nhật Duật	Đường Hoàng Liên	Phố Mường Than	1,00
		Phố Mường Than	Phố Bà Triệu	1,00
248	Phố Hàm Nghi	Phố Hoàng Liên	Ngã sáu	1,00
249	Phố Lê Hữu Trác	Phố Hàm Nghi	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
250	Phố Tân An	Phố Kim Hà	Phố Đào Duy Từ	1,00
251	Phố Kim Hà	Phố Hàm Nghi	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
252	Phố Tôn Thất Tùng	Phố Hàm Nghi	Phố Kim Hà	1,00
253	Phố Phạm Ngọc Thạch	Phố Hàm Nghi	Phố Đào Duy Từ	1,00
		Phố Đào Duy Từ	Phố Kim Hà	1,00
254	Phố Thanh Phú	Phố Hàm Nghi	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
255	Phố Đào Duy Từ	Phố Hàm Nghi	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
256	Phố Cao Sơn	Phố Kim Thành	hết đường	1,00
257	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Phố Mường Than	Phố Bà Triệu	1,00
258	Phố Bạch Đằng	Phố Hàm Nghi (QL4D)	Ra suối Ngòi Đum	1,00
259	Phố Bế Văn Đàn	Phố Bế Văn Đàn	Phố Thanh Phú	1,00
		Phố Đào Duy Từ	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
260	Phố Ngọc Hà	Phố Xuân Diêu	Phố Hàm Nghi (lối đất Cao Minh)	1,00
261	Phố An Bình	Đường Hoàng Liên	Phố Quang Minh	1,00
262	Phố An Nhân	Đường Hoàng Liên	Phố Quang Minh	1,00
263	Phố Trung Đô	Đường Hoàng Liên	Đường Nhạc Sơn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
264	Phố An Phú	Đường Nhạc Sơn tổ 28	Phố Kim Hoa	1,00
		Phố Kim Hoa	Phố Quang Minh	1,00
		Phố Quang Minh	Đường Nhạc Sơn tổ 24	1,00
265	Ngõ Nhạc Sơn 1	Đường Nhạc Sơn	Chân đồi Nhạc Sơn	1,00
266	Phố Trường Sa (đường T1)	Phố Hàm Nghi	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
267	Phố Hoàng Sa (đường T2)	Phố Tân An	Phố Phạm Ngọc Thạch	1,00
268	Các đường quy hoạch thuộc dự án Mặt bằng HTKT khu Hồ số 1			1,00
269	Các đường thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng dọc hai bên suối Ngòi Đum (đoạn từ cầu Kim Tân đến nút giao cao tốc Nội Bài - Lào Cai IC19)			1,00
270	Phố Phạm Văn Xảo	Ngõ Phạm Văn Xảo (Đường M2 - theo Quy hoạch)	Đường M4 (theo Quy hoạch)	1,00
		Nút giao đường Lương Định Của và đường M1 (theo quy hoạch)	Đường M7 (cầu Phú Thịnh - Theo quy hoạch)	1,00
		Đường M7 (cầu Phú Thịnh - Theo quy hoạch)	Nút giao đường M1 (theo quy hoạch)	1,00
		Đường M7 (cầu Phú Thịnh - Theo quy hoạch)	Nút giao đường M1 và đường M8 (theo quy hoạch)	1,00
271	Phố Lương Định Của	Phố Đinh Bộ Lĩnh	Nút giao với đường M1	1,00
		Nối từ Ngã 5 (Giáp gốc đa)	M8 theo quy hoạch mới	1,00
		Nối từ Phố Đinh Bộ Lĩnh đi qua trường tiểu học Vạn Hòa	đầu Cầu Phú Thịnh	1,00
272	Đường M3 và M4 (theo quy hoạch)	Phố Đinh Bộ Lĩnh	Đường M1	1,00
273	Đường M5A (theo quy hoạch)	Phố Đinh Bộ Lĩnh	Đường M1	1,00
274	Đường M5 (theo quy hoạch)	Phố Lương Định Của	Đường M1	1,00
275	Phố Hồng Giang	Phố Phạm Văn Khả	Ngõ Phạm Văn Xảo	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
276	Phố Hưng Thịnh	Phố Phạm Văn Khả	Phố Khánh Yên (tổ dân phố Hồng Hà)	1,00
277	Phố Hồng Sơn	Phố Phạm Văn Khả	Đường M15 (ngõ Phạm Văn Xảo mới)	1,00
278	Đường M7 (Cầu Phú Thịnh)	Ngã 5 Lương Định Của	Đường Bờ Sông (M1)	1,00
279	Ngõ Phạm Văn Xảo	Phố Phạm Văn Khả	Phố Phạm Văn Xảo	1,00
280	Phố Bình Than	Phố Khánh Yên	Phố Đinh Bộ Lĩnh	1,00
281	Khu tái định cư cho người có thu nhập thấp (Khu nhà ở công ty khoáng sản)			1,00
282	Khu tái định cư số 1 cầu Giang Đông			1,00
283	Khu tái định cư số 2	Các tuyến đường thuộc khu tái định cư số 2		1,00
284	Khu TĐC số 2 mở rộng	Các tuyến Đường thuộc khu tái định cư số 2 mở rộng		1,00
285	Đường trục phường (Vạn Hòa cũ)	Cuối Đường M8 theo quy hoạch	Cầu ông Tư TDP Cánh Chín	1,00
		Cầu ông Tư TDP Cánh Chín	Đường T3 khu tái định cư số 2	1,00
		Đường D2 (khu tái định cư số 2) đến UBND xã vòng qua trạm y tế cũ đến Ngã ba nhà bà Phụng Lương Tổ dân phố Cánh Chín		1,00
		UBND Vạn Hòa cũ	Cầu sắt Tổ dân phố Cánh Đông	1,00
286	Đường trục TDP (khu vực Vạn Hòa cũ)	Đối diện nhà văn hóa (ngõ nhà Hiền Minh) qua Đường D2 mới lên chùa ra	Ngã ba nhà ông Cao Chuyển	1,00
		Trạm biến áp TDP Giang Đông 2	Đường N10	1,00
		Cây đa trạm y tế cũ đến nhà ông Lộc	Đường trục chính Tổ dân phố Cánh Đông (nhà Thiệu Bền)	1,00
287	Khu tái định cư kiểm dịch vùng			1,00
288	Dự án Khu đô thị mới	Đường D3		1,00
		Các Đường còn lại		1,00
289	Đường quy hoạch bờ tả sông Hồng	Đường N1 (Khu đô thị Vạn Hòa)		1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
290	Đường Bản Phiệt Làng Chung	Quốc lộ 4D	Hết Cầu Pạc Tà	1,00
		Cầu Pạc Tà	Đường rẽ vào Tổ dân phố Cốc Lầy	1,00
		Đường rẽ vào Tổ dân phố Cốc Lầy	Ranh giới đất trường tiểu học Làng Chung	1,00
		Ranh giới đất trường tiểu học Làng Chung	Tỉnh lộ 157 (Ngã 3 Làng Chung)	1,00
291	Khu tái định cư Tổ dân phố Bản Quẩn	Các tuyến Đường gom A-A, tuyến I (mặt bằng khu TĐC)		1,00
292	Tổ dân phố Bản Quẩn	Các Đường bê tông Tổ dân phố Bản Quẩn		1,00
293	Khu kè sạt lở tại thị tứ Bản Phiệt	Các tuyến Đường N1, N2, D2, D3		1,00
294	Khu đất Minh Sơn	Các tuyến Đường M1, M2, M3		1,00
295	Đường cổng chợ Bản Phiệt (đối diện chợ Bản Phiệt)	Đoạn giao với Đường D3 (kè sạt lở) (nhà ông Quỳnh Tâm)	Cuối Đường (nhà ông Công Thúy)	1,00
296	Đường K8 Nậm Sò (nhánh cầu sắt)	Đầu Cầu sắt	Đường BQ7	1,00
297	Đường BQ7	Cầu K8	Giao đường K8 Nậm Sò (nhánh cầu sắt)	1,00
		Các vị trí còn lại		1,00
298	Các tuyến đường khác còn lại từ tổ 1 đến tổ 30			1,05
299	Các ngõ còn lại tổ 6 Duyên Hải, tổ 7 Duyên Hải, tổ 8 Duyên Hải			1,05
300	Các tuyến đường khác còn lại từ tổ 1 Duyên Hải đến tổ 5 Duyên Hải			1,05
301	Các tuyến đường khác còn lại từ tổ 1 Cốc Lếu đến tổ 36 Cốc Lếu			1,05
302	Các tuyến đường khác còn lại từ tổ 1 Kim Tân đến tổ 36 Kim Tân			1,05
303	Các tuyến đường khác còn lại thuộc Tổ dân phố: Hồng Sơn, Hồng Hà, Hồng Giang, Sơn Mãn 1; Sơn Mãn 2; Sơn Mãn 3			1,05
304	Các tuyến đường khác còn lại của Tổ dân phố: Cánh Chén, Giang Đông, Giang Đông 2, Cánh Đông trong quy hoạch đô thị Vạn Hòa			1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Đoạn đường		Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
		Từ	Đến	
305	Các tuyến đường khác còn lại tại tổ dân phố: Cánh Đông, Giang Đông, Giang Đông 2, Cánh Chín			1,05
306	Các tuyến đường khác còn lại thuộc tổ dân phố Cầu Xum			1,05
307	Các tuyến đường khác còn lại tại tổ dân phố: Bản Quẩn, K8, Nậm Sò, Nậm Sưu, Bản Phiệt, Pạc Tà, Cốc Lầy, Làng Chung			1,10
308	Đường M8 (theo quy hoạch)			1,00

Phụ lục III
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG ĐẤT Ở; ĐẤT
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP; ĐẤT
SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TẠI KHU VỰC 2

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. XÃ CỐC SAN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tuyến đường Quốc lộ 4D	
1.1	Từ địa phận phường Lào Cai đến đường Tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai)	1,00
1.2	Từ đường Tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai) đến ngã ba đường vào thôn Luồng Láo 1 (đường vào nhà máy thủy điện Cốc San)	1,00
1.3	Từ ngã ba đường vào thôn Luồng Láo 1 (đường vào nhà máy thủy điện Cốc San) đến đường T1 (Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Cốc San)	1,00
1.4	Từ đường T1 đến đường An San	1,00
1.5	Từ đường An San đến ngã rẽ đi vào nhà máy thủy điện Cốc San Thượng	1,00
1.6	Từ đường An San đến ngã rẽ đi vào nhà máy thủy điện Cốc San	1,00
1.7	Từ đoạn ngã rẽ thủy điện Cốc San đến giáp địa phận xã Tóng Sành (cũ)	1,00
1.8	Từ địa phận xã Tòng Sành cũ đến giáp xã Tả Phìn	1,00
2	Đường tỉnh lộ 155	
2.1	Từ giáp địa phận phường Cam Đường (thuộc thôn Luồng Láo 2) đến đoạn nối từ Quốc lộ 4D đi đến đường tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai)	1,00
2.2	Từ Đoạn nối từ Quốc lộ 4D đi đến đường tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai) ngã rẽ đường đi thôn Ún Tà	1,00
2.3	Từ đường đi thôn Ún Tà đến hết địa phận xã Cốc San (cũ)	1,00
2.4	Đoạn từ hết địa phận xã Cốc San cũ đến hết giáp xã Tả Phìn	1,00
2.5	Đoạn nối từ Quốc lộ 4D đi đến đường tỉnh lộ 155 (đường Sapa - Lào Cai)	1,00
3	Đường Liên xã (xã Đồng Tuyển cũ)	
3.1	Từ phường Lào Cai đến khu tái định cư số 4 (thôn 5,6 xã Đồng Tuyển cũ)	1,50
3.2	Từ đầu khu tái định cư số 4 (thôn 5,6 xã Đồng Tuyển cũ) đến trụ sở UBND xã Đồng Tuyển cũ	1,50
3.3	Đoạn đường trước cửa Trụ sở UBND xã Đồng Tuyển cũ đi trường Nguyễn Bá Ngọc	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.4	Từ trụ sở UBND xã Đồng Tuyển cũ đến Khu tái định cư thôn 3	1,50
3.5	Từ cuối khu tái định cư thôn 3 đến Quốc lộ 4D	1,50
4	Khu tái định cư cao tốc thôn 3 (Đồng Tuyển cũ)	
4.1	Đường N1	1,50
4.2	Phố Cùm Thượng (đường N2)	1,50
5	Đường ô tô trục chính (đường chuyên dùng của mỏ Apatit)	
	<i>Toàn tuyến tách thành 04 đoạn:</i>	
5.1	Từ ngã tư giao Quốc lộ 4D (đường đi nhà máy rác) đến hết điểm ngầm tràn đi phường Cam Đường	1,00
5.2	Từ ngã tư giao QL 4D (đường đi nhà máy rác) đến hết điểm trường mầm non thôn Tòng Mòn	1,00
5.3	Từ hết điểm trường mầm non thôn Tòng Mòn hết khu tái định cư số 3	1,00
5.4	Từ TĐC số 3 đến hết tuyến đường	1,00
6	Khu tái định cư số 4, thôn 5,6 (Đồng Tuyển cũ)	
6.1	Phố Lạc Việt	1,50
6.2	Phố Vạn Xuân	1,87
6.3	Các tuyến còn lại	1,87
7	Đường gom cao tốc thôn 3 Đồng Tuyển cũ (Từ cầu chui cao tốc đi vào khu ông Đam, đến hết đường gom)	1,00
8	Đường gom cao tốc thôn 4 Đồng Tuyển cũ (Từ cầu chui cao tốc đi vào khu ông Tăng, đến hết đường gom)	1,00
9	Đường gom cao tốc thôn Cùm Hạ 1 Đồng Tuyển cũ (Toàn tuyến)	1,00
10	Đường An San (Từ Km9 QLô 4D đi nhà máy thủy điện Cốc San đến ngã tư đi thôn Luổng Đơ, đường vào thủy điện)	1,00
11	Đường Luổng Láo 1 (Từ ngã ba giao đường 4D đến hết nhà máy thủy điện)	1,00
12	Đường Ún Tà (Từ đầu cầu treo Ún Tà đi vào hết khu dân cư)	1,00
13	Đường T1 (Từ ngã ba giao QL 4D hướng Lào Cai đi Sa Pa đến ngã ba giao QL 4D đối diện cây xăng)	1,00
14	Đường liên xã từ xã Cốc San đi xã Bát Xát	
14.1	Từ QL 4D đến hết địa phận thôn Tòng Chú	1,00
14.2	Từ hết địa phận thôn Tòng Chú đến hết địa phận thôn Tòng Xanh 1	1,00
14.3	Từ hết địa phận thôn Tòng Xanh 1 đến giáp xã Bát Xát	1,00
15	Đường T5 (Từ T1 vào chợ Cốc San)	1,00
16	Các đường quy hoạch thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật bờ tả, bờ hữu Tòng Chú	1,00
17	Các tuyến đường thuộc dự án Khu đô thị mới Cốc San	1,00
18	Các đường của Khu tái định cư số I, Khu tái định cư số II, Khu tái định cư số III	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
19	Các tuyến đường thuộc dự án HTKT Cúm Thượng (thôn Cúm thường)	1,00
20	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Đồng Tuyển (cũ))	1,00
21	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Cốc San (cũ))	1,00
22	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Tòng Sành cũ)	1,00
23	Các đường khu tái định cư Tả Hồ	1,00
24	Các đường khu tái định cư thôn Séo Tòng Sành	1,00
25	Thôn Tòng Chú	
25.1	Đoạn đường liên thôn thuộc thôn Tòng Chú (đoạn từ Cầu Tòng Chú đến hết địa phận thôn Tòng Chú)	1,00
25.2	Đoạn đường liên thôn giáp ranh địa phận thôn Tòng Chú đi thôn Tòng Xanh (đoạn đường từ nhà ông Đoàn Văn Sơn thôn Tòng Xanh 1 đến ngã tư thôn Tòng Xanh nhà ông Vương Văn Tràng)	1,00

2. XÃ HỢP THÀNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Khu vực giáp phường Cam Đường đến ngã ba gốc đa	1,00
2	Đoạn đường từ ngã ba khai thác đến cầu thôn Cóc 1 <i>(bao gồm cả đoạn đường từ ngã 3 thôn Phân Lân đến cầu Ngòi Đường)</i>	1,00
3	Từ cầu thôn Cóc 1 đến giáp địa phận phường Cam Đường	1,00
4	Các thôn Cuồng, Cóc 1, Cóc 2, Hổ Trang, Lấp Máy, Đoàn Kết, Phời 2, Phời 3, Đá Đình 1, Đá Đình 2	1,00
5	Khu tái định cư mô đồng thôn Phời 3	1,00
6	Khu tái định cư thôn Cóc 2	1,00
7	Khu tái định cư thôn Đá Đình 1 và Đá Đình 2	1,00
8	Đường WB đoạn từ cầu Ngòi Đường đến hết chợ	1,00
9	Từ hết chợ xã Hợp Thành đến giáp địa phận xã Gia Phú	1,00
10	Từ ngã 4 thôn Kíp Tước 2 đến địa phận phường Cam Đường (xã Cam Đường cũ)	1,00
11	Khu tái định cư San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu sắp xếp dân cư thôn Nậm Rịa, xã Hợp Thành	1,00
12	Từ ngã 4 thôn Tượng 3 đến đường tỉnh lộ 156B	1,00
13	Từ cổng tràn thôn Pèng 2 đến cổng vào nhà điều hành của Công ty Khoáng sản 3	1,00
14	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

3. XÃ BẢN HỒ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Khu trung tâm xã Bản Hồ	
1.1	Từ nhà ông Vàng A Sơn đến Trạm y tế xã Bản Hồ nhập từ 02 đoạn: Đoạn từ đầu nhà BQL dự án du lịch cộng đồng đến đường rẽ trụ sở UBND xã; Đoạn từ đường rẽ trụ sở UBND đến đất trạm y tế xã	1,00
2	Đường đi xã Thanh Bình	
2.1	Từ nhà nghỉ Ngọc Liên đến nhà ông Nguyễn Văn Vượng	1,20
2.2	Từ nhà ông Nguyễn Văn Vượng đến cổng chào xã Thanh Bình (cũ)	1,00
3	Tỉnh lộ 152	
3.1	Trong phạm vi 200 m từ giáp xã Tả Van đi xã Mường Bo	1,00
3.2	Đoạn còn lại	1,00
4	Các vị trí còn lại tiếp giáp với các đoạn thuộc khu vực trung tâm về các phía 200m	1,00
5	Từ Công ty TNHH Topats Ecolodge dọc theo đường ĐH96 đến ngã 3 nhà ông Nguyễn Văn Luy	1,00
6	Từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Văn Luy dọc theo đường ĐH96 đến Nhà ông Chảo Trần Tá thôn Bản Sái	1,00
7	Đường trục chính từ nhà ông Chảo Trần Tá thôn Bản Sái đến thôn Bản Toòng	1,00
8	Từ ngã ba đường đội 3 Lếch Dao đến trường THCS Thanh Kim (cũ)	1,00
9	Từ ngã ba đường đội 2 Lếch Dao đến trường tiểu học Lếch Mông B	1,00
10	Từ ngã ba đường Lếch Mông (nhà ông Giàng A Thống) đến trường tiểu học Lếch Mông	1,00
11	Từ ngã ba lên đường trạm y tế, trường tiểu học, trường THCS đến sân bóng	1,00
12	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

4. XÃ MƯỜNG BO

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 152B	
1.1	Từ đầu cầu Thanh Phú đến ngã ba nhà ông Vinh	1,00
1.2	Từ bảng tin đường đi ngã ba Nậm Kếng đến hết đất nhà ông Đào Văn Con	1,00
1.3	Đoạn nhà ông Đào Văn Con đến cổng làng Nậm Cang	1,00
2	Tỉnh lộ 152	
2.1	Từ cầu Thanh Phú đến hết đất xã Mường Bo	1,00
3	Khu trung tâm xã Mường Bo	
3.1	Từ ngã ba nhà ông Vinh đến nhà ông Lò A Van	1,00
3.2	Từ ngã ba nhà ông Vinh đến nhà ông Lò A Van theo trục đường Tỉnh lộ 152B	1,00
3.3	Ngã ba (nhà ông Van) đến ngã ba đi Suối Thầu	1,00
3.4	Đoạn nối tiếp 200m hướng đi thôn Suối Thầu đến quán ông Tẩn Kiềm Chòi	1,00
3.5	Đoạn từ tìm ngã ba cách 100m về 2 phía đi thôn Nậm Sài và đi Suối Thầu	1,00
3.6	Đoạn nối tiếp đoạn 200m hướng đi Nậm Sài đến bảng tin ngã ba thôn Nậm Kếng	1,00
3.7	Từ ngã ba Sín Chải A đến Trạm y tế xã Mường Bo	1,00
4	Khu trung tâm Nậm Cang	
4.1	Từ ngã tư thôn Nậm Cang I đến ngã ba đi thôn Nậm Than - Trung tâm văn hóa xã (qua TTVH xã)	1,00
4.2	Ngã 3 hướng đi Nậm Than đến trường Mầm non Nậm Than	1,00
4.3	Từ ngã tư thôn Nậm Cang I đến suối Nậm Cang I (nhà nghỉ Topas)	1,00
4.4	Từ ngã tư thôn Nậm Cang I đến cổng chào	1,00
4.5	Từ ngã tư thôn Nậm Cang I đến hết đất nhà ông Phan Văn Seng	1,00
4.6	Từ ngã ba thôn Nậm Cang I đến ngã ba đi thôn Nậm Than - (qua trụ sở UBND xã Liên Minh cũ)	1,00
5	Đất liền cạnh từ đập tràn thôn Suối Thầu Dao đến nhà ông Chảo Láo Tả	1,00
6	Đoạn nối tiếp hết đất Trạm y tế xã Suối Thầu (cũ) đến đến nhà Văn hoá thôn Nậm Lang	1,00
7	Từ ngã ba Sín Chải A đến hết đất nhà ông Chảo Vạn Chiêu (theo hướng đi thôn Suối Thầu Dao)	1,00
8	Đoạn nối tiếp đoạn hết đất ông Chảo Vạn Chiêu đi thôn Suối Thầu Dao đến đập tràn Suối Thầu Dao	1,00
9	Đoạn nối tiếp hết đất ông Chảo Láo Tả thôn Suối Thầu Dao đi thôn Bản Pho đến nhà bà Nguyễn Thị Nga	1,00
10	Đất liền cạnh từ nhà bà Nguyễn Thị Nga thôn Bản Pho đến Trạm y tế xã Suối Thầu (cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
11	Đất liền cạnh từ Nhà văn hóa thôn Nậm Lang A đến trường THCS Suối Thầu	1,00
12	Đoạn từ ngã ba Trường THCS Suối Thầu đến hết đất xã Mường Bo	1,00
13	Đoạn nối tiếp đoạn 100m về 2 phía đi Nậm Sài và đi Suối Thầu 200m về 2 phía	1,00
14	Từ cửa hàng ông Tấn Kiềm Chòi đến ngã ba Sín Chải A	1,00
15	Thôn Nậm Nhiu: Từ nhà ông Chảo Láo San đến nhà ông Chảo Chòi Hang	1,00
16	Xóm 2 thôn Nậm Than: Đoạn từ nhà ông Vũ A Cú đến hết đất nhà ông Giàng A Dũng	1,00
17	Từ điểm trường Mầm non thôn Nậm Than đến hết đất nhà ông Vũ A Phóng	1,00
18	Từ ngã ba thôn Bản Sài đi thôn Nậm Sang đến hết đất điểm trường Mầm non thôn Nậm Sang	1,00
19	Đường liên thôn	
19.1	Đường Mỹ Sơn đi Nậm Nhiu	1,00
20	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

5. XÃ NGŨ CHỈ SƠN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 155	
1.1	Từ giáp địa giới phường Sa Pa đến hết địa giới xã Ngũ Chỉ Sơn	1,00
2	Đường đi xã Tả Phìn	
2.1	Từ tỉnh lộ 155 đến hết địa giới xã Ngũ Chỉ Sơn	1,00
3	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

6. XÃ TẢ PHÌN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Khu trung tâm xã Tả Phìn	
1.1	Đường Sa Pả - Tả Phìn: Từ giáp đất phường Hàm Rồng đến đập tràn	1,00
1.2	Từ đập tràn đến cầu đội 4 thôn Sả Xéng đến hết trường mầm non (qua ngã tư nhà ông Thương)	1,00
1.3	Từ ngã tư trung tâm xã đến hết nhà ông Lý Láo Ú (Dào)	1,00
1.4	Từ cầu đội 4 thôn Sả Xéng đến cửa động Tả Phìn	1,00
1.5	Từ ngã tư đến đầu cầu Tả Chải	1,00
1.6	Đường đi UBND xã từ Đập tràn đến ngã ba nhà ông Lý Láo Ú	1,00
2	Đường liên thôn (Sả Xéng - Can Ngải - Giàng Tra)	
2.1	Từ đầu cầu Tả Chải đến Công ty thuốc tắm Sa Pa Napro	1,00
2.2	Từ hết nhà ông Lý Láo Ú (Dào) đi thôn Suối Thầu, Can Ngải, Giàng Tra	1,00
3	Ngã ba đi Hang động đến hết địa giới xã Tả Phìn	
3.1	Từ ngã ba hang động Tả Phìn đến nhà văn hóa thôn Lủ Khẩu	1,00
3.2	Từ nhà văn hóa thôn Lủ Khẩu đến giáp địa phận xã Ngũ Chỉ Sơn	1,00
4	Quốc lộ 4D	
4.1	Từ cầu 30 đến hết Km 28	1,00
4.2	Từ ngã ba đường đi thôn Vù Lùng Sung đến Km 26	1,00
4.3	Từ Km 26 đến Km 28	1,00
4.4	Các đoạn còn lại thuộc địa phận xã Tả Phìn	1,00
5	Đội 7, đội 8 Suối Thầu	1,00
6	Tuyến đường thuộc đội 10 Lũng Khẩu đi thôn Suối Thầu	1,00
7	Tuyến đường thuộc đội 1 thôn Sả Xéng đi thôn Móng Sến xã Trung Chải cũ	1,00
8	Đường đi thôn Pờ Sỉ Ngải: Từ km 22+800 đến hết thôn Pờ Sỉ Ngải	1,00
9	Đường đi thôn Chu Lìn 1	
9.1	Từ Km 28 QL4D đi thôn Chu Lìn 1	1,00
10	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai - Sa Pa	
10.1	Từ giáp xã Tòng Sành Bát Xát cũ đến đầu cầu Móng Sến	1,00
11	Đường Km113 đi Tả Phìn	1,00
12	Các đường nằm trong khu TĐC Móng Sến	1,00
13	Từ đường QL4D đến hết địa phận xã Tả Phìn (khu vực Sâu Chua)	1,00
14	Các tuyến đường khác còn lại (xã Tả Phìn cũ)	1,00
15	Các tuyến đường khác còn lại (xã Trung Chải cũ)	1,00

7. XÃ TẢ VAN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 152	
1.1	Từ giáp địa phận phường Cầu Mây (cũ) đến đường DH94 (hết địa phận xã Tả Van)	1,00
1.2	Từ đường DH94 (hết địa phận xã Tả Van) đến cây Xăng Xuân Điều	1,00
1.3	Từ cây xăng Xuân Điều đến hết địa phận xã Mường Hoa	1,00
2	Đoạn đường thuộc trung tâm xã Tả Van; Từ tỉnh lộ 152 đến suối Mường Hoa (tính cả đường ra ngầm và cầu treo)	1,00
3	Khu trung tâm xã Tả Van; Từ ngã ba đi Sáo Mỹ Tỷ đến suối Mường Hoa (tính cả đường ra ngầm và đường ra cầu treo)	1,00
4	Đường đi thôn Tả Van Dáy 1	
4.1	Từ ngã ba trường trung học cơ sở đến hết đất nhà ông Trang A Chớ	1,00
4.2	Từ hết đất nhà ông Trang A Chớ đến nhà Nông Văn Triền	1,00
5	Đường nội thôn Tả Van Dáy 1	
5.1	Đoạn từ nhà ông Lê Sơn Hà (Hà Mèo) đến suối giáp nhà ông Phan Mạnh Hoàng	1,00
5.2	Đoạn từ Suối giáp nhà ông Phan Mạnh Hoàng đến nhà ông Nông Văn Nhục	1,00
6	Đường vào đền Cô Bé Tả Van; Từ đường DH 94 đến đền cô Bé	1,00
7	Đường Tả Van đi Lao Chải; Từ ngã ba đi Sáo Mỹ Tỷ đến cổng nhà ông Vũ Ngọc Chín	1,00
8	Đường đi thôn Sáo Mỹ Tỷ; Từ ngã ba đi Sáo Mỹ Tỷ đến nhà ông Hạng A Páo	1,00
8.1	Đoạn từ nhà ông Hạng A Páo đến trạm kiểm lâm Tả Van Dáy	1,00
9	Đường Điện Biên Phủ; Từ giáp địa phận xã Tả Van đến giáp đất Lai Châu	1,00
10	Đường đi khu du lịch Cát Cát	
10.1	Từ đường lên lầu vọng cảnh (Công ty Việt Nhật) đến trạm y tế Hoàng Liên	1,00
10.2	Từ trạm y tế Hoàng Liên đến ngã tư Cát Cát	1,00
11	Đường Cát Cát - Sín Chải	
11.1	Từ ngã tư Cát Cát đến cầu A Lử	1,00
11.2	Từ ngã tư Cát Cát đến rừng thiêng thôn Cát Cát	1,00
12	Đường liên xã Lao Chải - Tả Van; Từ cầu Lao Chải đến cổng nhà ông Vũ Ngọc Chín	1,00
13	Đường liên thôn	
13.1	Từ ngã 3 thôn Lao Hàng Chải (nhà ông Giàng A Lử) đến cổng nhà thờ Lao Chải	1,00
13.2	Từ cổng nhà thờ Lao Chải đến cổng nhà ông Lò A Lầu	1,00
14	Đường nối TL 152 đến QL 4D; Từ Điểm trường Hang Đá đến hết địa phận phường Sa Pa	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
15	Các đường, ngõ tiếp giáp với các đoạn đường trực liên xã, liên thôn xã Tả Van (cũ)	1,00
16	Đường xung quanh hồ Sáo Mý Tỷ	1,00
17	Từ rừng thiêng thôn Cát Cát đến trung tâm thôn Ý Linh Hồ 1, 2	1,00
18	Từ ngã ba Hang Đá - Hầu Chư Ngải đến ngã ba đi rừng vào (thôn Hầu Chư Ngải)	1,00
19	Đoạn từ tỉnh lộ 152 đến trụ sở + B16 UBND xã Mường Hoa	1,00
20	Các đường, ngõ tiếp giáp với các đoạn đường trực liên xã, liên thôn xã Mường Hoa (cũ) và xã Hoàng Liên (cũ)	1,00
21	Đoạn từ ngã 3 rừng vào (thôn Hầu Chư Ngải) đến nhà ông Giàng A Dơ	1,00
22	Đoạn nối tỉnh lộ 152 (ngã 3 trường THCS Hầu Thào) đến nhà Ger's Sapa Valley Trekking and Homestay	1,00
23	Đoạn từ ngã ba Muong Hoa Hmong homestay đến ngã ba khu nhà Sau Guide Francophone Sapa	1,00
24	Các tuyến đường khác còn lại	
24.1	Các tuyến đường khác còn lại xã Mường Hoa và xã Tả Van (cũ)	1,20
24.2	Các tuyến đường khác còn lại xã Hoàng Liên (cũ)	1,20

8. XÃ BẮC HÀ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4E	
1.1	Đất một bên đường từ ông Phạm Văn Dư (TDP Na Lo) đến giáp hết đất nhà Tuấn Cảnh TDP Na Lang	1,00
1.2	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ vào xã Nậm Mòn, Cốc Ly (km5) đến cầu Km4 (Hết đất nhà Sơn Soạn)	1,00
1.3	Đất hai bên đường từ cầu Km4 đến hết đất nhà Quý Hiến cầu Km3	1,00
1.4	Đất hai bên đường từ cầu Km3 đến ngã ba đường rẽ vào xã Bản Liền	1,00
1.5	Đất hai bên đường từ ngã ba Nậm Mòn, Cốc Ly đến trung Tâm Quảng Bá Sản Phẩm của huyện Bắc Hà	1,00
1.6	Đất hai bên đường từ Trung tâm quảng bá sản phẩm của huyện Bắc Hà đến ranh giới xã Na Hối (cũ) - Nậm Mòn (cũ)	1,00
1.7	Đất bên đường từ ngã ba đường rẽ vào Bản Liền đến ngã ba đường vành đai đi huyện Si Ma Cai (giáp đất nhà ông Bình Tề)	1,00
1.8	Đất hai bên đường từ ngàm Tả Hồ đến hết ranh giới Thải Giàng Phố - Lũng Phình	1,00
1.9	Khu TĐC đường tỉnh lộ 159 thôn Sân Bay	1,00
1.10	Đất hai bên đường giáp ranh xã Na Hối (cũ) đến giáp ranh xã Bảo Nhai	1,00
2	Đường Tỉnh 159	
2.1	Đất hai bên đường từ giáp SN089 đường 20-9 (nhà Quynh Phụng) đến hết đất thị trấn	1,00
2.2	Đất bên đường từ nhà Nam Hường (ngã 3) đến giáp đất nhà Quang Thủy TDP Na Lang	1,00
2.3	Đất hai bên đường từ ranh giới thị trấn Na Hối đến cổng trường tiểu học trường Sín Chải A (HTX nông nghiệp Na Hối)	1,00
2.4	Đất hai bên đường từ cổng trường tiểu học trường Sín Chải A (HTX nông nghiệp Na Hối) đến ranh giới Na Hối (cũ)- Bản Phố (cũ)	1,00
2.5	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ vào xã Bản Liền đến hết nhà ông Giàng Seo Thành	1,00
2.6	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Giàng Seo Thành đến thôn hết thôn Chi Cái giáp ranh xã Thải Giàng Phố (cũ) (cũ) (Cầu bê tông)	1,00
2.7	Đất hai bên đường từ ranh giới Thải Giàng Phố (cũ) - Na Hối (cũ) thôn Chiú Cái (Cầu bê tông) đến ranh giới Thải Giàng Phố (cũ) - Bản Liền (cầu Sắt thôn San Sả Hồ)	1,00
2.8	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Vàng Seo Mãnh, thôn Chồ Chải đến hết ranh giới xã Hoàng Thu Phố (cũ) (cũ) - Tả Van Chư	1,00
2.9	Đất hai bên đường từ ranh giới xã Bản Phố (cũ) đến nhà ông Vàng Seo Mãnh, thôn Chồ Chải	1,00
2.10	Đất hai bên đường từ ngã ba UBND xã đến hết ranh giới xã Hoàng Thu Phố (cũ) - xã Nậm Sín, huyện Si Ma Cai	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
2.11	Đất hai bên đường từ ranh giới Na Hối (cũ) - Bản Phố (cũ) đến cầu thôn Bản Phố 2	1,00
2.12	Đất hai bên đường từ cầu thôn Bản Phố 2 đến hết trường tiểu học Bản Phố (cũ)	1,00
2.13	Đất hai bên đường từ Ngã ba giáp trường tiểu học Bản Phố đến ranh giới xã Hoàng Thu Phố (cũ)	1,00
2.14	Đất 2 bên đường tỉnh lộ 159 đoạn ngã ba làng mới đi xã Tả Van Chư	1,00
3	Đường Ngọc Uyển	
3.1	Đất hai bên đường từ giáp cầu Trắng giáp ranh xã Tả Chải (cũ), xã Na Hối (cũ) đến hết đất nhà Hùng Ly Sn027 (đường rẽ vào phố Tân Hà)	1,00
3.2	Đất hai bên đường từ nhà Thắng Huyền Sn029 (đường rẽ vào phố Tân Hà) đến hết nhà Thúy Quỳnh - Sn035 (đầu đường lên Phố Cũ)	1,00
3.3	Đất hai bên đường từ nhà Thắm Lai Sn037 (đầu đường rẽ lên Phố Cũ) đến hết đến hết Sn107 (đất nhà ông Cường), (đối diện hết đất Trung tâm viễn thông Bắc Hà - Si Ma Cai) (Sn098)	1,00
3.4	Đất hai bên đường từ giáp Sn098 (TT viễn thông BH-SMC) đến hết Sn144 (đất trạm điện lực Bắc Hà)	1,00
3.5	Đất hai bên đường từ số nhà 146 (công ty cổ phần sách - TBTH Lào Cai) đến hết số nhà 66 (đất nhà Hoàng Thị Như giáp CA huyện)	1,00
3.6	Đất hai bên đường từ Sn168 (Công an huyện) đến hết Sn156 (nhà bà Đình) vòng đến Sn257 (cổng Hoàng A Tường)	1,00
3.7	Đất hai bên đường từ cổng Hoàng A Tường đến hết đất Hạt quản lý đường bộ 8 Bắc Hà	1,00
3.8	Đất hai bên đường từ Hạt quản lý đường bộ 8 Bắc Hà (Nhà Hùng Mai - Sn335) đến hết Sn367 (đất nhà Phạm Văn Chích)	1,00
3.9	Đất hai bên đường từ Sn139 (ông Tuấn Minh) đến hết đất Sn-019 (bà Nguyễn Thị Hợi)	1,00
3.10	Đất một bên đường từ nhà ông Quang Thủy TDP Na Lang đến hết đất nhà ông Mai Nghĩa Cường	1,00
3.11	Đất hai bên đường từ nhà ông Lâm Thanh Tâm TDP Na Pắc Ngam đến hết đất nhà Đông Bàn (ranh giới thị trấn (cũ), Tả Chải (cũ), Na Hối (cũ))	1,00
3.12	Đất hai bên đường từ cầu Trắng Khí Tượng đến đường rẽ vào TDP Na Kim (hết đất nhà Liên Vinh)	1,00
3.13	Đất hai bên đường từ đường rẽ vào TDP Na Kim đến ngầm Tả Hồ	1,00
4	Đất bên đường từ ngã ba đường vành đai đi huyện Si Ma Cai (nhà ông Bình Tề) đến ranh giới Na Hối (cũ)	
4.1	Đất bên đường từ ngã ba đường vành đai đi huyện Si Ma Cai (nhà ông Bình Tề) đến hộ nhà Nguyễn Thị Diệu (con gái cô Oanh Văn)	1,00
4.2	Từ Nghĩa trang km1 (Nhà Nam Dìn) đến ranh giới Na Hối - thị trấn Bắc Hà cũ	1,00
5	Đường 20-9	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
5.1	Đất hai bên đường từ Sn001 (bà Tý) đến giáp đất SN028 (nhà Tuấn Vượng)	1,00
5.2	Đất hai bên đường từ nhà SN028 (nhà Tuấn Vượng) đến ngàm tràn Na Khèo	1,00
5.3	Đất hai bên đường từ ngàm tràn Na Khèo đến giáp công NVH các dân tộc (nhà bà Đình)	1,00
6	Đường bờ kè, suối Ngòi Đùn	
6.1	Từ đất từ trường mầm non cũ đến hết đất nhà ông Lâm Văn Liên	1,00
6.2	Đất từ giáp ranh đất nhà ông Lâm Văn Liêm đến giáp nhà Cương Năng	1,00
7	Đường Pạc Kha	
7.1	Đất hai bên đường từ ranh giới xã Tà Chải (cũ) - Tổ dân phố Nậm Cáy, thị trấn Bắc Hà (nhà Vương Xuân Hoà) đến hết ranh giới Tà Chải (cũ) - Thị trấn Bắc Hà	1,00
7.2	Đất hai bên đường từ ranh giới xã Tà Chải (cũ) - thị trấn Bắc Hà đến hết ranh giới xã Tà Chải (cũ) - Thái Giàng Phố (cũ), TDP Na Kim	1,00
7.3	Đất hai bên đường từ ngã ba công chào giáp nhà Tuấn Cảnh TDP Na Lang đến giáp đường rẽ vào Bệnh viện	1,00
7.4	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ vào bệnh viện đến ngàm tràn Tà Chải (cũ)	1,00
7.5	Đất hai bên đường từ ngàm tràn Tà Chải đến ranh giới Tà Chải (cũ) - thị trấn Bắc Hà	1,00
7.6	Đất hai bên đường từ ranh giới Tà Chải - Thái Giàng Phố đến ngã ba đường 159	1,00
8	Đoạn nối đường Pạc Kha - xã Thái Giàng Phố (cũ)	
8.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường Pạc Kha đến hết đất nhà nghỉ Pacific TDP Na Pắc Ngam	1,00
8.2	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà nghỉ Pacific TDP Nậm Châu đến ranh giới Tà Chải (cũ) - Thái Giàng Phố (cũ)	1,00
9	Phố Cũ	
9.1	Đất hai bên đường từ SN001 (nhà Chính Thu) vòng qua trường tiểu học đến hết Sn046 (nhà ông Hải) (xưởng mộc)	1,00
9.2	Đất hai bên đường từ ngã ba nối đường Na Hối với đường Phố Cũ (nhà Bình Phấn) đến giáp SN005 đường Na Hối (nhà bà Trần Thị Kha)	1,00
10	Phố Na Cồ	
10.1	Đất hai bên đường từ Sn002 (nhà ông Tiến Lệ) đến hết đất nhà Sinh Nguyệt Sn008	1,00
10.2	Đất hai bên đường từ Sn008 (nhà ông Sinh Nguyệt) đến hết Sn- 058 (nhà Toàn Mai)	1,00
10.3	Đất hai bên đường từ giáp nhà Toàn Mai Sn058 (Đoạn khu dân cư chợ trên) đến hết Sn068 (nhà ông Hường)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
10.4	Đất hai bên đường từ Sn070 (ông Thoại Thọ) đến tràn Hồ Na Cồ	1,00
11	Khu dân cư chợ trên	
11.1	Hai bên sườn nhà chợ chính từ sau đất nhà Toàn Mai đến hết đất nhà ông Châu, và từ sau SN-060 đường Na Cồ (nhà Đức Sự) đến hết đất nhà Liên Nhân	1,00
11.2	Từ đất nhà bà Vân đến hết đất nhà Liên Trê (Làn dân cư sau chợ trên)	1,00
12	Phố Vũ Văn Mật	
12.1	Đất hai bên đường từ Sn001 (khách sạn Nhật Quang) đến hết Sn035 (nhà Đông Doãn)	1,00
13	Đường Nậm Sắt	
13.1	Từ giáp Sn001 Phố Vũ Văn Mật (khách sạn Nhật Quang) đến hết Sn002 (nhà Quang Lan - Phố Bờ Hồ)	1,00
13.2	Từ giáp Sn012 (nhà bà Tuyến) Phố Vũ Văn Mật đến hết Sn-078 (nhà ông Nga Thành)	1,00
13.3	Đất một bên đường từ đối diện Trung tâm VHTT huyện (nhà ông Hùng Uyên) đến cầu Hoàng A Tưởng (đường T1 công viên hồ Na Cồ)	1,00
13.4	Đất hai bên đường Tuyến T6 khu dân cư số 2	1,00
14	Phố Bờ Hồ	
14.1	Đất bên phải đường Từ đối diện Sn012 (ông Thủy Tuyến) đến giáp Sn-035 (nhà ông Đông Doãn); và nhà ông Tám, nhà ông Việt	1,00
14.2	Từ nhà Long Thủy qua nhà Pho Hiền đến hết đất nhà bà Tín	1,00
14.3	Từ giáp đất nhà ông Được đến Đập chắn nước Hồ Na Cồ	1,00
14.4	Đường T3 Hồ Na Cồ (đoạn nối T2 đến đường T1 trong công viên Hồ Na Cồ)	1,00
15	Đường vào chợ ẩm thực Bắc Hà	
15.1	Đất hai bên đường từ sau đất nhà ông Côn Thu đến hết đất nhà bà Trần Thị Hồng Nhung (giáp ngã 3)	1,00
15.2	Đất từ giáp nhà Văn hóa TDP Na Cồ đến hết đất nhà Giang Hoa	1,00
15.3	Đất hai bên đường từ ranh giới đất nhà bà Tám đến hết đất nhà ông Thắng Hồng	1,00
16	Phố Mới	
16.1	Đất hai bên đường TĐC từ đất nhà Hải Hằng (giáp nhà Nam Hường) đến đất nhà ông Nguyễn Văn Dũng (giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Tùng)	1,00
17	Đường Vật tư - Na Hối (cũ)	
17.1	Đất hai bên đường từ Sn006 (nhà Long Phượng) đến ngã 3 giao với đường Dìn Thàng (nhà nghỉ Bắc Hà)	1,00
17.2	Đất hai bên đường từ Sn032 (Tuấn Minh) đến hết địa phận thị trấn	1,00
17.3	Đất hai bên đường từ ranh giới thị trấn- Na Hối (cũ) đến ngã ba đường rẽ đi thôn Phéc Bùng, xã Bản Phố (cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
17.4	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi thôn Phéc Bùng, xã Bản Phố (cũ) đến ngã ba đường rẽ đi xã Bản Phố (nhà ông Phúc Thoa)	1,00
18	Phố Tân Hà	
18.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Hải Quý đến giáp SN031 đường Na Hối	1,00
19	Phố Thanh Niên	
19.1	Đất hai bên đường từ Sn064 (nhà Tuấn Diễm) đến hết đất SN006 (nhà bà Thắng)	1,00
19.2	Đất hai bên đường từ trường Mầm non cũ (đối diện trường cấp 3) đến hết Sn075 (ông Nam), đối diện Sn046 (nhà Cương Năng)	1,00
20	Phố Dìn Thàng	
20.1	Đất hai bên đường từ nhà Sn001 (Bắc Thắm) đến giáp ngã 3 giao với đường Na Hối	1,00
21	Đường Bắc Hà 2	
21.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Xứng - Hạnh đến ngã 3 phố Tân Hà	1,00
22	Phố Na Quang	
22.1	Đất hai bên đường từ cổng khối dân qua NVH Na Quang 3 đến hết đường	1,00
23	Đường nội thôn Na Quang	
23.1	Đất hai bên đường từ nhà Hà Hùng đến hết đất nhà Bình Áo đối diện nhà Sầu Chứ (Sn053)	1,00
23.2	Đất hai bên đường từ sau Sn209 (nhà Hoan Huấn) - Sn211 (Phượng Dồi) đến sau đất Sn167 (nhà ông Công Thu)	1,00
23.3	Đất hai bên đường từ nhà Lan Hòa đến hết đất nhà Đức Thu	1,00
23.4	Đất hai bên đường từ sau nhà Trường Duyên đến ngã 3 đường Na Thá giao với đường nội thôn Na Quang	1,00
23.5	Đất hai bên đường từ đối diện Nhà văn hóa Na Quang 3 vòng đến nhà ông Tuyết Dinh đến hết đất thị trấn	1,00
24	Phố Nậm Cáy	
24.1	Từ ngã 3 Đường Pạc Kha giao với đường ra đập tràn (ông Triễn) đến đất hai bên đường TĐC Hồ Na Cồ đến hết đất thị trấn	1,00
24.2	Đất hai bên đường tái định cư Hồ Na Cồ từ nhà ông Mai Văn Cương đến ngầm tràn TDP Na Pắc Ngam	1,00
25	Đường nội thôn Nậm Cáy	
25.1	Đất hai bên đường từ Đường Pạc Kha (nhà ông Đức Hà) đến giáp nhà Huân Huế	1,00
25.2	Đất hai bên đường từ nhà Huân Huế đến hết đường bê tông Nậm Cáy	1,00
26	Phố Na Thá	
26.1	Đất một bên đường từ nhà ông Vương Văn Phú (đối diện nhà ông Trung Dương) đến hết trường Nội trú, đối diện hết Sn-069 (nhà Thuyết Tùng)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
26.2	Đất một bên đường từ Sn001 (ông Trung Dương) đến hết Sn-069 (nhà Thuyết Tùng) đối diện trường Nội trú	1,00
27	Phố Vũ Văn Uyên	
27.1	Đất hai bên đường Tuyến T1, T5 khu dân cư số 2	1,00
28	Đường Hạ lưu đập tràn Hồ Na Cồ	
28.1	Đất hai bên đường từ đập tràn Hồ Na Cồ (nhà bà Chinh) đến giao với đường TĐC ven chợ	1,00
29	Phố núi 3 mẹ con	
29.1	Đất hai bên đường Tuyến T2, T3, T4 khu dân cư số 2	1,00
30	Đường N3 (Cây xăng - Tả Hồ)	
30.1	Từ Ngã ba giáp nhà Tuyến Tích đến ngã ba tiếp giáp đường Tỉnh lộ 153 nhà Nhung Quyển	1,00
31	Khu dân cư + dịch vụ du lịch (Đồng Sín Chải), xã Na Hối (cũ), đô thị Bắc Hà	
31.1	Tuyến đường T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8, T9 (Theo quy hoạch dự án)	1,00
32	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nậm Châu, xã Tả Chải (cũ)	
32.1	Tuyến đường NC1, NC2, NC3, NC4, NC5, NC6, NC7, NC8, NC9, NC 10, NC 11, NC 12 (Theo quy hoạch dự án)	1,00
32.2	Đất hai bên đường từ đường Ngọc Uyển vào Trung tâm giáo dục thường xuyên	1,00
33	Ngã ba đường 153 Km5 đi xã Nậm Mòn (cũ) - Cốc Ly	
33.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường 153 (Km 5) đến ranh giới Na Hối (cũ) -Nậm Mòn (cũ)	1,00
34	Đường trục chính Vành đai 2	
34.1	Đất hai bên đường đoạn từ ngã ba đường TL 153 - nhà ông Tân Minh đến hết tuyến đường Vành đai 2 (theo quy hoạch dự án)	1,00
35	Đường trục nhánh Vành đai 2	
35.1	Đất hai bên đường Tuyến NH 41, NH28, NH29, NH18, NH17 (Theo quy hoạch dự án)	1,00
36	Đường Sân Bay	
36.1	Đất hai bên đường từ ngã ba thôn Sân Bay (nhà ông Bùi Văn Trung) đến Trạm Y tế xã	1,00
37	Đoạn nối đường Pạc Kha - xã Thái Giàng Phố	
37.1	Đất hai bên đường từ ranh giới xã Tả Chải (cũ) - Thái Giàng Phố (cũ) đến ngã tư thôn Sân Bay (giáp vườn hoa Việt Tú)	1,00
38	Đường từ UBND xã đi Nậm Thố	
38.1	Đất 2 bên đường từ ngã tư nhà ông Hoàng Đình Lữ đến ranh giới thôn Ngải Ma Lùng Trù	1,00
38.2	Đất hai bên đường từ ngã ba nhà ông Bùi Văn Chung đến trường tiểu học Thái Giàng Phố (cũ)	1,00
38.3	Đất hai bên đường Sắp xếp dân cư trung tâm xã Bản Phố (cũ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
38.4	Đường ngầm tràn Tà Chải rẽ vào xã Thái Giàng Phố (cũ) (đoạn hai bên đường từ ngầm tràn Tà Chải đến ranh giới Tà Chải (cũ) - Thái Giàng Phố cũ)	1,00
38.5	Tuyến từ ngã ba giáp đất nhà Thủy Thụ đến hết đất ranh giới xã Tà Chải (cũ)	1,00
38.6	Đất hai bên đường thuộc TDP: Na Pắc Ngam	1,00
38.7	Đất hai bên đường từ nhà ông Nông Đức Thiều đến hết ngã ba TDP Na Kim (nhà Hoàng Văn Thụ)	1,00
38.8	Đất hai bên đường từ cổng chào TDP Na Kim đến ngã ba TDP Na Kim (giáp đất nhà Hoàng Văn Thụ)	1,00
38.9	Đất hai bên đường từ ngã ba TDP Na Kim đến ranh giới xã Bản Phố (cũ)	1,00
38.10	Đất 2 bên đường từ nhà ông Phan Ngọc Thụ đến hết nhà bà Tô Thị Thu Hương, TDP Na Lang	1,00
39	Đường du lịch TDP Na Lo	
39.1	Đất hai bên đường từ Cổng chào TDP VH Na Lo (nhà ông Vàng Văn Tình) đến đầu cầu treo (hết đất NVH TDP Na Hô cũ - nay là TDP Na Lo)	1,00
39.2	Đất hai bên đường từ nhà ông Vàng Văn Thiệp đến hết đất nhà ông Vàng Văn Diêu (TDP Na Lo)	1,00
39.3	Các vị trí đất còn lại (thuộc địa giới hành chính xã Tà Chải cũ)	1,00
39.4	Đất hai bên đường thuộc các thôn: Na Hối Tày, Na Áng A - Na Áng B	1,00
39.5	Trục nhánh vành đai 2	1,00
40	Đường liên thôn	
40.1	Đất 2 bên đường thuộc các thôn: Chồ Chải; Hoàng Hạ, Bản Páy, Tả Thồ 2, Tả Thồ 1, Lao Phú Sáng, Sín Giáo Ngải	1,00
41	Tuyến Làng Mới - Na Khèo	
41.1	Đất hai bên đường từ ranh giới Na Khèo-Tà Chải đến hết ranh giới thôn Làng Mới- Bản Phố (cũ)	1,00
41.2	Đất hai bên đường từ ngã ba trường Tiểu học Na Hối đến ranh giới xã Cốc Ly	1,00
41.3	Đất hai bên đường thuộc thôn Bản Phố 2	1,00
42	Đường liên xã Nậm Mòn (cũ) - Cốc Ly	
42.1	Đất hai bên đường giáp ranh xã Na Hối (cũ) thôn Lèng Phàng Làng Mường đến Ngã ba nhà ông Lèng Trung Hiếu (Đường rẽ đi Km9 đường 153)	1,00
42.2	Đất hai bên đường từ ngã ba giáp nhà ông Lèng Trung Hiếu đến ranh giới xã Cốc Ly	1,00
42.3	Đất hai bên đường giáp ranh xã Na Hối (cũ) thôn Ngải Sớ đến Ngã ba nhà ông Lèng Trung Hiếu (Đường Km5)	1,00
42.4	Đường hai bên đường từ nhà ông Tráng Dín Cùi đến hết nhà ông Vàng Văn Yêm (TDP Na Lo)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
42.5	Đầu Đường BV1 điểm cuối đường theo trục đường khu dân cư Nạm Châu	1,00
43	Các tuyến đường khác còn lại	
43.1	Các tuyến đường khác còn lại thuộc thị trấn Bắc Hà cũ	1,00
43.2	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

9. XÃ BẢN LIỀN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đất trung tâm cụm xã	
1.1	Đất hai bên đường thuộc trung tâm cụm xã Bản Liền (trừ đường 159)	1,00
2	Đường ĐT 153	
2.1	Đất hai bên đường ranh giới xã Bản Liền - xã Bắc Hà (đầu đập thủy điện Bắc Nà) đến ngã ba thôn Nậm Thảng	1,00
2.2	Đất hai bên đường từ ngã ba thôn Nậm Thảng đến cổng chào xã Bản Liền	1,00
2.3	Đất hai bên đường từ cổng chào Bản Liền đến ngã ba đường rẽ đi xã Nghĩa Đô (nhà ông Vàng A Chiu)	1,00
2.4	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi xã Nghĩa Đô đến hết ranh giới xã Bản Liền - Nghĩa Đô.	1,00
3	Đường ĐT 159	
3.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi xã Nghĩa Đô (nhà ông Vàng A Chiu) đến hết đất ông Vàng A Quý thôn Đội 2	1,00
3.2	Đất hai bên đường từ đất ông Vàng A Tráng thôn Đội 2 đến ngã ba đường rẽ đi xã Khuôn Lùng, tỉnh Tuyên Quang	1,00
3.3	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ đi xã Khuôn Lùng, tỉnh Tuyên Quang đến hết ranh giới xã Bản Liền - Bắc Hà	1,00
4	Đường ĐT 153	
4.1	Đất hai bên đường từ ngã ba Nậm Thảng đến hết đất nhà bà Lý Thị Gụ (Dinh) đối diện đường lên Trường Mầm non, TH THCS Nậm Khánh	1,00
5	Đường liên thôn Đội 2 - Đội 4	
5.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Vàng A Niên (giáp trung tâm xã) đến ngầm tràn thôn Đội 2	1,00
5.2	Đất hai bên đường từ ngầm tràn thôn Đội 2 đến hết nhà ông Lâm A An thôn Đội 4	1,00
6	Đường liên xã (Bản Liền - Cốc Lầu)	
6.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Lý Văn Thắng đến ngã ba đường rẽ đi thôn Nậm Táng	1,25
6.2	Đất hai bên đường từ ngã ba đi thôn Nậm Táng đến nhà giáp nhà ông Lý A Ngò	1,00
6.3	Đất hai bên đường từ nhà ông Lý A Ngò đến hết nhà ông Phan Văn Ly	1,00
6.4	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Phan Văn Ly đến ranh giới xã Bản Liền - Cốc Lầu	1,10
7	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

10. XÃ BẢO NHAI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4E	
1.1	Đất hai bên đường từ ranh giới giáp xã Xuân Quang đến đường rẽ vào xã Cốc Lầu (nhà ông Trần Văn Quyền thôn Nậm Khấp Ngoài)	1,00
1.2	Đất hai bên đường từ giáp đất nhà ông Trần Văn Quyền đến hết đất nhà Sơn Quý	1,00
1.3	Đất hai bên đường từ giáp nhà Sơn Quý đến KM 5 + 450m	1,00
1.4	Đất hai bên đường Km 5 + 450m đến ngã ba đường rẽ vào thôn Nậm Giàng (nhà ông Tuấn)	1,00
1.5	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ vào thôn Nậm Giàng (nhà ông Tuấn) đến ngã ba đường rẽ Nậm Đét	1,00
1.6	Đất hai bên đường từ ngã ba đường rẽ Nậm Đét đến cầu Trung Đô	1,00
1.7	Đất hai bên đường từ cầu Trung Đô đến ranh giới xã Bắc Hà	1,00
2	Đường tỉnh 154	
2.1	Đất hai bên đường thuộc thôn Lũng Xa 2 (đoạn từ nhà ông Sùng Seo Thái đến giáp thôn Cán Hồ, xã Phong Hải)	1,00
2.2	Đất hai bên đường thôn Lũng Xa 1 (từ giáp nhà ông Sùng Seo Thái đến giáp ranh với Cty cổ phần thủy điện Bắc Hà)	1,00
2.3	Đất hai bên đường từ nhà ông Đặng Văn Ngoan đến ranh giới thôn Cán Cầu 2, xã Cao Sơn	1,00
2.4	Đất hai bên đường từ nhà bà Bàn Thị hoa (gần ngã 4 UBND xã) đến nhà ông Bùi Văn Tám	1,00
2.5	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Bùi Văn Tám đến nhà ông Sùng Chấn Páo (khu đất đấu giá)	1,00
2.6	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Sùng Chấn Páo đến cầu Cốc Ly	1,00
3	Đường từ ngã 3 thôn Nậm Trì - Cổng trường PTDTBT THCS Nậm Đét	
3.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường Giàng Liễn giáp ranh thôn Cốc Đào xã Bảo Nhai đến nhà bà Len thôn Tổng Hạ	1,00
3.2	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Len, thôn Tổng Hạ đến cầu suối Tổng Hạ	1,00
3.3	Đất hai bên đường từ ngã ba đường Tổng Hạ - Tổng Thượng (Nhà ông Phin) đến hết thôn Tổng Hạ	1,00
3.4	Đường từ Nhà ông Tráng Seo Hồ (Cổng trạm Y Tế) - Ngã 3 Nậm Cài, Nậm Bó	1,00
3.5	Đất hai bên đường từ ngã ba thôn Nậm Cài - Ngã 3 đường lên nhà ông (Đặng A Chín)	1,00
3.6	Đất hai bên đường từ giáp Sân Bóng Nậm Đét đến ranh giới xã Bản Liền (Cầu Nậm Thảng)	1,00
3.7	Đoạn từ nhà Bàn Đình Công đến ranh giới xã Bắc Hà	1,00
3.8	Đất hai bên đường từ ngã 3 Nậm Hán 1 đi thôn Nậm Giá, Na Ấn đến ranh giới xã Bắc Hà	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
4	Đường trung tâm thôn Nậm Đét	
4.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường xuống Nhà văn hóa thôn (nhà ông Sâu) đến ngã ba nhà ông Liều	1,00
5	Đường xuống bờ hồ	
5.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Triệu A Lái đến nhà ông Tiệu A Nhảy thôn Nậm Đét	1,00
6	Đường Bảo Nhai - Bản Lấp - Nậm Xuân - Tổng Hạ	
6.1	Đất hai bên đường thôn Bản Lấp (Nhà ông Hồn) - đến cầu suối Bản Lấp Hạ (nhà ông Kim)	1,00
6.2	Đất hai bên đường từ suối Bản Lấp Hạ (nhà ông Kim) đến Ngã ba đường Nậm Xuân - Nậm Cài (khe nước Nậm Xuân)	1,00
7	Đường TT thôn Bản Lùng	
7.1	Đất hai bên đường từ ngã ba thôn Bản Lấp - Bản Lùng (nhà ông Thanh) đến nhà bà Biền	1,00
8	Đường Bản Lấp - Cốc Đào	
8.1	Đất hai bên đường từ Ngã Tư đường Bản Lấp - Đội ba (nhà ông Thanh) đến ngã ba đường Cốc Đào - Đội Ba (nhà ông Hào)	1,00
9	Đường Nậm Cài - Nậm Xuân	
9.1	Đường Nậm Cài - Nậm Xuân; Đất hai bên đường từ Nhà Văn Hóa thôn Nậm Cài đến hết khe Nước đất Nhà Ông Tòng	1,00
10	Đường Nậm Cài - Nậm Bó - Sán Sả Hồ	
10.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường Nậm Cài - Nậm Bó đến ranh giới thôn Sán Sả Hồ - xã Bắc Hà	1,00
11	Đường Tổng Hạ - Tổng Thượng - Chiu Cái	
11.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường Tổng Thượng - Bản Ngồ đến thôn Tổng Thượng ranh giới thôn Chiu Cái xã Bắc Hà	1,00
12	Đất hai bên đường từ Khu dân cư thôn Nậm Đét - Ngã 3 Sân bóng thôn Nậm Đét	1,00
13	Đường Nậm Đét - Nậm Phúc thượng	
13.1	Đường Nậm Đét - Nậm Phúc thượng; Đất hai bên đường từ ngã ba nhà ông Triệu Phúc Nhuận đến hết đất nhà ông Triệu Phúc Dừng	1,00
14	Đường vào trường THPT số 2	
14.1	Đường vào trường THPT số 2; Đất hai bên đường từ QL4E đi qua trường THPT số 2 đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Hương	1,00
15	Đường vào trường THPT số 3; Đất hai bên đường từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Hương đến hết đất nhà ông Tiên Hoài	1,00
16	Đường vào trường THPT số 4; Đất hai bên đường từ nhà giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Hương hết đất nhà ông Hùng May	1,00
17	Đường vào đền Trung Đô	
17.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường QL 4E (cổng chào vào đền Trung Đô) đến ngầm tràn thôn Trung Đô	1,00
18	Đất hai bên đường từ ngầm tràn Trung Đô đến đập thủy điện Bảo Nhai bậc 1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
19	Đất hai bên đường từ đập thủy điện Bảo Nhai bậc 1 đến ranh giới Bảo Nhai - Bắc Hà	1,00
20	Đất hai bên đường thuộc các thôn: Khởi Xá Ngoài, Khởi Bung, Nậm Trì, thôn Bảo Tân 1, Bảo Tân 2, thôn Bảo Nhai, Bản Dù, thôn Khởi Xá Trong, thôn Nậm Khấp Ngoài, thôn Nậm Khấp Trong	1,00
21	Từ ngã 3 rẽ Cốc Lầu đến hết địa phận xã Bảo Nhai (Cầu Đen)	1,00
22	Đường từ cầu Bảo Nhai - thôn Bản Mẹt (Ngã 3 nhà ông Trần Văn Miễn)	1,00
23	Cổng trường PTDTBT THCS Nậm Đét - Nhà ông Tráng Seo Hồ (Cổng trạm Y Tế)	1,00
24	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nậm Đét, xã Nậm Đét	
24.1	Đất hai bên đường Tuyến DH 13 (theo quy hoạch xây dựng chi tiết dự án)	1,00
25	Khu dân cư thôn Nậm Khấp Ngoài, xã Bảo Nhai	
25.1	Đất hai bên đường thuộc các Tuyến N5, N6, D6, N4, D5, N1, N3, D7, D8 (Theo quy hoạch dự án)	1,00
26	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

11. XÃ CỐC LẦU

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường 160	
1.1	Đất hai bên đường từ Cầu Nậm Tôn đến ranh giới Nậm Lúc, Bản Cái	1,00
1.2	Đất hai bên đường tỉnh lộ 160 đoạn từ giáp đất Bảo Nhai đến hết đất nhà ông Lã văn Phụng (ngã ba đường rẽ lên thôn Bản Giàng)	1,40
1.3	Đất hai bên đường Từ ngã ba rẽ vào thôn Bản Giàng (Đường tỉnh lộ 160 cũ) đến ngã ba tiếp giáp với đường tỉnh lộ 160 mới	1,00
1.4	Đất hai bên đường Từ giáp đất Nhà ông Đỗ Ngọc Sáng đến đầu cầu Nậm tôn Cũ	1,00
1.5	Đất một bên đường từ Bưu điện xã Cốc Lầu cũ đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Nam	1,00
1.6	Đất hai bên đường từ ngã (Đất nhà ông Bàn Văn Án) đến hết đất nhà ông Nông Văn Nghĩa (ngã ba rẽ Thôn Làng Chàng)	1,00
1.7	Đất một bên đường từ ngã ba đường rẽ lên thôn Làng Chàng đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Ninh	1,00
1.8	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Páo (thôn Ma Sín Chải) đến hết nhà ông Triệu Pham (thôn Làng Tát)	1,00
1.9	Đất hai bên đường từ ranh giới Nậm Lúc, Bản Cái đến hết nhà ông Páo (thôn Ma Sín Chải)	1,00
1.10	Đất hai bên đường từ giáp nhà Triệu Pham (thôn Làng Tát) đến ranh giới xã Bản Cái và xã Xuân Hòa	1,00
2	Đường 160 (mới)	
2.1	Đất hai bên đường Từ giáp đất nhà ông Lã văn Phụng (đường tỉnh lộ 160 mới) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Sáng (đường UBND xã Cốc lầu cũ)	1,00
3	Đường đi xã Xuân Quang	
3.1	Đất hai bên đường từ ngã ba (rẽ lên thôn Làng Chàng) đến ranh giới xã Xuân Quang, tỉnh Lào Cai	1,00
4	Đất trung tâm cụm xã	
4.1	Đất hai bên đường từ cầu trần Trung tâm xã đến hết nhà bà Huyền Bạo	1,00
4.2	Đất hai bên đường từ Cầu trường tiểu học Nậm Lúc đến NL8 (đường lên ao nhà Hằng Đường)	1,00
4.3	Đất hai bên đường từ giáp nhà bà Huyền Bạo đến Cầu Nậm Tôn	1,00
5	Đường đi thôn Nậm Nhù	
5.1	Đất hai bên đường từ Cầu trường tiểu học Nậm Lúc đi thôn Nậm Kha 1 đến hết đất nhà ông Trần Thế Anh	1,00
5.2	Đất hai bên đường từ nhà ông Trần Thế Anh đến hết đất nhà ông Tú	1,00
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nậm Kha	
6.1	Đất hai bên đường thuộc các Tuyến NL 7, NL 10, NL 11 (theo quy hoạch dự án)	1,00
7	Đường Nậm Hành	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
7.1	Đất hai bên đường từ giáp đường tỉnh 160 đến đất nhà ông Dìn	1,00
8	Đường Làng Cù	
8.1	Đất hai bên đường từ giáp đường tỉnh 160 đến hết đất nhà ông Chín	1,00
8.2	Đất hai bên đường từ giáp nhà ông Chín (nhà ông Hoàng Kim Lâm) đến nhà ông Đường	1,00
9	Đường Làng Tát	
9.1	Đất hai bên đường từ giáp đường tỉnh 160 đến nhà ông Phú	1,00
10	Đường Làng Quỳ Thượng	
10.1	Đất hai bên đường từ giáp đường tỉnh 160 đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Thăng	1,00
10.2	Đất hai bên đường từ giáp ông nhà ông Bàn Phúc Thăng (nhà ông Sứ) đến nhà ông Triệu Tà Ton	1,00
11	Đường Làng Mò Thượng	
11.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Ngân đến hết đất nhà ông Sầm Lộc Chìu (nhà ông Đặng Phúc Vy)	1,00
11.2	Đất hai bên đường từ giáp nhà Sầm Lộc Chìu (nhà ông Đặng Phúc Vy) đến nhà ông Lò Phúc Lâm	1,00
12	Khu dân cư trung tâm xã Cốc Lầu	
12.1	Đất hai bên đường Khu dân cư trung tâm xã Cốc Lầu	1,00
13	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Bản Cái	
13.1	Đất hai bên đường thuộc các tuyến LQ1, LQ2, LQ3, LQ4 (theo quy hoạch chi tiết xây dựng dự án)	1,00
14	Các tuyến đường khác còn lại	
14.1	Các tuyến đường khác còn lại (xã Cốc Lầu cũ)	1,10
14.2	Các tuyến đường khác còn lại (xã Bản Cái cũ, xã Nậm Lúc cũ)	1,10

12. XÃ LỪNG PHÌNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4E	
1.1	Đất hai bên đường từ ranh giới xã Bắc Hà - Lũng Phình đến nhà bà Vũ Thị Say	1,04
1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 (Tam giác, điểm giao QL 4E; 4D)	1,07
1a	Đất thuộc khu Tái định cư Chợ Lũng Phình (tờ bản đồ 64)	1,00
2	Quốc lộ 4D	
2.1	Đất 2 bên đường ranh giới Lũng Phình - Tả Củ Tỷ đến hết ngã 3 đường rẽ vào xã Tả Củ Tỷ	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến xưởng vật liệu Tuấn Cảnh	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Lũng Phình đi Xin Mần (Tam giác, điểm giao QL 4E, 4D)	1,25
2.4	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Nguyễn Thị Lý	1,33
2.5	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Si Ma Cai	1,43
3	Đất có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã Lũng Thần cũ (thôn Lũng Sán) kéo dài về mỗi bên 100m	1,39
4	Đất hai bên đường liên xã Lũng Thần cũ không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp xã Si Ma Cai (xã Cán Cấu cũ) đến giáp xã Lũng Thần cũ	1,33
5	Đất có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã Lữ Thần cũ (thôn Sáng Chải) kéo dài về mỗi bên 100m; đất hai bên đường QL-4D đi từ xã Lũng Phình đến xã Cán Cấu cũ	1,39
6	Đất hai bên đường QL-4D không thuộc vị trí 1 từ giáp xã Lũng Phình cũ đến hết địa phận xã Lũng Thần cũ	1,33
7	Đất hai bên đường từ ngã 3 nhà ông Tráng A Sừ thôn Tẩn Chư đến hết thôn Nhiều Cù Ván	1,14
8	Đường 159 từ Lũng Phình vào xã Tả Van Chư (cũ)	
8.1	Đất 2 bên đường từ ngã 3 thôn Lũng Phình và thôn Lữ Tẩn đến nhà ông Giàng Seo Pao thôn Lả Di Thàng	1,11
8.2	Đất 2 bên đường từ nhà ông Giàng Seo Pao thôn Lả Di Thàng đến nhà ông Tráng Seo Xai thôn Xà Ván - Sừ Mần Khang	1,30
8.3	Đất 2 bên đường từ nhà ông Tráng Seo Xai thôn Xà Ván - Sừ Mần Khang đến nhà ông Tráng Seo Phê thôn Tẩn Chư	1,11
8.4	Đất 2 bên đường từ nhà ông Tráng Seo Phê đến nhà ông Tráng Seo Sừ thôn Tẩn Chư	1,11
8.5	Đất 2 bên đường từ nhà ông Tráng Seo Sừ đến nhà Ly Seo Pao thôn Tẩn Chư	1,11
9	Đất hai bên đường từ UBND xã đến ranh giới xã Cán Cấu, huyện Si Ma Cai	
9.1	Từ UBND xã Tả van Chư (Cũ) đến nhà ông Tẩn Seo Sáng thôn Pù Chù Ván	1,23
9.2	Từ nhà ông Tẩn Seo Sáng thôn Pù Chù Ván qua ranh giới thôn Lao Chải Phà Hải Tùng đến ranh giới thôn Cán Cấu, xã Si Ma Cai	1,23

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
10	Đường Lả Di Thàng - Bản Phố	
10.1	Đường Lả Di Thàng đi xã Bắc Hà Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Lả Di Thàng đi xã Bắc Hà hết ranh giới đất xã Lùng Phình (Tả Van Chư cũ)	1,25
11	Đường 159	
11.1	Đất hai bên đường từ nhà ông Sùng Seo Mãnh thôn Xà Ván Sừ Mản Khang đi vào xã Bắc Hà (xã Hoàng Thu Phố cũ) đến ranh giới xã Lùng Phình	1,23
11.2	Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Sín Chải đến hết ranh giới thôn Cán Cầu, xã Si Ma Cai	1,23
11.3	Đất hai bên đường từ ngã 3 thôn Xà Ván Sừ Mản Khang đi thôn Lao Chải Phà Hai Tùng giáp đất ông Ma Seo Nếnh	1,23
12	Đường liên thôn	
12.1	Đất 2 bên đường từ ngã 3 Thôn Lả Di Thàng đến nhà ông Sùng Seo Xóa thôn Sín Chải	1,10
12.2	Ngã 3 Sín Chải đến ngã 3 nhà ông Ma Seo Nánh thôn Lao Chải - Phà Hai Tùng	1,10
12.3	Đất hai bên đường từ ngã 3 đường QL4E đến cầu bê tông giáp thôn Pờ Chồ	1,10
12.4	Đất hai bên đường thuộc thôn: Pờ Chồ từ cầu bê tông giáp thôn Lử Chồ đến giáp đất xã Bắc Hà	1,10
13	Đất 2 bên đường từ ngã 3 QL4E đi đến cầu treo	1,20
14	Đất 2 bên đường từ ngã 3 nhà đa năng xã Lầu Thị Ngải cũ đến ngã 3 đường đi cầu treo	1,17
15	Đất 2 bên đường từ ngã 3 QL4E đến giáp ranh nhà ông Sùng Seo Di	1,17
16	Đất 2 bên đường từ ngã 3 QL4E đến ngã 3 QL4D giáp mặt sau chợ xã Lùng Phình	1,00
17	Các tuyến đường khác còn lại	1,15

13. XÃ TẢ CỬ TÝ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường QL 4D	
1.1	Đất hai bên đường ranh giới xã Tả Cù Tỷ - Lũng Phình đến ranh giới xã Pà Vầy Sủ (tỉnh Tuyên Quang)	1,00
2	Đường vào trung tâm xã	
2.1	Đất hai bên đường từ ngã ba đường QL4D đến nhà ông Ma Seo Thắng (thôn Sín Chải Lũng Chín)	1,00
3	Đường liên thôn (đường trung tâm các thôn)	
3.1	Đất ở hai bên đường đoạn từ UBND xã đi Hoàng Trù Ván (đến QL 4D)	1,00
3.2	Thôn Sín Chải Cờ Cải: Đoạn từ nhà ông Ly Seo Dìn đến Ngã 3 rẽ đi thôn Sẻ Chải	1,00
3.3	Thôn Sẻ Chải: Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà ông Vàng Seo Di đến hết Nhà văn hóa thôn Sẻ Chải	1,00
3.4	Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà văn hóa thôn Bản Già đến nhà Thào Seo Phừ	1,00
3.5	Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà ông Lý Văn Sáng đến nhà ông Lý Văn Minh và ông Tân Seo Văn	1,00
3.6	Đất ở hai bên đường thuộc thôn Sảng Mào Phố: Đoạn từ trụ sở UBND xã Tả Cù Tỷ (cũ) đến nhà ông Vàng Văn Thiên	1,00
3.7	Đất ở hai bên đường từ ngã ba đi thôn Sảng Mào Phố đến trường Phân hiệu Tiểu học, Mầm non thôn Sảng Mào Phố	1,00
3.8	Thôn Sả Mào Phố: Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà ông Liều Văn Sơn đến hết nhà ông Liều Văn Nhung	1,00
3.9	Thôn Sông Lầm: Đất ở hai bên đường đoạn từ cổng chào thôn Sông Lầm đến hết địa giới xã Tả Cù Tỷ	1,00
3.10	Thôn Ngải Thầu: Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà ông Tấn Seo Mặn đến hết địa giới xã Tả Cù Tỷ	1,00
3.11	Thôn Kha Phàng: Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà ông Thào Seo Nhà đến hết nhà ông Sùng Seo Giáo	1,00
3.12	Thôn Nậm Sỏm: Đất ở hai bên đường đoạn từ nhà ông Vàng Văn Sương đến Nhà văn hóa thôn Nậm Sỏm	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

14. XÃ BẢO THẮNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường 19-5	
1.1	Đoạn từ ngã ba cạnh UBND thị trấn Phố Lu (cũ) đến ngã ba đường Hoàng Sào	1,00
1.2	Ngõ 35	1,00
1.3	Ngõ 54 đường Trần Oanh	1,00
1.4	Ngách 54	1,00
1.5	Đất ở giáp sân vận động còn lại	1,00
1.6	Ngõ 70 (cạnh Bưu điện)	1,00
2	Đường Cách mạng tháng 8	
2.1	Từ đường Hoàng Sào đến ngã 4 cầu mới Phố Lu	1,00
2.2	Từ ngã 4 cầu mới Phố Lu đến cầu Bệnh viện	1,00
2.3	Từ cầu Bệnh Viện đến ngã ba đường bao quanh bệnh viện	1,00
2.4	Từ ngã ba đường bao quanh bệnh viện đến ngã ba CMTT - Trần Hợp	1,00
2.5	Ngõ giáp phòng Giáo dục Bảo Thắng	1,00
2.6	Ngõ cạnh số nhà 102	1,00
2.7	Ngõ 144 (giáp đài PTTH Bảo Thắng)	1,00
2.8	Ngõ 244 (cạnh trường PTTH Bảo Thắng)	1,00
2.9	Ngõ 131 (giáp nhà ông Dích)	1,00
2.10	Ngõ 313	1,00
2.11	Ngõ 341 (cạnh nhà ông Toàn)	1,00
2.12	Đường 351 từ điểm nối đường CMT8 đến đường Trần Hợp	1,00
2.13	Đường 351 đến giáp đất trụ sở Hạt Kiểm lâm khu vực Bảo Thắng	1,00
2.14	Ngõ 400 (cạnh nhà Minh Tịnh)	1,00
2.15	Ngõ 404 (cạnh trường nội trú) đi vào 100m	1,00
2.16	Ngõ 514	1,00
2.17	Ngõ 317	1,00
3	Đường Lê Hồng Phong	
3.1	Đoạn từ đường sắt đến gầm cầu Phố Lu (mới)	1,00
3.2	Đoạn từ gầm cầu Phố Lu (mới) đến ga Phố Lu	1,00
3.3	Đoạn từ ga Phố Lu đến cổng chùa Thiên Trúc (giáp nhà ông Khu Huê)	1,00
3.4	Đoạn từ cổng chùa Thiên Trúc (giáp nhà ông Khu Huê) đến bến đò	1,00
3.5	Từ số nhà 237 đến ngõ 285 - LHP (hết nhà ông Thiện)	1,00
3.6	Từ ngõ 285 - LHP đến bến đò	1,00
3.7	Ngõ 36 (cạnh nhà ông Đoàn)	1,00
3.8	Ngõ 29 (đường vào cung ứng xi măng)	1,00
3.9	Ngõ 386 (cạnh nhà Hà Oanh)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.10	Ngõ 416 (ngõ cụt)	1,00
3.11	Ngõ 448 (giáp nhà ông Bắc)	1,00
3.12	Ngõ 460 (đường vào chùa Thiên Trúc Tự)	1,00
3.13	Ngõ 285; 297; 470	1,00
3.14	Đoạn từ cuối phố Ngang dọc theo đường sắt đến hết nhà 037	1,00
3.15	Ngõ 155 (cạnh trạm than)	1,00
4	Đường Khuất Quang Chiến	
4.1	Từ đường 19 - 5 đến phố Kim Đồng	1,00
5	Đường Quách Văn Rạng	
5.1	Từ đường 19/5 (số nhà 01) đến ngõ 13	1,00
5.2	Từ số nhà 13 đến cầu Phú Thịnh	1,00
5.3	Từ cầu Phú Thịnh đến ngã 3 đường CMT8	1,00
5.4	Ngõ vào xóm chăn nuôi cũ	1,00
5.5	Ngõ 13	1,00
6	Đường Thanh Niên	
6.1	Từ đường 19-5 đến đường CMT8 (cách 40m)	1,00
7	Đường Tuệ Tĩnh	
7.1	Từ đường CMT8 đến đường Trần Hợp	1,00
8	Đường T1 bao quanh bệnh viện	
8.1	Từ đường cách mạng tháng 8 đến đường Tuệ Tĩnh	1,00
9	Đường Hoàng Sào	
9.1	Từ cầu chung Phố Lu đến cây xăng Phú Cường 1	1,00
9.2	Từ cây xăng Phú Cường 1 đến hết cổng chào	1,00
9.3	Từ cổng chào đến hết đất xã Bảo Thắng (QL 4E)	1,00
9.4	Ngõ giáp nghĩa trang	1,00
9.5	Ngõ 191; 148; 115	1,00
9.6	Ngõ 67 (cạnh nhà ông Hòa)	1,00
9.7	Ngõ 58	1,00
9.8	Đầu ngõ 93 đến ngã 3 (nhà bà Thoa)	1,00
10	Đường Phố Ngang	
10.1	Đoạn từ điểm cách đường Lê Hồng Phong 30m đến giáp đường sắt	1,00
11	Đường Đập Tràn	
11.1	Từ đường 19-5 đến đường Hoàng Sào	1,00
12	Đường Kim Hải	
12.1	Từ đường 19-5 đến đường CM tháng 8	1,00
12.2	Từ nhà số 01 đến 07 (đường Kim Hải cũ)	1,00
12.3	Ngõ cạnh nhà NVH TDP Phú Thành 4 đến đường sắt (hiện nay là nhà thi đấu đa năng)	1,00
13	Đường Kim Đồng	
13.1	Đoạn nối từ đường CM tháng 8 đến đường Hoàng Sào (QL4E)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
14	Phố Trần Oanh	
14.1	Đường bao quanh SVĐ trung tâm xã Bảo Thắng	1,00
15	Đường Phú Long	
15.1	Đoạn ngã 3 QL - 4E đến đầu cầu Phú Long	1,00
15.2	Đoạn từ cầu Phú Long đến kè Phú Long (gấp đường sắt)	1,00
16	Đường vào Khe Mon	
16.1	Đường vào Khe Mon	1,00
17	Đường Lũng Trâu	
17.1	Đường Lũng Trâu	1,00
18	Đường Sơn Túc	
18.1	Đường Sơn Túc	1,00
19	Đường từ kè Phú Long đến giáp hết đất nghĩa địa	1,00
20	Tổ dân cư số 5 (Khe Măng mai) thuộc TDP Phú Long 1	1,00
21	Đường Khe Tắm	
21.1	Đường thôn Khe Tắm	1,00
22	Đường 15 tháng 10	
22.1	Từ đường Cách Mạng tháng tám đến đường Hoàng Sào	1,00
23	Phố Trần Quốc Toàn (tên cũ là Đường T1, Khu tái định cư thị trấn Phố Lu)	
23.1	Từ điểm nối vào đường Khuất Quang Chiến đến đường Hoàng Sào	1,00
24	Phố Nguyễn Viết Xuân (tên cũ là Đường T2, Khu tái định cư thị trấn Phố Lu)	
24.1	Từ điểm nối phố Võ Thị Sáu (tên cũ là đường T5) đến điểm nối vào đường Khuất Quang Chiến	1,00
25	Phố Trần Đại Nghĩa (tên cũ là Đường T3, Khu tái định cư thị trấn Phố Lu)	
25.1	Từ đường Khuất Quang Chiến đến đường Hoàng Sào	1,00
26	Phố Lương Thế Vinh (tên cũ là Đường T4, Khu tái định cư thị trấn Phố Lu)	
26.1	Từ điểm nối phố Trần Quốc Toàn (tên cũ là đường T1) đến điểm nối phố Trần Đại Nghĩa (tên cũ là đường T3)	1,00
27	Phố Võ Thị Sáu (tên cũ là Đường T5, Khu tái định cư thị trấn Phố Lu)	
27.1	Từ điểm nối vào phố Trần Quốc Toàn (tên cũ là đường T1) đến điểm nối phố Trần Đại Nghĩa (tên cũ là đường T3)	1,00
28	Phố Mạc Thị Bưởi (tên cũ là đường T6, Khu tái định cư thị trấn Phố Lu)	
28.1	Từ điểm nối vào Phố Trần Quốc Toàn (tên cũ là đường T1) đến điểm nối vào đường 15 tháng 10 (tên cũ là đường 27m)	1,00
29	Đường Ngô Quyền (thuộc khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng) - tên cũ là đường D1	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
29.1	Từ điểm nối đường Phú Long đến hết ranh giới quy hoạch khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng (Khu nhà ở biệt thự BT1, BT2, Bt3, BT4)	1,00
29.2	Từ điểm nối đường Phú Long đến hết ranh giới quy hoạch khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng (khu nhà ở biệt thự BT5, BT6)	1,00
30	Phố Yết Kiêu (thuộc khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng) - tên cũ là đường D2	
30.1	Từ điểm nối đường Phú Long đến đường N11 (Khu nhà ở liên kế LK4, LK5, LK6, LK7, LK11, LK12, LK13, LK14, LK15)	1,00
30.2	Từ điểm nối đường Phú Long đến đường N11 (Khu nhà ở liên kế LK17, LK20, LK21)	1,00
31	Phố Trần Quang Khải (thuộc khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng) - tên cũ là đường D3	
31.1	Từ điểm nối đường N1 đến điểm nối vào đường N4 (Khu nhà ở liên kế LK02, LK03, LK08)	1,00
32	Phố Hoàng Quy (thuộc khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng) - tên cũ là đường D4	
32.1	Từ điểm nối Phố Yết Kiêu (tên cũ là đường D2) đến điểm nối đường N11 (khu nhà ở liên kế LK16, LK18, LK19)	1,00
32.2	Đường nhánh N4: Khu nhà ở liên kế LK9	1,00
33	Phố Tô Vĩnh Diện (thuộc khu hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng) - tên cũ là đường nhánh N9	
33.1	Từ điểm nối đường Ngô Quyền (tên cũ là đường D1) đến đường Lê Hồng Phong (khu nhà ở liên kế LK19A)	1,00
34	Đường An Thành - Khe Tắm đi xã Trì Quang	
34.1	Từ đường TL 161 (đường kết nối ga Phố Mới - Ga Bảo Hà đến hết đất nhà ông Long	1,00
34.2	Từ hết đất nhà ông Long đến hết đất nhà ông Thông rẽ ra đường sắt	1,00
34.3	Từ hết đất nhà ông Thông rẽ ra đường sắt đến giáp đất xã Xuân Quang	1,00
35	Đường kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà (TL 161) - Đoạn TT Phố Lu (cũ)	
35.1	Từ cầu My giáp đất xã Thái Niên (cũ) đến hết đất nghĩa trang nhân dân thôn Phú Long	1,00
35.2	Từ hết đất nghĩa trang nhân dân thôn Phú Long đến ngã tư đường D6 (thuộc QHCT hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Phú Long)	1,00
35.3	Từ ngã tư đường D6 (thuộc QHCT hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Phú Long) đến giáp ngã ba đường Hoàng Sào	1,00
35.4	Từ đường Hoàng Sào (cầu Ngòi Lu) đến Ngã ba đường Tuệ Tĩnh (trừ đất dự án KĐT Cường Thịnh)	1,00
35.5	Từ Ngã ba đường Tuệ Tĩnh đến đường Cách mạng Tháng 8	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
35.6	Từ đường Cách Mạng tháng 8 qua UBND thị trấn Phố Lu (cũ) đến mốc KM 35	1,00
35.7	Mốc Km 35 đến đường bê tông rẽ ra thôn Khu Ba cũ	1,00
35.8	Từ đường bê tông rẽ ra thôn Khu Ba đến cầu vượt đường sắt hết đất thị trấn Phố Lu (cũ)	1,00
35.9	Đường vào nhà ông Trừ, ông Thư, khu nhà ông Quang	1,00
35.10	Đường nhánh rẽ vào nhà ông Sửu, ông Long (đường Trần Hợp cũ)	1,00
35.11	Đường nhánh rẽ vào nhà ông Vũ, ông Nam (đường Phú Thịnh cũ)	1,00
35.12	Đường nhánh rẽ vào xóm nhà ông Trâu (đường Phú Thịnh cũ)	1,00
36	Đường kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà (Tỉnh lộ 161) Hướng từ TT Phố Lu (cũ) đi Ga Phố Mới (đoạn xã Thái Niên cũ)	
36.1	Đoạn từ Cầu My đến Nhà VH thôn Quyết Tâm (Km27+15 đến Km26)	1,00
36.2	Đoạn từ hết quy hoạch đền Đồng Ân đến nhà ông Chuyên (Km25+400 đến Km24+800)	1,00
36.3	Đoạn từ nhà ông chuyên đến Cầu Lạng (Km24+800 đến Km23+250)	1,00
36.4	Đoạn từ Cầu Lạng (Km23+250 đến Km22+200) Khu TĐC thôn Lạng	1,00
36.5	Đoạn từ khu TĐC thôn Lạng đến cổng ông Hoà thôn Báu (Km22+200 đến Km20+200)	1,00
36.6	Đoạn từ cổng nhà ông Hoà thôn Báu (Km20+200 đến Km18+700) Cầu Đo	1,00
36.7	Đoạn từ cầu Đo (Km18+700 đến Km16+400) Cầu Bản thôn Thái Niên)	1,00
36.8	Đoạn từ Km16+400 Cầu Bản thôn Thái Niên) đến Cầu Khe Quan Km15+500	1,00
36.9	Đoạn từ Cầu Khe Quan Km15+500 đến ngã 3 vào thôn Thái Niên Km15+300	1,00
36.10	Đoạn từ ngã 3 vào thôn Thái Niên Km15+300 đến cổng Bà Huyền thôn Thái Niên Km14+900	1,00
36.11	Đoạn từ cổng Bà Huyền Km14+ 900 đến Cầu Dừng Km12+ 800	1,00
36.12	Đoạn từ cầu Dừng Km12+800 đến Cầu Múc Km11+300	1,00
36.13	Đoạn cầu Múc Km11+300 đến ngã 3 rẽ vào thôn Làng Giàng Km9+650	1,00
36.14	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào thôn Làng Giàng Km9+650 đến cầu thôn Làng Giàng trừ đoạn Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Làng Giàng	1,00
36.15	Đoạn từ cầu thôn Làng Giàng Km9+650 đến cổng hợp khu Bà Bảy Km7+700	1,00
36.16	Đoạn từ cổng hợp nhà bà Bảy Km7+700 đến Cầu Xum Km4+ 980	1,00
37	Hỗ trợ trung tâm	
37.1	Đường N7	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
37.2	Các đường còn lại	1,00
38	Khu đô thị Cường Thịnh	
38.1	Đường N4	1,00
38.2	Các đường còn lại	1,00
39	Khu đô thị mới Phú Long	
39.1	Đường D2, D7, D8 (từ đường D13 đến đường D15)	1,00
39.2	Đường D2, D7, D8 (từ đường D13 đến đường D10)	1,00
39.3	Đường D14, D15	1,00
39.4	Các đường còn lại (đường D20, D9, D16, D19, D12, D11, D13, D10)	1,00
40	Hạ tầng khu dân cư Ba Đình đường D23	1,00
41	QL 4E	
41.1	Từ ngã tư cầu Phổ Lu (cầu đường bộ) đến đường sắt	1,00
41.2	Từ đường sắt đến giáp đất xã Sơn Hải (cũ)	1,00
41.3	Các tuyến đường còn lại của khu tái định cư thôn Tả Hà 3	1,00
41.4	Từ ngã tư QL4E (nhà ông Trạm) đến cầu đường sắt	1,00
41.5	Đoạn từ giáp xã Sơn Hà đến cầu Sơn Hải (cũ) - trừ các lô thuộc mặt đường QL 4E thuộc dự án hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Sơn Hải (cũ)	1,00
41.6	Đoạn từ Cầu Sơn Hải đến cầu chui đường sắt	1,00
41.7	Đoạn từ cầu chui đến hết đất Sơn Hải (cũ), giáp xã Gia Phú	1,00
42	Đường tỉnh 151C	
42.1	Từ ngã tư cầu Phổ Lu đến ngã ba đường đi dốc ông Đồng tách thành 02 đoạn:	
42.2.1	<i>Từ ngã tư cầu Phổ Lu đến hết nhà bà Tâm Hà</i>	1,00
42.2.2	<i>Từ nhà bà Tâm đến ngã ba nhà ông Quỳnh</i>	1,00
42.2	Từ ngã ba (nhà ông Quỳnh) đến bến đò nhà ông Ty	1,00
42.3	Từ bến đò ông Ty đến hết khu TĐC An Hồng	1,00
42.4	Từ hết khu TĐC An Hồng đến ngã ba đường đi nghĩa địa Hồng Trà	1,00
42.5	Từ ngã ba đường đi nghĩa địa Hồng Trà đến đầu tái định cư An Thắng	1,00
42.6	Từ cuối đất tái định cư An Thắng đến suối Nhù	1,00
43	Đường tỉnh 152	
43.1	Từ ngã tư cầu Phổ Lu đến ngã ba đường vào thôn Khe Đèn	1,00
43.2	Từ ngã ba đường vào thôn Khe Đèn đến hết đất xã Bảo Thắng	1,00
44	Đường Sơn Hà - Phú Nhuận (nay là xã Tăng Loỏng)	
44.1	Từ ngã ba đường tỉnh 151C qua đường cao tốc đến trạm biến áp Khe Mụ	1,00
44.2	Từ trạm biến áp Khe Mụ đến nhà văn hóa Khe Mụ	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
44.3	Từ nhà văn hóa thôn Khe Mụ đến đỉnh dốc ông Đông (giáp đất xã Tăng Loỏng)	1,00
45	Đường trục thôn Tả Hà 3	
45.1	Từ đường sắt qua cổng trường mầm non đến cổng chào Phố Lu	1,00
45.2	Từ cầu Phố Lu (nhà ông Phương Hợp) đến cầu giáp nhà ông Đài	1,00
46	Khu TĐC An Hồng	
46.1	Khu nhà ở nằm trên đường tỉnh 151C	1,00
46.2	Khu nhà ở nằm trên đường trục N, D	1,00
47	Khu TĐC An Thắng	
47.1	Khu nhà ở nằm trên đường tỉnh 151C	1,00
47.2	Khu nhà ở nằm trên trục đường D1, N3	1,00
48	Đường Sơn Hà đi đền Cô Ba, xã Phú Nhuận cũ (nay là xã Tăng Loỏng)	
48.1	Khu nhà ở nằm trên trục đường Sơn Hà đi đền Cô Ba (hết địa phận xã Bảo Thắng)	1,00
49	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Làng Chung	
49.1	Đường N2, N7, N12	1,00
49.2	Đường N9, N13	1,00
50	Đường sắt đến đường cao tốc (xóm ông Nhân)	1,00
51	Từ đường sắt đến đường cao tốc (đường dài truyền hình)	1,00
52	Từ đường cao tốc qua đài truyền hình đến đường tỉnh 152	1,00
53	Từ đường sắt đến đường cao tốc (nhà Nga Lâm)	1,00
54	Từ đường sắt đến đường cao tốc (xóm ông Khôi)	1,00
55	Các tuyến đường khác còn lại (thôn Tả Hà 1, 2, 3, 4)	1,00
56	Từ ngã ba đường tỉnh TL151C đến đường Sơn Hà, đi đền Cô Ba, tách thành 02 đoạn:	
56.1	Từ ngã ba đường tỉnh 151C đến phân hiệu trường tiểu học số 2	1,00
56.2	Từ phân hiệu Trường Tiểu học số 2 đến đường Sơn Hà đi đền Cô Ba	1,00
57	Khu tái định cư thôn Nam Hải	
57.1	Đường N1, N2, N3	1,00
58	Hạ tầng kỹ thuật khu vực trung tâm xã Sơn Hải	
58.1	Đường B4	1,00
58.2	Các lô thuộc mặt đường QL 4E	1,00
59	Trung tâm cụm xã (xã Thái Niên cũ)	
59.1	Đoạn từ ngã 3 đi Báu đến ngã 3 đường rẽ vào làng cũ Hải Niên	1,00
59.2	Đường ra Lạng + 200m	1,00
59.3	Đoạn đi làng cũ Hải Niên đến ngã 3 đường vào đội Lâm nghiệp	1,00
59.4	Đoạn từ ngã 3 đi Báu đến cửa UBND xã	1,00
59.5	Đoạn từ cửa UBND xã đến chân dốc Cầu đường	1,00
59.6	Đoạn từ ngã 3 đi Báu đến cầu giáp nhà ông Hành	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
60	Từ ngã 3 chợ Tam Giáp đến ngã 3 đi Phong Hải	1,00
61	Từ cầu ông Hành đến cách đường phố mới Bảo Hà 200m	1,00
62	Từ ngã 3 đường phố mới Bảo Hà đến cầu Khe Quan	1,00
63	Từ cầu Khe Quan đến đường đền thôn Thái Niên	1,00
64	Đất trung tâm ga từ Ghi Bắc đến Ghi Nam	1,00
65	Từ ngã 3 đi Phong Hải đến giáp đất Phong Hải	1,00
66	Từ ngã 3 vào đội Lâm Nghiệp cũ đến giáp ngã 3 đi Phong Hải	1,00
67	Từ dốc Cầu Đường đến ngã 3 đi Lướt	1,00
68	Đoạn từ ngã 3 chợ Tam Giáp đến giáp xã Phong Niên (cũ)	1,00
74	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Làng Giàng	
74.1	Đường Tỉnh lộ 161 (Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Làng Giàng)	1,00
74.2	Các đường còn lại (Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thôn Làng Giàng)	1,00
77	Đường Làng My - Đồng Ân	
77.1	Đoạn từ ngã 3 đường kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà đến hết đất ông Sinh	1,00
77.2	Đoạn từ giáp nhà ông Sinh đến giáp đất xã Xuân Quang	1,00
78	Các đoạn đường Thái Niên - Làng Giàng cũ còn lại sau làm đường Phố Mới - Bảo Hà	
78.1	Đoạn từ nhà bà Đỗ Thị Thắm đến nghĩa trang nhân dân thôn Làng Giàng	1,00
78.2	Đoạn từ nhà ông Chung đến hết nhà bà Rủ thôn Làng Giàng	1,00
79	Đường kết nối từ cầu Làng Giàng đi Quốc lộ 70	
79.1	Đoạn ngã ba rẽ đi thôn Lướt Đến cổng hộp nhà ông Biển	1,00
79.2	Đoạn từ cổng hộp nhà ông Biển Đến ngã 3 đường BT đi Cầu Lướt	1,00
79.3	Đoạn từ ngã 3 đường BT đi Cầu Lướt đến ngã tư TT thôn Lướt + 800m	1,00
79.4	Đoạn từ ngã tư TT thôn Lướt + 800 m đến ngã 3 lồi rẽ đi Làng Cũ thôn Hải Niên	1,00
79.5	Đoạn từ ngã 3 lồi rẽ đi Làng Cũ thôn Hải Niên đến ngã tư thôn Hải Niên + 600 hướng đi Làng Có (xã Xuân Quang)	1,00
79.6	Đoạn ngã tư thôn Hải Niên + 600m đến giáp đất thôn Làng Có 1 xã Xuân Quang	1,00
80	Đường Làng Giàng - Làng Chung	
80.1	Đoạn từ TL 161 đến cầu Làng Giàng 1	1,00
80.2	Đoạn từ cầu Làng Giàng 1 đến giáp thôn Làng Chung	1,00
81	Các tuyến đường khác còn lại thuộc các xã Sơn Hà, Sơn Hải, Thái Niên (cũ)	1,00
82	Hạ tầng kỹ thuật khu vực cầu Làng Giàng	
81.1	Đường M1 (LK 20; LK 21; LK24; LK25; LK27; LK28; LK29; LK31; LK33)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
81.2	Đường M2 (LK12)	1,00
81.3	Đường M2 (LK17)	1,00
81.4	Đường M3 (BT1)	1,00
81.5	Đường M5 (BT25; BT26)	1,00
81.6	Đường M7 (LK5; LK9)	1,00
81.7	Đường M8 (LK6; LK10; LK11)	1,00
81.8	Đường M9 (LK18)	1,00
81.9	Đường M12 (LK13)	1,00
81.10	Đường M13 (LK14)	1,00
81.11	Đường M14 (LK9; LK23)	1,00
81.12	Đường M15 (BT24; BT27)	1,00
81.13	Đường M17 (LK22; LK26)	1,00
82	HTKT khu đô thị mới Phú Long (giai đoạn 2)	
82.1	Đường D2 (khu BT5, BT13)	1,00
82.2	Đường D6 (khu BT4)	1,00
82.3	Đường D3, D4, D5 (khu BT3, BT6, BT7, BT12)	1,00
83	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn Phố Lu cũ; các tuyến đường khác còn lại của các thôn Phú Long 1, Phú Long 2, Phú Thịnh 1, Phú Thịnh 3, Phú Cường 1, Phú Cường 2, Phú Thành 1, Phú Thành 3, Phú Thành 4, thôn số 1, thôn số 2, thôn số 3)	1,05

15. XÃ GIA PHÚ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4E	
1.1	Từ cầu Bến Đền đến hết công khu tái định cư cao tốc Nội Bài - Lào Cai	1,05
1.2	Đoạn từ đầu cầu đường bộ (mới) Gia Phú đi thị trấn Phố Lu đến công khu TĐC cao tốc Nội Bài - Lào Cai	1,05
1.3	Từ giáp công khu tái định cư đến nhà văn hóa thôn Hùng Thắng	1,05
1.4	Từ nhà văn hóa thôn Hùng Thắng đến cách chợ chiều hướng đi Lào Cai + 100m	1,05
1.5	Từ cổng chợ chiều hướng đi Lào Cai +100m và hướng đi Tăng Loỏng +100m	1,05
1.6	Đoạn từ cổng chợ chiều hướng đi Tăng Loỏng +100m đến cổng nhà máy chế biến lâm sản	1,05
1.7	Từ cây xăng đến cổng nhà máy chế biến lâm sản	1,05
1.8	Đoạn từ Km19+800 (cua than nhà ông Bầy) đến cây xăng	1,05
1.9	Điều chỉnh tên thành Từ giáp đất xã Bảo Thắng đến Km19+800 (cua than nhà ông Bầy, thôn Giao Bình)	1,50
2	Nguyễn Văn Linh	
2.1	Từ cửa hàng xăng dầu số 41 đến giáp đất phường Cam Đường	1,05
2.2	Từ cửa hàng xăng dầu số 41 Gia Phú đến cầu Bến Đền	1,05
2.3	Từ ngã ba giáp với đường Nguyễn Văn Linh đến cầu đường bộ mới	1,05
3	Đường Tỉnh lộ 151	
3.1	Từ ngã 3 Xuân Giao đến giáp địa phận Tăng Loỏng	1,05
4	Đường Tỉnh lộ 152	
4.1	Từ ngã 4 cơ khí mỏ đến cầu chui thôn Mỏ	1,20
4.2	Đoạn từ cầu chui thôn Mỏ đến hết nghĩa trang nhân dân thôn Mỏ	1,20
4.3	Đoạn từ ngã tư cơ khí mỏ đi xã Tăng Loỏng 500m	1,20
4.4	Đoạn cách ngã tư cơ khí mỏ 500m đến giáp đất xã Tăng Loỏng	1,20
4.5	Đoạn từ hết cổng nhà máy nước Tả Thàng đến giáp xã Mường Bo	1,20
4.6	Đoạn từ ngã 3 chợ mới thôn Phú Xuân đến ngã ba giao với đường tỉnh lộ 152	1,20
4.7	Đoạn Từ hết nghĩa trang nhân dân thôn Mỏ đến hết cổng nhà máy nước Tả Thàng	1,20
5	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài; Đoạn từ giáp đất Phường Xuân Tằng (thành phố Lào Cai) đến đoạn nối với đường Quốc lộ 4E	1,20
6	Khu tái định cư Vàng; Đường N3, N4 (không tính các lô đất mặt đường QL 4E)	1,20
7	Khu tái định cư thôn Tân Lợi	
7.1	Đường B4 (khu nhà ở liên kế LK5)	1,00
7.2	Đường T1 (khu nhà ở liên kế LK2, LK3, LK4)	1,00
7.3	Đường N2 (khu nhà ở liên kế LK2, LK3, LK4)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
8	Khu tái định cư Phú Xuân	
8.1	Đường D5, D8: Khu nhà ở chia lô LK2, LK3, LK4 (đất ở mới - nhà liên kế)	1,00
8.2	Đường D5A: Khu nhà ở chia lô LK 15 và LK 16 tái định cư (đất ở mới - nhà liên kế)	1,00
8.3	Đường D2: Khu nhà ở chia lô LK8, LK10, LK12, LK13 (đất ở mới - nhà liên kế)	1,15
8.4	Đường D1: Khu nhà ở chia lô LK1 (đất ở mới - nhà liên kế)	1,00
8.5	Đường D7	1,00
9	Tái định cư Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Bến Phà	
9.1	Đường B4A	1,10
9.2	Đường B4	1,10
9.3	Đường B5	1,10
10	Các đường thuộc dự án mặt bằng hai bên đường Trần Hưng Đạo	1,10
11	Các đường thuộc dự án San gạt mặt bằng HTKT bản Cam	1,10
12	Các đường thuộc dự án KDC tập trung khu Thôn Chang, thôn Muồng	1,10
13	Đường liên thôn	
13.1	Đoạn từ Nguyễn Văn Linh đi thôn Hoà Lạc đến ngã ba đường liên thôn vào thôn Tiến Thắng	1,05
13.2	Đường liên thôn từ cách ngã ba đường vào thôn Tiến Thắng đi Hoà Lạc, Thái Bo, Giao Ngay	1,05
13.3	Đường liên thôn Tân Tiến, Tiến Cường đoạn từ thôn Tiến Thắng đến giáp thông Giao Ngay	1,05
13.4	Từ QL 4E đến hết khu đất chợ sáng xã Gia Phú	1,05
13.5	Từ giáp đất chợ sáng xã Gia Phú đến cầu suối Đức Ân	1,05
15.6	Đường trong chợ từ cổng chợ đến hết đường quy hoạch xung quanh chợ	1,05
13.7	Đất thổ cư vị trí 1 thuộc các đường giao thông liên thôn	1,05
14	Đường thôn	
14.1	Đường các thôn: Giao Ngay, Tiến Thắng, Tiến Cường, Tân Tiến, Hoà Lạc, Thái Bo, Giao Tiến	1,05
14.2	Đường các thôn: Thôn Bản Cam, An Thành, Khe Luộc, Chang, Muồng, Phú Hùng, Muồng Bát, Cáp Kẹ	1,05
14.3	Đường các thôn: Bến Phà, Hùng Thắng, Đông Cẩm, Nậm Hèn, Phú Xuân, Xuân Lý, Xuân Tư, Đồng Lục, Bản Bay, Soi Cờ, Chính Tiến, Tiến Lợi, Vàng, Giao Bình, Hùng Xuân 1, Hùng Xuân 2, Tân Lợi, Hợp Giao, Muồng 1, Muồng 2, Mỏ, Củ Hà, Chành, Phèo, Tả Thành	1,05
15	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ các đoạn đường còn lại (cách mép đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ từ trên 40m đến 500m)	1,05
16	Đất ở ngõ nối trực tiếp với tỉnh lộ 152	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
16.1	Đoạn từ công nhà máy nước Tả Thành đến giáp xã Mường Bo	1,05
16.2	Đoạn từ hết nghĩa trang nhân dân thôn Mỏ đến hết trường tiểu học số 1 Gia Phú đến cổng vào nhà máy thủy điện Tả Thành;	1,05
16.3	Đoạn từ ngã 3 chợ mới thôn Phú Xuân đến ngã 3 giao với đường tỉnh lộ 152	1,05
16.4	Đoạn từ hết nghĩa trang nhân dân thôn Mỏ đến hết trường tiểu học số 1 Gia Phú	1,05
17	Đoạn từ cầu suối Đức Ân (thôn Phú Xuân) đến ngã ba đi Chính Tiến	1,05
18	Đoạn từ ngã ba Chính Tiến đi Soi Cờ, Tân Lập	1,05
19	Từ Ngã ba thôn Tả Thành đi thôn Nậm Trà, thôn Nậm Phẳng đến giáp đất xã Mường Bo	1,05
20	Khu tái định cư thôn Hùng Thắng, xã Gia Phú	
20.1	Đường QL4E mặt bằng CL1, CL2, CL3	1,00
20.2	Đường N3, mặt bằng CL4; CL5; CL6; CL7	1,00
20.3	Đường N3, mặt bằng CL8; CL10; CL11	1,00
20.4	Đường N2, mặt bằng CL12; CL13; CL14; CL15	1,00
20.5	Đường N1, mặt bằng CL16; CL17	1,00
21	Khu tái định cư thôn Tiến Lợi, xã Gia Phú	
21.1	Đường QL 4E, mặt bằng CL1;CL2	1,00
21.2	Đường QL 4E, mặt bằng CL3	1,00
21.3	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ (cách mép đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ từ trên 40m đến 500m)	1,00
22	Các tuyến đường khác còn lại (Xã Gia Phú cũ, xã Xuân Giao Cũ)	1,00
23	Các tuyến đường khác còn lại (Xã Thống nhất cũ)	1,00

16. XÃ PHONG HẢI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 70	
1.1	Cổng công ty chè Phong Hải xuôi Hà Nội 100m, ngược Lào Cai 300m	1,00
1.2	Từ cách cổng UBND xã Phong Hải 100m xuôi Hà Nội đến cách cổng công ty chè Phong Hải 300m về phía Lào Cai	1,00
1.3	Cổng UBND xã Phong Hải xuôi Hà Nội 100m, ngược Lào Cai 300m	1,00
1.4	Cổng chợ mới Km 27 xuôi Hà Nội 350m, ngược Lào Cai 450m	1,00
1.5	Từ km 171+400 đến km 172+500 (km 25+500 đến km 26 + 600) quốc lộ 70	1,00
1.6	Ngã 3 đường Phong Hải - Phố Mới (Km25) xuôi Hà Nội 100m, ngược phường Lào Cai 200m, đi phường Lào Cai 50m	1,00
1.7	Cổng trường PTTH số 3 xuôi Hà Nội 400m, ngược Lào Cai 100m	1,00
1.8	Cổng chợ Km19 xuôi Hà Nội 100m, ngược Lào Cai 100m	1,00
1.9	Cổng trung đoàn 254 xuôi Hà Nội 200m, ngược Lào Cai 200m	1,00
1.10	Các khu vực còn lại ven QL 70	1,00
1.11	Trung tâm cụm xã Km183 đến Km183+300	1,00
1.12	Các vị trí còn lại trên đường QL70	1,00
1.13	Đoạn từ Km 189 đến giáp đất Phường Lào Cai (Km 189+250)	1,00
2	Đường Phong Hải - Phố Mới	
2.1	Cách ngã 3 km25 50m đến giáp Phường Lào Cai	1,00
3	Đường Phong Hải - Thái Niên	
3.1	Từ đầu ngàm km 26 đến hết đất nhà ông Duyên (theo trục đường giao thông liên xã	1,00
4	Hạ tầng kỹ thuật và chợ Trung tâm thị trấn nông trường Phong Hải	
4.1	Đường N1, N3	1,00
4.2	Đường N6	1,00
4.3	Đường N7	1,00
5	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ (cách mép đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ từ trên 40m đến 500m)	1,00
6	Đường liên thôn Bản Cầm từ vị trí cách QL70 từ trên 40m đến 500m	1,00
7	Đường liên thôn Bản Cầm từ vị trí cách QL70 từ trên 500m đến 1000m	1,00
8	Đường liên thôn Nậm Chủ - Pạc Tà từ vị trí cách QL70 từ trên 40m đến 500m	1,00
9	Đường liên thôn Nậm Chủ - Pạc Tà từ vị trí cách QL70 từ 500m đến 1000m	1,00
10	Đường liên thôn Nậm Choỏng - Nậm Tang sau QL 70 từ trên 40m đến 500m	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
11	Đường liên thôn Nậm Choỏng - Nậm Tang sau QL 70 từ trên 500m đến 1000m	1,00
12	Đường Bản Lọt - Nậm Choỏng	1,00
13	Cách ngã 3 km21 100m đi vào hết đoạn đường rộng 8,4m	1,00
14	Đường nối từ Quốc lộ 70 đi tỉnh lộ 157	1,00
15	Từ ngã 3 Km 21 vào đường Ải Dống 100m	1,00
16	Đường liên thôn thuộc thôn 5	1,00
17	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ (cách mép đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ từ trên 40m đến 500m)	1,00
18	Đường vào nhà văn hóa đa năng	1,00
19	Đường vào thác Mơ	1,00
19.1	Từ QL70 đến nối rẽ vào nghĩa trang thông Bản Lọt	1,00
19.2	Ngã 3 nhà ông Đạt đến ngã 3 trường tiểu học phân hiệu Nam Tang	1,00
20	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

17. XÃ TÀNG LOỎNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 151	
1.1	Đoạn từ giáp Gia Phú (cầu suối Trát khu thuộc chợ xã Xuân Giao cũ) đến cầu chui đường sắt (giáp nhà máy DAP)	1,00
1.2	Đoạn từ cầu chui đường sắt (giáp nhà máy DAP) đến giáp đường rẽ vào trạm điện 220 kV	1,00
1.3	Cách hành lang an toàn giao thông tỉnh lộ 151 (giáp số nhà 420) đến xí nghiệp nước sạch Tăng Loỏng	1,00
1.4	Đoạn từ trường mầm non Hoa Lan đến cổng chào nhà văn hóa Phú Hải 1	1,00
1.5	Đoạn từ trường mầm non Hoa Lan đến Km 15 + 650m	1,00
1.6	Đoạn từ Km 15 + 650m đến ngã 3 đường đi nghĩa địa Phú An 1,2	1,00
1.7	Các vị trí còn lại đường Tỉnh lộ 151	1,00
2	Đường vào các nhà máy	
2.1	Từ ngã 3 thôn 1 đến giáp đất công ty đúc Tân Long	1,00
3	Đường TDP 3	
3.1	Từ Tỉnh lộ 151 đến hết nhà ông Nguyễn Văn Mạnh (giáp UBND TT cũ)	1,00
4	Đường thôn 8	
4.1	Từ hết đất nhà ông Thụy đến đường sắt	1,00
4.2	Đường từ nhà ông Thụy đến hết đất nhà ông Long The	1,00
4.3	Từ Tỉnh lộ 151 đến giáp đường Quý Xa	1,00
4.4	Từ ngã ba nối với đường lên đường Quý Xa đến nhà ông Chảo Kiềm Minh	1,00
5	Đường thôn 2	
5.1	Từ Tỉnh lộ 151 đến giáp đất nhà máy Gang Thép	1,00
6	Đường nhánh từ Tỉnh lộ 151 đi các thôn	
6.1	Đoạn điểm đầu Tỉnh lộ 151 từ chợ đến nhà ông Vượng Điều (thôn 1)	1,00
6.2	Đoạn từ bưu điện đến giáp nhà máy Gang Thép	1,00
6.3	Đoạn từ đường Quý Xa đi thôn Tăng Loỏng đến ngã ba cổng vào nhà máy thủy điện	1,00
6.4	Từ Tỉnh lộ 151 đi thôn 3 đến đất nhà Thu Thụy	1,00
6.5	Từ Tỉnh lộ 151 đi thôn 4 đến nhà ông Sừu	1,00
7	Đoạn điểm đầu từ đường Tỉnh lộ 151 (đi thôn Tăng Loỏng)	
7.1	Đoạn điểm đầu từ đường Tỉnh lộ 151 (đi thôn Tăng Loỏng 2) đến nhà ông Chấn	1,00
8	Khu tái định cư khu B	
8.1	Các tuyến đường nhánh D1, D2, D3	1,00
8.2	Các tuyến đường N3, D1	1,00
8.3	Đoạn nối đường D1, N3 thôn 5 đến khu vực phòng khám đa khoa	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
9	Đường thôn 5	
9.1	Đi thôn 5 (Nhánh N1, N2)	1,00
10	Đường Tăng Loỏng - Xuân Giao (tuyến bản Dền - Thanh Phú - Sa Pa)	
10.1	Đoạn giáp địa phận đất xã Bảo Thắng đến giáp đất xã Gia Phú	1,00
11	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ (cách mép đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ từ trên 40m đến 500m)	1,00
12	Đường thôn Tăng Loỏng 2 từ nhà ông Chấn đến hết đất nhà ông Kinh	1,00
13	Các tuyến liên thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10	1,00
14	Các tuyến liên thôn còn lại	1,00
15	Đường nội thị khu mặt bằng tái định cư Hợp Xuân (tiểu khu 2)	
15.1	Đường N1 (N13-D4)	1,00
15.2	Đường N4 (N1-D4)	1,00
15.3	Đường N5 (N1-D4)	1,00
15.4	Đường N7 (N1-D4)	1,00
15.5	Đường N8	1,00
15.6	Đường N9 (N1-D4)	1,00
15.7	Đường N10 (N1-D4)	1,00
15.8	Đường N13 (N1-D4)	1,00
15.9	Đường D3 (N13-N1)	1,00
15.10	Đường D4 (N13-N1)	1,00
15.11	Đường M2	1,00
15.12	N14	1,00
16	Đường nội thị khu mặt bằng tái định cư Hợp Xuân (tiểu khu 3)	
16.1	Đường N1 (D4-giáp đất nhà thờ giáo họ Tăng Loỏng)	1,00
16.2	Đường N2 (N1-N7)	1,00
16.3	Đường N3 (N2-D5)	1,00
16.4	Đường N4 (D4-D5)	1,00
16.5	Đường N6 (N2-D5)	1,00
16.6	Đường N7 (D4-D5)	1,00
16.7	Đường BN2 (N2-giáp nhà thờ giáo họ Tăng Loỏng)	1,00
17	Khu tập thể khu A dãy nhà A7, A8, A9, A10, A11, A112, A13 sau sân bóng Apatit (TDP số 5)	1,00
18	Khu tập thể khu A dãy nhà A16, A17, A18 sau Nhà văn hóa Apatit (TDP số 5)	1,00
19	Khu tập thể khu C dãy nhà C23, C24, C25, C26, C27 (TDP số 4)	1,00
20	Đất ở nằm trên tuyến đường bê tông, rải đá cấp phối nối với đường tỉnh lộ rộng từ 3m trở lên thuộc các thôn	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
21	Đường Tỉnh lộ 162 (Đường Quý Xa (Văn Bàn) - Tầng Loỏng (Bảo Thắng))	
21.1	Từ giáp đất xã Phú Nhuận đến đường lên Thủy điện Suối Trát	1,00
21.2	Từ đường lên Thủy điện Suối Trát đến giáp đường Tỉnh lộ 151	1,00
21.3	Khu TĐC Hợp Xuân CL1, CL2, CL3, CL4, CL5, CL6	1,00
21.4	Từ giáp đất Võ Lao (huyện Văn Bàn) đến Km24+500	1,00
21.5	Từ Km24+500 đến Km26+600	1,00
21.6	Từ Km26+600 đến giáp đất Tầng Loỏng	1,00
22	Đường Phú Nhuận - Sơn Hà	
22.1	Từ ngã ba đường TL 151 đến hết cầu Phú Hợp	1,00
22.2	Từ cầu Phú Hợp đến giáp đất Bảo Thắng	1,00
22.3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Hải 1,2,3	1,00
22.4	Ngã ba TL151 (đối diện cổng UB) đến hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Phú Hải 1,2,3	1,00
23	Đường Sơn Hà đi đền Cô Ba xã Phú Nhuận	
23.1	Giáp tỉnh lộ 151 đến đền Cô Ba	1,00
23.4	Từ đền Cô Ba đến xã Bảo Thắng	1,00
24	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với quốc lộ hoặc tỉnh lộ (cách mép đường quốc lộ hoặc tỉnh lộ từ trên 40m đến 500m)	1,00
25	Tuyến Phú Hải 1 đi Nhuận 4 đến cầu treo	1,00
26	Tuyến từ ngã ba nhà ông Linh Miện đi Nhuận	1,00
27	Tuyến Phú An đi Phú Thịnh 1, 2, 3, 4, 5	1,00
28	Tuyến từ Phú Hải 2 đi Khe Bá làng Đền	1,00
29	Tuyến Phú Hải 2 đi Phú Hải 3, 4	1,00
30	Độc 2 bên các trục đường GT liên thôn của xã	1,00
31	Các tuyến đường khác còn lại	1,05

18. XÃ XUÂN QUANG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 70	
1.1	Đoạn QL70 từ ngã ba đường Làng Cung đi xã Phong Hải 100m, đi về phía Hà Nội 200m	1,00
1.2	Từ cổng đường đôi vào nhà máy Quế Hồi đi về phía xã Phong Hải 400m, đi về phía Hà Nội 400m	1,00
1.3	Đoạn từ ngã tư đường nối QL 70 đi Hà Nội đến cách Km 36+200, đi Lào Cai 400m	1,00
1.4	Từ ngã ba Km36 đi về phía Hà Nội 200m, đi về phía Lào Cai 200m, đi về phía thôn Phìn Giàng xã Bảo Nhai 50m	1,00
1.5	Đoạn từ ngã ba km36 200m đến đoạn ngõ nhà ông Ôn	1,00
1.6	Từ ngõ vào nhà ông Ôn đến Doanh nghiệp Đức Mạnh	1,00
1.7	Từ Doanh nghiệp Đức Mạnh đến ngã ba Bắc Ngầm	1,00
1.8	Từ ngã ba Bắc Ngầm đến hết đất nhà ông Cối	1,00
1.9	Từ hết đất nhà ông Cối đến doanh nghiệp Phùng Hà	1,00
1.10	Từ Doanh nghiệp Phùng Hà đi Hà Nội đến cầu Km46	1,00
1.11	Các vị trí còn lại trên trục đường QL 70	1,00
2	Quốc lộ 4E	
2.1	Ngã 3 Km5 (đi xã Bảo Thắng 50m, đi Bắc Ngầm 200m; đi xã Tri Quang cũ 50m)	1,00
2.2	Từ cách ngã ba Km5 200 mét (hướng đi Bắc Ngầm) đến cách ngã ba Km6 200 mét (hướng đi xã Bảo Thắng)	1,00
2.3	Ngã 3 Km6 (đi xã Bảo Thắng 200m, đi Bắc Ngầm 200m, đi trung tâm giáo dục lao động xã hội 50m)	1,00
2.4	Các vị trí còn lại trên trục đường QL 4E	1,00
2.5	Từ nhà ông Vui đến nhà ông Việt Hằng	1,00
2.6	Từ nhà ông Việt Hằng đến ngã ba Bắc Ngầm	1,00
3	Tỉnh lộ 154	
3.1	Từ QL 70 sau 50m đến Ngã ba đi thôn Cốc Sâm 2	1,00
3.2	TL 154 đoạn từ Ngã ba đi Cốc Sâm 2 đến địa phận xã Bảo Nhai	1,00
4	Đường vào nhà máy xi măng Vinafuji	
4.1	Đường vào nhà máy quế hồi	1,00
5	Đường đi Bảo Nhai	
5.1	Đoạn từ QL 70 đến giáp địa phận xã Bảo Nhai	1,00
6	Đường T1, T2, hạ tầng chợ Phong Niên	1,00
7	Đường Làng Giàng đi QL 70	
7.1	Đoạn từ ngã tư đường nối QL 70 đi xã Bảo Thắng đến 800m (Theo ranh giới QH chi tiết)	1,00
7.2	Từ cách Quốc QL70 800m đi xã Bảo Thắng đến cầu thôn Làng Cung 1	1,00
7.3	Đoạn từ cầu thôn Làng Cung 1 đến giáp đất xã Bảo Thắng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
8	Đường đầu nối QL 70 và quốc lộ 4E (nhánh 1)	
8.1	Từ quốc lộ 4E đến quốc lộ 70	1,00
9	Đường đầu nối QL 70 và quốc lộ 4E (nhánh 2)	
9.1	Từ quốc lộ 4E đến quốc lộ 70	1,00
10	Khu vực cổng chợ Bắc Ngầm	
10.1	Đoạn điểm đầu QL70 đi vào phía trong chợ Bắc Ngầm	1,00
11	Đường Cốc Sầm 1, 2	
11.1	Từ cổng nhà máy quế hồi đến tỉnh lộ 154	1,00
11.2	Đoạn từ chợ Phong Niên cũ đến đường bê tông vào xóm ông Chảo	1,00
12	Đường vào trạm điện 500KW	
12.1	Từ QL 70 vào 300m	1,00
12.2	Từ cách QL 70 vào 300m đến trạm điện 50kw	1,00
13	Đoạn từ Trụ sở UBND xã Trì Quang cũ đi Quốc Lộ 4E đến Nghĩa trang nhân dân thôn Tiến Lập (Nhà ông Ưu)	1,00
14	Đoạn từ ngã 3 thôn Tiến Lập đến ngõ nhà ông Tám Hán thôn Quang Lập	1,00
15	Đoạn từ ngã 3 đường Bê tông thôn Quang Lập (đối diện cổng trường chính MN Sao Mai) đến phân hiệu trường mầm non Sao Mai thôn Làng Mạ	1,00
16	Trạm Y tế xã Trì Quang cũ đến đầu cầu Trì Thượng	1,00
17	Từ cầu Trì Thượng đến trạm biến áp số 4	1,00
18	Từ cầu thôn Nhò Trong đối diện nhà ông Loát đi thôn Làng Ẽn đến giáp xã Bảo Hà	1,00
19	Các tuyến đường khu hạ tầng chợ Trì Quang (cũ)	1,00
21	Đường kết nối ga Phố Mới - ga Bảo Hà (Tỉnh lộ 161)	
21.1	Đoạn từ giáp đất xã Bảo Hà đi đến đầu cầu thôn Cầu Nhò	1,00
21.2	Đoạn từ đầu cầu thôn Cầu Nhò đến hết đất nhà ông bà Nguyên Hương (đường bê tông)	1,00
21.3	Đoạn từ hết đất nhà ông bà Nguyên Hương (đường bê tông) đến giáp xã Bảo Thắng	1,00
22	Đường An Thành, Khe Tắm	
22.1	Đoạn từ UBND xã Trì Quang cũ đến thôn Khe Tắm xã Bảo Thắng	1,00
23	Đất ở có ngõ nối trực tiếp với QL- 70 và QL-4E (cách mép đường QL 70, 4E từ trên 40m đến 100m)	1,00
24	Cách ngã ba Km5 (QL4E) 50m đến Nghĩa trang nhân dân thôn Tiến Lập (Nhà ông Ưu)	1,00
25	Tỉnh lộ 157 đoạn từ cách ngã 3 Km6 (QL 4E) 50m đến trung tâm lao động xã hội	1,00
26	Tỉnh Lộ 157 đoạn Từ trung tâm lao động xã hội đến giáp đất xã Bảo Thắng	1,00
27	Từ Quốc lộ 4E vào thôn Làng Gạo đến Nhà văn hóa thôn Làng Gạo	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
28	Đường liên thôn từ cách Quốc lộ 70 300m (thôn Na Ó) đi qua thôn Xuân Quang 2 và thôn Nậm Cút đến cách Quốc lộ 70 300m (thôn Thái Vô)	1,00
29	Khu TĐC Gốc Mít	1,00
30	Đường Làng My - Đồng Ân	
30.1	Từ cổng chào thôn Làng My đến giáp đất xã Bảo Thắng	1,00
31	Đường nối từ đường T1 (xã Phong Niên cũ) đến đường vào nhà máy quế hồi	1,00
32	Đường vào Làng Cung từ QL70 đi vào 50m	
32.1	Đoạn từ cách QL70 50m đến đường Làng Giàng đi Quốc Lộ 70	1,00
32.2	Đường vào Làng Cung từ QL70 đi vào 50m	1,00
33	Đường Tân Phong Mom Đào	
33.1	Từ đường Làng Giàng đi Quốc Lộ 70 đến thôn Mom Đào xã Bảo Thắng	1,00
34	Đường từ QL70 đi thôn Làng Trắng, xã Cốc Lầu	
34.1	Đường từ QL70 đi thôn Làng Trắng, xã Cốc Lầu	1,00
35	Đường từ QL70 (thôn An Hồ) đi QL 4E (Thôn Gốc Mít)	
35.1	Đường từ QL70 (thôn An Hồ) đi QL 4E (Thôn Gốc Mít)	1,00
36	Đường từ QL70 (thôn Xả Hồ) đi QL 4E (Thôn Hốc Đá)	
36.1	Đường từ QL70 (thôn Xả Hồ) đi QL 4E (Thôn Hốc Đá)	1,00
37	Đường bê tông từ thôn Làng Lân đi Cóc Mẩn	
37.1	Từ nhà ông Xuất (thôn Làng Lân) đến nhà ông Truy (thôn Cóc Mẩn)	1,00
38	Đường vào thôn Làng Lân	
38.1	Từ Quốc Lộ 70 đến nhà ông Tăng (thôn Làng Lân)	1,00
39	Đường giao thông thôn Nậm Cút	
39.1	Đoạn Từ nhà ông Khải đến nhà ông Tám và đoạn từ nhà ông bà Nhuận Thúy đến nhà ông bà Hải Tươi	1,00
40	Đường bê tông từ thôn Làng Bạc đi thôn Làng My	
40.1	Từ Quốc Lộ 4E đến nhà ông bà Sơn Nguyệt	1,00
41	Các tuyến đường giao thông nông thôn còn lại được đầu nối trực tiếp với Quốc lộ 70 và Quốc lộ 4E đã được đổ bê tông có mặt đường bê tông từ 03 mét trở lên	
41.1	Từ Quốc lộ 70 hoặc Quốc lộ 4E vào đến 300m	1,00
41.2	Từ cách Quốc lộ 70 hoặc Quốc lộ 4E 300m đến 600m	1,00
42	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

19. XÃ BẢO HÀ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 279	
1.1	Từ giáp đất xã Văn Bàn đến giáp đất Công ty TNHH Vinh Quang Thịnh	1,00
1.2	Từ đất Công ty TNHH Vinh Quang Thịnh đến giáp đất cây xăng Phúc Bình	1,00
1.3	Từ đất cây xăng Phúc Bình đến gầm cầu cao tốc NB-LC	1,00
1.4	Từ gầm cầu vượt cao tốc NB-LC đến nhà ông Phạm Văn Khôi (Khôi Huyền, thôn Tân An 2)	1,00
1.5	Từ giáp đất nhà ông Phạm Văn Khôi (Khôi Huyền, thôn Tân An 2) đến đến đường ngang (đường sắt)	1,00
1.6	Từ đường ngang (đường sắt) đến hết đất nhà Sơn Lan	1,00
1.7	Từ giáp đất nhà Sơn Lan đến giáp đất nhà bà Phan Thị Thêm (thôn Lúc)	1,00
1.8	Từ đất nhà bà Phan Thị Thêm (thôn Lúc) đến hết đất nhà ông Hồ Văn Dinh	1,00
1.9	Từ giáp đất nhà ông Hồ Văn Dinh đến ngã ba vào Trường PTDTBT TH Bảo Hà	1,00
1.10	Từ ngã ba vào Trường PTDTBT TH Bảo Hà đến ngã ba cổng làng văn hoá Bông 1-2	1,00
1.11	Đường QL279 cũ (thôn Tấp 1)	1,00
1.12	Từ ngã ba cổng làng văn hoá Bông 1- 2 đến giáp đất xã Bảo Yên	1,00
2	Tỉnh lộ 161	
2.1	Từ giáp đất xã Trì Quang đến Cầu khoai	1,00
2.2	Đường tỉnh lộ 161 cũ (thôn Kim Quang)	1,00
2.3	Đường tỉnh lộ 161 cũ (thôn Tân Văn 1,2)	1,00
2.4	Từ cầu Khoai đến ngã 3 đường vào thôn Liên Hà 6	1,00
2.5	Từ ngã ba giao tỉnh lộ 161 cũ với đường tỉnh lộ 161 mới đến giáp đất nhà ông Chu Hữu Ước	1,00
2.6	Từ đất nhà ông Chu Hữu Ước đến đường rẽ lên đường sắt (hết đất ở nhà ông Hường cũ)	1,00
2.7	Từ đường rẽ lên đường sắt (hết đất ở nhà ông Hường cũ) đến đầu cầu phía Kim Sơn	1,00
2.8	Từ đường ngang (đường sắt) qua cửa ga Bảo Hà đến cầu Sắt (giáp nhà Tân Nhung)	1,00
2.9	Từ nhà Tân Nhung cho đến hết đất ở nhà bà Lý	1,00
2.10	Từ sau đất ở nhà bà Lý đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Chung	1,00
2.11	Từ kết thúc đường BH1 đến hết đất ở nhà ông Thịnh Hường (thôn Liên Hà 1)	1,00
2.12	Từ giáp đất nhà ông Thịnh Hường (bản Liên Hà 1) đến hết địa giới hành chính xã Bảo Hà giáp với xã Lâm Giang	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
2.13	Từ ngã ba đường vào thôn Liên Hà 6 đến ngã ba giao Tỉnh Lộ 161 cũ với đường Tỉnh Lộ 161 mới	1,00
3	Tỉnh lộ 151C	
3.1	Từ cầu suối Nhù đến lối rẽ ra đường tránh tỉnh lộ 151c (nhà ô Quynh)	1,00
3.2	Từ hết đất nhà ô Quynh đến cổng chui Km216 (cao tốc NB-LC)	1,00
3.3	Đường tránh tỉnh lộ 151C	1,00
3.4	Từ cổng chui cao tốc Km212 đến ngã ba hết đất nhà Quynh Đoan	1,00
3.5	Từ giáp đất nhà Quynh Đoan đến hết đất nhà ô Đoạt	1,00
3.6	Từ giáp đất nhà ông Đoạt đến đất bà Hạnh Loan	1,00
3.7	Từ đất bà Hạnh Loan đến cổng chui cao tốc (QH khu TĐC Lỵ 1-2)	1,00
3.8	Từ cổng chui cao tốc đến suối Sóc	1,00
3.9	Từ suối Sóc đến giáp khu QH đất tái định cư thôn Ủ Sóc	1,00
3.10	Từ đất khu QH tái định cư thôn Ủ Sóc đến giáp đất ở nhà ông Trần Xuân Quyết	1,00
3.11	Từ đất ở nhà ông Trần Xuân Quyết đến gầm cầu cao tốc	1,00
3.12	Từ gầm cầu cao tốc đến giáp đất UBND xã Tân Thượng (cũ)	1,00
3.13	Từ đất UBND xã Tân Thượng (cũ) đến giao QL279	1,00
3.14	Từ điểm giao nhau giữa tỉnh lộ 151 với QL 279 đến giáp đất đền Cô Tân An	1,00
3.15	Từ điểm giao nhau giữa tỉnh lộ 151C với QL 279 đến hết đất UBND xã Tân An cũ	1,00
3.16	Từ giáp đất UBND xã Tân An cũ đến hết đất nhà ông Dũng Quyển (cổng tròn thoát nước ngang đường TL 151C, thôn Tân An 1)	1,00
3.17	Từ giáp đất nhà ông Dũng Quyển (cổng tròn thoát nước ngang đường TL 151C, thôn Tân An 1) đến hết đất nhà Hoa Hoàng (đường đi vào thôn Ba Soi)	1,00
3.18	Từ giáp đường đi vào thôn Ba Soi đến hết đất xã Bảo Hà (giáp xã Châu Quế)	1,00
4	Đường đi bến phà cũ	
4.1	Từ đất nhà Huân Tính đến giao nhau với tuyến đường TA1	1,00
5	Tuyến đường TA1	
5.1	Từ điểm giao với quốc lộ 279 đến giáp gầm cầu Bảo Hà	1,00
6	Tuyến đường TA2	
6.1	Từ điểm giao với quốc lộ 279 đến giao với tuyến đường TA1	1,00
7	Tuyến đường K1	
7.1	Từ ngã ba cầu qua sông Hồng đến di tích Đền Bảo Hà	1,00
8	Đường QL279 cũ	
8.1	Từ cầu Sắt đến ngã ba đường 279	1,00
9	Ngã ba QL279 đi nhà máy giấy Bảo Hà	
9.1	Từ nhà Thịnh Hường đến cổng đường lên nhà máy giấy Bảo Hà	1,00
10	Các vị trí còn lại thuộc quy hoạch trung tâm xã Bảo Hà	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
10.1	Thôn Lâm Sản, Bảo Vinh, Liên Hà 2	1,00
10.2	Thôn Liên Hà 1, Liên Hà 3, Liên Hà 4, Liên Hà 5	1,00
10.3	Đường vào xóm khe tối (Từ nhà ông Nguyễn Linh đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Nhung)	1,00
10.4	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nhung đến hết đất nhà ông Đình Nhó	1,00
11	Đường T1	
11.1	Quốc lộ 279 đến giao với đường T2	1,00
12	Đường T2	
12.1	Từ cổng đền Bảo Hà đến ngã ba giao T1, T2	1,00
12.2	Từ ngã ba giao T1, T2 đến đường T3	1,00
13	Đường T3	
13.1	Từ sau nhà ông Lạng đi đầu nghĩa trang đến hết đất ông Nguyễn Văn Tình thôn Bảo Vinh (trừ mục đường T3-T4)	1,00
13.2	Đường từ QL 279 đi vào UBND xã	1,00
14	Đường T3, T4	
14.1	Tuyến đường T3	1,00
14.2	Tuyến đường T4	1,00
15	Đường BH5 - dự án kè Hồng Bùn bản Liên Hà 1	
15.1	Đường BH5: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
16	Đường BH3, BH4, BH8 - Dự án Kè suối bảo vệ khu dân cư thôn Liên Hà 1	
16.1	Đường BH3: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
16.2	Đường BH4: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
16.3	Đường BH8: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
17	Đường BH2, BH6, BH7 - Dự án Kè suối bảo vệ khu dân cư thôn Liên Hà 1	
17.1	Đường BH2: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
17.2	Đường BH6: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
17.3	Đường BH7: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
18	Đường vào trường cấp 3 Bảo Hà (từ sau khu tập thể giáo viên cũ)	1,00
19	Đường gom Bảo Hà	
19.1	Từ bản Liên Hà 3 đi bản Bùn 3 (cầu khe Đình)	1,00
19.2	Từ bản Liên Hà 3 đi bản Liên Hải	1,00
20	Đường liên xã Bảo Hà - Thượng Hà	
20.1	Từ Nhà máy Quế đến nhà ông Hà Văn Kiên	1,00
20.2	Từ nhà ông Hà Văn Kiên thôn 6AB đến ngàm thôn 4AB	1,00
20.3	Từ ngàm 4AB đến ngã ba đi Cao Sơn	1,00
21	Đường nội bộ Khu tái định cư Cảng Hàng không SaPa	
21.1	Đường H1, H3, H4, H6, H7, H7A, H8, H9, H10, H11, H12, H13, H16, H20, theo quy hoạch	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
21.2	Đường H1A, H2, H5, H5A, H5B, H9A, H14, H15, H17A, H17B, H18, H19, H19A, H20A, H21, H22, H23, H24, H24A, H24B, H25, H26, H26A, H27, H28 theo quy hoạch	1,00
22	Đường nội bộ các khu dân cư	
22.1	Các thửa đất tiếp giáp với mặt đường thôn, trục thôn (trừ các thôn Chùn, Khoai 1, Khoai 2, Khoai 3, Bông 3, Nhai Thổ 2, Nhai Tền 2, Cao Sơn 2, Bồng Buôn, Bồng 2, Cam 2)	1,00
22.2	Các tuyến đường khác còn lại	1,00
23	Tái định cư thôn Tân An 1	
23.1	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư	1,00
24	Tái định cư thôn Mai Hồng 1	
24.1	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư	1,00
25	Tái định cư thôn Tân Lập	
25.1	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư	1,00
26	Tái định cư thôn Thùng 1	
26.1	Các tuyến đường nội bộ khu tái định cư	1,00
27	Tái định cư thôn Cam 3	
27.1	Từ cổng chui cao tốc đến nhà bà Nguyễn Thị Thanh (QH khu TĐC Cam 3)	1,00
28	Đường kết nối cao tốc NB-LC với xã Võ Lao	
28.1	Từ nhà bà Nguyễn Thị Thanh đến hết đất xã Bảo Hà	1,00
28.2	Từ điểm giao nhau với QL279 đến giáp đất cổng nhà máy Phân Lân (thôn Ngâm Thín)	1,00

20. XÃ BẢO YÊN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Nguyễn Tất Thành	
1.1	Từ cầu Ràng đến hết đất nhà số 224 đường Nguyễn Tất Thành	1,00
1.2	Từ sau đất nhà số 224 đường Nguyễn Tất Thành đến ngã 3 đường cầu Đen nối Quốc lộ 70	1,00
1.3	Từ ngã 3 đường cầu Đen QL70 đến cầu Trắng Thiết Thuý	1,00
1.4	Từ cầu Trắng Thiết Thuý đến Hội trường tổ dân phố 2C	1,00
1.5	Từ giáp Hội trường tổ dân phố 2C đến hết đất thị trấn (đỉnh dốc km3)	1,00
1.6	(Từ cầu Ràng đến đường rẽ vào đường Chu Văn An)	1,00
1.7	Từ cây xăng Thương nghiệp (nhà Thi Lễ) đến đầu cầu Lự 1	1,00
1.8	Từ cầu lự 1 đến hết cây xăng thôn 7	1,00
1.9	Từ hết cây Xăng thôn 7 đến cầu lự 2	1,00
1.10	Từ cầu Lự 2 đến đường rẽ vào lương thực	1,00
1.11	Từ ngã ba rẽ vào Lương thực cũ đến hết đỉnh dốc Cộng (hết đất nhà số 899 đường Nguyễn Tất Thành)	1,00
1.12	Từ đỉnh dốc Cộng (giáp đất nhà số 899 đường Nguyễn Tất Thành) đến ngã ba đường vào đội 6 nông trường	1,00
1.13	Từ ngã ba đường vào đội 6 nông trường đến ngã ba Lương Sơn	1,00
1.14	Từ ngã ba Lương Sơn đến cầu Mác	1,00
1.15	Từ cầu Mác đến hết ranh xã Bảo Yên (Sông Chảy)	1,00
2	Đường nội thị N2	
2.1	Từ sau đất nhà số 288 đường Nguyễn Tất Thành đến giáp đất trung tâm chính trị	1,00
2.2	Từ trung tâm chính trị đến hết đất trường MN hoa hồng	1,00
3	Đường rẽ Quốc lộ 70	
3.1	Từ sau nhà số 06 Trần Quốc Toàn thuộc hai bên đường đến hết đất nhà số 26 Trần Quốc Toàn	1,00
3.2	Từ nhà bà Vinh thuộc hai bên đường đến giáp đất nhà số 43 đường Chu Văn An	1,00
3.3	Từ nhà số 01 đến hết đất nhà số 02 và nhà số 04 (Văn Cao)	1,00
3.4	Từ nhà số 01 Nguyễn Viết Xuân đến hết đất nhà số 02 Nguyễn Viết Xuân	1,00
3.5	Từ hết đất nhà ông An Lạc đến hết đất nhà bà Dinh	1,00
4	Đường rẽ QL70 vào trung tâm giáo dục Thường Xuyên	
4.1	Từ quốc lộ 70 đến Trung tâm giáo dục thường xuyên	1,00
5	Phố Kim Đồng	
5.1	Từ nhà ông Bính đến hết nhà bà Loan Hợp	1,00
6	Đường Bãi Sậy(Đường cổng phụ chợ)	
6.1	Từ sau đất nhà số 354 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà số 15 Bãi Sậy	1,00
6.2	Từ nhà số 19 Bãi Sậy đến hết đất nhà số 29 Bãi Sậy	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
6.3	Từ nhà số 31 Bãi Sậy đến hết đất nhà ông Biết	1,00
7	Đường cây xăng - Tiểu học	
7.1	Từ đất cây xăng thuộc hai bên đường đến giáp đất đường rẽ xưởng ngói	1,00
7.2	Từ đất đường rẽ xưởng ngói đến hết đất nhà số 243 đường Chu Văn An (tiếp giáp QL 279)	1,00
8	Đường Võ Nguyên Giáp	
8.1	Từ ngã tư Thương Nghiệp (số 326 đường Nguyễn Tất Thành) đến đường rẽ vào thư viện huyện (trụ sở Ban QLDA cũ)	1,00
8.2	Từ đường rẽ vào thư viện huyện (trụ sở Ban QLDA cũ) đến hết đất đối diện ngã 3 vật tư cũ	1,00
8.3	Từ ngã 3 vật tư cũ đến hết đất nhà ông Hà Văn Hưởng	1,00
8.4	Từ cầu Ràng (số nhà 02 đường Ngô Quyền) đến ngã ba cầu treo	1,00
8.5	Từ ngã ba cầu treo đến đầu cầu treo cũ	1,00
8.6	Từ ngã ba cầu Treo đến hết đất Trạm cấp nước	1,00
8.7	Từ giáp Trạm cấp nước đến hết cổng cầu Quây	1,00
8.8	Từ cổng cầu Quây đến hết đất địa phận xã Bảo Yên	1,00
8.9	Từ Điện lực đến hết đất nhà số 25 đường Xuân Diệu	1,00
8.10	Từ số nhà 02 đến hết số nhà 34 Phố Lê Quý Đôn	1,00
8.11	Từ sau nhà số 108 đường Võ Nguyên Giáp thuộc hai bên đường đến giáp đường nhánh 2 Trần Phú (nhà số 119)	1,00
8.12	Từ sau nhà Lan Hưởng thuộc hai bên đường đến hết đất nhà Hiên Mãn cũ nhà bà Dóc (đường Nghị Lang)	1,00
8.13	Từ nhà bà Đặng Thị Nói đến hết đất nhà ông Nguyễn Quốc Hương	1,00
9	Đường xuống bến phà cũ	
9.1	Từ đất nhà số 28 đường Ngô Quyền tổ dân phố 2A đến bờ sông (đường xuống bến phà)	1,00
10	Đường đền Phúc Khánh	
10.1	Từ sau nhà số 41 đường Võ Nguyên Giáp đến hết đất nhà bà Thuý (đường vào đền)	1,00
11	Đường đền Phúc Khánh (đường vào xóm tổ 4A)	
11.1	Từ ngã 3 đường rẽ phố Phúc Khánh đến hết số nhà 17 phố Phúc Khánh	1,00
11.2	Từ hết số nhà 17 phố Phúc Khánh đến ngã ba đường cây xăng - tiểu học (đường xưởng gạch ngói cũ)	1,00
11.3	Từ nhà ông Vương đến hết đất nhà Trĩ Lĩnh (đường vào xóm)	1,00
12	Đường khu gốc gạo	
12.1	Từ ngã ba vật tư cũ đến tiếp giáp Quốc lộ 70	1,00
13	Ngõ vào nhà ông bà Thanh Tịnh	
13.1	Từ sau đất nhà bà Đỗ Thị Lanh tổ dân phố 2B đến hết đất nhà ông Cao Seo Chúng	1,00
14	Đường nhà ông Nghị Tô đi dốc Tổng Gia	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
14.1	Từ sau nhà số 43 đường Chu Văn An đến hết đất nhà ông Tuấn Hoa	1,00
15	(Đường Lưu Bách Thụ) Đường nhánh trước toà án	
15.1	Từ đất nhà số 03 Lưu Bách Thụ đến hết đất nhà số 43 Lưu Bách Thụ	1,00
16	Đường xóm sau Ngân hàng	
16.1	Từ đất nhà số 89 ngõ 01 Trần Phú đến hết đất nhà số 11 ngõ 01 Trần Phú (giáp sau Ngân hàng)	1,00
17	Đường vào xóm nhà bà Xum	
17.1	Từ sau đất nhà số 106 đường Trần Phú đến hết đất nhà số 11/04 đường Trần Phú	1,00
18	Đường nhánh trường Chính trị	
18.1	Từ trung tâm Chính trị đến hết đất nhà bà Hải	1,00
19	Phố Trần Đại Nghĩa	
19.1	Từ sau đất nhà số 837 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà số 26 Trần Đại Nghĩa nay sửa đổi là Từ sau đất nhà số 837 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà số 26 phố Trần Đại Nghĩa	1,00
20	Đường vành đai hồ thủy điện	
20.1	Từ sau đất nhà số 73 Hoa Ban đến tiếp giáp đất trụ sở công an mới	1,00
21	Đường đi Lương Sơn	
21.1	Từ nhà ông Hùng ngã 3 Lương Sơn đến hết nhà bà Lý	1,00
22	Đường thôn số 1	
22.1	Từ cầu treo(cũ) đến hết đất nhà ông Nông Văn Toàn	1,00
22.2	Từ sau đất nhà ông Nông Văn Toàn đến hết đất thôn 1	1,00
22.3	Từ cầu treo đến hết đất thôn 1 (ngược theo theo dòng sông Chảy)	1,00
23	Đường Ngô Quyền	
23.1	Từ cầu Đen dọc theo bờ kè nối ra đường QL70	1,00
24	Đường Bản Lầu(tổ 2D cũ)	
24.1	Từ sau đất nhà ông Ba Vân đến hết đất nhà bà Nhiều (giáp suối thôn Lầu cũ)	1,00
25	Khu đô thị Hoa Ban	
25.1	Tuyến T3, T4: Các thửa đất hai bên đường	1,00
25.2	Tuyến T2, T5, T6: Các thửa đất hai bên đường	1,00
25.3	Tuyến T7, T8, T9: Các thửa đất hai bên đường	1,00
25.4	Tuyến T10	1,00
26	Đường Tiểu khu 1 (Mặt sau đấu giá)	
26.1	Tuyến P1	1,00
27	Đường Tiểu thủ công nghiệp	
27.1	Đường TTCN kết nối Trần Đại Nghĩa với Lương Thế Vinh	1,00
28	Đường xóm tổ 4A	
28.1	Từ sau đất nhà ông Bảo đến hết đất nhà ông Mạnh Giới	1,00
29	Ngõ 03 Phố Trần Phú	
29.1	Từ nhà số 01/03 hết đất nhà số 13/03 Ngõ 03 phố Trần Phú	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
30	Đường xóm tổ 5A	
30.1	Từ sau đất nhà số 36 đường Võ Nguyên Giáp đến đất Út Canh	1,00
31	Đường ngõ xóm tổ 6A	
31.1	Từ sau đất nhà số 498 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà ông Trình	1,00
31.2	Từ nhà ông Thông đến hết đất nhà ông Quế	1,00
31.3	Từ nhà bà Minh đến hết đất nhà ông Trường	1,00
32	Phố Trần Đăng(Đường nhánh cụt tổ 6B)	
32.1	Từ nhà số 02 Trần Đăng đến ngã ba khu nhà số 07 Trần Đăng	1,00
32.2	Từ ngã ba khu nhà số 07 Trần Đăng đến hết đất số 26 Trần Đăng	1,00
33	Đường thôn 6B đi cầu Hạnh Phúc	
33.1	Từ sau nhà nghỉ Hải Hà đến cầu Hạnh Phúc	1,00
34	Đường bờ sông thôn 6B	
34.1	Từ ngã ba cầu mới đến hết đất nhà số 50 Phủ Thông	1,00
34.2	Từ nhà số 50 Phủ Thông đến tiếp giáp đất nhà số 158 Phủ Thông	1,00
34.3	Từ nhà số 134 Phủ Thông đến giáp đất nhà số 126 Phủ Thông hướng đi QL70	1,00
35	Đường bờ sông thôn 6B	
35.1	Từ đất nhà bà Nguyệt đến hết đất nhà ông Minh	1,00
36	Đường xóm thôn 7	
36.1	Từ sau nhà Dũng Vân đến hết đất nhà Tuyết Thanh và trạm điện	1,00
37	Đường ngõ xóm thôn 7	
37.1	Từ tiếp giáp đất nhà bà Tâm đến hết đất xung quanh khu nhà trẻ	1,00
37.2	Từ nhà ông Chuẩn đến hết đất nhà ông Lại Mộc	1,00
37.3	Từ nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cử	1,00
37.4	Từ nhà bà Bút đến hết đất nhà ông Điệp	1,00
38	Đường viện 94 cũ thôn 7	
38.1	Từ đất nhà số 01 Tôn Thất Tùng đến hết đất nhà số 43 Tôn Thất Tùng	1,00
38.2	Từ tiếp giáp đất nhà số 43 Tôn Thất Tùng đến hết đất thị trấn (tiếp giáp đất Yên Sơn)	1,00
39	Đường nhà máy giấy thôn 8 nay sửa đổi là Đường Lương Thế Vinh	
39.1	Từ sau đất nhà số 02 Lương Thế Vinh đến trường cấp I, II Phố Ràng II(đến hết đất Luận Chúc)	1,00
39.2	Từ hết đất Luận Chúc đến tiếp giáp đất nhà máy giấy	1,00
40	Đường nhánh thôn 9A	
40.1	Từ đất nhà số 63 Lương Thực đến hết đất nhà số 81 Lương Thực	1,00
40.2	Từ sau đất nhà số 81 Lương Thực đến hết sau đất nhà số 39 Lương Thực	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
40.3	Từ đất nhà số 35 Lương Thực đến hết đất nhà số 06 Lương Thực (đầu ao lương thực cũ)	1,00
41	Đường xóm thôn 9B	
41.1	Từ sau đất nhà số 807 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà ông Hoạt	1,00
41.2	Các vị trí còn lại thuộc thị trấn(cũ)	1,00
42	Tuyến đường mở mới Thôn 1	
42.1	Từ ngã 3 đường mở (nhà ông Hồng Trục) đến ngã 3 tiếp giáp đường tỉnh lộ 160 (nhà ông Đô)	1,00
43	Đường ngõ Thôn 5B	
43.1	Từ hết đất nhà bà Bình Tráng đến hết đất nhà Dung Học	1,00
43.2	Từ hết đất nhà ông Thành đến hết đất nhà ông Phùng Văn Sáng	1,00
44	Khu vực san tạo mặt bằng Thôn 4B	
44.1	Đường T1: Các vị trí dọc theo tuyến đường	1,00
44.2	Đường T2: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
44.3	Đường T3: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
45	Khu vực san tạo mặt bằng Thôn 7	
45.1	Đường N2: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
45.2	Đường N3: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
45.3	Đường D2: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
46	Đường Nguyễn Viết Xuân (thôn 8)	
46.1	Từ đầu cầu đường Nguyễn Viết Xuân hai bên đường đến hết đất nhà ông Lục Văn Tam, giáp ranh với xã Yên Sơn	1,00
47	Đường nhánh thôn 9B	
47.1	Từ sau đất nhà ông Nguyễn Văn Lộc - Nhung hai bên đường đến hết đất nhà ông Lê Văn Hiến (Sinh)	1,00
48	Phố Lương Đình Cửa thôn 9B	
48.1	Từ sau đất nhà bà Phạm Thị Thu (Độ) đến giáp ngã ba đường rẽ vào nhà bà Phạm Thị Thắm (Bắc)	1,00
49	Khu vực san tạo mặt bằng Thôn 7	
49.1	Đường N5: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
49.2	Đường N4: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
49.3	Đường D1: Các thửa đất 2 bên đường	1,00
50	Đường vào Ban Chỉ huy khu vực phòng thủ 3	
50.1	Tuyến T3: Các thửa đất bên phải: Từ nút giao đường H1, T3, T12 theo hướng đi bản Chom, xã Yên Sơn	1,00
50.2	Tuyến T12: Các thửa đất bên trái: Từ nút giao đường H1, T3, T12 đến cổng Ban Chỉ huy quân sự mới	1,00
50.3	Tuyến T5	1,00
50.4	Tuyến T4	1,00
51	Quốc lộ 70	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
51.1	Từ Km3 (khu vực bãi rác cũ) đến hết nhà Oanh Ngũ	1,00
51.2	Từ nhà giáp nhà Oanh Ngũ đến hết đất bà Thủy	1,00
51.3	Từ tiếp giáp nhà bà Thủy đến Km 5 Thượng Hà	1,50
52	Quốc lộ 279	
52.1	Từ giáp nhà ông Hà Văn Hương Đến hết nhà ông Ngô Trung Hậu	1,00
52.2	Từ nhà Ngô Trung Hậu cổng làng Văn hóa thôn Mạ 1	1,00
52.3	Từ cổng làng văn hóa mạ 1 đến giáp địa phận Bảo Hà	1,00
53	Đường rẽ Quốc lộ 279	
53.1	Từ Quốc lộ 279 đến hết đất trung tâm y tế khu vực Bảo Yên	1,00
53.2	Từ Trung tâm y tế khu vực Bảo Yên đến QL 70	1,00
53.3	Từ QL279 đến nhà ông Thành (thôn Chom)	1,00
53.4	Từ QL279 (cổng NVH thôn Bát) đi Minh Tân đến hết địa phận xã Yên Sơn	1,00
53.5	Từ QL279 (cổng UBND xã) đến nhà ông Đô (thôn Bát)	1,00
53.6	Từ QL279 (nhà ông Tiến thôn Bát) đến nhà bà Thuyền (thôn Bát)	1,00
53.7	Từ QL279 (nhà ông Quân thôn Mạ 2) đi Minh Tân đến hết địa phận xã Yên Sơn	1,00
53.8	Từ QL279 (nhà bà Đơn thôn Mạ 2) đi thôn Múi 1 đến hết đất nhà Phan Phúc Minh thôn Múi 1	1,00
53.9	Từ hết đất nhà Phan Phúc Minh thôn Múi 1 đến hết đất nhà Bàn Hữu Hương thôn Múi 1	1,00
53.10	Từ hết đất nhà Phan Phúc Minh thôn Múi 1 đến hết đất nhà Bàn Văn Sơn thôn Múi 1	1,00
53.11	Từ nhà ông Bà Phú Thanh đến Quốc lộ 279 Thôn múi 3	1,00
53.12	Từ Nhà Dương Ngọc (thôn Mạ 2) đến nhà Văn hóa thôn Tổng Gia cũ	1,00
53.13	Từ nhà VH thôn Tổng Gia cũ đến nhà ông Hoàng Văn Hải	1,00
53.14	Từ nhà VH thôn Tổng Gia cũ dọc đường bê tông đến hết địa phận đất Thôn Tổng Gia cũ	1,00
53.15	Các tuyến đường khác còn lại (thôn Chom, Bát, Mạ 2)	1,00
53.16	Các tuyến đường khác còn lại (thôn Lự, Mạ 1)	1,00
53.17	Các tuyến đường khác còn lại (thôn Múi 1, Múi 3)	1,00
54	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố 2B thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	
54.1	Tuyến H1	1,00
54.2	Tuyến N8	1,00
54.3	Tuyến H2	1,00
54.4	Tuyến H3, H4, H5, H6	1,00
55	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ dân phố 3A thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	
55.1	Tuyến H8	1,00
55.2	Tuyến H7	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
55.3	Tuyến T5, H9, H10	1,00
55.4	Đường Kết nối QL 70 qua trung tâm giáo dục thường xuyên xã Bảo Yên	1,00
56	Thôn Mạ 1	
56.1	Từ QL 279 cổng làng văn hóa thôn Mạ 1 dọc đường bê tông đến hết địa phận xã Yên Sơn	1,00
57	Thôn Múi 3	
57.1	Từ QL 279 nhà ông Chảo thôn Múi 3 đến hết địa phận xã Yên Sơn giáp xã Minh Tân	1,00
57.2	Từ QL 279 KM 12 đến hết địa phận xã Yên Sơn giáp xã Lang Thíp (Yên Bái)	1,00
58	Thôn Lự	
58.1	Từ nhà ông Mạnh thôn Lự đến hết địa phận xã Yên Sơn giáp TDP 8 thị trấn Phố Ràng	1,00
58.2	Từ cổng làng văn hóa thôn Lự đến hết đất nhà Hằng thôn Lự	1,00
58.3	Từ hết đất nhà bà Hằng đến hết đất nhà Đặng Xuân Vũ	1,00
59	Đường liên xã kết nối Quốc lộ 70 đi xã phúc khánh(quả UBND xã Lương Sơn cũ)	
59.1	Đoạn 1 Từ nhà ông Nghè (thôn Khe Pịa) đến hết nhà ông Hoàng Kim Chinh (thôn Phia)	1,00
59.2	Đoạn 2: Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Kim Chinh (thôn Phia) đến giáp nhà ông Hoàng Ngọc Âu	1,00
59.3	Đoạn 3: Từ nhà ông Hoàng Ngọc Âu (thôn Phia) đến hết nhà ông Nguyễn Kim Toàn (thôn Phia)	1,00
60	Đường bê tông xi măng(đi thôn Sài 1)	
60.1	Từ nhà ông bà Hiền Đạo (thôn Sài 1) đến hết nhà ông Thường (thôn Sài 1)	1,00
61	Đường liên xã kết nối Quốc lộ 70 đi xã phúc khánh(quả UBND xã Lương Sơn cũ)	
61.1	Từ giáp nhà ông Thường (thôn Sài 1) đến hết nhà ông Hoàng Kim Quý (thôn Sài 2)	1,00
61.2	Từ giáp nhà ông Thường (thôn Sài 1) đến hết nhà ông Nguyễn Xuân Hợp (thôn Sài 1)	1,00
62	Đường bê tông xi măng(đi thôn Sài 1)	
62.1	Dọc đường liên xã: Từ tiếp giáp nhà ông Nguyễn Kim Toàn (thôn Phia 1) đến trạm biến áp 1	1,00
62.2	Dọc đường liên xã: Từ trạm biến áp 1 đến hết địa phận xã Lương Sơn cũ	1,00
62.3	Từ nhà ông Hoàng Văn Mạnh (thôn Chiềng 1) đến hết nhà ông Hoàng Tiến Thanh (thôn Pít)	1,00
62.4	Từ nhà ông Nguyễn Khải (thôn Phia) đến hết nhà ông Ngô Đình Châm (thôn Phia)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
62.5	Từ nhà ông Hoàng Văn Tọa thôn Chiềng 2 đến khu sắp xếp dân cư Na Lung	1,00
62.6	Từ nhà ông Nguyễn Khải (thôn Phia) đến hết nhà ông Ngô Đình Châm (thôn Phia)	1,00
62.7	Các tuyến đường khác còn lại (xã Lương Sơn cũ)	1,00
63	Đường tỉnh lộ 160	
63.1	Từ cổng chào thôn 7 Vành (giáp với thôn 1) đến đường rẽ sân thể thao trung tâm xã Xuân Thượng cũ	1,00
63.2	Từ nhà ông Tường thôn 5 Là (giáp thị trấn Phố Ràng cũ) dọc theo 2 bên đường Tỉnh lộ 160 (cách mỗi bên 50m) đến nhà ông Đức bản 1 Là giáp với ngã 3 Xuân Hòa	1,00
63.3	Bản 1, 2, 3, Là, bản 4 vành (trừ khu vực mặt đường Tỉnh lộ 160)	1,00
63.4	Bản 1, 2, 3, 4, 6 Vành, bản 1, 2, 3 Thâu	1,00
63.5	Từ nhà ông Thanh thôn 5 Là theo đường 135) đến nhà ông Dương (thôn 4 Vành), mỗi bên 50m	1,05
63.6	Thôn 6 Vành	1,05
63.7	Từ đường rẽ xuống sân thể thao trung tâm xã đến khu vực cầu Thâu (nhà ông Hòa thôn 2 Thâu), mỗi bên 50m	1,05
63.8	Từ ngã 3 khu vực cầu Thâu đến đầu cầu treo Xuân Thượng - Long Phúc, mỗi bên 50m	1,05
63.9	Các tuyến đường khác còn lại (xã Xuân Thượng cũ)	1,05

21. XÃ NGHĨA ĐÔ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 279	
1.1	Từ đường rẽ lên thôn Bản Rịa từ nhà ông Dũng và nhà ông Lợi dọc hai bên đường QL 279) đến đường bậc thang tam cấp giáp trường cấp 3 xã Nghĩa Đô	1,00
1.2	Từ giáp ranh thôn Khuổi Vèng đến đường rẽ lên thôn Bản Rịa (đến hết đất nhà ông Phùng và giáp đất nhà ông Lợi dọc hai bên đường QL 279)	1,00
1.3	Từ đường bậc thang tam cấp giáp trường cấp 3 xã Nghĩa Đô đến đường rẽ đi vào nhà ông Hoàng Văn Lật đối diện sang dọc hai bên đường QL 279	1,00
1.4	Từ đường rẽ vào nhà ông Hoàng Văn Lật đối diện sang hai bên đường dọc QL 279 đến giáp ranh tỉnh Tuyên Quang.	1,00
1.5	Từ đầu cầu Mạc đến hết đầu chợ mới theo quy hoạch, theo hướng từ Vĩnh Yên đi Xuân Hòa	1,00
1.6	Từ tiếp giáp chợ mới theo quy hoạch đến 50m tiếp theo về phía xã Xuân Hòa	1,00
1.7	Cách vị trí tiếp giáp chợ mới theo quy hoạch từ 50m đến 100m tiếp theo về phía xã Xuân Hòa	1,00
1.8	Cách vị trí tiếp giáp chợ mới theo quy hoạch từ 100m đến 150m tiếp theo về phía xã Xuân Hòa	1,00
1.9	Cách vị trí tiếp giáp chợ mới theo quy hoạch từ 150m đến giáp xã Xuân Hòa	1,00
1.10	Cầu Mạc đến cổng Ủy ban	1,00
1.11	Cổng Ủy ban đến hết đất trạm thủy văn	1,00
1.12	Trạm thủy văn đến hết đất nhà Thủy (Điện Lạnh)	1,00
2	Đường Trung tâm xã Nghĩa Đô (Cũ)	
2.1	Đường Nà Đình Quốc lộ 279 từ sau nhà ông Lợi , ông Đô đến đầu cầu treo Nà Luông	1,00
3	Đường từ chợ đi cầu treo Nà Uốt	
3.1	Từ sau nhà ông Cha Gù, ông Sơn Lan đến ngã ba nhà ông Nhó, ông Quân đường đi cầu treo Nà Luông	1,00
4	Đường sau chợ	
4.1	Dọc 2 bên đường từ ngã ba đường QL 279 (từ đất nhà bà Huệ đến hết đất nhà bà Muội, đến hết chiều ngang sân vận động, hết đất nhà bà Lưu Cảnh cổng thoát nước ra suối Nậm Luông)	1,00
5	Đường đi Tân Tiến	
5.1	Từ hết đất nhà ông Toàn, ông Chung đến ngã ba sân vận động (đối diện nhà ông Thành Kiệu)	1,00
5.2	Từ chiều ngang hết đất sân vận động đối diện cổng thoát nước ra suối Nậm Luông từ nhà ông Cờ, ông Ngòi dọc hai bên đường đến cầu Trần thôn Mường Kem	1,00
6	Trung tâm xã Tân Tiến (cũ)	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
6.1	Từ ngã ba (giáp thôn Nậm Ngò) đến hết nhà ông Vạy thôn Nậm Rịa, mỗi bên 100m	1,00
6.2	Từ tiếp giáp nhà ông Vạy thôn Nậm Rịa đến hết nhà ông Toàn thôn Nậm Hu, mỗi bên 100m	1,00
6.3	Từ tiếp giáp nhà ông Toàn thôn Nậm Hu đến giáp xã Bản Liễn, tỉnh Lào Cai, mỗi bên 100m	1,00
7	Các tuyến đường nội bộ chợ mới (Thôn Pác Mạc)	1,00
8	Thôn Nà Đình: Dọc 2 bên đường lên trường THCS, từ phía sau nhà ông Dũng, ông Tuấn đi hai hướng đến đỉnh bậc thang tam cấp và đến tiếp giáp phía sau nhà ông Dũng, ông Phùng	1,00
9	Dọc 2 bên đường từ ngã ba Bản Rịa (bờ ao ông Tiến) đến ngã ba đập bản Rịa (sau nhà ông Cường) (Trừ các hộ nằm ở trục đường QL279)	1,00
10	Thôn Nà Luông (500m): Dọc 2 bên đường từ qua cầu treo Nà Luông đến ngã ba nhà ông Lương Văn Dân	1,00
11	Thôn Nà Luông: Dọc 2 bên đường từ qua cầu treo thôn Nà Luông đến cầu cứng bản Nà Luông	1,00
12	Dọc 2 bên đường tỉnh lộ 153 từ cầu tràn thôn Mường Kem đến ngã ba thôn Hón (nhà ông Nhưỡng) nhập từ 02 đoạn: Bản Kem: Dọc 2 bên đường từ cầu tràn bản Kem đến hết đất trường mầm non; Bản Hón: Dọc 2 bên đường từ giáp ranh trường mầm non đến đường rẽ đi thôn Hón (nhà ông Nhưỡng)	1,00
13	Thôn Bản Hón: Ngã ba Bản Hón từ hết đất nhà ông Nhưỡng đến giáp ranh xã Tân Tiến (dọc 2 bên đường)	1,00
14	Thôn Thâm Mạ: Dọc 2 bên đường từ ngã ba thôn Mường Kem nhà ông Bảy đến ngã ba quán ông Thủ, đến ngã ba ông Đăm, đến ngã ba cầu treo thôn Bản Kem	1,00
15	Thôn Mường Kem: Dọc hai bên đường QL 279 Từ cầu treo Nà Mường (sau nhà ông Chiêng) đến giáp nhà ông Lương Lý Thêm ngã tư trường tiểu học	1,00
16	Thôn Nậm Cầm: Dọc 2 bên đường Từ ngã tư trường tiểu học (phía sau nhà ông Huỳnh và ông Kíp) đến nương nhà ông Hỷ	1,00
17	Thôn Nà Khương: Dọc 2 bên đường từ QL 279 đến nhà văn hóa bản Nà Khương	1,00
18	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc xã Nghĩa Đô)	1,00
19	Từ cầu cứng bản Nậm Dìn đến giáp ranh xã Cốc Lầu, tỉnh Lào Cai, mỗi bên 300m	1,00
20	Đường Cán Chải - Nậm Dìn: từ giáp TL153 đến ngã ba Đá Đen, mỗi bên 200m	1,00
21	Đường Cán Chải: từ giáp TL153 đến hết đất nhà ông Sùng Seo Sinh (bản Cán Chải), mỗi bên 300m	1,00
22	Đường Cán Chải - Nậm Bát: Từ khe đàng sau nhà ông Sinh thôn Cán Chải) đến giáp ranh tỉnh Tuyên Quang, mỗi bên 200m	1,00
23	Đường Nậm Bát: từ cầu tràn Nậm Hu đến ngã ba ruộng ông Đức thôn Nậm Bát), mỗi bên 200m	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
24	Đường Nậm Rịa: từ đông sau nhà ông Thanh đến hết nhà ông Dạy, mỗi bên 200m	1,00
25	Đường Nà Phung: từ đường rẽ nhà ông Nha (bản Thác Xa 1) đến hết nhà ông Hâu (Thôn Nà Phung), bán kính 300m	1,00
26	Đường Nậm Ngò: từ khe sau nhà ông Kiều đến hết nhà ông Hồng Thôn Nậm Ngò), mỗi bên 300m	1,00
27	Đường Thai Lạc: Cầu Nậm Đâu đến giáp ranh Thôn Nậm Cầm	1,00
28	Trục đường từ UBND xã đi thôn Nậm Mược	
28.1	Tiếp giáp từ đường quốc lộ 279 đến nhà ông Thành	1,00
29	Trục đường từ thôn Pác Mạc đi Nậm Pậu	
29.1	Tiếp giáp từ nhà ông Thành đến nhà ông Chiến	1,00
29.2	Cầu Mạc từ đường 279 đến ngã ba đường rẽ vào nhà văn hóa thôn Pác Mạc	1,00
30	Thôn Khuổi Phường: Từ nhà Chiến Xạ dọc theo QL279 đến cầu Khuổi Vèng	1,00
31	Thôn Nà Pồng: Từ cầu Khuổi Vèng đến nhà bà Lý dọc quốc lộ 279 1,0km	1,00
32	Thôn Tạng Què: Từ nhà bà Lý đến nhà ông Hải giáp ranh giới Nghĩa Đô dọc QL 279 0,8 km	1,00
33	Phần còn lại của thôn Khuổi Phường, Nà Pồng, Tạng Què	1,00
34	Thôn Khuổi Vèng: Từ nhà ông Chúc đến nhà ông Toàn 2,5km	1,00
35	Thôn Nậm Khạo: Từ nhà ông Kha đến cầu Tang Tầm 2,0km	1,00
36	Thôn Nậm Mược: Từ cầu Tang Tầm đến cầu ngầm Nậm Kỳ 1,5km	1,00
37	Thôn Nậm Kỳ: Từ cầu ngầm đến nhà ông Hành đội 8	1,00
38	Thôn Nậm Pậu: Từ nhà ông Nha đến nhà ông Thảo Quảng	1,00
39	Thôn Nậm Khạo: Từ nhà ông Kha đến nhà ông Tum 2,0km	1,00
40	Thôn Tổng Kim: Từ nhà ông Nới đến ngã 3 Tổng Kim 2,5km	1,00
41	Thôn Tổng Kim: Từ nhà ông Pao đến trường học Tổng Kim	1,00
42	Thôn Tổng Kim: Từ trường học Tổng Kim đến nhà ông Chu Thôn Lũng Ấc II 2,5km	1,00
43	Thôn Nậm Kỳ: Từ nhà ông Chu đến nhà ông Huynh 1,7km	1,00
44	Thôn Nậm Mược: Từ cầu ngầm Nậm Kỳ đến nhà ông Chúng 1,5km	1,00
45	Thôn Nậm Kỳ: Từ ngã ba Nậm Kỳ đến nhà ông Sử	1,00
46	Thôn Nậm Pậu: từ nhà ông Quảng đến nhà ông Chảo 1,2km	1,00
47	Đường nối QL 279 đi Nậm Rịp Khuổi Vèng	
47.1	Tiếp giáp đường nội bộ Chợ mới đến Cầu bà Nết thôn Pác Mạc	1,00
47.2	Từ Cầu Bà Nết thôn Pác Mạc đến ngã ba đi Nậm Rịp thôn Khuổi Vèng	1,00
48	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

22. XÃ PHÚC KHÁNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Tỉnh lộ 160	
1.1	Dọc 2 bên đường từ đường rẽ đi Làng Đẳng đến cầu Việt Tiến nhà ông Nông Văn Long (thôn Già Thượng)	1,00
1.2	Dọc 2 bên đường từ hết đất nhà ông Thủy Lan (thôn Cóc Khiêng) đến ngã tư nhà ông Tiến (Đầu Cầu Bến Cóc)	1,00
1.3	Dọc 2 bên đường từ ngã tư nhà ông Tiến (Đầu Cầu Bến Cóc) đến hết đất nhà ông Hà Văn Viết (thôn Cóc Khiêng)	1,00
1.4	Dọc 2 bên đường từ cầu treo Bến Cóc cũ đến ngã tư nhà ông Tiến (Đầu cầu bến Cóc)	1,00
1.5	Các vị trí còn lại dọc 2 bên đường, tuyến đường Tỉnh lộ 160 qua các thôn trên địa bàn xã	1,00
2	Đường Quốc lộ 70	
2.1	Dọc 2 bên đường từ địa giới hành chính xã Phúc Khánh (giáp xã Khánh Hòa) đến ngã ba giao với đường vào Đền Long Khánh	1,00
2.2	Dọc 2 bên đường từ ngã ba đường giao với đường vào Đền Long Khánh đến Nhà Văn hóa thôn Đồng Mòng 1	1,00
2.3	Dọc 2 bên đường từ Nhà Văn hóa thôn Đồng Mòng 1 đến cống thoát nước giáp nhà Thành Lập	1,00
2.4	Dọc 2 bên đường từ nhà ông Thành Lập (Thôn Cầu Cóc) đến cửa hàng xăng dầu số 19	1,00
2.5	Dọc 2 bên đường từ nhà ông Dương Quý Sáng (thôn Đàm Rụng) đến hết đất Trại Thủy văn	1,00
2.6	Các vị trí còn lại dọc 2 bên đường, tuyến đường Quốc lộ 70	1,00
3	Đường Cầu Lũ - Phúc Khánh	
3.1	Dọc 2 bên đường từ ngã ba giao với Quốc lộ 70 (thôn Tổng Vương) đến Nhà văn hóa thôn Nà Phát	1,00
3.2	Dọc 2 bên đường từ đất nhà ông Hoàng Ngọc Chuyền (thôn Trí Ngoài) đến ngã ba giao với đường rẽ đi UBND xã Phúc Khánh cũ	1,00
3.3	Dọc 2 bên đường từ đất nhà ông Đặng Văn Thiện (thôn Làng Đẩu) đến hết đất nhà bà Lý Thị Tư (thôn Làng Đẩu)	1,00
3.4	Các vị trí còn lại dọc 2 bên đường	1,00
4	Các tuyến đường giao thông, liên thôn mặt đường nhựa hoặc bê tông	
4.1	Thôn Đồng Mòng 2: Dọc 2 bên đường từ ngã ba giao với Quốc lộ 70 sau nhà bà Chiến (giáp Trụ sở UBND xã) đến ngã ba đường giao với đường thôn Đồng Mòng 2 (đường vào đền Long Khánh)	1,00
4.2	Đường vào đền Long Khánh (thôn Đồng Mòng 2): Dọc 2 bên đường từ ngã ba giao với Quốc lộ 70 đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Thực (thôn Đồng Mòng 2)	1,00
4.3	Thôn Cầu Cóc: Dọc 2 bên đường từ ngã ba giao Quốc lộ 70 đến đầu cầu Bến Cóc.	1,00
4.4	Các tuyến đường giao thông nông thôn, liên thôn mặt đường bê tông	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
4.5	Khu tái thiết Làng Nủ	1,00
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,15

23. XÃ THƯỢNG HÀ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 70	
1.1	Từ giáp đất xã Bảo Yên đến Km 127+650 (hết công ngang đường QL 70)	1,00
1.2	Từ Km 127+650 đến hết đất ở nhà ông Lưu Văn Ngũ	1,00
1.3	Từ sau đất ở nhà ông Lưu Văn Ngũ đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Hạt	1,00
1.4	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Hạt đến hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Tài bản 9 Vài Siêu.	1,05
1.5	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Tài đến hết nhà ông Tuyết An	1,00
1.6	Từ hết đất nhà ông Tuyết An đến hết nhà bà Hoàng Thị Hảo, bản 1 Vài Siêu	1,00
1.7	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Hảo đến đầu đất nhà ông Hứa Văn Quân bản 3 Vài Siêu	1,00
1.8	Từ nhà Hứa Văn Quân đến hết nhà ông Đặng Văn Đường bản 3 Vài Siêu	1,10
1.9	Từ hết đất nhà ông Đặng Văn Đường bản 3 Vài Siêu đến đầu cầu bản 5 Mai Đào (giáp nhà ông Lưu Thanh Tuấn)	1,00
1.10	Từ đầu cầu bản 5 Mai Đào đến hết đất nhà ông Nguyễn Hồng Tâm, Bản 5 Mai Đào	1,00
1.11	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Hồng Tâm (bản 5 Mai Đào) đến đầu đất nhà ông Lưu Hoàng Thuấn (bản 9 Mai Đào)	1,00
1.12	Từ tiếp giáp nhà ông Lưu Hoàng Thuấn (bản 9 Mai Đào) đến giáp với đất xã Điện Quan	1,00
1.13	Từ Km 142 đến Km 146	1,00
1.14	Từ Km 146 đến Km 146+320 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Lương)	1,00
1.15	Từ Km 146+300 đến Km 147	1,00
1.16	Từ Km 147 đến giáp đất xã Xuân Quang	1,00
1.17	Từ QL 70 đi vào chợ Điện Quan (cũ)	1,00
2	Trung tâm xã	1,00
2.1	Từ đất nhà ông Lý Văn Quân dọc 2 bên đường liên xã đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Thu bản Minh Hải	1,00
2.2	Từ nhà bà Nguyễn Thị Thu dọc 2 bên đường liên xã đến hết đất nhà ông Trần Văn Hạnh bản Minh Hải	1,00
2.3	Từ tiếp giáp nhà ông Trần Văn Hạnh dọc đường liên xã đến hết đất ở nhà ông Trần Văn Hoà bản Minh Hải	1,00
3.1	Từ hết đất ở nhà Trần Thanh Hải đến hết đất nhà ông Phong (bản 3)	1,10
3	Đường bản 3: từ giáp nhà ông Phong đến cổng 1A	1,00
4	Từ hết đất nhà ông Lâm Xuân Nhạ đến Cầu Trang B	1,30
5	Đường bản 1B: từ TBA 1 đến giáp xã Xuân Quang (Trì Quang cũ)	1,00
6	Đường bản 1 đi bản 2: từ cổng bản 1 đến giáp xã Thượng Hà	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
7	Đường bản 3 đi bản 1: từ trường tiểu học số 1 đến ngã ba nhà ông An (bản 1)	1,00
8	Đường bản 4 (cũ)	1,00
9	Khu vực từ km 129 đến km 132, trừ các hộ dọc đường QL70	1,00
10	Từ phía sau nhà ông Trần Văn Vững (km 130) dọc 2 bên đường liên xã đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Định (bản Bon 2)	1,00
11	Từ cầu tràn gần nhà ông Hoàng Văn Định (bản Bon 2) dọc 2 bên đường liên xã đến hết đất nhà ông Dương Văn Đô (bản Bon 2)	1,00
12	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Dựa (bản Bon 2) dọc 2 bên đường liên xã đến giáp đất nhà ông Lý Văn Quân (bản Minh Hải)	1,00
13	Từ tiếp giáp đất nhà ông Trần Văn Hòa (cổng làng văn hoá bản Minh Hải) dọc 2 bên đường liên xã đến giáp đất nhà ông Lục Văn Bái bản Mai 2	1,00
14	Từ nhà ông Lưu Văn Thuận (bản Mai 2) dọc 2 bên đường liên xã đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Sinh (bản Mai 2)	1,00
15	Dọc đường vào xóm ông Tình: Khu vực sau nhà ông bà Hiễn Thoả, Hùng Dung đến nhà bà Quyết (khu vực trường học) thôn 9 Vải Siêu	1,00
16	Các vị trí đất còn lại thôn 9 Vải Siêu (trừ vị trí xa, sâu, trên đồi cao)	1,00
17	Khu vực từ nhà ông bà Vân Cách đến nhà ông Nguyễn Văn Đang	1,00
18	Từ sau đất nhà ông Trần Công Tiến đi hết đất của công ty cổ phần năng lượng tái tạo BATT	1,00
19	Khu vực từ sau nhà ông Hoàng Văn Toản đến nhà ông Bàn Văn Chính thôn 1 Vải Siêu	1,00
20	Khu vực từ sau nhà ông bà Lộc Lượ đến nhà Ly Seo Kính	1,00
21	Khu vực 2 thôn Vải Siêu: Dọc đường liên xã Thượng Hà - Minh Tân, từ sau nhà ông Nguyễn Văn Hoi (bản 3 Vải Siêu) đến hết đất nhà ông Bàn Văn Chánh (bản 2 Vải Siêu)	1,00
22	Dọc đường liên bản 3, 4, 5, 6 Vải Siêu: Từ sau nhà ông bà Chính Khiết đến đường rẽ đi vào bản 8 Vải Siêu cũ	1,00
23	Dọc đường vào thôn 5 Mai Đào: Từ nhà ông Bàn Văn Hoà đến nhà ông Bàn Văn Tòng thôn 5 Mai Đào	1,00
24	Khu vực thôn 3 Mai Đào: Từ QL 70 đến nhà ông Bàn Minh Hạnh bản 1 Mai Đào	1,00
25	Các tuyến đường khác còn lại khu vực Mai Đào	1,05
26	Các tuyến đường khác còn lại khu vực Vải Siêu	1,05
27	Các tuyến đường khác còn lại	1,20

24. XÃ XUÂN HÒA

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 279	
1.1	Từ cầu Bắc Công đến trạm y tế xã	1,00
1.2	Từ trạm y tế xã đến Cầu bến Chuân	1,00
1.3	Từ cầu Bến Chuân đến hết đất công ty TNHH Sơn Hà	1,00
1.4	Từ đất công ty TNHH Sơn Hà đến hết đất xã Xuân Hòa	1,00
1.5	Từ cầu Bắc Công đến hết đất nhà ông Long Văn Hùng	1,00
1.6	Từ hết đất nhà ông Long Văn Hùng đến cầu Vàng Vừng	1,00
1.7	Từ Cầu Vàng Vừng đến nhà Thanh Mây(bản Công 3)	1,00
1.8	Từ nhà Thanh Mây(bản Công 3) đến km 50+200m (nhà ông Giáp)	1,00
1.9	Từ Km 50+200 m (nhà ông Giáp) đến hết ngã ba đường bê tông rẽ bản Vắc	1,00
1.10	Từ ngã ba đường bê tông rẽ bản Vắc đến ngã ba đường rẽ Nhà văn hóa bản Dao	1,00
1.11	Từ ngã ba đường rẽ nhà văn hóa bản Dao đến hết đất xã Xuân Hòa	1,00
2	Tỉnh lộ 160	
2.1	Từ ngã ba đường QL279 rẽ đi tỉnh lộ 160 đến nhà máy thủy điện Vĩnh Hà	1,00
2.2	Từ nhà máy thủy điện Vĩnh Hà đến hết đất xã Xuân Hòa	1,00
2.3	Từ cầu bến Chuân đến ngã ba bản Sáo	1,00
2.4	Từ ngã ba bản Sáo đến hết cầu xóm Hạ (bản Xóm Hạ)	1,00
2.5	Từ Cầu Xóm Hạ đến hết đất nhà ông Vũ Trường Sinh	1,00
2.6	Từ nhà ông Vũ Trường Sinh đến ngã ba đường rẽ lên bản Mo, bản Hò	1,00
2.7	Từ đường rẽ lên bản Mo, bản Hò đến hết đất nhà ông Đặng Văn Chính	1,00
2.8	Từ hết đất nhà ông Đặng Văn Chính đến giáp QL 279	1,00
2.9	Từ ngã ba bản Sáo đến giáp xã Bảo Yên	1,00
3	Bản Xóm Hạ: Dọc theo đường đi bản Nhâm đến nhà ông Sung, đường vào trường học bản Nhâm, đường liên xã qua bản	1,00
4	Tuyến đường bê tông liên thôn: Mo 1, Mo 2, Mo 3, Hò, Mí, Nhâm, Lụ, Qua, Mai Thượng, Công 1, Công 2, Công 3, Bản Chuân; Sáo, Mai Hạ, Mai Chung, Xóm Hạ, Xóm Thượng; Kẹm, Vắc, Dao	1,00
5	Từ giáp thị trấn (bản Sắc Phạ) đến nhà ông Cầu	1,00
6	Từ trường tiểu học xã đến cầu qua suối bản Qua	1,00
7	Từ cầu qua suối bản Qua đến giáp đất Thượng Hà	1,00
8	Từ ngã ba rẽ bản Qua đến nhà ông Vượng (bản Qua)	1,00
9	Đường bê tông Mỏ Đá - Phạ: từ giáp QL 279 đến nhà bà Ma Thị Sâu	1,00
10	Đường bê tông Nà Đò: từ giáp đường đi Thượng Hà đến nhà ông Xanh và nhà ông Phiếu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
11	Đường bê tông bản Khuổi Ca: khu trường đoàn	1,00
12	Đường bê tông bản Mũng: Từ nhà ông Chuông đến đường lên nhà ông Xanh	1,00
13	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

25. XÃ A MÚ SUNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4E	
1.1	Tuyến đường Quốc lộ 4E từ địa giới hành chính xã A Mú Sung giáp xã Nậm Chạc đến ngã ba đường đi Lũng Pô	1,00
1.2	Đường ngã ba Lũng Pô vào cột cờ Lũng Pô	1,00
2	Đường vào trung tâm xã Nậm Chạc (từ cầu thôn Cửa Suối đến ngàm tràn UBND xã Nậm Chạc cũ)	1,00
3	Đường tỉnh lộ 158	
3.1	Đường tỉnh lộ 158: Km0 (Đoạn từ ngã 3 đi Lũng Pô) đến công trường Mầm non thôn Tùng Sáng (Km2+200)	1,00
3.2	Đường tỉnh lộ 158: Dọc tuyến tỉnh lộ 158 từ Km 2+200 đến giáp địa phận xã Y Tý (A Lù cũ)	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

26. XÃ BẢN XÈO

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 156B	
1.1	Từ Km 53+700 đến hết trạm y tế xã Bản Xèo	1,05
1.2	Từ cuối trạm y tế Bản Xèo đến cầu Bản Xèo	1,00
1.3	Từ cổng trường tiểu học Mường Vi đến cổng trường THCS Mường Vi	1,05
1.4	Các vị trí dọc tuyến đường tỉnh lộ 156B còn lại thuộc địa phận xã Bản Xèo	1,00
2	Đường tỉnh lộ 155	
2.1	Các vị trí dọc tuyến đường tỉnh lộ 155 thuộc địa phận xã Bản Xèo	1,00
3	Khu vực trung tâm xã	
3.1	Từ ngàm tràn Pa Cheo đến cổng trường Mầm non Pa Cheo (quán sửa xe ông Lính)	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

27. XÃ BÁT XÁT

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Kim Thành, Ngòi Phát (Tỉnh lộ 156 mới)	
1.1	Từ đầu cầu Kim Thành đến đường Võ Nguyên Giáp	1,00
1.2	Từ đường Võ Nguyên Giáp đến Cầu Bản Qua	1,00
2	Từ cầu Bản Qua đến hết quy hoạch khu TĐC số 3	1,00
3	Từ hết khu TĐC số 3 (thôn Bản Qua) đến đầu cầu Bản Vược	1,00
4	Đường Kim Thành, Ngòi Phát; Từ đầu cầu Bản Vược đến đoạn giao với đường BV15	1,00
5	Đường Kim Thành, Ngòi Phát; Từ đoạn giao với đường BV 15 đến ngã tư giữa đường Kim Thành - Ngòi Phát và tuyến T2	1,00
6	Đường Kim Thành, Ngòi Phát; Từ ngã tư giữa đường Kim Thành - Ngòi Phát và tuyến T2 đến Ngã ba trạm y tế Bản Vược	1,00
7	Đường Kim Thành, Ngòi Phát; Từ ngã ba cổng phòng khám đa khoa xã Bản Vược (đường T12) đến chân dốc kho tàu (Cầu thôn 3)	1,00
8	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 4E)	
8.1	Đoạn từ cầu vòm Quang Kim đến ngã 3 chợ nông sản	1,00
8.2	Từ ngã 3 chợ nông sản đến nhà văn hóa thôn Kim Tiến	1,00
8.3	Đoạn từ nhà văn hóa thôn Kim Tiến đến cổng chào Bát Xát	1,00
8.4	Đoạn từ Cổng chào đến đường rẽ vào trường dạy lái xe	1,00
8.5	Đoạn từ đường rẽ vào trường dạy lái xe đến cây xăng	1,00
8.6	Đoạn từ cây xăng đến đường rẽ vào thôn 7	1,00
8.7	Từ đường rẽ vào thôn 7 đến ngã ba đường Châu Giàng	1,00
8.8	Từ ngã ba đường Châu Giàng đến ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo	1,00
8.9	Đoạn từ phố Trần Hưng Đạo đến phố Lê Lợi	1,00
9	Đường Hùng Vương; Đoạn từ ngã 3 phố Lê Lợi đến hết đoạn mở rộng (có cổng hộp hai bên)	1,00
9.1	Đoạn từ cuối phạm vi có cổng hộp 2 bên đến hết địa phận thôn Bát Xát 1 (giáp thôn Bản Qua)	1,00
9.2	Đoạn dốc nông nghiệp đến cầu vòm Bản Vai	1,00
9.3	Từ cầu vòm Bản Vai đến cổng trường mầm non Bản Qua	1,00
9.4	Từ cổng trường mầm non Bản Qua đến ngã 3 rẽ vào thôn Coóc Cài	1,00
9.5	Từ ngã 3 rẽ vào thôn Coóc Cài đến ngã 3 nhà máy luyện đồng Lào Cai	1,00
9.6	Đoạn từ ngã 3 rẽ vào nhà máy luyện đồng Lào Cai đến đầu cầu Bản Vược	1,00
9.7	Từ hết nhà ông Vũ Văn Trường đến ngã ba cổng trường tiểu học Bản Vược	1,00
9.8	Tuyến từ ngã ba cổng trường tiểu học Bản Vược đến chân dốc Kho Tàu (cầu thôn 3)	1,00
9.9	Đoạn từ chân dốc Kho Tàu (Cầu thôn 3) đến cầu Ngòi Phát	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
10	Đường tuyến D14; Từ ngã tư đường Hùng Vương đến nghĩa trang nhân dân	1,00
11	Phố 10 tháng 10; Từ ngã ba giao với đường Hùng Vương (cạnh UBND thị trấn cũ) đến ngã ba giao đường Hùng Vương (Phía trên cổng chào)	1,00
12	Đường vào hồ ông Nhíp; Từ đường 156 (gần cửa hàng Điện máy xanh) vào sâu 150m	1,00
13	Phố Châu Giàng; Tuyến nối đường Hùng Vương (hiệu sửa chữa xe máy Thành Hồng) với đường Hoàng Liên	1,00
14	Phố Trần Quốc Toản (N8); Từ ngã ba giao với phố Châu Giàng đến ngã ba giao phố Đông Phôn	1,00
15	Phố Kim Đồng (N7); Từ ngã ba giao với phố Châu Giàng đến ngã ba giao phố Lý Thường Kiệt	1,00
16	Phố Lý Thường Kiệt; Tuyến nối đường Hùng Vương với phố Hoàng Hoa Thám	1,00
17	Phố Lý Thường Kiệt; Tuyến nối phố Hoàng Hoa Thám với đường Hoàng Liên	1,00
18	Phố Hoàng Hoa Thám; Từ ngã ba giao với phố Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với phố Lý Thường Kiệt	1,00
19	Phố Lê Lai; Từ ngã ba giao phố Hoàng Hoa Thám đến ngã ba giao đường Hoàng Liên	1,00
20	Phố Điện Biên; Đường từ cổng UBND xã đến Đảng uỷ Bát Xát	1,00
21	Phố Nguyễn Bá Lại; Từ ngã ba giao với phố Điện Biên (Bên cạnh tòa nhà hợp khối thống kê, Ban QLDA) đến ngã ba giao với phố Trần Hưng Đạo (sau trụ sở khối dân)	1,00
22	Phố Trần Hưng Đạo; Tuyến nối đường Hùng Vương (đối diện kho bạc) với phố Hoàng Hoa Thám (ngã tư giao với đường Đông Thái)	1,00
23	Phố Trần Hưng Đạo; Tuyến nối phố Hoàng Hoa Thám (ngã tư giao với đường Đông Thái) với đường Hoàng Liên	1,00
24	Phố Đông Thái; Từ ngã ba giao với phố Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao đường Lê Lợi	1,00
25	Đường D3; Từ đường Hoàng Liên đến đường Đông Thái (giáp bệnh viện khu vực cũ)	1,00
26	Phố Lê Lợi; Từ ngã ba đường Hùng Vương đến phố Đông Thái	1,00
27	Đường N5 tái định cư thôn Bát Xát 2	1,00
28	Đường vào hồ Tả Xín (Ná Luộc); Từ đường 156 đến hết khu vực xung quanh hồ (Nhà ông Cao Thành Trung)	1,00
29	Đường vào hồ Tả Xín (Ná Luộc); Từ hết khu vực xung quanh hồ Tả Xín đến hết đất thôn Bát Xát 1 khu vực đi khu Tả Xín Vi Phái	1,00
30	Đường đi vào thôn 14; Từ đường Hùng Vương (nhà ông Phạm Đăng Lân) qua chỗ nhà ông Vũ Hồng Trình đến giao với đường 10 tháng 10 đi thôn 14.	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
31	Đường Võ Nguyên Giáp; Từ ngã ba giao đường Hùng Vương đến ngã tư giao đường Hoàng Liên	1,00
32	Đường Võ Nguyên Giáp; Từ ngã tư giao với đường Hoàng Liên (Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện) đến ngã ba giao với đường Kim Thành - Ngòi Phát	1,00
33	Phố Ngô Quyền; Từ ngã tư giao với đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba giao với phố Châu Giàng	1,00
34	Phố Ngô Quyền; Từ ngã tư giao với đường Võ Nguyên Giáp đến Ngã ba giao đường Hùng Vương	1,00
35	Phố Hoàng Văn Thụ (Đường D8 theo Quy hoạch); Từ ngã ba giao với phố Ngô Quyền đến ngã ba giao với đường Hoàng Liên (cổng Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị)	1,00
36	Phố Lương Thế Vinh (Đường D9 theo Quy hoạch); Từ ngã ba giao với phố Ngô Quyền đến hết đường	1,00
37	Đường Hoàng Liên; Từ ngã tư giao với đường Võ Nguyên Giáp (Trung tâm Văn hóa, thể thao truyền thông huyện) đến ngã ba giao với phố Hoàng Văn Thụ	1,00
38	Đường Hoàng Liên; Từ ngã ba giao với phố Hoàng Văn Thụ đến cổng nghĩa trang Bát Xát	1,00
39	Đường Hoàng Liên; Từ ngã tư giao với đường Võ Nguyên Giáp đến hết cổng hộp đường rẽ vào thôn 10 (Sau Bệnh viện đa khoa khu vực cũ)	1,00
40	Phố Đông Phôn; Từ ngã ba giao với đường Hoàng Liên đến ngã ba giao với phố Kim Đồng	1,00
41	Đường thôn 10	
40.1	Từ Ngã ba bệnh viện đi qua Nhà văn hoá thôn đến nút giao Quốc lộ 4E	1,00
40.2	Nhánh dưới: Từ ngã 3 bệnh viện đến với ngã 3 giao với nhánh trên	1,00
42	Các vị trí còn lại của các thôn Bát Xát 1, Bát Xát 2, Bát Xát 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10	1,00
43	Các vị trí còn lại của các thôn 9, 11, 12, 13, 14	1,00
44	Tuyến T1; Từ đường thôn 7 đến tuyến T2(thuộc thôn 7)	1,00
45	Tuyến T2; Từ đường Hùng Vương đến hết tuyến đường dài 50 m (giao với tuyến T1 (thuộc thôn 7))	1,00
46	Các ngõ thuộc tuyến đường Hoàng Liên; Các thửa đất nằm trong các tuyến đường ngõ của đường Hoàng Liên	1,00
47	Tuyến ngõ giáp số nhà 012 phố Đông Thái (thuộc thôn Bát Xát 2); Các thửa đất nằm trong tuyến đường ngõ giáp số nhà 012 phố Đông Thái	1,00
48	Ngõ giáp số nhà 533 đường Hùng Vương (thuộc thôn Bát Xát 3); Các thửa đất nằm trong ngõ giáp số nhà 533 đường Hùng Vương	1,00
49	Tuyến ngõ đối diện đường Lý Thường Kiệt giao với đường Hùng Vương (thôn 5); Các thửa đất nằm trong ngõ đối diện đường Lý	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
	Thường Kiệt giao với đường Hùng Vương (bên cạnh Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực)	
50	Đường vào thôn 12; Ngõ giao đường 156 đến cầu Bản Trang	1,00
51	Đường D14 kéo dài; Đoạn từ ngã tư đường Hùng Vương (đối diện công an) đến ngã ba giao nhau với phố 10 tháng 10	1,00
52	Đường N1; Tuyến nối đường 10 tháng 10 (quy hoạch khu dân cư thôn 6)	1,00
53	Đường N2; Tuyến đường giao với đường N1 (quy hoạch khu dân cư thôn 6)	1,00
54	Khu quy hoạch tái định cư thôn Tân Hồng	
54.1	Các tuyến đường thuộc khu tái định cư Gang thép	1,00
54.2	Từ ngã 3 đường tỉnh lộ 156 rẽ vào thôn Tân Hồng đi nhà máy gạch Tuynel Phú Hưng	1,00
55	Đường Kim Thành, Ngòi Phát (Tỉnh lộ 156 mới)	1,00
56	Nút giao thông Bản Vược; Các vị trí đất xung quanh nút giao thông đã được đầu tư XD cổng hộp hai bên cách 100m (từ tìm vòng xuyên) (hướng đường tỉnh lộ 156 cũ đi chân dốc kho tàu tới hết nhà ông Vũ Văn Trường, hướng ra cửa khẩu tới nhà ông Lìn, hướng đường tỉnh lộ 156B tới nhà ông Hoàng Xuân Kìn)	1,00
57	Đường đi cửa khẩu (tuyến T2); Từ đoạn đã được đầu tư mở rộng (cổng nước qua đường chỗ nhà ông Lìn) đến ngã ba giao với đường Kim Thành Ngòi Phát	1,00
58	Đường T10; Từ đường Kim Thành Ngòi Phát đến ngã ba cổng phòng khám đa khoa(đường T12)	1,00
59	Đường 156B; Từ đoạn cách vòng xuyên 100m (hộ ông Vũ Đình Hùng, Hoàng Xuân Kìn) đến hộ ông Phan Văn Long	1,00
60	Đường N1; Giao tuyến T2 với tuyến T13	1,00
61	Tuyến N2; Giao nút giao thông xã Bản Vược với tuyến T13	1,00
62	Đường BV 17; Từ đường BV12 đến đường BV15 (đường 2 làn xe)	1,00
63	Đường BV 13; Từ đường Kim Thành - Ngòi Phát đến đường BV17	1,00
64	Đường BV 18; Từ đường BV13 đến BV15	1,00
65	Đường BV 14; Từ đường Kim Thành - Ngòi Phát đến đường BV17	1,00
66	Đường BV 15; Từ đường Kim Thành - Ngòi Phát đến đường BV17 (đường 2 làn xe)	1,00
67	Đường BV 12; Từ ngã tư đường Kim Thành - Ngòi phát (nối tiếp T2) đến BV1	1,00
68	Tuyến đường T1; Từ tuyến đường T13 đến đường Kim Thành, Ngòi Phát	1,00
69	Tuyến đường T12; Từ đường 156 cũ (đối diện trường Tiểu học) đến đường T10	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
70	Tuyến đường T13; Từ đường N2 đến đường Kim Thành, Ngòi Phát	1,00
71	Tuyến đường N7; Từ đường đi cửa khẩu (tuyến T1) đến tuyến đường T13	1,00
72	Khu Tái định cư Thôn 3 Bản Vược	1,00
73	Đường Quang Kim - Cốc San	
73.1	Từ đường Quốc lộ 4E đi Cốc San đến đầu trạm biến áp 110Kv	1,00
73.2	Từ đầu trạm biến áp 110Kv đến ngã ba cầu treo Làng San	1,00
73.3	Từ ngã ba cầu treo Làng San đến hết địa phận xã Quang Kim	1,00
74	Đường đi Phìn Ngan; Từ điểm đầu đường 156 đi Phìn Ngan đến đoạn giao với đường D1	1,00
75	Đường đi Phìn Ngan; Từ đoạn giao đường D1 đến hết địa phận xã Quang Kim giáp xã Phìn Ngan	1,00
76	Các vị trí đất nông thôn khác còn lại thuộc thôn An Thành	1,00
77	Đường N6; Đoạn tỉnh lộ 156 cũ tuyến chánh cho Tỉnh lộ 156 mới	1,00
78	Đường D1, D2; Khu trung tâm thôn An Thành	1,00
79	Đường N1, N2; Khu trung tâm thôn An Thành	1,00
80	Đường N3; Khu trung tâm thôn An Thành	1,00
81	Các tuyến đường khác còn lại	
81.1	Các tuyến đường khác còn lại tại các thôn Tân Hồng, Bản Vền, Coóc Cài, Hải Khê, Bản Vai, Tân Bảo, Bản Qua)	1,00
81.2	Các tuyến đường khác còn lại (Xã Bản Qua cũ)	1,00
81.3	Các tuyến đường ngoài các tuyến đường trên tính theo địa giới hành chính quy hoạch của trung tâm cụm xã Bản Vược	1,00
81.4	Các tuyến đường khác còn lại xã Quang Kim cũ	1,00
82	Đường tỉnh lộ 156B; Từ hộ ông Phan Văn Long đến giáp xã Bản Xèo	1,00
83	Các tuyến đường khác còn lại (Xã Bản Vược cũ)	1,00
84	Độc tuyến đường liên xã Quang Kim - Phìn Ngan (từ đoạn giáp ranh xã Quang Kim - đến hết ngã ba thôn Trung Chải khoảng 300m	1,00
85	Từ đập thủy điện Trung Hồ đến cuối điểm sắp xếp dân cư Láo Vàng (giáp thị xã Sa Pa)	1,00
86	Các tuyến đường khác còn lại (Xã Phìn Ngan cũ)	1,00
	<i>Khu tái định cư số 1</i>	
88	Tuyến N1; Từ đường T1 đến đường T4	1,00
89	Tuyến N2; Từ đường T1 đến đường T4	1,00
90	Tuyến N3; Từ đường T1 đến đường T4	1,00
91	Tuyến N4; Từ đường T1 đến đường N3	1,00
92	Tuyến T1; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường N4	1,00
93	Tuyến T2; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường N4	1,00
94	Tuyến T3; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường N4	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
95	Tuyến T4; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường N4	1,00
96	Tuyến đường thuộc thôn An Quang; Từ đường Quốc lộ 4E hướng đi thôn An Quang đến giao với đường Kim Thành Ngòi Phát (đường tỉnh lộ 156)	1,00
97	Các tuyến đường nhánh nội thôn An Quang còn lại	1,00
99	Tuyến T1; Từ đường T3 đến đường T5	1,00
100	Tuyến T2; Từ đường T3 đến đường T5 qua ngã tư hướng về T6	1,00
101	Tuyến T3; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường T2	1,00
102	Tuyến T4; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường T2	1,00
103	Tuyến T5; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường T6	1,00
104	Tuyến T6; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường T5	1,00
106	Tuyến T1; Từ đường T6 đến đường T9	1,00
107	Tuyến T2; Từ đường T9 đến đường T10	1,00
108	Tuyến T3; Từ đường T9 đến đường T10	1,00
109	Tuyến T4; Từ đường T6 đến đường T10	1,00
110	Tuyến T5; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường T10	1,00
111	Tuyến T6; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến đường T1	1,00
112	Tuyến T7; Từ đường T1 đến đường T4	1,00
113	Tuyến T8; Từ đường T1 đến đường T4	1,00
114	Tuyến T9; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến ngã ba giữa đường T1 và đường T2	1,00
115	Tuyến T10; Từ đường Kim Thành, Ngòi Phát đến cầu bê tông qua suối Bản Qua (trong phạm vi quy hoạch khu TĐC)	1,00
116	Đường TL 156 đi đường Kim Thành Ngòi Phát (qua khu tái định cư số 3); Từ đường 156 (Đoạn dốc nông nghiệp) đi đầu cầu Bản Qua (trừ các vị trí đã được quy định giá tại khu tái định cư số 3)	1,00

28. XÃ DÈN SÁNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 158	
1.1	Dọc tuyến đường tỉnh lộ 158 (Đoạn từ cầu Dền Sáng đến hết địa phận xã Dền Sáng giáp xã Y Tý)	1,00
1.2	Khu vực trung tâm xã dọc tuyến tỉnh lộ 158 (Đoạn từ ngã ba rẽ đi thôn Nhieu Cù San đến đầu cầu Dền Sáng hướng đi Y Tý)	1,10
1.3	Dọc tuyến đường tỉnh lộ 158 (Đoạn từ Km 60 đến Km67 đường rẽ lên thôn Nhieu Cù San)	1,00
2	Tỉnh lộ 155	
2.1	Từ Ngã ba đường rẽ đi thôn Nhieu Cù San đến Khu tái định cư dự án Ky Quan San thôn Mà Mù Sủ 1	1,00
2.2	Từ Khu tái định cư dự án Ky Quan San thôn Mà Mù Sủ 1 đến hết địa phận xã Dền Sáng giáp xã Mường Hum	1,00
3	Đường Mường Hum - Dền Thàng - Dền Sáng	
-	Đoạn Khu vực quy hoạch chi tiết trung tâm xã Dền Thàng (cũ), thôn Tả Phìn	1,00
3.1	Đoạn Từ đầu Cầu Mường Hum đến điểm đầu quy hoạch trung tâm xã Dền Thàng (cũ)	1,00
3.2	Đoạn từ khu quy hoạch chi tiết trung tâm xã Dền Thàng cũ đến đường tỉnh 158	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

29. XÃ MUỜNG HUM

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tuyến D1	
1.1	Đường trục chính từ cây xăng đến vị trí cách ngã ba giao đường N7 30m (hộ ông Lò Văn Tâm)	1,20
2	Tuyến N7	
2.1	Từ ngã ba giao đường D1 qua cầu sắt đến đầu cầu Mường Hum (mới)	1,20
2.2	Từ đầu cầu Mường Hum đến hết ranh giới quy hoạch trung tâm xã Mường Hum hướng đi xã Dền Sáng	1,20
3	Đường nhánh (tuyến D2): (Từ ngã ba cổng UBND xã đến ngã ba giao với đường N7)	1,30
4	Đường đi Dền Thàng (tuyến N4): (Từ nút giao đường D1 đến đầu cầu Mường Hum đi xã Dền Sáng)	1,30
5	Đường bê tông (Tuyến N6): Tuyến ngang từ đường trục chính D1 nối với đường bê tông D2	1,30
6	Tuyến đường N5 kéo dài (Từ nút giao đường D4 đến ngã ba giao nhau với đường D1)	1,30
7	Tuyến đường D4	
7.1	Từ đầu cầu đi Dền Sáng (thuộc xã Mường Hum) đến nhà máy chè	1,20
7.2	Từ đầu cầu Mường Hum đi Dền Sáng đến Chợ Mường Hum	1,50
8	Đường D3	
8.1	Đoạn từ nối tuyến đường N4 đến hết khu đấu giá quyền sử dụng đất dài 200m (hết đoạn đổ bê tông)	1,30
8.2	Từ cuối khu vực đấu giá đến hết tuyến đường	1,20
9	Tuyến đường từ cầu sắt Mường Hum (1 phần trong quy hoạch chi tiết trung tâm cụm xã Mường Hum) đến nhà máy thủy điện Nậm Pung	1,20
10	Tuyến đường tỉnh lộ 155	
10.1	Đường từ hết quy hoạch chi tiết xã đến đầu cầu Piềng Láo	1,20
10.2	Đường từ cầu Piềng Láo đến hết địa phận xã Mường Hum giáp xã Dền Sáng	1,20
11	Đường đi xã Trung Lèng Hồ	
11.1	Đường từ Ngã ba đầu cầu Piềng Láo giao đường tỉnh lộ 155 đi qua thôn Piềng Láo đến ngã 3 thôn Ky Quan San	1,20
11.2	Đường từ ngã 3 giao với đường đi tổ 3 thôn Ky Quan San đến đầu đập thủy điện Tà Lối 3	1,20
12	Các tuyến còn lại (trong khu vực quy hoạch chi tiết trung tâm cụm xã Mường Hum)	
12.1	Đường từ đầu đập thủy điện Nậm Pung đến hết thôn Kín Chu Pìn 1	1,10
12.2	Đường từ đập thủy điện Tà Lối 3 đến trường trường TH,THCS Trung Lèng Hồ	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
12.3	Các tuyến đường ngoài các tuyến đường trên của trung tâm cụm xã Mùòng Hum (trong khu vực quy hoạch chi tiết trung tâm cụm xã Mùòng Hum)	1,20
12.4	Các vị trí đất còn lại trong quy hoạch trung tâm xã	1,10
13	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

30. XÃ TRỊNH TƯỜNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4E	
1.1	Từ điểm giáp xã A Mú Sung dọc tuyến đường đến cầu Trinh Tường	1,50
1.2	Từ cầu Bản Mạc dọc tuyến đường đến hết quy hoạch chi tiết thôn Tân Quang	1,30
1.3	Từ hết quy hoạch chi tiết thôn Tân Quang đến ngã ba đường rẽ thôn Phìn Ngan	1,20
1.4	Từ ngã ba đường rẽ thôn Phìn Ngan đến điểm giữa Bưu điện văn hóa xã Cốc Mỹ cũ +300 (hướng đi trung tâm xã Trinh Tường)	1,20
1.5	Từ điểm giữa Bưu điện văn hóa xã Cốc Mỹ cũ kéo dài ra hai đầu 300m	1,20
1.6	Đoạn từ điểm giữa bưu điện văn hóa xã Cốc Mỹ cũ + 300m (hướng đi xã Bát Xát) đến hết địa phận xã Trinh Tường	1,20
2	Tuyến T1 (Quốc lộ 4E)	
2.1	Từ cầu Trinh Tường đến ngã ba giao với đường T11 (nhà nghỉ Trường Nhũ)	1,10
2.2	Từ ngã ba giao với đường T11 (nhà nghỉ Trường Nhũ) nhập từ 02 đoạn Từ trường THCS đến ngã ba giao với đường T11; Từ ngã ba giao với đường T11 đến giao với đường T4 đến Từ trường THCS + 50m (hướng đi xã Bát Xát)	1,10
2.3	Từ trường THCS +50m hướng đi xã Bát Xát đến cầu Bản Mạc	1,10
3	Đường bờ sông (tuyến T11)	
3.1	Từ giao với đường T1 (Quốc lộ 4E) theo đường bờ sông sau đền mẫu đến giao với đường T1 (Quốc lộ 4E) đoạn nhà nghỉ Trường Nhũ)	1,30
4	Đường T5	
4.1	Từ đường T11 đến giao với đường T6	1,00
5	Tuyến T3	
5.1	Từ ngã ba giao tuyến T2 đến ngã ba giao với tuyến T6	1,00
6	Đường T6	
6.1	Từ đường T1 đến giao với đường T2	1,00
7	Đường T7	
7.1	Từ đường T3 đến giao với đường T6 (Đối diện cổng trường Mầm Non)	1,50
8	Đường T8	
8.1	Từ ngã ba giao với đường T3 đến hết tuyến	1,00
9	Tuyến T4	
9.1	Từ ngã ba giao tuyến T1 (Quốc lộ 4E) đến ngã ba giao với tuyến T2	1,00
10	Tuyến T2 theo quy hoạch điều chỉnh và mở rộng trung tâm xã Trinh Tường	
10.1	Từ ngã ba giao tuyến T1 (Quốc lộ 4E) đến ngã ba giao đi trường Tiểu học	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
10.2	Từ ngã 3 đi trường Tiểu học đến ngã ba rẽ vào thôn Bản Trung, xã Trịnh Tường (Đường T10 dự án đầu giá)	1,00
10a	Đường T10 dự án đầu giá (ngã ba rẽ vào thôn bản trung) đến hết địa giới hành chính xã Trịnh Tường hướng đi xã Y Tý (Phìn Hồ)	1,00
11	Đường tránh trung tâm cụm xã Trịnh Tường	
11.1	Từ cầu Bản Mạc đến ngã ba giao đường T2	1,00
11.2	Từ đoạn giao đường T2 đến giao đường QL4E (đầu cầu Trịnh Tường)	1,00
12	Đường nối cửa khẩu phụ Bản Vược đến Y Tý (Từ cầu Bản Mạc dọc theo bờ sông hướng về xã Bát Xát đến điểm giao với đường QL4E ngã 3 nhà ông Sìn)	2,70
13	Các tuyến đường khác còn lại	1,20

31. XÃ Y TÝ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường tỉnh lộ 158	
1.1	Dọc tuyến đường 158 từ ngã ba xuống UBND xã A Lù cũ đi A Mú Sung (hết địa phận xã Y Tý)	1,00
1.2	Dọc tuyến 158 Từ ngã ba xuống UBND xã A Lù cũ đến giáp địa phận xã Ngải Thầu cũ	1,00
1.3	Đường 158 đi Y Tý (đoạn từ địa phận xã Ngải Thầu cũ (giáp xã A Lù cũ) đến giáp Y Tý cũ)	1,00
1.4	Đoạn từ ranh giới quy hoạch chi tiết trung tâm cụm xã đã được phê duyệt đến hết địa giới hành chính xã Y Tý cũ hướng đi xã A Lù cũ	1,00
1.5	Tuyến D1 (Theo Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Y Tý): Toàn bộ ranh giới quy hoạch chi tiết trung tâm xã Y Tý được duyệt	1,00
1.6	Đoạn từ ranh giới quy hoạch chi tiết trung tâm cụm xã đã được duyệt đến ngã ba giao với đường đất đi vào thôn Mò Phú Chải	1,00
1.7	Từ ngã ba giao với đường đất vào thôn Mò Phú Chải đến hết địa giới hành chính xã Y Tý hướng đi xã Dền Sáng	1,00
2	Đường trung tâm xã A Lù cũ	
2.1	Từ ngã ba giao với đường 158 dọc tuyến đường tới hết ranh giới quy hoạch trung tâm xã A Lù cũ	1,00
3	Tuyến D2	
3.1	Từ ngã 3 (khu tái định cư Ngải Trồ) đi qua khu vực công chợ Y Tý đến ngã 3 dài tường niệm	1,00
4	Tuyến D5	
4.1	Đường nối giữa đường D1 và D2 theo quy hoạch chi tiết trung tâm xã Y Tý (tuyến đường công đồn biên phòng xã Y Tý)	1,00
5	Tuyến D4	
5.1	Đoạn từ đầu đường D4 tiếp giáp với đường D2 (Ngã 3 chợ Y Tý) đến hết ranh giới Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Y Tý	1,00
6	Đường đi thôn Choản Thèn	
6.1	Từ điểm tiếp giáp ranh giới Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Y Tý đến đầu thôn Choản Thèn (điểm cống qua đường)	1,00
6.2	Từ ngã ba Choản Thèn đến cuối thôn Sín Chải (đường trục thôn đi Hồng Ngải)	1,00
7	Đường trục đi 06 thôn Ngải Thầu cũ	
7.1	Dọc đường trục đi 06 thôn Ngải Thầu cũ (Phìn Chải 1, Phìn Chải 2, Chín Chu Lìn, Ngải Thầu thượng, Ngải Thầu hạ, Cán Cầu)	1,00
8	Đường trục thôn Phan Cán Sứ	
8.1	Từ ngã ba giao với Đường Phìn Hồ đi Trịnh Tường đến hết thôn Phan Cán Sứ (tiếp giáp thôn Ngải Thầu Thượng)	1,00
9	Đường Phìn Hồ đi Trịnh Tường	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
9.1	Đoạn từ Ngã 3 thôn Mò Chú Phải (Ngã 3 giao nhau giữa đường đi Phìn Hồ và đi xã Trịnh Tường với đường tỉnh lộ 158) đến Nhà văn hoá thôn Phìn Hồ	1,00
9.2	Từ nhà Văn hoá thôn Phìn Hồ đến hết địa giới hành chính xã Y Tý hướng đi xã Trịnh Tường	1,00
10	Đường trục thôn Trung Chải	
10.1	Từ ngã ba giao với Đường Phìn Hồ đi Trịnh Tường đến ngã ba đường đi Ngải Thầu Thượng	1,00
11	Các tuyến đường khác còn lại	
11.1	Các tuyến đường khác còn lại (Xã A Lù cũ)	1,05
11.2	Các tuyến đường khác còn lại (Xã Ý Tý cũ)	1,05

32. XÃ BẢN LẦU

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4D	
1.1	Từ dốc U thái đến ngã ba rẽ Cửa chủ	1,00
1.2	Từ ngã ba đi Cửa chủ đến hết đất nhà ông Cường	1,00
1.3	Từ nhà ông Cường (Chợ Chậu) đến đỉnh dốc Km 28	2,00
1.4	Từ đỉnh dốc km 28 đến hết đất trụ sở UBND xã Lùng Vai cũ	1,50
1.5	Đoạn tiếp theo đến chợ Lùng Vai	2,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết mỏ nước cạn	1,80
1.7	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Bản Lầu cũ (Km 163)	2,00
1.8	Từ đường rẽ đi nhà ông Phiên đến nghĩa trang	1,30
1.9	Đoạn tiếp theo đến cầu trắng	1,20
1.10	Đoạn tiếp theo đến phòng khám đa khoa khu vực Bản Lầu +50m	1,30
1.11	Đoạn tiếp theo đến cổng trường cấp 3 (nhà bà Thảo)	1,30
1.12	Đoạn tiếp theo đến đến đường rẽ Na Pao dưới (đi Lùng Tao)	1,30
1.13	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Na Mạ (Đến hết đất nhà Kiên Liên)	1,40
1.14	Từ ngã ba Cốc Chứ + 300m đường đi Bản Xen	1,00
1.15	Từ ngã ba Cốc Chứ +300m đường đi Bản Xen đến ngã tư đi xã Bản Xen nhà ông Bình Cốc Chứ	1,00
1.16	Đoạn còn lại không thuộc đất ở nông thôn khu vực I của các thôn Km 15, Trung Tâm, Bò Quý, Na Pao, Km15, Na Lin và Cốc Chứ	1,00
2	Đường xã	
2.1	Phía sau phòng khám Đa khoa theo trục đường mới mở đến ngã ba rẽ đi thôn Bò Quý + 100m	1,00
2.2	Từ Đại đội cơ động đến cổng Công ty Minh Trí (Mốc 107)	1,00
2.3	Từ cổng Công ty Minh Trí đến nhà Tổ công tác Bộ đội Biên phòng	1,00
2.4	Từ tổ công tác bộ đội Biên phòng Na Lốc 4 đến hết cầu Cốc Phương	1,00
2.5	Từ ngã 3 Na Lốc 3 đến giáp đất nhà ông Sùng Lý (nhà cán bộ Y tế thôn bản)	1,00
2.6	Từ hết đất nhà ông Trường đến đất nhà ông Hường	1,00
2.7	Từ đất nhà ông Hường đến hết đất nhà ông Nghị Hà	1,00
2.8	Từ hết đất nhà ông Nghị Hà đến hết đất nhà ông Thuấn Minh	1,00
2.9	Từ địa giới xã Bản Lầu - Bản Xen đến hết đất nhà ông Trường	1,00
2.10	Từ hết đất nhà ông Thuấn Minh đến cầu tràn Na Vai	1,00
2.11	Từ đường rẽ nhà ông Hùng Phương vào 30m đến hết đất trạm y tế xã	1,00
2.12	Từ đường rẽ nhà ông Vũ Trọng Hưng vào 30m đến nhà ông Sài Bức	1,00
2.13	Từ hết đất nhà ông Sài Bức đến Bản Làn	1,00
2.14	Đường từ cầu Tràn (Na Vai A) đến giáp xã Hải Phong	1,00
2.14	Đường từ sau UBND xã đến đường rẽ vào nhà ông Lục Văn Quang	1,00
2.15	Đoạn trước cửa UBND xã	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
2.16	Từ ngã 3 cửa nhà văn hóa thôn Phẳng Tao đến địa giới hành chính xã Bản Sen - Lũng Vai, giáp thôn Tảo Giàng xã Lũng Vai	1,00
2.17	Từ đất nhà Luyện Xuân đến hết đất nhà ông Thung Bền	1,00
2.18	Từ cổng nhà máy chè đến hết đất nhà ông Hùng Nga	1,00
3	Đường Thôn	
3.1	Từ ngã ba Na Mạ đi Na Lốc (hết đất nhà bà Nhâm)	1,00
3.2	Từ hết đất nhà ông Thung bền đến hết đất nhà ông Sấn	1,00
3.3	Từ sau nhà ông Trần Bình đến hết đất nhà ông Dư Làn	1,00
3.4	Từ hết đất nhà ông Hùng Nga đến đập tràn giáp thôn Bò Lũng	1,00
3.5	Từ hết đất nhà ông Phan đến hết đất nhà ông Sín	1,00
3.6	Từ hết đất nhà ông Sín đến hết đất nhà ông Hùng (giáp Bản Xen)	1,00
3.7	Từ hết đất nhà ông Bằng đến hết đất nhà ông Cui (ngã ba Tảo Giàng - Bò Lũng)	1,00
3.8	Từ đập tràn mỏ đá Bản Làn đến hết đất Lũng Vai (Đi Phẳng Tao)	1,00
3.9	Từ nhà ông Tân đến hết đất nhà ông Dương	1,00
3.10	Từ cổng thoát nước giáp đất ở ông Cường đến hết khu đất đấu giá chợ Lũng Vai (đường đi Bản Làn)	1,10
3.11	Từ hết đất nhà ông Thiệu đến hết đất nhà ông Lìn	1,00
3.12	Từ đất nhà ông Truyền Liên (đi thôn Tà San) đến hết đất nhà ông Minh Mây	1,00
3.13	Từ cách đường đi Bản Xen 85m (thôn Cốc Chứ) đến thôn Cốc Chứ	1,00
3.14	Từ cách đường Quốc lộ 4D 85m (thôn Cốc Chứ) đến thôn Lũng Cầu	1,00
3.15	Từ ngã ba cầu trắng Bản Lầu + 100m đến thôn Na Nhung	1,00
3.16	Từ cầu Na Lin (sau phòng khám đa khoa) đến hết đất nhà ông Trai	1,00
3.17	Từ sau nhà ông Thắng Hoa (cách QL4D 100m) đến hết đất bà Vân Phùng	1,00
3.18	Từ sau nhà ông Lý (cách QL4D 100m) đến hết khu dân cư thôn Na Mạ 1	1,00
3.19	Từ ngã ba thôn Na Lốc 4 đi qua thôn Na Lốc 1, Na Lốc 2 đến ngã ba thôn Na Lốc 3	1,00
3.20	Đường từ ngã ba đồi khoai đến giáp thôn Tảo Giàng (Lũng Vai)	1,00
3.21	Đường từ thôn Na Vai đến thôn Thịnh Ổi	1,00
3.22	Đường từ trạm y tế xã đến ngã ba mỏ đá	1,00
3.23	Từ xưởng gạch Lục Văn Dầu thôn bản Sen đến ngã ba nhà ông Ma Sen	1,00
3.24	Từ ngã ba hết đất nhà ông Thắng Béo (Na Vai) đến Hồ Na Ri	1,00
3.25	Từ cầu bà Dư đến nhà ông Lý A Dền giáp ngã ba đường	1,00
3.26	Từ hết đất nhà ông Hường (trừ vị trí 1) đến điểm thu mua chè	1,00
3.27	Phần còn lại không thuộc đất ở nông thôn khu vực I của các thôn Lũng Vai 1, Lũng Vai 2, Chợ Chậu, Giáp Cư	1,00
3.28	Từ hết đất nhà ông Minh Mây đến hết thôn Tà San	1,00
3.29	Phần còn lại của thôn Na Hạ 2, Cốc Cãi, Bò Lũng, Tảo Giàng 1, 2	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
4	Đường Bản Lầu đi Bản Xen	
4.1	Từ cầu Na Pao đến giáp đất Trạm vận hành điện lực	1,00
4.2	Từ đất Trạm vận hành điện lực đến phía sau phòng khám đa khoa theo trục đường mới mở	1,00
5	Đường mới mở	
5.1	Từ hết đất nhà ông Tân Hậu đi sau chợ Lùng Vai đến hết khu đất đầu giá chợ Lùng Vai (<i>đường đi Bản Làn</i>)	1,50
5.2	Từ giáp khu đầu giá chợ Lùng Vai đến cầu đập tràn (mỏ đá Bản Làn)	2,00
6	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

33. XÃ CAO SƠN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 154	
1.1	Từ ngã ba trạm bơm nước trực đường vào UBND xã đến ngã ba đài tưởng niệm	1,00
1.2	Từ đất của công ty Phương Bắc đến hết đất nhà ông Sùng Diu	1,00
1.3	Từ đất của công ty Phương Bắc hết đất nhà ông Lù Chấn Thắng (thôn Ngải Phóng Chồ)	1,00
1.4	Từ hết đất nhà ông Lù Chấn Thắng đến hết đất nhà ông Thào Di	1,00
1.5	Từ hết đất nhà ông Thào Di đến cổng tập thể giáo viên trường tiểu học	1,00
1.6	Từ cổng tập thể giáo viên trường tiểu học đến hết đất nhà ông Thào Chơ	1,00
1.7	Từ tỉnh lộ ĐT 154 đến ngã tư đi thôn Ngải Phóng Chồ (Đường vào chợ Cao Sơn)	1,00
1.8	Từ ĐT 154 đến đường vào chợ Cao Sơn	1,00
1.9	Trụ sở UBND xã Tả Thành cũ + 300m về phía Mường Khương và trụ sở UBND xã Tả Thành +200m về phía Bảo Nhai	1,00
1.10	Từ cách 100m hướng đi xã Nấm Lư qua trường cấp 2 xã Lùng Khẩu Nhìn đến nhà văn hóa thôn Sín Lùng Chải (cạnh nhà bà Lèng Thị Dương)	1,00
1.11	Từ nhà văn hóa thôn Sín Lùng Chải (cạnh nhà bà Lèng Thị Dương) đến cổng UBND xã	1,00
2	Đường xã	
2.1	Từ ngã ba đài tưởng niệm đến nhà ông Sùng Di	1,00
2.2	Từ nhà ông Sùng Di đến ngã 3 đường rẽ xuống Ma Cai Thành	1,00
2.3	Từ ngã ba đài tưởng niệm đến hết đất nhà ông Sùng Giờ	1,00
2.4	Từ cổng UBND xã đến thêm 150m qua trạm y tế xã Lùng Khẩu Nhìn	1,00
2.5	Từ TL 154 đến hết đất của trạm vận hành điện lực	1,00
3	Đường thôn	
3.1	Từ đường rẽ Lùng Khẩu Nhìn (ngã ba chợ) đến hết đất nhà ông Lù Chín Giỏi (thôn Lùng Khẩu Nhìn)	1,00
3.2	Từ ngã tư hướng xuống đập trần đến đất nhà ông Sùng Chín Chu	1,00
3.3	Từ ngã ba cầu qua cổng UBND xã Lùng Khẩu Nhìn (cũ) đến đường rẽ vào đường Sín Lùng Chải – Ma Ngán	1,00
3.4	Từ ngã tư thôn Lò Suối Tùng (hướng đi Ngải Phóng Chồ) đến cách ngã ba tỉnh lộ ĐT 154 đi Ngải Phóng Chồ (ngã ba Trường THPT số 3 Mường Khương) là 85m	1,00
3.5	Từ ngã ba thôn Lò Suối Tùng (cách tỉnh lộ ĐT 154 là 85m đi Sàng Lùng Chéng) đến hết đất nhà ông Vàng Thề (thôn Lò Suối Tùng)	1,00
3.6	Phần còn lại của các thôn Pa Cheo Phìn A, B; Ngải Phóng Chồ; Lò Suối Tùng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.7	Từ UBND xã Tả Thành cũ + 200m (tỉnh lộ ĐT 154) đến đỉnh dốc ba tầng	1,00
3.8	Từ đỉnh dốc ba tầng (tỉnh lộ ĐT 154) đến hết khu dân cư thôn Cán Cầu II	1,00
3.9	Từ cách tỉnh lộ ĐT 154 là 85m đến thôn Sú Dí Phìn	1,00
3.10	Phần còn lại của thôn Tả Thành, thôn Cán Cầu I, thôn Cán Cầu II	1,00
3.11	Từ nhà ông Sùng Giờ (thôn Bãi Bằng) đến thôn Tỉn Thành	1,00
3.12	Từ đường rẽ vào đường Sín Lùng Chải - Ma Ngán đến đường rẽ vào đường Ma Ngán - Chu Lìn Phố (tỉnh lộ ĐT 154)	1,00
3.13	Phần còn lại của thôn Sín Lùng Chải	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

34. XÃ MUỜNG KHƯƠNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc Lộ 4D	
1.1	Từ cổng chào thị trấn đến ngã ba Hải Quan	1,00
1.2	Từ ngã ba Hải quan đến đường rẽ đi thôn Nhân Giồng (chân núi cô Tiên)	1,00
1.3	Từ đường rẽ đi thôn Nhân Giồng (chân núi cô Tiên) đến cầu đường rẽ lên thôn Choán Ván	1,00
1.4	Vị trí 1 đường Mường Khương - Sín Tền đoạn từ ngã ba đi thôn Choán Ván đến hết thôn Lao Chải	1,00
1.5	Từ Đập tràn đến nhà ông Lèng Thìn Chín + 500m	1,00
1.6	Từ cầu Bản Khương đến trụ sở UBND xã Thanh Bình (cũ) + 300m	1,00
1.7	Từ đất nhà bà Tráng Minh Hoa đến hết đất nhà ông Lò Thế Dũy (khu vực chợ km15 thôn Sín Chải)	1,00
1.8	Từ nhà Giàng Vu Thàng đến hết đất nhà ông Giàng Pháng Dìn (thôn Lao Hàu)	1,00
1.9	Từ giao điểm QL4 và QL4D đến hết đất Nhà khách UBND xã	1,00
1.10	Từ hết đất Nhà khách UBND xã đến cầu đập tràn Tùng Lâu	1,00
1.11	Từ cầu đập tràn Tùng Lâu đến cầu Tùng Lâu (cầu vào chợ trung tâm xã)	1,00
1.12	Từ cầu Tùng Lâu (cầu vào chợ trung tâm xã) đến hết cây xăng Thắng Ngân	1,00
1.13	Từ cây xăng Thắng Ngân đến ngã 3 Hàm Rồng (Nối đường vành đai)	1,00
1.14	Từ giao đường đi lên thôn Di Thàng đến đỉnh dốc Hàm Rồng	1,00
1.15	Đường Mường Khương - Pha Long của các thôn Páo Tùng	1,00
1.16	Đường Mường Khương - Pha Long của các thôn Lũng Pâu, Làn Tiểu Hồ	1,00
2	Đường Tỉnh Lộ 154	
2.1	Từ điểm giao QL4 (cây xăng Thắng Ngân) đến cầu Na Đầy	1,00
2.2	Từ thôn Mã Tuyển đường rẽ đi Thác Tà Lâm đến cổng đồn Biên Phòng Nậm Chảy	1,00
2.3	Từ cổng đồn Biên Phòng Nậm Chảy đến ngã 3 đi thôn Nậm Chảy	1,00
2.4	Từ ngã ba đường rẽ vào thôn Nậm Chảy đến hết khu dân cư thôn Sấn Pản	1,00
2.5	Từ cách cột điện trung thế + 200m về phía Mường Khương đến chân dốc lò đốt rác của thôn Cốc Chứ	1,00
2.6	Từ nhà ông Lò Dìn Sĩ đến hết đất nhà ông Sùng Seo Nhà (đường U Thái - Lùng Khẩu Nhìn)	1,00
2.7	Từ trạm thu mua chè đường thi thôn Pín Cáo	1,00
3	Phố Mã Tuyển 1	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.1	Từ Quốc lộ 4D đến Quốc lộ 4 (đường gốc Vải nối QL4 đoạn tránh thị trấn)	1,00
4	Đường Giải phóng 11-11	
4.1	Từ Hải quan đến cầu Trắng (Phố cũ 1)	1,00
4.2	Từ cầu Trắng đến đường Thanh Niên	1,00
4.3	Từ đường rẽ vào trường THPT Mường Khương đến đường rẽ vào khu chợ cũ	1,00
4.4	Từ đường rẽ vào khu chợ cũ đến hết ngã tư Na Bủ Hàm Rông rẽ vào Na Đây (hết đất nhà Thu Tiềm)	1,00
4.5	Từ ngã tư Na Bủ Hàm Rông đến cầu Na Bủ (gần NVH Na Bủ Hàm Rông)	1,00
4.6	Từ cầu Na Bủ đến điểm giao lên thôn Dì Thàng	1,00
4.7	Từ ngõ rẽ số nhà 555 đến hết ngõ (TDP Na Bủ-Hàm Rông)	1,00
5	Phố Na Khui	
5.1	Từ nhà khách UB xã đến Quốc lộ 4	1,00
6	Phố Sao Đỏ	
6.1	Từ đường Giải Phóng 11-11 đến ngã ba đường Sảng Chải	1,00
6.2	Từ ngã ba Sảng Chải đến cầu thác Sảng Chải	1,00
6.3	Từ ngã ba Sảng Chải đến ngã tư nối đường Tả Chu Phùng (đoạn qua chân Đền Sảng Chải)	1,00
7	Phố Thanh Niên	
7.1	Từ đường Giải Phóng 11-11 đến trường THPT Mường Khương	1,00
7.2	Từ trường THPT số 1 Mường Khương đến trạm vật tư cũ (ngã tư đường Tùng Lâu)	1,00
8	Phố Tùng Lũng và Đường nhánh Tùng Lâu	
8.1	Hai bên đường từ ngã tư bệnh viện đa khoa huyện cũ đến hết đất trạm vật tư cũ	1,00
8.2	Từ trạm vật tư đến đất nhà ông Vương Tiến Sung	1,00
8.3	Từ đất nhà ông Vương Tiến Sung đến cầu Tùng Lâu	1,00
8.4	Từ QL 4 đến đất nhà ông Dương Dư	1,00
9	Phố Na Bủ	
9.1	Từ ngã ba chợ trung tâm xã (công nhà ông Vương Tiến Sung) đến ngã tư rẽ vào đường Giải phóng 11-11	1,10
9.2	Đoạn nối tiếp đường sau chợ đến cầu Hàm Rông (Phố Hàm Rông)	1,10
10	Đường bê tông TDP Mã Tuyển	
10.1	Từ điểm nối với đường Giải phóng (tiểu công viên) đến đường Góc Vải	1,00
11	Đường nội thị (Đường Sảng Chải)	
11.1	Từ cổng công viên (trước trụ sở UBND xã) đến đường lên thôn Tả Chu Phùng	1,00
11.2	Từ ngã tư bệnh viện đa khoa cũ đến ngã tư nối đường lên Tả Chu Phùng (ngã tư phía sau trụ sở ĐU xã)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
12	Đường nội thị theo trục đường mới mở	
12.1	Từ cầu thác Săng Chải đến quốc lộ 4D (Đoạn qua thôn Nhân Giồng)	1,00
12.2	Từ đường Giải Phóng 11-11 (giáp trường Tiểu học số 1 thị trấn) đến đường sau hồ Na Đầy	1,00
12.3	Từ Cầu Na Khui đến giáp đất sau trụ sở công an xã	1,00
12.4	Đường bờ hồ: từ sau trụ sở công an xã đến đường Giải Phóng 11-11	1,00
12.5	Từ nhà ông Dũng Lan đến sân vận động	1,00
12.6	Đường P5 khu hạ tầng Tùng Lâu - Na Đầy	1,00
12.7	Từ đầu cầu Tùng Lâu chạy sau trường THPT số 1 Mường Khương đến hồ Na Đầy	1,00
12.8	Tuyến T2, T3, T4, khu chợ trung tâm xã cũ	1,00
12.9	Khu bến xe, khu chợ trung tâm xã cũ	1,00
12.10	Từ đường tỉnh lộ ĐT 154 qua Trung tâm Chính trị, đến chân dốc Trung tâm Y tế	1,00
12.11	(Đường bê tông) Từ ngã tư giáp nhà ông Vương Tiến Sung đến giao với đoạn từ cầu đập tràn Tùng Lâu chạy sau trường PTTH số 1 Mường Khương đến hồ Na Đầy	1,00
13	Đường nội thị	
13.1	Từ ngã ba thứ nhất đường Thanh Niên (nhà Nga Cương) đến ngã ba xóm chợ vào trường THPT số 1	1,05
13.2	Đường nối từ đường Giải Phóng 11- 11 (giáp trụ sở kho bạc cũ) đến đường Săng Chải	1,05
13.3	Ngã ba đầu tiên đường rẽ lên UBND xã Mường Khương (ngõ sau phòng Tài Chính) đến hết đất nhà Dung Bình + nhánh nhà Dũng Duyên	1,05
13.4	Từ đường rẽ ra đường giải phóng 11- 11 (nhà ông Chung Dư) đến xí nghiệp nước	1,05
13.5	Đường nối từ QL4 (đầu cầu Tùng Lâu) đến giáp Bệnh viện đa khoa mới (Làng Tùng Lâu)	1,05
13.6	Từ nghĩa trang đi điểm dân cư Na Chảy đến QL 4	1,05
13.7	Từ đường Giải Phóng 11-11 đến hết đất nhà ông Duyên Lèng	1,05
13.8	Từ ngõ rẽ số nhà 253 đường Giải Phóng 11-11 đến hết đất nhà ông Đề Quân	1,05
13.9	Từ ngõ rẽ số nhà 363 đường Giải Phóng 11-11 (nhà ông Khôi) đến nhà Thu Tỷ (xóm mới)	1,05
13.10	Từ ngõ rẽ số nhà 345 đường Giải Phóng 11-11 đến hết nhà ông Lê Văn Hưng (thôn xóm mới)	1,05
13.11	Từ ngõ rẽ số nhà 373 đường Giải Phóng 11-11 đến hết nhà ông La Ngọc Sinh	1,05
13.12	Từ ngõ rẽ số nhà 383 đường Giải Phóng 11-11 (nhà ông Lù Chấn Pháng) đến hết nhà ông Lù A Sáu	1,05
13.13	Từ ngõ rẽ số nhà 401 đường Giải Phóng 11-11 (nhà Nhung Bình) đến nhà Thu Tỷ (xóm mới)	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
13.14	Từ ngõ rẽ số nhà 409 đến hết đất nhà bà Lục Thị Ngọc	1,05
13.15	Từ ngõ rẽ số nhà 423 (cửa hàng được) đến hết đất nhà ông Lù Văn Khay (Giá)	1,05
13.16	Đường nối từ cầu Trắng đến phố Na Khui	1,05
13.19	Đường từ trụ sở công an thị trấn (cũ) đến hết trường mầm non số 1 thị trấn	1,05
13.20	Từ ngõ rẽ số nhà 481 đường Giải Phóng 11-11 (ngõ nhà Giang Phấn) đến hết đất tiểu khu cũ	1,05
13.21	Từ ngõ rẽ số nhà 489 đường Giải Phóng 11-11 (ngõ nhà ông Đỗ Văn Phóng) đến hết khu chăn nuôi cũ	1,05
13.22	Từ ngã tư Na Bủ Hàm Rồng đến thủy lợi Thu Bò (đầu nguồn Na Bủ)	1,05
13.23	Từ đất nhà bà Chúc đến hết nhà ông Sang (gần cầu Na Bủ)	1,05
13.24	Từ đầu cầu Na Đầy đến ngã 3 Chính trị + 100m về phía đi xã Cao Sơn	1,05
13.25	Từ ngã 3 trung tâm chính trị +100m đến hết khu dân cư Na Đầy (đường đi xã Cao Sơn)	1,05
13.26	Khu dân cư Na Đầy (Na ản)	1,05
13.27	Thôn Nhân Gióng	1,05
13.28	Thôn Sả Hồ	1,05
13.29	Điểm dân cư Ngam A	1,05
13.30	Điểm dân cư Na Pủ Sáo thuộc thôn Na Khui	1,05
13.31	Từ cầu trắng đến Quốc lộ 4 (đoạn qua cầu Na Khui)	1,05
13.32	Đường T1, T2 hạ tầng khu đô thị bến xe mới	1,05
13.33	Đường P3 - Hạ tầng khu Tùng Lâu - Na Đầy	1,05
13.34	Đường P1 - Hạ tầng khu Tùng Lâu - Na Đầy	1,05
13.35	Đường P2, P6, P8 - Hạ tầng khu Tùng Lâu - Na Đầy	1,05
13.36	Đường P7 - Hạ tầng khu Tùng Lâu - Na Đầy	1,05
13.37	Đường N15 - Khu đô thị mới phía đông chợ trung tâm huyện Mường Khương	1,05
14	Đường liên thôn	
14.1	Từ QL4 qua trung tâm hướng nghiệp dạy nghề, KDC Tù Chá thôn Tả Chư Phùng đến ngã ba giao với đường lên bãi rác	1,00
14.2	Điểm dân cư C5 đến hết thôn Tả Chư Phùng (đường lên bãi rác)	1,00
14.3	đoạn từ QL4D đến trạm thu mua chè (đường đi thôn Sín Hồ)	1,00
15	Từ cầu vào thôn Sín Chải đến hết khu dân cư thôn Lao Chải - Nậm Chảy	1,00
16	Phần còn lại của các thôn Cốc Ngù, Lùng Phìn A	1,00
17	Từ tỉnh lộ ĐT 154+85m đến hết ngã ba Ngam Lâm	1,00
18	Từ tỉnh lộ ĐT 154+85m đến hết khu dân cư thôn Nậm Oọc	1,00
19	Phần còn lại của các thôn Lũng Phạc, Cốc Chứ, Pạc Ngam	1,00
20	Đường từ thôn Làn Tiểu Hồ đến hết thôn Cán Hồ	1,00
21	Phần còn lại của thôn Tả Chu Phùng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
22	Các thôn và điểm dân cư còn lại của xã Tung Chung Phố cũ	1,00
23	Đường từ hết đất ông Sùng Seo Nhà đến hết thôn Tá Thềm A	1,00
24	Đường từ thôn Pỉn Cáo đến hết thôn Nậm Rúp	1,00
25	Đường từ thôn Nậm Rúp đến thôn Văn Đẹt	1,00
26	Đường từ ngã ba thôn Lao Hâu + 85m đến thôn Thính Chéng	1,00
27	Đoạn từ cầu Bản Khương + 85m đến thôn Tá Thềm A	1,00
28	Đường từ ngã ba thôn Nậm Pẩn đến hết đất nhà ông Tráng Khấy Ly (đường Thanh Bình - Nậm Chảy)	1,00
29	Từ cổng Trường Tiểu học thôn Lùng Phìn đến cầu vào thôn Sín Chải - Nậm Chảy	1,00
30	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

35. XÃ PHA LONG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4D	
1.1	Từ giáp Thôn Máo Chóa Sủ đến ngã ba Lao Táo	1,00
1.2	Từ ngã ba Lao Táo đến cách chợ 200m về hướng đi Lao Ma Chải	1,00
1.3	Từ điểm cách chợ 200m về hướng đi Lao Ma Chải đến ngã ba đi cửa khẩu Lò Cỏ Chìn	1,64
1.4	Từ ngã ba Pha Long 1 qua UBND xã mới xã Pha Long đến đường rẽ đi thôn Sín Chải	1,00
1.5	Từ đường rẽ đi thôn Sín Chải đến giáp thôn Dìn Chìn	1,00
1.6	Từ Ngã ba rẽ Chợ Tả Gia Khâu theo đường Quốc lộ 4 đi xã Si Ma Cai + 200m	1,00
1.7	Từ đầu cầu thôn Na Măng đến ngã ba rẽ thôn Thái Giàng Sán +300m	1,00
1.8	Từ ngã ba rẽ thôn Thái Giàng Sán đến hết khu dân cư thôn Lao Tô Chải	1,00
1.9	Từ đường rẽ lên Cổng trường mầm non Tả Ngải Chồ đến Bưu điện văn hoá xã Tả Ngải Chồ cũ	1,00
1.10	Từ hết đất bưu điện văn hóa Tả Ngải Chồ đến ngã ba Lò Suối Tùng	1,00
1.11	Từ ngã ba rẽ Lò Suối Tùng đến hết khu dân cư thôn Máo Chóa Sủ	1,00
1.12	Từ đường rẽ cổng trường mầm non Tả Ngải Chồ đến hết khu dân cư thôn Hoàng Phì Chải (đường từ xã Pha Long về xã Mường Khương)	1,00
1.13	Từ cổng trường mầm non Xà Khái Tùng đến nhà ông Vàng Chấn Sài	1,00
1.14	Từ khu dân cư Dìn Chìn đến hết khu dân cư thôn Ngải Thầu	1,00
1.15	Từ nhà ông Vàng Seo Hòa đến hết nhà ông Lù Dìn Đường (thôn Lùng Sán Chồ)	1,00
1.16	Từ hết thôn Ngải Thầu đến nhà ông Vàng Seo Hà (thôn Lùng Sán chồ)	1,00
2	Đường liên thôn	
2.1	Từ ngã ba thôn Pha Long 1 đi thôn Tả Lùng Thắng đến cửa khẩu Lò Cỏ Chìn	1,00
2.2	Từ ngã ba đi cửa khẩu Lò Cỏ Chìn đến ngã ba đi thôn Tả Lùng Thắng	1,00
2.3	Từ ngã ba đi cửa khẩu Lò Cỏ Chìn qua Trường THCS Pha Long đến khu vực bể nước tập trung thôn Pha Long 2	1,00
2.4	Từ ngã ba đi Si Ma Cai rẽ đi qua chợ Tả Gia Khâu đến ngã ba vào khu tái định cư Pạc Tà	1,00
2.5	Từ ngã ba vào khu tái định cư Pạc Tà đến hết nhà ông Goàng Sào Phủ (thôn Pạc Tà)	1,00
2.6	Từ ngã ba vào khu tái định cư Pạc Tà đến hết nhà ông Ly Chín Pao	1,00
2.7	Từ ngã ba trước nhà ông Hoàng Sảo Chấn theo đường lên thôn Tả Gia Khâu +100m	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
2.8	Từ ngã ba đối diện UBND xã Tả Ngải Chồ (cũ) đến ngã ba đường rẽ đi mốc 153	1,00
2.9	Từ Quốc lộ 4 đường rẽ lên UBND xã Dìn Chín đến cổng trụ sở UBND xã Dìn Chín cũ	1,00
2.10	Từ ngã ba (nhà ông Vàng Văn Sinh thôn Lò Sủ Thàng) đến hết nhà ông Ma Seo Hảng (thôn Cốc Cáng)	1,00
2.11	Từ cầu Na Cỏ ranh giới giữa xã Mường Khương đi xã Pha Long đến nhà ông Ma Seo Hảng thôn Cốc Cáng	1,00
2.12	Từ cách ngã ba Lao Táo 40m đi thôn Lò Suối Tùng và điểm dân cư Suối Thầu	1,00
2.13	Từ cách Quốc lộ 4 đi Hà Giang 85m (đường đi Sín Chải) đến thôn Sả Chải	1,00
2.14	Phần còn lại của điểm dân cư Lao Táo (thôn Pha Long 2 cũ), Nì Si 1+4	1,00
2.15	Các thôn và điểm dân cư còn lại Pha Long cũ	1,00
2.16	Từ hết đất nhà ông Goảng Chừ Dìn đến hết khu dân cư thôn Pạc Tà	1,00
2.17	Từ cách ngã ba trước nhà ông Hoàng Sảo Chấn + 100m đi UBND xã Tả Gia Khâu cũ đến hết khu dân cư thôn Tả Gia Khâu	1,00
2.18	Từ giáp ranh xã Mường Khương đến hết khu dân cư thôn Xà Khái Tùng (Quốc lộ 4)	1,00
2.19	Từ cách đường QL 4 40m (sau nhà ông Ly Seo Lìn) đến hết khu dân cư thôn Thàng Chư Pén	1,00
2.20	Từ đường rẽ mốc 153 đến Bản Phố	1,00
2.21	Phần còn lại của các thôn Tả Lủ, Máo Choá Sủ, vị trí 2 từ mốc km 15 đến bưu điện văn hoá xã	1,00
2.22	Phần còn lại của thôn Lùng Sán Chồ, Ngải Thầu 1, Dìn Chín 1	1,00
2.23	Từ cách đường Quốc lộ 4 85m cổng trường mầm non Dìn Chín đến điểm dân cư Sán Páy	1,00
2.24	Từ cổng UBND xã Dìn Chín cũ đến hết thôn Sín Chải	1,00
2.25	Các thôn và điểm dân cư còn lại Dìn Chín, Tả Ngải Chồ, Tả Gia Khâu cũ	1,00
2.26	Từ ngã ba thôn Pạc Tà nhà ông Ma Seo Cấn đến thôn Cùng Lũng	1,00

36. XÃ SI MA CAI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Tráng A Pao	
1.1	Đoạn từ hợp khối Tài chính đến ngã ba số nhà 164	1,00
1.2	Đoạn từ ngã ba số nhà 164 đến ngã tư Rừng cấm	1,00
1.3	Đoạn từ ngã ba số nhà 166 đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thu	1,00
2	Đường Đình Bộ Lĩnh	
2.1	Đoạn từ ngã ba đi thôn Seo Khai Hoá đến hết Nghĩa trang liệt sỹ	1,00
2.2	Đoạn từ giáp Nghĩa trang liệt sỹ đến ngã ba Trường nội trú	1,00
2.3	Đoạn từ ngã ba Trường Nội trú đến ngã ba Đồn Biên phòng cũ	1,00
2.4	Đoạn từ ngã ba Đồn Biên phòng cũ đến hết số nhà 452	1,00
2.5	Đoạn từ khe nước giáp số nhà 452 đến giáp số nhà 556	1,00
2.6	Đoạn từ số nhà 556 đến ngã ba Phố Thầu	1,00
2.7	Đoạn từ ngã ba Phố Thầu đến hết cây xăng thôn Phố Cũ	1,00
2.8	Đoạn từ đất Trường mầm non số 1, xã Si Ma Cai đến hết nhà thi đấu	1,00
2.9	Đoạn từ giáp nhà thi đấu đến hết đường Đình Bộ Lĩnh (giáp ngã 3 đi thôn đội 2)	1,00
3	Đường vào đất thuộc khu tập kết K2 cũ	1,00
4	Đường 19/5	
4.1	Đoạn từ ngã ba chợ đến hết số nhà 059	1,00
4.2	Đoạn từ giáp đất số nhà 059 đến hết số nhà 129	1,00
4.3	Đoạn từ giáp đất số nhà 129 đến hết đất số nhà 137	1,00
4.4	Đoạn từ giáp đất số nhà 137 đến khe nước giữa trường THCS xã Ma Cai và THPT số 1 Si Ma Cai	1,00
4.5	Đoạn từ khe nước giữa trường THCS xã Si Ma Cai và THPT số 1 Si Ma Cai đến ngã tư Kiểm lâm	1,00
4.6	Đoạn từ nút giao thông ngã tư Kiểm lâm đến ngã ba giao Phố Giàng Chấn Mìn (sau GDTX)	1,00
5	Phố Giàng Chấn Mìn	
5.1	Đoạn từ ngã ba Thống kê cơ sở đến ngã ba hợp khối Tài chính cũ	1,00
5.2	Đoạn từ ngã ba hợp khối Tài chính cũ đến giáp đất số nhà 044	1,00
5.3	Đoạn từ số nhà 044 đến ngã ba số nhà 164	1,00
6	Đường nhánh 2	
6.1	Đoạn từ ngã ba sau UBND xã đến ngã ba Đảng ủy giao đường Cư Hòa Vần	1,00
7	Phố Giàng Chấn Hùng	
7.1	Đoạn từ ngã ba Tòa án giao Cư Hòa Vần đến ngã tư Nhà máy nước	1,00
7.2	Đoạn từ ngã tư Nhà máy nước đến ngã ba cây xăng	1,00
8	Đường nhánh 5	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
8.1	Đoạn từ nhà văn hóa thôn Phố Cũ đến ngã ba giao đường 19/5 (Chi cục thuế cũ)	1,00
9	Đường Cư Hòa Vãn	
9.1	Đoạn từ ngã tư rừng Cẩm đến ngã ba giao với Phố Hoàng Thu Phố (khối Văn hoá cũ) Đoạn từ ngã ba giao với Phố Hoàng Thu Phố đến ngã ba sau phòng Giáo dục cũ	1,00
9.2	Đoạn từ ngã ba giao với Phố Hoàng Thu Phố đến ngã ba sau phòng Giáo dục cũ	1,00
10	Đường nhánh 7	
10.1	Đất hai bên đường nhánh 7	1,00
11	Phố Thầu	
11.1	Đoạn từ ngã ba Phố Thầu đến hết số nhà 026	1,00
11.2	Đoạn từ giáp đất số nhà 026 đến hết số nhà giáp số nhà 077	1,00
11.3	Đoạn từ số nhà 077 đến hết Phố Thầu	1,00
12	Các đường ngõ thuộc Phố Thầu	
12.1	Các ngõ còn lại thuộc đoạn đường từ tiếp giáp số nhà 040 Phố Phố Thầu đến hết thôn Phố Thầu	1,00
13	Phố Cũ	
13.1	Đoạn từ ngã ba số nhà 002 đến ngã ba giao phố Giàng Chẩn Hùng (sau Trạm nước)	1,00
14	Đường Ngô Quyền	
14.1	Đoạn từ ngã ba đồn Biên phòng cũ đến Trạm y tế	1,00
15	Đường Giàng Lao Pà	
15.1	Đoạn từ ngã ba giao cắt với Quốc lộ 4 tại cổng UBND thị trấn cũ đến hết trường Nội trú	1,00
16	Các tuyến đường nhánh trong khu quy hoạch 16 ha	
16.1	Đường từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Thu đến hết đất nhà ông Tư Chúc	1,00
16.2	Đường D4 (Đất hai bên đường từ Ngã ba sau quán Cối Xay Gió đến đầu phố Giàng Chẩn Mìn, sau Thống kê cơ sở	1,00
16.3	Đường T1 (Từ ngã ba giao với đường Tráng A Pao đến ngã ba giao với đường T2)	1,00
16.4	Đường T2 (Từ ngã ba giao với Phố Giàng Chẩn Mìn (sau GDTX) đến ngã ba giao với Phố Hoàng Thu Phố)	1,00
17	Phố Hoàng Thu Phố	
17.1	Đoạn từ ngã ba phòng Giáo dục đến ngã ba khối văn hóa	1,00
18	Đường C5	
18.1	Đoạn từ ngã ba Huyện đội và hợp khối Kinh tế và Hạ tầng đến số nhà 005)	1,00
19	Đường D18	
19.1	Nối từ trục chính trái đoạn cửa nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (Cửa hàng xe máy) đến trục chính phải	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
20	Đường D23	
20.1	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào thôn Sín Hồ Sán đến hết địa phận của thôn Phố Mới (hết đất nhà ông Cư Seo Páo)	1,00
21	Đường nhánh thuộc đường D1 kéo dài	
21.1	Đoạn từ ngã ba nhà ông Hoàng Xuân Quảng đến hết đất nhà ông Giàng Seo Páo	1,00
22	Đường D1	
22.1	Đường D1 kéo dài đoạn từ Đất hai bên đường từ đất nhà ông Đào Ngọc Hùng đến hết địa phận nội thị Si Ma Cai cũ	1,00
23	Đường D5	
23.1	Đoạn từ ngã ba nhà bà Nguyễn Thị Thanh đến hết nhà ông Sùng Seo Sáng	1,00
24.1	Đường ngõ từ nhà bà Đặng Thị Tiếp đến hết nhà ông Ngải Seo Dừng	1,00
25	Đường sắp xếp dân cư Phố Thầu - Phố Mới	
25.1	Đoạn từ nút giao với đường D4 sau Chi cục thống kê đến nút giao với đường Cư Hòa Vần sau Hạt kiểm lâm	1,00
26	Quốc lộ 4D (ngoài đường Đình Bộ Lĩnh)	
26.1	Đoạn từ ngã ba đi thôn Seo Khai Hoá đến ngã ba đi trường Tiểu học số 1 Sán Chải	1,00
26.2	Đoạn từ ngã ba đi trường Tiểu học số 1 Sán Chải đến hết đất nhà ông Ly Seo Dơ (Dơ Đơ)	1,00
26.3	Đoạn từ nhà ông Ly Seo Dơ đến ngã ba vào UBND xã Cán Cấu cũ	1,00
26.4	Đoạn từ UBND xã Cán Cấu cũ đến ngã ba đường rẽ đi Cốc Phà	1,00
26.5	Đoạn từ ngã ba đường rẽ đi thôn Cốc Phà đến ngã ba đường rẽ đi thôn Lệnh Sui Thàng	1,00
26.6	Đoạn tiếp theo đến cổng trường Tiểu học thôn Cán Chư Sừ	1,00
26.7	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ đi xã Lùng Phình	1,00
26.8	Đoạn từ ngã ba đường đi rẽ đi xã Lùng Phình đến hết địa phận xã Si Ma Cai	1,00
26.9	Đoạn từ cầu Hóa Chư Phùng (nằm ở ngã ba đi Sín Chéng, Si Ma Cai, Bản Mế) đến ngã ba đường rẽ vào thôn Đội 2	1,00
27	Tỉnh lộ 159	
27.1	Đoạn từ ngã ba (địa phận thôn Sín Hồ Sán) đến hết đất nhà ông Cư Seo Páo	1,00
27.2	Đoạn từ đất nhà ông Tráng Seo Giáo đến hết đất Trụ sở Công an	1,00
27.3	Đoạn từ ngã ba (rẽ vào thôn Hồ Sáo Chải) đến hết địa phận xã Quan Hồ Thần cũ	1,00
27.4	Các đoạn còn lại	1,00
28	Đường quy hoạch, đường trục chính, đường sắp xếp dân cư	
28.1	Các tuyến còn lại của các thôn thuộc Thị trấn Si Ma Cai cũ	1,00
28.2	Các khu vực còn lại trên địa bàn thị trấn Si Ma Cai cũ	1,00
28.3	Đoạn từ UBND xã Cán Cấu cũ đến Trường Tiểu học Cán Cấu	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
28.4	Đoạn từ đường rẽ đi thôn Cốc Phà đến hết Trường Mầm non Cán Cầu	1,00
28.5	Đoạn từ ngã tư (phòng khám đa khoa khu vực Cán Cầu) đến ngã ba (nhà ông Sùng A Pùa) thôn Cán Chư Sừ	1,00
28.6	Đoạn từ QL4 (nhà ông Tráng A Sính) đến hết địa phận xã Cán Cầu cũ giáp xã Lũng Thần cũ	1,00
28.7	Đoạn từ ngã tư (ông Lý Văn Lý) đến ngã ba rẽ xuống Hồ Cạn	1,00
28.8	Các đoạn đường giao thông các thôn Đội 1, 2, Nàn Vái	1,00
28.9	Đoạn từ ngã ba giao với QL 4 đến UBND xã Nàn Sán cũ	1,00
28.10	Đoạn từ ngã ba đường đội 2 (nhà Di Văn Lâm) đến cầu La Hờ	1,00
28.11	Các đường giao thông từ địa phận giáp xã Sán Chải cũ đến UBND xã Quan Hồ Thần cũ	1,00
28.12	Đường từ điểm trường phân hiệu Mản Thần đi qua UBND xã Mản Thần cũ đến ngã ba cầu Hoá Chư Phùng (khu vực thuộc thôn Chu Liên Chải)	1,00
28.13	Đường từ địa phận giáp xã Sín Chéng đến ngã ba cầu Hoá Chư Phùng	1,00
28.14	Đường từ ngã ba cầu Hoá Chư Phùng đến hết địa phận xã Si Ma Cai (giáp xã Sín Chéng)	1,00
28.15	Các vị trí đất còn lại tại các khu vực không có trong quy hoạch điểm dân cư nông thôn	1,00

37. XÃ SÍN CHÉNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 4D	
1.1	Đường từ Cầu Hóa Chư Phùng đến cổng chào thôn Sín Chải	1,00
1.2	Đường từ cổng chào thôn Sín Chải đến hết đất nhà ông Hoàng Seo Dín	1,00
1.3	Đường từ cổng chào thôn Na Pá đến cầu sông chảy Pha Long	1,00
2	Đường trục chính	
2.1	Đường từ suối Giắt đến hết đất nhà ông Giàng Seo Vân (Cán bộ trung tâm y tế)	1,00
2.2	Đường từ hết đất nhà ông Giàng Seo Vân (Cán bộ trung tâm y tế) đến hết đất nhà ông Sùng A Giã (thợ mộc)	1,00
2.3	Đường từ hết đất nhà ông Sùng A Giã (thợ mộc) đến hết đất nhà ông Thào A Vân	1,00
2.4	Đường từ hết đất nhà ông Thào A Vân đến ngã ba đường rẽ vào Trụ sở Công an xã	1,00
2.5	Đường từ ranh giới hết đất thôn Ngải Phóng Chồ đến hết đất thôn Giàng Chá Chải	1,00
2.6	Đường giao thông tại trung tâm xã cũ (Thôn Nản Sín) kéo dài về mỗi bên 100	1,00
2.7	Đường từ ngã tư chợ đến Phòng khám đa khoa	1,00
2.8	Đường từ hết đất Phòng khám đa khoa đến hết trường Trung học cơ sở	1,00
2.9	Đường từ hết đất trường THCS Sín Chéng đến cột mốc địa giới hành chính 03 cũ (xã Sín Chéng, Thào Chư Phìn, Bản Mề)	1,00
2.10	Đường từ ngã tư chợ đến hết trường Mầm non số 2	1,00
2.11	Đường từ quán bán phở của ông Nùng Văn Sinh đi vào hết đất nhà ở của ông Lò Xuân Chồ (đường vào nhà văn hóa thôn Mào Sao Chải)	1,00
2.12	Đường từ nhà Trình Tường đất ông Thào A Páo đi vào đến hết đất nhà ở ông Vàng A Mê thôn Mào Sao Chải	1,00
2	Đường thôn, xóm	
2.1	Đường từ địa phận giáp thôn Say San Phìn, xã Si Ma Cai đến hết đất thôn Ngải Phóng Chồ giáp ranh thôn Giàng Chá Chải	1,00
2.2	Đường từ UBND xã cũ đến ngã 3 (Nhà Ma Seo Tú)	1,00
2.3	Đường từ cổng khe UBND xã Thào Chu Phìn cũ đến cổng khe Bản Sín	1,00
2.4	Đường từ QL4D (Bán trú THCS) đến hết đất nhà ông Lý Cồ Sơn	1,00
2.5	Đường từ cổng chào thôn Sín Chải đi qua NVH thôn Sín Chải đến ngã ba (nhà ông Thèn Văn Hương)	1,00
2.6	Đường từ ranh giới hết đất thôn Bản Kha đến giáp thôn Phìn Chư III	1,00
2.7	Đường từ ranh giới hết đất thôn Bản Kha đến giáp thôn Phìn Chư	1,00
3.	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

38. XÃ CHIỀNG KEN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 151B	
1.1	Từ đầu cầu Chiềng Ken đến giáp đất ông Nguyễn Quốc Dương (Thôn Ken 2) 25m so với mặt đường	1,00
1.2	Từ giáp đất ông Nguyễn Quốc Dương (Thôn Ken 2) 25m so với mặt đường đến hết đất ông Ao ông Hoàng Trần (Thôn Ken 1) 25m so với mặt đường	1,00
1.3	Từ hết đất ông Ao ông Hoàng Trần (Thôn Ken 1) 30m so với mặt đường đến đất ông Nguyễn Văn Hưng (Thôn Ken 3)	1,00
1.4	Từ đất ông Nguyễn Văn Hưng (Thôn Ken 3) đến nhà bà Thơm (Thôn Khe Cóc) 30m so với mặt đường	1,00
1.5	Từ nhà bà Thơm (Thôn Khe Cóc) đến hết đất rừng cấm (Thôn Khe Cóc) 30m so với mặt đường	1,00
1.6	Từ hết đất rừng cấm (Thôn Khe Cóc) đến hết đất thôn (Khe Păn) 30m so với mặt đường	1,00
2	Dọc theo đường Chiềng Ken - Liêm Phú	
2.1	Dọc theo đường Chiềng Ken - Liêm Phú: Từ ngã ba Đền Ken đến giáp xã Khánh Yên	1,00
3	Các tuyến đường khác còn lại (Thôn Chiềng 1+2, Chiềng 3, Ken 1, Ken 2)	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại (Thôn Ken 3, Đồng Vệ, Hát Tình, Tầng Pậu, thôn Thi, thôn Phúng, thôn Bể 1, 2, 3, 4; Vàng Mầu; Khe Nà, Khe Tào, Khe Cóc, Khe Vai, Phường Cong, Khe Păn)	1,00

39. XÃ DƯƠNG QUỲ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường QL 279 (từ hành lang ATGT đến 30m về hai bên đường)	
1.1	Từ đất giáp đất ông Lê Trung Nghiệp đến hết đất ông Lý Văn Nguyên (Hướng đi Dương Quỳ - Văn Bàn)	1,00
1.2	Từ hết đất ông Lại Thế Hoàn đến giáp cầu sắt Dương Quỳ (Hướng đi xã Nậm Chày)	1,00
1.3	Từ giáp đất ông Lê Trung Nghiệp đến Cầu Nậm Miện (Hướng đi Dương Quỳ - Minh Lương)	1,00
1.4	Từ giáp đất ông Chu Văn Tài đến hết đất ông Triệu Văn Hiến (Hướng đi Dương Quỳ - Minh Lương)	1,00
1.5	Các đoạn còn lại dọc theo QL 279	1,00
2	Quốc lộ 279 (tuyến tránh) (từ hành lang ATGT đến 30m về hai bên đường)	
2.1	Từ giáp đất ông Lý Văn Nguyên đến hết đất ông Lê Trung Nghiệp (giao với QL 279 cũ)	1,00
3	Tuyến đường T1	
3.1	Từ giao với tuyến đường T8 đến giao với tuyến đường T9	1,00
4	Tuyến đường T4	
4.1	Từ giao với tuyến đường T8 đến giao với tuyến đường T9	1,00
5	Tuyến đường T9	
5.1	Từ giao với QL 279 đến giao với tuyến đường T4	1,00
6	Các thôn Tông Pháy, thôn Tông Hốc, thôn Trung Tâm	1,00
7	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

40. XÃ KHÁNH YÊN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 151B (từ mét số 01 đến mét số 30)	
1.1	Từ giáp đất xã Văn Bàn (cầu suối nước nóng) đến hết đất ở nhà bà Công Thị Thật	1,00
1.2	Từ giáp đất nhà bà Công Thị Thật đến hết đất ở nhà ông Trần Văn Huyền	1,00
1.3	Từ giáp đất nhà ông Trần Văn Huyền đến hết đất nhà ông Trần Văn Tiễn (thôn Pắc Xung)	1,00
1.4	Từ giáp đất ông Trần Văn Tiễn đến Ngầm Suối Dao (đường cũ)	1,00
1.5	Từ ngầm suối Dao đến giáp đất trạm y tế xã Khánh Yên (đường cũ)	1,00
1.6	Từ nhà bà Tươi đến ngã 3 đi Chiềng Ken	1,00
1.7	Từ cách ngã ba đi Chiềng Ken 20m đến hết đất trường cấp 3	1,00
1.8	Từ giáp đất trường cấp 3 đến hết đất nhà ông Thanh Dinh	1,00
1.9	Từ giáp đất nhà ông Thanh Dinh đến đầu cầu Chiềng Ken	1,00
2	Huyện lộ 51	
2.1	Từ ngã ba đi Chiềng Ken đến hết đất ở nhà Miên Thảo	1,00
2.2	Từ giáp đất ở nhà Miên Thảo đến cổng chào Liêm Phú	1,00
3	Đường HL 51 (từ mét số 01 đến mét số 30)	
3.1	Từ cổng chào xã Liêm Phú đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khải (thôn Ổ)	1,00
3.2	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Khải (thôn Ổ) đến ngầm suối Nhù thôn Đồng Qua	1,00
3.3	Từ đầu ngầm tràn thôn Ổ đến nhà máy nước Chiềng Ken	1,00
3.4	Từ ngầm suối Nhù thôn Đồng Qua đến nhà máy 3 thủy điện Phú Mậu	1,00
4	Đường Khánh Yên Hạ - Nậm Tha (từ mét số 01 đến mét số 20)	
4.1	Từ đối diện trạm y tế xã (từ hết đất nhà bà Trang) đến giáp đường TL 151B (đất nhà ông Nga Phi)	1,00
4.2	Từ giao với đường D7 đến giao với đường KH7	1,00
4.3	Từ giao với đường KH5 đến giao với đường KH7	1,00
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

41. XÃ MINH LƯƠNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường QL 279	
1.1	Từ cầu Nậm Mu đến ngã 4 Minh Chiềng - Minh Thượng (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
1.2	Từ ngã 4 Minh Chiềng - Minh Thượng đến hết trường Tiểu học xã Minh Lương (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
1.3	Từ trường tiểu học Minh Lương đến ngã 3 trụ sở UBND cũ (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
1.4	Từ ngã 3 trụ sở UBND cũ đến ngã 3 đi bản Dốc Lượn (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
1.5	Từ ngã 3 đi bản Dốc Lượn đến qua khe Huổi Vàng 60m (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
2	Quốc lộ 279 đoạn mở mới (tuyến tránh)	
2.1	Điểm từ Km 44+250 đến Km 45+750 từ ngã 3 Minh Hạ đến ngã 3 Minh Thượng (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
3	Tuyến đường vào Nậm Xây	
3.1	Đoạn từ QL 279 đến ngã Nậm Xây Luông (từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,10
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

42. XÃ NẬM CHÀY

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tính từ hành lang đường vào bên trong 20m chiều sâu, từ nhà ông Vàng A Lê đến hết đất nhà ông Vàng A Tòng thuộc thôn Hòm Dưới	1,00
2	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

43. XÃ NẬM XẾ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đọc theo Quốc lộ 279, Từ cầu Nậm Mu đến nhà ông Bàn Xuân Nhĩ (Từ hành lang ATGT vào dưới 40m)	1,00
2	Từ nhà ông Triệu Trung Thanh đến cầu Tu Hạ	1,00
3	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

44. XÃ VĂN BÀN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 279	
1.1	Từ giáp đất xã Bảo Hà đến giáp nhà ông Hoàng Thơ Tài	1,00
1.2	Từ nhà ông Hoàng Tài Thơ đến giáp nhà ông Nguyễn Bá Hán	1,00
1.3	Từ nhà ông Nguyễn Bá Hán đến cây xăng Quý Xa	1,00
1.4	Từ cây xăng Quý Xa đến giáp ngã ba Quý Xa (cây xăng Khánh Dương)	1,00
1.5	Từ ngã ba Quý Xa (cây xăng Khánh Dương) đến đường vào mỏ đá Thái Bảo	1,00
1.6	Từ đường vào mỏ đá Thái Bảo đến giáp Nhà Văn hóa Thôn Nà Trang	1,00
1.7	Từ hết đất Nhà văn hóa Thôn Nà Trang đến cầu Ba Cô	1,00
1.8	Từ cầu Ba Cô đến ngõ 80, đường Quang Trung	1,00
1.9	Từ SN 82, đường Quang Trung đến hết SN 301, đường Quang Trung (giao với đường Lê Quý Đôn)	1,00
1.10	Từ SN 303, đường Quang Trung đến giáp đất nhà Sự Mỹ	1,00
1.11	Từ nhà Sự Mỹ đến hết Công an xã	1,00
1.12	Từ Công an xã đến suối Cạn (cổng qua đường)	1,00
1.13	Từ suối Cạn đến hết đất UBND xã Làng Giàng cũ	1,00
1.14	Từ giáp đất UBND xã Làng Giàng cũ đến chân dốc đá (ngã 3 lối rẽ vào thôn Lập Thành)	1,00
1.15	Từ Ngã 3 Lập Thành đến cây xăng Hoà Mạc (dọc QL 279)	1,00
1.16	Dọc QL 279 từ cây xăng Hòa Mạc đến hết đất nhà bà Lương Thị Lam	1,00
1.17	Từ giáp đất nhà bà Lương Thị Lam đến giáp xã Dương Quý	1,00
2	Đường TL 162	
2.1	Từ giao với đường QL279 đến giáp xã Võ Lao	1,00
3	Tỉnh lộ 151	
3.1	Từ giáp xã Võ Lao đến giáp đường 279	1,00
4	Tỉnh lộ 151B	
4.1	Từ giáp xã Võ Lao đến giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Liên	1,00
4.2	Từ nhà ông Nguyễn Văn Liên đến đường 279	1,00
4.3	Từ ngã ba đường vào thôn Nà Lộc 1 đến giáp đường vào khu Tiểu thủ Công nghiệp	1,00
4.4	Từ đất đường vào khu Tiểu thủ Công nghiệp đến hết đất cửa hàng nội thất (Tứ Hiền)	1,00
4.5	Từ đất cửa hàng nội thất Tứ Hiền đến giáp xã Khánh Yên	1,00
5	Đường Nà Trang	
5.1	Từ giáp SN 191 (nhà Thanh Tho) đến giao với đường QL279	1,00
6	Đường Nà Kho	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
6.1	Từ cách đường Quang Trung 20m (vị trí đất nhà ông Lộc) đến hết nhà ông Bắc	1,00
7	Đường Khánh Yên	
7.1	Từ SN 01, đường Khánh Yên đến cầu Nậm Lếch	1,00
7.2	Từ cầu Nậm Lếch đến ngã Ba đường rẽ vào thôn Nà Lộc 1	1,00
7.3	Ngõ nhà Văn Hóa thôn 11 (điểm đầu từ giao với đường Khánh Yên đến giáp nhà ông Chinh Hòa)	1,00
8	Đường Bản Coóc	
8.1	Từ bến xe cũ đến hết SN 60, đường Bản Coóc	1,00
8.2	Từ hết SN 60 đến cầu Coóc	1,00
8.3	Từ cầu Coóc đến hết SN 228 (ông Nguyễn Hoàng Thìn)	1,00
8.4	Nhánh từ cầu Coóc đến nhà Văn hóa	1,00
8.5	Nhánh từ nhà Văn hóa đến nhà ông Mẫn (đường Bản Coóc)	1,00
9	Đường Gia Lan	
9.1	Từ cách đường Trần Phú 20m đến hết đất ông Nguyễn Quang Nhật	1,00
9.2	Từ giáp đất ông Nguyễn Quang Nhật đến hết đất thị trấn Khánh Yên (giáp xã Khánh Yên Thượng) cũ	1,00
9.3	Từ cách đường Trần Phú 20m đến cách đường Quang Trung 20m	1,00
10	Đường Trần Phú	
10.1	Từ SN 02, đường Trần Phú đến giao với đường Gia Lan	1,00
10.2	Từ đường Gia Lan đến hết SN 134, đường Trần Phú	1,00
11	Đường Minh Đăng	
11.1	Từ SN 01, đường Minh Đăng đến giao với đường Điện Biên (trường THCS Khánh Yên)	1,00
11.2	Từ SN 99 đường Điện Biên đến hết đất Trung Tâm dạy nghề huyện	1,00
11.3	Từ TTGTTX đến giáp cầu Nà Sầm	1,00
12	Tuyến 25	
12.1	Từ nhà bà Phượng đến nhà ông Bình	1,00
12.2	Từ cách đường Quang Trung 20 m đến đất nhà Đăng Thom	1,00
13	Đường tuyến 25B	
13.1	Khu vực tổ 9 sau đường Quang Trung và đường tuyến 25 (Cách đường tuyến 25 20m)	1,00
14	Phố Kim Đồng	
14.1	Từ đường Trần Phú đến đường Quang Trung	1,00
15	Phố Lý Tự Trọng	
15.1	Từ hết đất nhà Thuận Phượng đến hết đất nhà ông Việt Hồng	1,00
15.2	Từ điểm giao với tuyến đường Gia Lan đến giao với đường Lê Hồng Phong	1,00
16	Phố Võ Thị Sáu	
16.1	Từ đường Trần Phú đến đường Quang Trung	1,00
17	Phố Hoàng Liên	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
17.1	Từ nhà bà Vui Lân đến hết đất nhà Yến Năng	1,00
17.2	Tuyến 12: Nhánh nối đường Trần Phú với đường Hoàng Liên	1,00
18	Đường Điện Biên	
18.1	Từ nhà Bùi Trung Kiên đến nhà bà Hảo (đường Điện Biên kéo dài)	1,00
18.2	Từ giáp đất đội thi hành án đến hết đất nhà Bùi Trung Kiên	1,00
18.3	Từ giáp đất đội thi hành án dân sự đến giao với tuyến đường N7	1,00
19	Đường Nguyễn Thái Quang	
19.1	Từ SN 02 đến hết SN 136 (ông Hà Công Toản)	1,00
19.2	Từ ngã ba Thành Công (giáp đất nhà ông Hà Công Toản) đến hết đất nhà bà Chu Thị Sáng	1,00
19.3	Từ nhà bà Chu Thị Sáng đến giao đường 27/9	1,00
20	Phố Thanh Niên	
20.1	Từ SN 02 (ông Thùy), phố Thanh Niên đến hết SN 130 (ông Hoàng Đình Lan), phố Thanh Niên	1,00
20.2	Từ cách đường Quang Trung 20m đến cách đường Nguyễn Thái Quang 20m	1,00
21	Đường Lê Quý Đôn	
21.1	Từ đất nhà ông Ninh Tính đến đường Quang Trung (cách 20m)	1,00
21.2	Tuyến 6: Từ hết đất nhà ông Mìn Thoi đến đường Điện Biên	1,00
22	Đường 27/9	
22.1	Từ QL 279 đến giao với tuyến đường KY2 (theo quy hoạch) (sân vận động)	1,00
22.2	Từ sân vận động đến giao đường Nguyễn Thái Quang	1,00
23	Tuyến 39	
23.1	Từ giao với tuyến 37 (theo quy hoạch) đến hết tuyến 39	1,00
24	Đường Lê Hồng Phong	
24.1	Từ điểm giao với tuyến đường N3 đến giao với tuyến đường Quang Trung (Tuyến 25 cũ)	1,00
24.2	Từ điểm giao với tuyến đường Quang Trung đến giao với tuyến đường N12 (Tuyến 25 cũ, hết đất ông Bình Được)	1,00
24.3	Từ điểm giao với tuyến đường N12 (Tuyến 25 cũ, hết đất ông Bình Được đến điểm giao với tuyến đường N13	1,00
24.4	Từ điểm giao với tuyến đường N13 đến điểm giao với tuyến đường N17	1,00
25	Phố Nguyễn Du	
25.1	Từ điểm giao với tuyến đường D4 đến giao với đường Lê Hồng Phong	1,00
26	Tuyến đường KY11 (theo quy hoạch)	
26.1	Từ giáp đất trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện đến giao nhau với tuyến đường 27/9	1,00
27	Đường vào nhà văn hóa tổ dân phố 13 (ngõ 215, đường Khánh Yên)	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
27.1	Từ giao với đường Khánh Yên đến SN 12 (ông Nguyễn Minh Đức)	1,00
28	Phố Tổ Hữu	
28.1	Từ điểm giao với phố Nguyễn Du đến giao đường D4 - khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	1,00
29	Phố Chế Lan Viên	
29.1	Từ điểm giao với phố Tổ Hữu đến giao với đường Minh Đăng	1,00
30	Đường D4 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
30.1	Từ cách đường Quang Trung 20m đến giao phố Chế Lan Viên (N6)	1,00
30.2	Từ giao phố Chế Lan Viên (N6) đến giao phố Tổ Hữu (D5)	1,00
30.3	Từ giao phố Tổ Hữu (D5) đến giao đường Lê Hồng Phong (TC1)	1,00
31	Đường N4 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
31.1	Từ giao phố Chế Lan Viên (N6) đến giao đường N5	1,00
31.2	Từ ngã 3 Khuân viên cây xanh theo quy hoạch đến cách đường D4 20m	1,00
32	Đường N5 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
32.1	Từ phố Tổ Hữu (D5) đến giao với đường N4	1,00
33	Đường N3 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
33.1	Từ giao đường Lê Hồng Phong (TC1) đến giao với đường D3	1,00
34	Đường N2 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
34.1	Từ giao với đường D2 đến giao với đường D3	1,00
35	Đường D2 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
35.1	Từ giao với đường N2 đến giao với đường N3	1,00
36	Đường Y5- khu đô thị mới phía Bắc Khánh Yên	
36.1	Từ giao với QL 279 đến giao với đường KY2	1,00
37	Đường KY2- khu đô thị mới phía Bắc Khánh Yên	
37.1	Từ giao với Y5 đến giao với đường 27/9	1,00
38	Đường KY3- khu đô thị mới phía Bắc Khánh Yên	
38.1	Từ giao với KY2 đến giao với đường KY 11	1,00
39	Đường KY12- khu đô thị mới phía Bắc Khánh Yên	
39.1	Từ giao với Y5 đến giao với đường 27/9	1,00
	Khu vực 1	
40	Tuyến đường D11 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
40.1	Từ điểm giao với tuyến đường 25 đến km1+100 tách thành 03 đoạn:	
40.2	Từ điểm giao với tuyến đường 25 đến hết đất nhà văn Hóa thôn Yên Thành	1,00
40.3	Từ giáp đất nhà văn hóa thôn Yên Thành đến giáp đất đường vào thôn Bản Noong	1,00
40.4	Từ giáp đường vào thôn Bản Noong điểm giao với tuyến đường 25 đến giáp đất hộ ông Lý Văn Kính.	1,00
41	Tuyến đường N7 - Khu đô thị mới trung tâm xã Văn Bàn	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
41.1	Từ điểm giao với tuyến N3 đến giao với tuyến 7	1,00
42	Tuyến đường N4 - Khu đô thị mới trung tâm Khánh Yên	
42.1	Từ điểm giao với tuyến N3 đến giao với tuyến N1 theo quy hoạch	1,00
43	Tuyến đường N5 - Khu đô thị mới trung tâm Khánh Yên	
43.1	Từ điểm giao với tuyến N3 đến giao với tuyến N1 theo quy hoạch	1,00
44	Tuyến đường K1	
44.1	Từ điểm giao với tuyến đường Y3 đến giao với tuyến đường Y1 (khu TĐC nhà hợp khối các cơ quan xã Văn Bàn)	1,00
45	Tuyến đường K2 (giáp khu tập thể công nhân mỏ sắt Quý Xa)	
45.1	Từ điểm giao với tuyến đường Y3 đến giao với tuyến đường Y1 (khu TĐC nhà hợp khối các cơ quan xã Văn Bàn)	1,00
46	Đường Khuổi Bốc	
46.1	Từ công an xã đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Loan	1,05
47	Tuyến đường N2	
47.1	Từ điểm giao với tuyến đường N4 đến giao với tuyến đường N3 (thuộc khu tái định cư thôn Nà Bay)	1,00
48	Tuyến đường M11	
48.1	Từ điểm giao với tỉnh lộ 151B đến giao với tuyến đường M4	1,00
49	Tuyến đường M3	
49.1	Từ điểm giao với Quốc lộ 279 đến giao với tuyến đường M11	1,00
50	Các tuyến đường khác còn lại (thuộc thị trấn Khánh Yên cũ)	1,00
51	Khu vực 2	
51.1	Thôn Nà Lọc 1, Yên Thành, Trung Đoàn, Thái Hòa, Nà Lọc 2	1,00
51.2	Thôn Hô Phai, Nà Bay	1,00
51.3	Các tuyến đường khác còn lại (xã Hòa Mạc, xã Sơn Thủy, Xã Khánh Yên Thượng, xã Làng Giàng cũ)	1,00
52	Tuyến đường N4 (từ nút giao với đường Quốc lộ 279 đến điểm giao với tuyến đường N2)	1,00
53	Tuyến đường D9 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	1,00
54	Tuyến đường N13 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
54.1	Từ giao đường Lê Hồng Phong đến giao với tuyến đường N12	1,00
55	Tuyến đường N14 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
55.1	Từ giao đường Lê Hồng Phong đến giao với tuyến đường N12	1,00
56	Tuyến đường N15 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
56.1	Từ giao đường N13 đến giao đường N14	1,00
56.2	Từ giao đường N14 đến Công an xã Khánh Yên Thượng cũ	1,00
57	Tuyến đường D8 - Khu đô thị mới phía Nam Khánh Yên	
57.1	Từ giao đường N13 đến giao đường N14	1,00

45. XÃ VÕ LAO

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh lộ 151 (từ mét số 01 đến mét số 20)	
1.1	Từ ngầm Phú Hưng đến giáp đất ông Mai Văn Ba	1,00
1.2	Từ hết đất ông Mai Văn Ba đến cổng làng văn hóa thôn Bát 2	1,00
1.3	Từ cổng làng văn hóa thôn Bát 2 đến ngầm Nậm Mả	1,00
1.4	Từ Ngầm Nậm Mả đến chi nhánh NHNN&PTNT tại Võ Lao	1,00
1.5	Từ hết đất Chi nhánh NHNN&PTNT đến Trạm Kiểm lâm	1,00
1.6	Từ hết đất Trạm kiểm lâm đến ngầm suối Nậm Mu	1,00
1.7	Từ giáp ngầm suối Nậm Mu đến hết đất nhà ông Lợi	1,00
2	Tỉnh lộ 151B	
2.1	Từ Ngã Ba Vinh đến hết trường Mầm Non số 2 Võ Lao	1,00
2.2	Từ giáp trường Mầm non số 2 Võ Lao đến hết địa giới hành chính Võ Lao - Nậm Dạng	1,00
2.3	Từ TL 151B đến đầu cầu treo	1,00
2.4	Đoạn giáp TL 151 vào UBND cũ xã Võ Lao từ mét 21 đến mét thứ 40	1,00
2.5	Tuyến đường N7: Từ điểm giao với tỉnh lộ 151 đến giáp lâm viên thủy hoa xã Võ Lao	1,00
3	Đường TL 162 (Đường Quý Xa (Văn Bàn) - Tầng Loỏng (Bảo Thắng))	
3.1	Từ Km9+650 đến Km15+300	1,00
3.2	Từ Km8+560 đến Km9+650	1,00
3.3	Từ Km15+300 đến giáp đất Bảo Thắng	1,00
4	Đường N5	
4.1	Từ cách đường TL151 20m đến giao với tuyến N25	1,00
4.2	Từ giao với tuyến N25 đến giao tuyến N26	1,00
4.3	Từ giao tuyến N26 đến đường N1 (theo QH) (đến phai ông Vạn thôn Chiềng 4)	1,00
4.4	Từ đường N1 (đến phai ông Vạn thôn Chiềng 4) đến giao TL162	1,00
5	Tuyến đường N23	
5.1	Từ điểm giao với tuyến đường N7 (từ hộ ông Đoàn Văn Vũ) đến giao tuyến đường N25	1,00
5.2	Từ giao với Tuyến đường N25 đến giao tuyến đường N1	1,00
5.3	Từ giao với tuyến đường N1 đến giao với tuyến đường N7 (nhà văn hóa thôn Chiềng 4)	1,00
5.4	Tuyến đường N24: Từ giao với tuyến đường N23 đến giao với tuyến đường N5	1,00
5.5	Tuyến đường B7: Từ điểm giao với tỉnh lộ 151, đến giáp trụ sở UBND xã	1,00
6	Đoạn từ nhà ông Lợi đến địa giới Võ Lao - Sơn Thủy	1,15
7	Đường đi Thác Mẹt; đoạn từ giáp tỉnh lộ 151 đến nhà ông Hành	1,15
8	Các tuyến đường khác còn lại	1,15

46. XÃ KHÁNH HÒA

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Từ giáp đất xã Phúc Lợi đến đầu cầu Km 54	1,00
2	Đoạn tiếp theo đến đường vào Khe Nàng	1,00
3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Gia	1,00
4	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Vũ Đình Tân	1,00
5	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Tuyển	1,00
6	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ông Tiến	1,00
7	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Kha	1,00
8	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Thuỷ	1,00
9	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Diệu	1,00
10	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Mông Văn Lên	1,00
11	Đoạn tiếp theo đến cột mốc Km 63	1,00
12	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Ký	1,00
13	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Ký đến giáp cầu trắng (hết đất nhà ông Vương)	1,00
14	Đoạn tiếp theo đến hết ranh đất nhà ông Duy	1,00
15	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Đưng +100m ngược xã Phúc Khánh	1,00
16	Đoạn tiếp theo đến cầu km 75	1,00
17	Từ đầu cầu Tô Mậu đến hết đất nhà ông Sáng	1,00
18	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Ninh	1,00
19	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Kiện - bà Yên	1,00
20	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Bốn	1,00
21	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ông Đỗ Văn Dân	1,00
22	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Mác	1,00
23	Từ ngã 3 Khánh Hòa đường đi vào huyện 50 m đến hết đất nhà ông Mác	1,00
24	Cách ngã ba nhà Gấm Huy 100m đến giáp cổng qua đường nhà bà Oanh (đường đi làng Chạp)	1,00
26	Đường trung tâm xã Khánh Hoà	1,00
27	Ngã ba Làng Chạp (bản 2) dọc mỗi phía 200m	1,00
28	Đoạn tiếp theo đến suối Lâm Sinh	1,00
29	Đường từ Cầu Treo thôn 3 đến hết đất nhà ông Thư	1,00
30	Từ ngàm tràn thôn 9 đến hết đất nhà bà Thoát	1,00
31	Đoạn tiếp theo đến cổng trường Tiểu học Vừ A Dính - Thôn 13	1,00
32	Từ giáp đất nhà ông Nông Văn Định - bà Nguyễn Thị Hòe đến hết đất nhà ông Vũ Xuân Trường	1,00
34	Cách ngã tư Khánh Hòa 100 m (đường Khánh Hòa – Văn Yên) đến hết đất bà Vương Thị Vự	1,00
35	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

47. XÃ LÂM THƯỢNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Từ giáp đất xã Lục Yên đến hết trường Mầm non Sơn Ca	1,00
2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Lốp	1,00
3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Vinh	1,00
4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Tiểu	1,00
5	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Sinh	1,00
6	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hứa Văn Cao	1,00
7	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hồng	1,00
8	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Sát	1,00
9	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Bốn	1,00
10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh xã Lâm Thượng (giáp xã Võ Thượng - Tuyên Quang)	1,00
11	Đoạn từ nhà ông Hoàng Ngọc Thắng đến hết đất nhà ông Nguyễn Tiến Tàn	1,00
12	Đường từ nhà ông Cách đến nhà ông Nông Văn Chanh	1,00
13	Từ nhà ông Chanh đến ông Nguyễn Văn Sơn	1,00
14	Từ nhà ông Mai Văn Viên đến giáp đất nhà ông Triệu Hoàng Miên	1,00
15	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Cổ Văn Nguyên	1,00
16	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Hoàng Văn Gặp	1,00
17	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Hoàng Văn Giá	1,00
18	Từ nhà ông Giá đến nhà ông Thận	1,00
19	Từ nhà ông Thận đến nhà ông Hưởng	1,00
20	Từ nhà ông Hưởng đến hết đất nhà ông Thương	1,00
21	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chu	1,00
22	Đoạn tiếp theo đến đường đi xã Phúc Khánh	1,00
23	Đoạn giáp xã Tân Lĩnh đến ngã ba đường Lâm Thượng	1,00
24	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

48. XÃ LỤC YÊN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Nguyễn Tất Thành	
1.1	Từ giáp đất Tân Lĩnh đến hết đất nhà ông Vũ Văn Thắng	1,20
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Luật	1,20
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Khang	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà An	1,05
1.5	Đoạn tiếp theo đến Cổng qua đường cạnh nhà ông Lục	1,05
1.6	Đoạn tiếp theo qua ngã 3 đến hết đất nhà văn hóa thôn 6	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến giáp cổng cạnh nhà ông Tôn	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến giáp cửa hàng Vàng bạc Đá quý	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Uyên	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Ngỗi	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến đường vào trường nghề	1,00
1.12	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào nhà ông Đạt	1,00
1.13	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Nguyễn Văn Loan	1,10
2	Đường Võ Thị Sáu	1,00
3	Đường Phú Yên	1,00
4	Đường Nguyễn Thị Tuyết Mai	1,00
5	Đường Vũ Công Mật	
5.1	Từ giáp đất nhà bà Huế đến hết đất nhà ông Hiệu	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Bàng	1,00
5.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chương	1,00
5.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất Công ty Thái Thịnh	1,00
6	Đường Phạm Văn Đồng	
6.1	Từ đất nhà bà Minh, ông Chính đến hết đất nhà ông Hải	1,10
6.2	Từ đất nhà bà Khảm đến giáp đường Trần Phú	1,00
6.3	Đoạn từ ngã tư quán Hương Quê đến ngã tư đi đường Hoàng Hoa Thám	1,00
6.4	Đoạn tiếp theo đến đường Hoàng Văn Thụ	1,00
6.5	Đoạn tiếp theo đến thôn Tân Quang	1,10
6.6	Đoạn tiếp theo đến đường tỉnh lộ 170	1,10
7	Đường Nguyễn Hữu Minh	1,00
8	Đường Kim Đồng	
8.1	Từ nhà bà Phong đến giáp đất kho bạc Lục Yên cũ	1,00
8.2	Các vị trí còn lại sau UBND xã Lục Yên	
8.2.1	Đoạn từ nhà ông Tuấn Nguyệt đến giáp đất nhà bà Viện	1,00
8.2.2	Đoạn từ nhà ông Mạnh Chính đến đường Phạm Văn Đồng	1,00
8.2.3	Đoạn từ hết đất nhà ông Nhi đến hết đất nhà bà Năm	1,00
8.2.4	Đoạn từ hết đất nhà ông Kiên đến giáp đất nhà ông Thắng Sơn	1,00
9	Đường Bà Triệu	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
9.1	Từ giáp đất nhà ông Triều Nhận đến cổng qua đường cạnh nhà ông Phụng	1,00
9.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất bà Sim	1,00
10	Đường Bệnh viện - Mỏ đá thôn 10	
10.1	Từ hết đất nhà bà Vạn đến hết đất nhà bà Trần Thị Hoa	1,00
10.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Tập và nhà ông Cảnh	1,00
10.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Luận	1,00
11	Đường từ nhà ông Cường đi nhà ông Nội	1,00
12	Đường Trần Phú	
12.1	Từ đất nhà ông Tiến Bồng đến Cổng thoát nước	1,10
12.2	Từ đường Kim Đồng đến giáp đường Phạm Văn Đồng	1,00
12.3	Từ đất nhà bà Thủy đến hết đất nhà ông Sự và bà Viễn	1,00
12.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chinh	1,00
12.5	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường vào mỏ đá nước Ngập	1,00
12.6	Từ đất nhà ông Sơn đến giáp đất nhà ông Thịnh (Ngõ)	1,00
12.7	Từ đất nhà bà Nhanh đến giáp đất ông Quy (ngõ)	1,00
13	Đường vào trường Lê Hồng Phong (Từ hết đất nhà ông Cù Quý đến nhà bà Phương)	1,00
14	Đường Khau Lâu	
14.1	Từ giáp đất nhà ông Tiến Bồng đến đất nhà ông Bình	1,00
14.2	Đoạn tiếp theo đến hết nhà ông Khánh	1,00
14.4	Đoạn tiếp theo hết đất nhà bà Hồng vòng sau chợ đến đường lên trạm nước sạch	1,00
14.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đồng Xuân Dũng	1,10
14.6	Đoạn từ nhà ông Vi Tiến Dũng đến giáp đất nhà bà Phương Nguyên	1,00
14.7	Đường giáp đất nhà ông Liên đến giáp đất nhà bà Chiện	1,00
15	Đường Cầu Máng - Thôn 13	1,00
16	Đường Lý Tự Trọng	1,00
17	Đường nhà ông Lợi đi nhà ông Đạo (khu dân cư thôn 7 mới)	
17.1	Từ hết đất nhà ông Lợi đến hết đất nhà ông Minh	1,00
17.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đạo	1,00
18	Đường Hoàng Hoa Thám	
18.1	Từ hết đất nhà bà Uyên đến giáp đất ông Lương Tiến (Sau Thuế cơ sở 9)	1,00
18.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Tuyên	1,00
19	Đường Hoàng Văn Thụ	
19.1	Từ đất nhà ông Phạm Quang Tiến đến hết trường Hoàng Văn Thụ	1,00
19.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Kỷ và đến đường rẽ vào nhà Thờ	1,00
19.3	Đoạn tiếp theo đến TBA 0,4 KV	1,10
19.4	Đoạn tiếp theo đến hết nhà ông Nguyễn Văn Nguyên	1,10
20	Đường mới thôn 11 - Trong khu nhà Lý Đạt Lam	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
20.1	Đường cạnh trường tiểu học Trần Phú (từ đất ông Trần Quân Lực đến hết đất nhà Cường Loan)	1,00
21	Đường khu tái định cư thôn 12	1,10
22	Đường Nhánh III (Từ đường rẽ vào khu tái định cư đến giáp đất nhà bà Đỗ Thị Loan)	1,10
23	Đường Nội bộ khu đô thị mới thôn 7	1,00
24	Đường cụm công nghiệp	
24.1	Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Võ Thị Sáu	1,00
24.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Chung	1,00
24.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Nông Ngọc Quỳnh	1,00
24.4	Đoạn tiếp theo đến giáp đường Bệnh viện - Mỏ đá	1,00
24.5	Đoạn tiếp theo đến mỏ đá RK	1,00
25	Đường sau trường Hoàng văn Thụ	1,00
26	Đường từ đất nhà ông Thành đến hết đất nhà ông Khánh (giáp đất khu tái định cư)	1,10
27	Đường thôn 13	
27.1	Đoạn từ đất nhà ông Hòa đến giáp đất ông Nghiêm Quang Diễn	1,00
27.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Tổng	1,00
28	Đường khu dân cư thôn 12 (Dự án Chỉnh trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế trước đây)	1,00
29	Đường khu dân cư thôn 12 (Dự án Chỉnh trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế trước đây)	1,00
30	Đường khu dân cư thôn 12 (Dự án Chỉnh trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu C), thị trấn Yên Thế trước đây)	1,10
31	Đường Tránh thị trấn Yên Thế	
31.1	Đoạn từ ngã 3 đường vào mỏ đá nước Ngập đến hết đất thị trấn Yên Thế (cũ)	1,00
31.2	Đoạn tiếp theo đến tỉnh lộ 170	1,00
32	Đường Nội bộ khu đô thị TNR (thôn 2, 3, Làng Già)	1,00
33	Đường Tỉnh lộ 171	
33.1	Từ giáp đất thị trấn Yên Thế (Cũ) đến hết đất nhà ông Ngoạt (Tỉnh lộ 171)	1,10
33.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 (hết đất nhà ông Nam)	1,10
33.3	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Dân	1,00
33.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Nông Văn Lưu	1,10
33.5	Đoạn tiếp theo đến giáp đất tỉnh Tuyên Quang	1,00
34	Đường từ ngã ba Minh Xuân (tỉnh lộ 171) đến giáp xã Lâm Thượng	
34.1	Đoạn từ ngã 3 (nhà bà La Thị Bình) đến tiếp giáp đất nhà ông Hoàng Minh Quân	1,00
34.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Trần Như Tuấn	1,00
34.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Dân	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
34.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh xã Lâm Thượng	1,00
35	Đường Tỉnh lộ 170	
35.1	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Loan (thôn Cốc Há) đến cột mốc Km5 (Đường Yên Thế - Vĩnh Kiên)	1,00
35.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Lạnh	1,10
35.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Lục Yên (Đường Yên Thế - Vĩnh Kiên)	1,00
36	Các đoạn đường khác thuộc xã Liễu Đô cũ	
36.1	Đoạn từ ngã 3 cầu Hin đi xã Mường Lai	1,00
36.2	Từ ngã 3 nhà ông Từ Văn Tuấn đi xã Mường Lai	1,00
36.3	Đường đi Làng Lạnh (từ nhà ông Kiên đến Nhà văn hoá thôn Chính Quân)	1,00
36.4	Đoạn từ nhà ông Phúc (thôn Đồng Tâm) đến hết đất nhà ông Lâm (thôn Tiên Phong)	1,00
37	Các tuyến đường khác còn lại (Trên địa bàn TT Yên Thế cũ)	1,00
38	Các tuyến đường khác còn lại (Trên địa bàn các xã: Liễu Đô cũ, Yên Thắng cũ, Minh Xuân cũ)	1,10

49. XÃ MUỜNG LAI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đoạn đường từ giáp ranh xã Lục Yên đến hết địa phận thôn Pù Thạo	1,05
2	Đoạn từ giáp thôn Pù Thạo đến hết đất nhà ông Thành Quả (thôn Trang)	1,05
3	Đoạn từ nhà Thành Quả đến hết thôn Khau Nghiêm	1,05
4	Đoạn từ thôn Khau Nghiêm đến đường rẽ vào nhà văn hóa Nà Lại	1,05
5	Đoạn tiếp theo đến ngã ba bảng tin đường xuống trạm Y tế An Phú	1,05
6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Phúc	1,05
7	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Ngô Văn Sơn	1,05
8	Đoạn từ nhà ông Nghĩa đến hết nhà ông Lục	1,05
9	Đoạn tiếp theo đến hết cầu sắt	1,05
10	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Nhật	1,50
11	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Liêm	1,00
12	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chủ	1,05
13	Đoạn từ nhà ông Chủ đến nhà ông Nông Văn Vĩnh	1,50
14	Từ nhà ông Nông Văn Vĩnh đến Nhà ông Sỹ Dưỡng	1,10
15	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Tám Diện	1,10
16	Đoạn tiếp theo đến tiếp giáp đất xã Cẩm Nhân	1,10
17	Từ hết đất nhà ông Nông Đức Trình đến cầu Ngâm Bản Thu	1,50
18	Đoạn tiếp theo đến cột điện số 53	1,10
19	Từ ngàm Cốc Kè đến hết đất trường cấp 1 + 2	1,00
20	Từ hết đất trường cấp 1 đến cột điện số 23 Thôn 6	1,10
21	Từ ngã tư Khương Mười đến hết đất nhà ông Nông Đức Trình	1,00
22	Từ ngàm Cốc Kè đến bảng tin thôn 8	1,10
23	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà văn hóa thôn 9	1,10
24	Từ TL 170 đến THCS Vĩnh Lạc	1,10
25	Từ THCS Vĩnh Lạc đến nhà ông Thám (Thôn Đồng Thành)	1,10
26	Từ TL 170 đến nhà Nguyệt Hưng	1,10
27	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

50. XÃ PHÚC LỢI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đoạn từ giáp đất xã Khánh Hòa đến nhà ông Khổng Thế Tuyền	1,40
2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Nông Xuân Nghiêu	1,05
3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Khoản (vợ ông Nông Văn Chung)	1,10
4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Trần Thị Lập	1,10
5	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà bà La Thị Giàng	1,05
6	Đoạn tiếp theo đến giáp nhà ông Nguyễn Trọng Trì	1,05
7	Đoạn tiếp theo đến giáp nhà ông Lù Văn Độ	1,00
8	Đoạn tiếp theo đến hết nhà ông Triệu Văn Ngân	1,00
9	Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Thuồng	1,05
10	Từ cầu Ngòi Thuồng đến hết đất nhà ông Lý Hữu Đường	1,15
11	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thiều Hữu Trình	1,05
12	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Chính	1,00
13	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thiều Văn Sơn	1,38
14	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Lợi Hiền	1,00
15	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Đón	1,38
16	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà Triệu Thị Nghị	1,00
17	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Vũ Xuân Khái	1,00
18	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Toàn (Hậu)	1,00
19	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đoàn Văn Điệp	1,00
20	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Trương Văn Thách (ông Sài)	1,21
21	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thiều Văn Sỹ	1,11
22	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Trương Văn Phụng	1,33
23	Đoạn tiếp theo đến đầu Cầu Ngòi Thù	1,00
24	Đoạn tiếp theo đến đất cây xăng 38	1,00
25	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà Bùi Xuân Bảy (ông Khương)	1,00
26	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Bảo Ái	1,39
	<i>Tuyến đường liên thôn từ Quốc lộ 70 đi thôn Tu Trạng:</i>	
27	Đoạn từ ngàm đến hết đất ông Mô và đất quy hoạch đường vào thôn Bản Lầu	1,00
28	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Trịnh	1,04
29	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Quảng	1,56
30	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chính	1,00
31	Đường từ giáp đất nhà ông Lương Văn Tiềm đến hết đất Hoàng Đăng Thắng (đường đi thôn Sâm Dưới)	1,00
32	Đường từ đất Hoàng Đăng Thắng (đường đi thôn Sâm Dưới) đến hết đất nhà ông La Ngọc Cát	1,00
33	Đường từ đầu cầu đến hết đất nhà ông Lâm Bảo Tuyến (đường đi Khe Hùm)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
34	Đường từ đất nhà ông Lâm Bảo Tuyền (đường đi Khe Hùm) đến hết đất nhà ông Vi Văn Ban	1,00
35	Các tuyến đường khác còn lại	1,15

51. XÃ TÂN LĨNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Từ giáp đất thôn Sáo đến hết đất nhà ông Đào Ngọc Sinh	1,10
2	Từ giáp đất nhà ông Đào Văn Trung đến hết đất ông Lương Đức Diệu	1,10
3	Từ giáp đất nhà ông Hứa Bôn đến hết đất ông Nguyễn Hữu Tình	1,10
4	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Cư đến hết đất ông Nguyễn Văn Trục	1,20
5	Từ giáp đất nhà ông Đặng Văn Ôn đến giáp đất thôn Năn Kè	1,10
6	Từ Ngâm tràn xã Tân Lập đến hết đất nhà ông Bế Văn Mai	1,10
7	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Thăng (Bản Chang)	1,10
8	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Hoàng Văn Hòa	1,50
9	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Ngoạn	1,10
10	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Cương	1,10
11	Từ ngã ba nhà ông Quyết đến hết đất ông Phòng	1,10
12	Đoạn từ bến đò nhà ông Thịnh đến nhà ông Ngoạn	1,10
13	Từ cổng xã văn hóa đến hết đất nhà ông Phùng Văn Lý	1,10
14	Từ ngã 3 Tân Lĩnh, Khai Trung, Minh Chuẩn đến giáp thôn Giáp Càng	1,20
15	Từ đất nhà ông Tây đến hết đất nhà ông Dũng Sàn	1,10
16	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thông	1,50
17	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Hoa	1,10
18	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Lục Yên	1,10
19	Từ cầu Tô Mậu đến hết đất nhà ông Sang (Tỉnh lộ 171)	1,10
20	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hào	1,50
21	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hạ	1,50
22	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Lạp	1,50
23	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thục	1,30
24	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Tây	1,50
25	Đường Tân Lĩnh - Khai Trung (Cầu Tân Lĩnh đi ngã 3 đường rẽ đi Minh Chuẩn)	1,30
26	Từ ngã 3 Tân Lĩnh, Khai Trung, Minh Chuẩn đến giáp thôn Nà Mác	1,30
27	Từ giáp đất thôn 5 đến cổng gần nhà ông Do	1,10
28	Đoạn tiếp theo đến giáp cổng Đồng Kè	1,10
29	Từ cổng Đồng Kè đến hết đất nhà ông Lương Văn Về	1,10
30	Đoạn tiếp theo đến hết giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Huệ	1,00
31	Đoạn tiếp theo đến Trạm biến áp thôn 5	1,30
32	Đoạn từ đường tỉnh lộ 171 (ngã 3 Cường Mai) đến hết đất nhà ông kè	1,50
33	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

52. XÃ CHẾ TẠO

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Thôn Chế Tạo	
1.1	Từ đất nhà ông Giàng A Sào đến hết nhà ông Phạm Quang Huy	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Giàng Pàng Nù	1,00
1.3	Từ đất nhà ông Phạm Quang Huy đến hết đất Trường Mầm Non Chế Tạo	1,00
2	Thôn Tà Dôn (Trục đường từ Xã Mù Cang Chải đi Nả Háng)	1,00
3	Thôn Pú Vá (Đường Chính Pú Vá đi đến điểm trường khu 2)	1,00
4	Thôn Kẽ Cả (Trục đường chính từ điểm trường khu 2 đi Hua Đán)	1,00
5	Háng Tày (Trục đường chính từ điểm trường khu 2 đến điểm trường Háng Tày)	1,00
6	Các tuyến đường khác còn lại (Đường liên thôn còn lại)	
6.1	Các tuyến đường khác còn lại (<i>Thôn Chế Tạo</i>)	1,00
6.2	Các tuyến đường khác còn lại (<i>Thôn Tà Đông</i>)	1,00
6.3	Các tuyến đường khác còn lại (<i>Thôn Pú Vá</i>)	1,00
6.4	Các tuyến đường khác còn lại (<i>Thôn Kẽ Cả</i>)	1,00
6.5	Các tuyến đường khác còn lại (<i>Thôn Háng Tày</i>)	1,00
6.6	Các tuyến đường khác còn lại (<i>Thôn Nả Háng</i>)	1,00

53. XÃ KHAO MANG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Quốc lộ 32 (Từ Khao Mang đi tỉnh Lai Châu)	
1.1	Đoạn từ địa giới xã Mù Cang Chải đến đường rẽ lên Thôn Háng Cháng Lừ	1,05
1.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Khâu Mang 1	1,05
1.3	Đoạn tiếp theo đến cầu cứng vào xã Lao Chải	1,05
1.4	Đoạn tiếp theo đến Trạm biến áp thôn Thái (khu nhà ông Vàng Văn Cơi)	1,10
1.5	Đoạn tiếp theo đến suối Háng Dê Sâu	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Sùng A Ràng	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu cứng lên thôn Xéo Dì Hồ, xã Lao Chải	1,05
1.8	Đoạn tiếp theo đến cầu Hồ Bốn 1	1,05
1.9	Đoạn tiếp theo đến cầu Suối Kim 1	1,00
1.10	Đoạn từ cầu Suối Kim 2 đến nhà máy thủy điện Hồ Bốn	1,05
1.11	Đoạn tiếp theo đến cửa xả nước đập thủy điện Mường Kim	1,00
1.12	Đoạn tiếp theo đến ranh giới tỉnh Lai Châu	1,05
2	Các khu tái định cư trên địa bàn xã	1,05
3	Các đường trục thôn	1,05
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,05

54. XÃ LAO CHẢI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường chính của xã	
1.1	Đoạn từ đầu Cầu bê tông đi Quốc lộ 32 đến hết đất nhà ông Sùng A Khu (thôn Đào Xa)	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến nương Thủy lợi ông Thào A Chua (thôn Đào Xa)	1,00
2	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

55. XÃ MÙ CANG CHẢI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 32	
1.1	Từ đầu cầu Si Mơ đến giáp nhà ông Khang A Xà	1,00
1.2	Từ đoạn tiếp theo đến nhà ông Hồ Su Già	1,00
1.3	Từ đoạn tiếp theo đến cầu trắng (hạt 7)	1,00
1.4	Đoạn từ cầu trắng (hạt 7) đến hết đất nhà bà Hoài	1,00
1.5	Đoạn từ đất nhà xưởng ông Chinh đến hết Trường tiểu học (cung 11)	1,00
2	Đường Hoàng Liên	
2.1	Đoạn từ đất nhà ông Lữ đến hết đất của ông Cửa Dinh	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đức Tâm	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đỗ Viết Khoa (Cầu Tâm cũ)	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Cửa Đà	1,00
2.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Văn Hường	1,00
2.6	Đoạn từ đất nhà ông Dũng Liên đến hết đất nhà bà Hiền (ta luy âm)	1,00
2.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Kim Thủy (ta luy âm)	1,00
2.8	Đoạn từ lô 01 tờ bản đồ số 02-2024 đến hết đất nhà ông Thắng Dung (đầu cầu Nậm Mơ)	1,00
2.9	Đoạn tiếp theo đến hết đất Trạm Viễn thông	1,23
2.10	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Dương Ngọc	1,00
2.11	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thiên Dương	1,63
2.12	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hóa Hằng	1,00
2.13	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Cảnh Tiệp	1,00
2.14	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Sùng Giang	1,00
2.15	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Lý Chinh	1,00
3	Đường Pàng Tớ Dày	
3.1	Đoạn từ ngã ba (nhà ông Lý A Lữ, thôn 1) đến ngã ba Nhà Văn hóa thôn 5	1,00
4	Đường Nậm Kim	
4.1	Đoạn từ đất nhà bà Dơn đến hết đất nhà ông Sanh	1,00
4.2	Đoạn từ đất nhà ông Sanh đến nhà Văn hóa Thôn 5	1,00
5	Đường Bản Thái	
5.1	Đường vành đai bản Thái từ đất nhà ông Sanh đến hết đất nhà ông Dơn	1,00
6	Đường La Phu Khơ	
6.1	Đoạn đường từ đầu cầu cứng La Pu Khơ đến đất nhà ông Đỗ Kiến Mạn (Hòa Thợ cũ)	1,00
7	Đường Kim Nội	
7.1	Đoạn từ Trường Mầm non Hoa Lan đến Bản Đào Xa	1,00
8	Đường Sơn Tra	
8.1	Đoạn từ đất nhà ông Thám Hoạt đến hết đất nhà ông Hải Là	1,00
8.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Trung Huê	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
9	Đường Nậm Mơ	
9.1	Từ nhà ông Quỳnh Hương đến hết đất nhà máy nước	1,00
10	Đường trục xã, đường nhánh và đường vành đai	
10.1	Đường từ nhà ông Hòa đến hết đất nhà bà Phương Giang	1,00
10.2	Đường từ nhà ông Thiên đến hết đất nhà ông Nhất Phụng	1,00
10.3	Đường nội bộ khu tái định cư tại Thôn 4, xã Mù Cang Chải	1,00
11	Khu trung tâm xã	1,00
12	Khu vực các điểm cụm dân cư tập trung xã Mù Cang Chải	1,50
13	Các khu vực khác dọc theo Quốc lộ 32 còn lại xã Mù Cang Chải	1,50
14	Các tuyến đường khác còn lại (Thuộc TT Mù Cang Chải cũ)	2,50
15	Các tuyến đường khác còn lại (Thuộc xã Mỗ Dề, xã Chế Cu Nha, xã Kim Nội cũ)	1,05

56. XÃ NẬM CỎ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đoạn từ cổng trào đến Trường PTCS Lý Tự Trọng	1,00
2	Đoạn tiếp theo từ Trường PTCS Lý Tự Trọng đến giáp nhà Phiên Thủy	1,00
3	Đoạn tiếp theo đến trạm điện lực Yên Bái	1,00
4	Đoạn từ Trạm thủy điện đến giáp cầu treo	1,00
5	Đoạn từ đất nhà ông Trang A Cửa đến hết đất nhà ông Vàng A Đồng	1,00
6	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Nậm Pắc	1,00
7	Đoạn từ trạm thủy điện đến hết đất nhà ông Trần Văn Dinh	1,00
8	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

57. XÃ PÚNG LUÔNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Quốc lộ 32 (xã La Pán Tẩn cũ)	
1.1	Đoạn xã Mù Cang Chải đến hết đất nhà ông Lý A Dì	1,20
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Lý A Sử	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Lý Cháng Cờ	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Giàng Cháng Giao	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Mùa A Hứ	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Giàng A Ninh	1,30
1.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Phan Thị Ninh	1,20
2	Quốc lộ 32 đi từ Mù Cang Chải đi Nghĩa Lộ	
2.1	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Thoa	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết cổng Ban quản lý rừng phòng hộ cũ	1,10
2.3	Đoạn từ đất nhà bà Thủy Dường đến hết đất nhà ông Dũng Yên	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông bà Ngà	1,00
2.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Tuấn Minh	1,00
2.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Chiêu Tuyết	1,00
2.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Bình Luyên (Đội 1)	1,00
3	Đường tỉnh lộ 175B	
3.1	Đoạn từ đất nhà bà Thanh Dinh đến đầu cầu Ngã Ba Kim	1,00
3.2	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Phénh	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Thào A Páo	1,10
3.4	Đoạn tiếp theo đến cây xăng Tỉnh Minh	1,00
4	Đường tỉnh lộ 175B đi Ngọc Chiến, tỉnh Sơn La	
4.1	Đoạn tiếp theo đến lô số 38 thuộc tờ bản đồ số 04-2021 quỹ đất Nậm Khắt	1,20
4.2	Đoạn tiếp theo đến hết nương nước thủy lợi Nậm Khắt	1,10
4.3	Đoạn tiếp theo từ đầu cầu xây bê tông đến hết đất ông Trần Văn Kiên	1,00
4.4	Đoạn từ đất nhà ông Thành Yên đến hết đất nhà ông Thào A Chua	1,30
4.5	Đoạn tiếp theo đến đất nhà ông Thào A Lâu	1,00
4.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Giàng A Chư	1,00
5	Các Đường nhánh	
5.1	Đoạn từ BQL rừng phòng hộ cũ đến (Đài truyền hình)	1,10
5.2	Đoạn đường lên Trường THCS-THPT Púng Luông	1,00
6	Đường lên xã La Pán Tẩn	
6.1	Đoạn từ đài truyền hình Púng Luông đến đầu cầu sắt	1,00
6.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Hạng A Chù	1,00
6.3	Đoạn từ đất bưu điện xã đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Vụ	1,00
7	Xã Dế Xu Phình cũ	
7.1	Đoạn từ cầu bê tông Dế Xu Phình đến nhà ông Chang A Tông	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
7.2	Đoạn từ đất nhà ông Hảng A Chông đến hết đất nhà ông Hảng Dua Đình	1,00
7.3	Đoạn từ nhà ông Chang A Tổng đến hết đất Trường TH&THCS Dế Xu Phình	1,00
8	Các tuyến đường khác còn lại	1,20

58. XÃ TÚ LỆ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường Quốc lộ 32	
1.1	Đoạn từ Km 261 + 200 Quốc lộ 32 đến đất nhà ông Dê	1,00
1.2	Đoạn tiếp đến hết đất trạm Tiểu khu I	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến Ngã ba rẽ vào bản Lìm Thái	1,00
1.4	Đoạn từ ngã ba đường rẽ vào bản Lìm Thái đến hết ranh giới đất nhà ông Lò Văn Chiêu	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết cầu trắng Huổi Sán	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hoàng Văn Hưng	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Hà Văn Đàm	1,00
1.8	Đoạn tiếp đến hết cống Huổi Lãng (đoạn qua khu trung tâm xã)	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào nghĩa trang Trung Quốc (đoạn qua khu vườn ươm)	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hà Văn Chiến	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Gia Hội	1,00
2	Đường liên xã đi vào xã Nậm Có	1,00
2.1	Từ trung tâm xã Tú Lệ đến giáp suối (Nậm Lùng)	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Khải (Bản Phạ)	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất xã Tú Lệ (giáp xã Nậm Có huyện Mù Cang Chải)	1,00
3	Đường liên thôn	
3.1	Đoạn từ đường rẽ QL32 vào thôn Nước Nóng đến hết ranh giới đất Ông Hoàng Văn Nẹ	1,00
3.2	Đoạn từ đường rẽ QL32 lên thôn Pom Ban đến ngã ba rẽ Khau Thán	1,00
4	Đường bản Lìm Thái	
4.1	Đoạn từ Ngã ba rẽ vào bản Lìm Thái đến hết đất nhà ông Rùa	1,00
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

59. XÃ HẠNH PHÚC

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đoạn từ cầu treo Sáng Pao đến cầu treo thôn Hát 2	1,00
2	Đoạn tiếp theo từ cầu treo thôn Hát 2 đến ngã ba nhà văn Hóa thôn Hát 2	1,00
3	Ngã ba nhà văn hóa thôn Hát 2 đến đầu cầu Vòm	1,00
4	Đoạn từ cầu Nậm Hát (Cầu Vòm) đến hết đất nhà ông Song	1,00
5	Đoạn từ nhà ông Song đến giáp ranh xã Trạm Tấu, tỉnh Lào Cai	1,00
6	Đoạn từ Ngã ba Trạm Y tế Hát Lừu đi chòm Cu Vai	1,00
7	Trục đường từ Cầu vòm - Cầu máng	
7.1	Đoạn từ Cầu vòm đến giáp đất nhà ông Hưng Viên	1,00
7.2	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Trạm Tấu (cầu cứng)	1,00
7.3	Đoạn tiếp theo đến giáp đất Đài viễn thông vinaphone	1,00
7.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất thông kê cơ sở Hạnh Phúc	1,00
7.5	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu ông Phật	1,00
7.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Quy	1,00
7.7	Đoạn tiếp theo đến cầu Máng	1,00
8	Đường Trạm Tấu - Bắc Yên	
8.1	Đoạn từ ngã ba cầu Trạm Tấu đến xóm trọ ông Khua	1,00
8.2	Từ ngã 3 đường Bắc Yên đến Trường tiểu học THCS Trạm Tấu	1,00
8.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường Trạm Tấu Bắc Yên nối TL174	1,00
8.4	Đoạn tiếp theo hết đất thị trấn cũ	1,00
9	Trục đường từ ngã ba Bệnh viện đến hết ngã tư Sân Vận động	1,00
9.1	Đoạn từ ngã tư Sân vận động đến khe nước nhà Thảo A Say	1,00
9.2	Đoạn tiếp theo từ khe nước nhà Thảo A Say đến cầu treo Búng Tàu	1,00
9.3	Đoạn từ ngã tư Sân vận động đến nhà Thảo A Chổng	1,00
9.4	Đoạn từ ngã tư Sân vận động đến hết đất trung tâm truyền thông và văn hóa Trạm Tấu	1,00
10	Trục đường từ Cổng xả lũ đến Trạm biến áp (Hết đất ông Su)	1,00
11	Trục đường từ cửa hàng Dược đến hết Suối con	1,00
12	Đường từ ngã ba Công an xã lên đường Trạm Tấu - Bắc Yên	1,00
13	Đoạn từ nhà bà Sinh đến cầu treo	1,00
14	Đường xuống khách sạn Haven Hill	1,00
15	Đường 05/10 (Từ chợ đến Ban Quản lý rừng phòng hộ)	
15.1	Đoạn từ ngã ba chợ đến giáp cầu cứng	1,00
15.2	Đoạn tiếp theo đến Ban quản lý rừng phòng hộ	1,00
16	Đoạn đường từ ngã ba đường 05/10 giáp giáp đất huyện đội (cũ)	1,00
17	Đường bê tông lên đồi thông eo gió (từ hết đất nhà ông bà Hiệu Nỗn đến giáp đất công viên đồi thông eo gió)	1,00
18	Đường bê tông giáp Nghĩa trang Liệt sỹ đi đồi thông Eo gió (từ đất nhà ông Đội đến hết đường bê tông đi đồi thông Eo gió)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
19	Đoạn từ nhà Thanh Tuyên đến đường nối Trạm Tàu Bắc Yên	1,00
20	Đường lên Homestay Đồi chè nối vào đường đi đồi thông Eo Gió	1,00
21	Đoạn đường từ Trạm Tàu - Bắc Yên phía sau Đẳng ủy lên sân bóng Cửa Láy	1,00
22	Đường nối từ đường Tỉnh 174 sang đường Trạm Tàu - Bắc Yên	1,00
23	Từ đường rẽ đi thôn Khấu Chu đến hết đất trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở Bản Công	1,00
24	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Tà Xùa	1,00
25	Đoạn đường Cầu Máng - Cầu treo Lừu II	
25.1	Từ cầu Máng đến khe Huổi La đường rẽ lên thôn Tà Chử	1,00
25.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 cầu Cứng Lừu 2	1,00
26	Đoạn tiếp theo đến cầu treo Lừu II	
26.1	Đoạn đường từ ngã ba chợ Hát Lừu đến Cầu cứng	1,00
26.2	Đoạn từ Cầu cứng (đường bê tông đi xã Bản Mù cũ) đến hết giáp ranh xã Phình Hồ	1,00
26.3	Đoạn từ Cầu cứng (ngã ba) đến hết đất ở nhà ông An	1,00
27	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

60. XÃ PHÌNH HỒ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường nối Quốc lộ 32 (TX Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 đoạn qua xã Phình Hồ	
1.1	Từ công ty đầu tư và phát triển du lịch HDC đến đường rẽ lên thao trường quân sự (xã Phình Hồ cũ)	1,00
1.2	Đoạn từ ngã ba đường bê tông lên thao trường quân sự xã đến bưu điện xã	1,00
1.3	Đoạn từ Đảng ủy xã Phình Hồ kéo dài 400m về hai phía	1,00
1.4	Đường từ cầu Tà Ghênh đến ngã ba rẽ lên trường Mầm non Bản Mù	1,00
1.5	Trụ sở chính công an xã Phình Hồ về 2 phía cách 300m	1,00
1.6	Trường TH&THCS Khẩu Ly về 2 phía cách 400m	1,00
2	Từ ngã 3 rẽ vào UBND xã đến nhà ông Trang Giảng Sinh	1,00
3	Trụ sở UBND xã đến nhà ông Hờ A Gia (đường rẽ đi sân chơi)	1,00
4	Trụ sở UBND xã (xã Phình Hồ mới) đi các hướng cách 300m	1,00
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

61. XÃ TÀ XI LÁNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tà Xi Láng	1,00

62. XÃ TRẠM TÁU

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Tỉnh 174	
1.1	Từ giáp đất phường Cầu Thia đến đường rẽ đi cầu Pá Hu sang thôn Tà Tàu	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Nậm Pé	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến thôn Mo Nhang + Km 21	1,00
1.4	Các đoạn đường còn lại	1,00
2	Từ Trụ sở Đảng ủy - MTTQVN và các đoàn thể về 2 phía cách 50m	1,00
3	Từ ngã ba thôn Tàng Ghênh đến giáp Trụ sở Trạm Y tế Pá Lau	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

63. XÃ HƯNG KHÁNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 37	
1.1	Đoạn từ giáp ranh xã Lương Thịnh đến Đình thác Thiễn (cầu sang thủy điện thôn Lương An)	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến nhà Hoàn Chi thôn Lương An	1,10
1.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba trạm kiểm lâm	1,20
1.4	Đoạn tiếp theo đến ngã ba trường THCS Hưng Khánh	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến ngã ba thôn Khe Cam đi Lương Thịnh	1,20
1.6	Đoạn tiếp theo đến cổng trại giam Hồng Ca	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến đường vào nghĩa trang thôn Tĩnh Hưng	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến điểm trường mầm non thôn Khe Năm	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Chấn Thịnh	1,00
2	Quốc lộ 37 đi Lương Thịnh	
2.1	Đoạn quốc lộ 37 đến công trình thoát nước Hưng Khánh - Lương Thịnh	1,20
2.2	Đoạn tiếp theo đến đường vào khu tái định cư núi Vì	1,20
2.3	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Lương Thịnh	1,20
3	Đường từ ngã ba trạm kiểm lâm đi thôn Khe Ron, xã Hưng Khánh	
3.1	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến ngõ nhà bà Lan	1,00
3.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Hồng Ca cũ	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến ngầm tràn thôn Trung Nam	1,00
3.4	Đoạn tiếp theo đến cổng nghĩa trang liệt sỹ Hồng Ca	1,10
3.5	Đoạn tiếp theo đến cổng nhà văn hóa thôn Khe Ron	1,20
4	Quốc lộ 37 đi Phương Đạo	
4.1	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến nhà ông Tấn thôn Khe Ngang	1,20
4.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Lương Thịnh	1,00
5	Từ ngã 3 CCN Hưng Khánh đi xóm 3 thôn Khe Ngang	1,20
6	Đường liên thôn từ Quốc lộ 37 đi xóm Đồng Danh thôn Tĩnh Hưng	1,00
7	Đường liên thôn từ Quốc lộ 37 đi trại KB thôn Tĩnh Hưng	1,00
8	Đường từ Quốc lộ 37 đi thôn Pá Thoọc	1,00
9	Quốc lộ 37 Ngã ba thôn Khe Cam, Hưng Khánh đến giáp ranh xã Lương Thịnh	1,00
10	Đường nhánh Hưng Khánh - Lương Thịnh đi khu dân cư mới núi Vì	1,00
11	Đường từ ngã 3 UBND xã Hồng Ca cũ đến cầu Thôn Trung Nam đi Đồng Đình	1,10
12	Đường từ cổng NTLS Hồng Ca đến cầu thôn Liên Hợp	1,30
13	Đường từ ngã 3 thôn Bản Cọ đến ngã 3 đi Thác Thùng thôn Hồng Hải	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
14	Đường từ ngã 3 Bản Chiềng đến nhà văn hóa thôn Bản Khun	1,00
15	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

64. XÃ LƯƠNG THỊNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 37	
1.1	Đoạn giáp ranh xã Âu Lâu đến hết ranh giới đất ở nhà ông Tuấn thôn Đồng Bằng	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Cửa Thiển	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà bà Lan thôn Lương Thiện	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Hưng Thịnh cũ	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến khu TĐC tại thôn Yên Định	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến Nhà văn hóa thôn Yên Định	1,00
1.7	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Tư theo đường QL 37 cũ đến hết ranh giới nhà ông Nguyễn Văn Khoa thôn Yên Định	1,00
1.8	Đoạn từ nhà văn hóa thôn Yên Định đến giáp xã Hưng Khánh	1,00
2	Quốc lộ 37 cũ	
2.1	Đường Quốc lộ 37 cũ tại thôn Lương Môn	1,00
2.2	Đường Quốc lộ 37 cũ tại thôn Lương Thiện	1,00
3	Đường Phương Đạo - Hồng Ca	
3.1	Đoạn đường từ Quốc lộ 37 đến Trạm Y Tế xã	1,00
3.2	Đoạn tiếp theo đến hết thôn Phương Đạo II	1,00
4	Đường đi thôn Chấn Hưng	1,00
5	Đường đi thôn Khe Bát	1,00
6	Đường thôn Khe Vải đi thôn Liên Thịnh	1,00
7	Đường từ Quốc lộ 37 đến giáp ranh xã Quy Mông	
7.1	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến cổng nhà máy quặng Hà Quang	1,00
7.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Quy Mông	1,00
8	Đường nội thôn Đồng Bằng 1+2	1,00
9	Đường đi thôn Đồng Hào, Lương Tầm, Khe Cá	1,00
10	Đường vào trung tâm xã Hưng Thịnh cũ	
10.1	Đoạn từ Quốc lộ 37 cũ đến cầu Suối Nội thôn Yên Thịnh	1,00
10.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Vũ Minh Tâm thôn Yên Ninh	1,00
10.3	Đoạn tiếp theo đến nhà văn hóa thôn Yên Thành	1,00
10.4	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh thôn Ngọn Đồng, xã Hưng Khánh	1,00
11	Đường từ thôn Yên Định đi Hưng Khánh	
11.1	Đoạn từ ngã tư thôn Yên Thịnh đến cổng trường mầm non	1,00
11.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Hưng Khánh	1,00
12	Đường thôn Khang Chính	
12.1	Đoạn từ Ngã ba Yên Ninh - Khang Chính đến nhà văn hóa thôn Khang Chính đến ngã ba Gò Lở	1,00
13	Đường từ trung tâm xã Hưng Thịnh cũ đến thôn Quang Vinh	
13.1	Đoạn từ ngã tư Yên Ninh đến ngã ba đi thôn Kim Bình đến giáp ranh xã Việt Hồng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
14	Đường từ Trạm biến áp thôn Yên Bình đi nhà ông Cường thôn Yên Bình	1,05
15	Các tuyến đường khác còn lại	1,05

65. XÃ QUY MÔNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Tỉnh 166 (Đường Âu Lâu - Quy Mông)	
1.1	Đoạn giáp ranh phường Âu Lâu đến hết nhà ông Diên ra bến đò (Trạm biên áp thôn Hạnh Phúc)	1,16
1.2	Đoạn tiếp theo đến UBND xã Quy Mông	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Cổ Phúc	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Ngòi Gà	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Bùi Đức Vân thôn Quyết Tiến	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến Cầu Rào	1,43
1.7	Đoạn tiếp theo qua chợ đến cầu Bản Chìm	1,12
1.8	Đoạn tiếp theo đến Góc Thị	1,20
1.9	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Xuân Ái	1,25
2	Tỉnh lộ 166 cũ (Đường Âu Lâu - Quy Mông cũ)	
2.1	Đoạn từ cổng nhà ông Lâm Văn Thành thôn Minh Phú đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Kim Cương thôn Quang Minh	1,20
2.2	Đoạn từ cổng nhà ông Nguyễn Văn Lộc (cải) đến cầu Ngòi Xẻ thôn Quang Minh	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Văn Mãi thôn Hạnh Phúc	1,00
3	Đường tỉnh 166 đi thôn Hợp Thành	
3.1	Đoạn từ nhà ông Mai đến hết ranh giới đất ở nhà bà Tỉnh thôn Tân Thành	1,17
3.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Hợp Thành	1,15
4	Đoạn từ ngã 3 Hợp Thành đi thôn Thịnh Bình	1,17
5	Đoạn từ ngã 3 thôn Hợp Thành đi ngã ba nhà ông Duẩn	1,17
6	Đường Tân Thịnh đi Tân Cường	
6.1	Đoạn rẽ từ đường tỉnh 166 đến trường tiểu học Quy Mông	1,00
6.2	Đoạn tiếp theo đến giáp nhà ông Khánh Thảo	1,00
6.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Đào Mạnh Lâm	1,17
7	Đường nội bộ khu tái định cư số 1 thôn Tân Cường	1,17
8	Đường vào khu tái định cư thôn Tân Việt	2,40
9	Đường Tân Việt - Đồng Ruộng	
9.1	Đoạn cầu Ngòi Rào đến qua ngã 3 xã Quy Mông đến giáp ranh giới đất ông Bình thôn Tân Việt	1,50
9.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh đất nhà bà Lê Thị Dung (thôn Tân Việt)	1,43
9.3	Đoạn tiếp theo đến Ngầm Đồi	1,34
9.4	Đoạn tiếp theo đến ngã ba chợ Kiên Thành	1,67
9.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Phan thôn Yên Thịnh	1,80
9.6	Đoạn tiếp theo đến hết thôn Đồng Ruộng	1,34
10	Đường ngã ba chợ Kiên Thành đi xã Xuân Ái	

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
10.1	Đoạn từ ngã ba chợ Kiên Thành đến cổng Trạm Y tế	1,50
10.2	Đoạn tiếp theo đến xã Xuân Ái	1,67
11	Ngã ba Ngâm Đồi đi Đồng Song	1,43
12	Đường từ ĐT 166 đến Ngã ba Minh An	1,72
13	Đoạn từ ngã ba Minh An đến giáp ranh thôn Đồng Song	1,17
14	Quốc lộ 37 đi Cầu Rào	
14.1	Đoạn từ giáp xã Lương Thịnh đến ngã ba cổng trường học	1,34
14.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba (nhà ông Nguyễn Văn Linh - thôn Tân Việt)	1,15
15	Đoạn từ ĐT 166 cũ (đường Âu Lâu - Quy Mông cũ) đến cổng chui cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Thôn Quyết Thắng)	1,00
16	Đường vào khu tái định cư số 1 thôn Quyết Thắng	1,00
17	Đường tỉnh lộ 166 đi cầu Cổ Phúc	1,00
18	Đoạn từ nhà bà Gấm thôn Quyết Tiến đến nhà ông Hoàn thôn Quyết Tiến	1,00
19	Từ ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Tiến Lương đến hết ranh giới đất ở bà Hoàng Thị Lý thôn Bình Minh	1,00
20	Đường tỉnh lộ 166 (đường Âu Lâu- Quy Mông) qua trường tiểu học & THCS Y Can đến hết nhà bà Tịnh	1,05
21	Đường trong khu dân cư Thắng Lợi (Khu 1)	1,00
22	Đường trong khu dân cư thôn Thắng Lợi (Khu 2)	1,00
23	Đường trong khu dân cư thôn Thắng Lợi (Khu 3)	1,00
24	Các tuyến đường khác còn lại	1,17

66. XÃ TRẦN YÊN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Phạm Văn Đồng	
1.1	Đoạn tiếp giáp phường Nam Cường đến đường sắt cắt đường bộ	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới cây xăng Cổ Phúc	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến giáp Công ty TNHH Quốc tế KNF	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến cầu Nghĩa Phương	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất ở nhà ông Long thôn Cổ Phúc 10	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Cao Đường (thôn Cổ Phúc 9)	1,00
2	Đường Sông Thao	
2.1	Đoạn ngã ba Chi cục thuế đến hết đất ở nhà ông Phúc (thôn Cổ Phúc 5)	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến đường Ngô Minh Loan	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến đường Đàm Vội	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất ở nhà ông Trần Đức Kiểm (ngã 4)	1,00
3	Đường Võ Thị Sáu đi Nhà máy Z183	
3.1	Đoạn cổng chợ dưới đến ngã tư Công an xã Trần Yên	1,00
3.2	Đoạn từ cổng công an xã Trần Yên đến đường sắt cắt đường bộ	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Lê Thị Loan	1,00
3.4	Đoạn tiếp theo đến nhà máy Z183	1,00
4	Đường Đoàn kết	1,00
5	Đường Ngô Minh Loan	
5.1	Đoạn từ đường Sông Thao đến ngã tư đường Phạm Văn Đồng (TT phục vụ hành chính công)	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất Liên đoàn lao động	1,00
6	Đường Đàm Vội	
6.1	Đoạn từ trạm viễn thông đến ngã tư Bưu điện	1,00
6.2	Đoạn từ ngã tư Bưu điện đến trường THCS Cổ Phúc	1,00
7	Đường Lê Quý Đôn	1,00
8	Đường Minh Khai	
8.1	Đoạn từ bến đò cũ đến ngã tư nhà ông Dương Thơm	1,00
8.2	Đoạn từ ngã tư nhà ông Dương Thơm đến Trạm biến áp	1,00
8.3	Đoạn từ trạm biến áp 35KVA đến cổng ga	1,00
9	Đường Kim Đồng	
9.1	Đoạn từ đường Sông Thao đến đường Phạm Văn Đồng (ngã tư ông Long Vân)	1,00
9.2	Đoạn tiếp theo đến Trường THCS Cổ Phúc	1,00
10	Đường từ cổng ga Cổ Phúc đến trường Tiểu học Cổ Phúc	1,00
11	Đoạn tiếp theo đến trường THCS Cổ Phúc	1,00
12	Đường nhánh cổng chợ dưới ra sông (bến đò Minh Tiến)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
13	Đường bê tông thôn Cổ Phúc 1 đến cổng nhà ông Nguyễn Văn Quang thôn Cổ Phúc 11	1,00
14	Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp thôn Hoà Cường 6	1,00
15	Đường nhánh đôi Thương nghiệp	1,00
16	Đường nhánh bê tông Thôn Cổ Phúc 5 đoạn giáp đất nhà ông Trung Liên đến hết đất ở nhà ông Lộc thôn Cổ Phúc 5	1,00
17	Đoạn đường bê tông từ nhà văn hoá thôn Cổ Phúc 11 đến hết nhà bà Thảo thôn Cổ Phúc 10	1,00
18	Đường Nghĩa Phương	1,00
19	Đường Thống Nhất	1,00
20	Đường từ ngã tư nhà thờ Cổ Phúc đi cầu Cổ Phúc	1,00
21	Đường nội bộ vào khu dân cư thôn Cổ Phúc 2 (Khu Graphit)	1,00
21.1	Đường nội bộ rộng 7,5 m (các thửa đất thuộc vị trí 1)	1,00
21.2	Đường nội bộ rộng 6,0 m (các thửa đất thuộc vị trí 1)	1,00
22	Đường rẽ từ nhà máy KNF đi ngã ba nhà văn hóa thôn Cổ Phúc 1	1,00
23	Đường Yên Bái - Khe Sang	
23.1	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Cao Đường (thôn Cổ Phúc 9) đến cổng tiêu nước giáp nhà ông Hải thôn Phú Mỹ	1,00
23.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Điền thôn Phú Lan	1,00
23.3	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh thôn Đào Thịnh 4	1,00
23.4	Đoạn tiếp theo đến cây xăng Cường Quy	1,00
23.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Vũ Văn Mão	1,00
23.6	Đoạn tiếp theo đến đường sắt cắt đường bộ	1,00
23.7	Đoạn tiếp theo đến ngã ba dốc Lim	1,00
23.8	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường rẽ đi thôn Làng Qua	1,00
23.9	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Mậu A	1,00
24	Đường Yên Bái - Khe Sang đi Khe Sầu	
24.1	Đường từ Yên Bái - Khe Sang đến đường sắt cắt đường bộ	1,00
24.2	Đoạn tiếp theo đến nhà văn hóa thôn Đào Thịnh 5	1,00
24.3	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường cổng ông Đắc	1,00
24.4	Đoạn tiếp theo qua ngã ba nhà máy chè đến cầu ông Bảy (thôn Đào Thịnh 6) và đến cầu bà Kỷ (thôn Đào Thịnh 7)	1,00
24.5	Đoạn từ cầu ông Bảy đến cầu ông Hội (thôn Đào Thịnh 6)	1,00
24.6	Đoạn từ cầu ông Hội đến hết giáp ranh thôn Bánh Xe	1,00
24.7	Đoạn từ cầu bà Kỷ đến cầu ông Viêm (thôn Đào Thịnh 7)	1,00
24.8	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Lê Văn Đức (thôn Đào Thịnh 7)	1,00
24.9	Đường thôn Đào Thịnh 5 rẽ xóm Đàm sen đến hết ranh giới đất ở nhà ông Trần Văn Quân	1,00
24.10	Đường thôn Đào Thịnh 6 rẽ xóm Bồ Đề đến nhà văn hóa thôn Đào Thịnh 6	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
24.11	Đường thôn Đào Thịnh 7 rẽ xóm Phai Giữa (đến hết ranh giới đất ở nhà ông Đình Ngọc Sử)	1,00
25	Đường Yên Bái- Khe Sang đi Khe Mỹ (đến cầu ông Trai)	1,00
26	Đường Yên Bái - Khe Sang đi Khe Chanh (đến hết đất nhà ông Nguyễn Quang Vinh)	1,00
27	Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ Lan Đình (Từ đường Yên Bái - Khe Sang đến giáp ranh giới thôn Cổ Phúc 11)	1,00
28	Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ Đồng Phúc	
28.1	Đoạn từ đường Yên Bái - Khe Sang đến đường sắt	1,00
28.2	Đoạn tiếp theo từ đường sắt đến thôn Hoà Công 1	1,00
29	Đường ra bến đò thôn Phú Lan	1,00
30	Đường Lan Đình đi Thôn Phúc Đình	1,00
30.1	Đoạn từ ngã ba nhà ông Thành thôn Phú Lan đến hết ranh giới nhà ông Hải thôn Phúc Đình	1,00
30.2	Đoạn hết ranh giới đất ở nhà ông Tiến thôn Trúc Đình đến giáp ranh giới nhà ông Hưng thôn Phúc Đình	1,00
31	Đường ra khu tái định cư Dự án đường sắt	1,00
32	Đường cổng chợ nối với khu TĐC dự án đường sắt	1,00
33	Các tuyến đường khu vực thôn Ngòi Hóp, Phố Hóp	
33.1	Đường từ nhà ông Được thôn Ngòi Hóp đến cầu Hóp	1,00
33.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Bưu Cục Ngòi Hóp	1,00
33.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 dốc Lim	1,00
33.4	Đoạn tiếp theo từ ngã ba đường Khe Cua đi thôn Đồng Trạng	1,00
33.5	Đoạn từ DNTN Đăng Khoa đến ga Hóp	1,00
33.6	Đoạn tiếp theo đến cầu Gốc Sung	1,00
33.7	Đoạn từ DNTN Đăng Khoa đi nhà thờ Nhân Nghĩa	1,00
33.8	Đoạn từ Cầu Hóp đi thôn Đồng Bưởi đến hết đất nhà ông Lê Tiến Hùng	1,00
33.9	Đường từ chợ Hóp đến hết ranh giới nhà bà Kim Liên	1,00
33.10	Các tuyến đường nội bộ khu dân cư thôn Ngòi Hóp	1,00
34	Đoạn từ giáp đường Yên Bái - Khe Sang đi xã Bảo Ái	
34.1	Đoạn từ giáp đường Yên Bái - Khe Sang đến hết quỹ đất dân cư thôn Làng Qua	1,00
34.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh thôn Khe Nhài	1,00
34.3	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Khe Nhài	1,00
34.4	Đoạn tiếp theo qua ngã ba Khe Giăng đến ngầm tràn số 4	1,00
34.5	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Khe Phúc	1,00
34.6	Đoạn tiếp theo đến Đèo Thao	1,00
35	Đoạn Đồng Đát đi Khe Lóng, Khe Đát	
35.1	Đoạn từ Đồng Đát đến ngã ba	1,00
35.2	Đoạn từ ngã ba đi Khe Lóng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
35.3	Đoạn từ ngã ba đi Khe Đất	1,00
36	Đoạn rẽ Khe Giăng đi thôn Đào Thịnh 6	1,00
37	Đường Hoà Công	
37.1	Đoạn từ đường sắt cắt đường bộ đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Quyết thôn Hòa Công 5	1,00
37.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất ở nhà ông Trần Văn Thắng thôn Hòa Công 3	1,00
37.3	Đoạn tiếp theo đến Ngã ba ông Láng	1,00
38	Ngã 3 ông Toàn thôn Hòa Công 4 đi thôn Minh Quán 7	1,00
39	Đường từ Nhà máy Z183 đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Văn Được thôn Minh Quán 7	1,00
40	Ngã ba ông Láng đi thôn Hòa Công 2 đến giáp xã Yên Bình	1,00
41	Ngã ba ông Láng đi thôn Hòa Công 1 đến giáp thôn Đồng Phúc	1,00
42	Đường liên xã đi phường Nam Cường	
42.1	Đoạn từ hang Dơi đến Đập 3	1,00
42.2	Đoạn tiếp theo đến Đập 2	1,00
42.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Đập 1	1,00
42.4	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ xóm Minh Hưng	1,00
42.5	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Khe Đá	1,00
42.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất ở hộ ông Bùi Văn Tấn	1,00
42.7	Đoạn tiếp theo đến giáp Giáp phường Nam Cường	1,00
42.8	Đoạn ngã ba khe Đá đến giáp đất ở hộ bà Trần Thị Vân	1,00
42.9	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào sân thể thao thôn Minh Quán 3	1,00
42.10	Đoạn tiếp theo đến Nhà máy Z183	1,00
43	Đoạn Ngã ba Đất 1 đi Ngọn Ngòi đi nhà máy Z 183	
43.1	Đoạn ngã ba Đập 1 đến giáp Nhà văn hóa thôn Minh Quán 4	1,00
43.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nghĩa trang thôn Minh Quán 4	1,00
43.3	Đoạn tiếp theo đến Nhà máy Z183	1,00
44	Các tuyến đường khác còn lại (trên địa bàn xã Tân Đồng, xã Báo Đáp, xã Thành Thịnh, xã Hòa Công và xã Minh Quán cũ)	1,00
45	Các tuyến đường khác còn lại (trên địa bàn thị trấn Cổ Phúc cũ)	1,00

67. XÃ VIỆT HỒNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Hợp Minh - Mỹ	
1.1	Đoạn giáp ranh phường Âu Lâu đến ngã ba ông Phương	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Tâm Cường thôn 3A	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo qua trụ UBND xã Việt Hồng đến hết ranh giới nhà ông thức thôn 3A	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến Ngã 3 đường rẽ Khe Đó	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Cử Nhận thôn 8 Minh Phú	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến Trạm Kiểm Lâm (xã Việt Hồng cũ)	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến trạm Y tế Bản Bền	1,00
1.8	Đoạn tiếp đến giáp ranh xã Chấn Thịnh	1,00
2	Đường Hợp Minh - Mỹ rẽ đi Đồng Tâm	
2.1	Đoạn từ trường Mầm non Việt Cường đến hết đất ở nhà ông Dũng Lan	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đường nối IC 12	1,00
3	Đường Hợp Minh - Mỹ rẽ đi Đồng Thiệu (Đoạn từ ngã ba ông Cháp đến giáp thôn Khe Mon)	1,00
4	Đường Hợp Minh - Mỹ đi Khe Đó (Đoạn từ ngã ba ông Quang đến ngã ba nhà ông Cảnh Trí)	1,00
5	Đường Đồng Phú đi Đồng Máy	1,00
6	Đường Hợp Minh - Mỹ rẽ đi đường 7 cây 9 (Đoạn từ ngã ba ông Phương đến ranh giới thôn 8A)	1,00
7	Đường nối nút giao IC12 đường cao tốc - Nội Bài Lào Cai với xã Việt Hồng	
7.1	Đoạn từ giáp phường Âu Lâu đến cầu Bến Đình	1,00
7.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh nhà ông Thành Đôi thôn Khe Mon (xã Vân Hội cũ)	1,00
7.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba thôn 8 Minh Phú (nhà ông Cử Nhận)	1,00
8	Đường nối tỉnh lộ 172 với cao tốc Nội Bài Lào Cai, xã Việt Hồng	1,00
9	Đường Vân Hội - Quân Khê	
9.1	Đoạn đường từ ngã ba ông Lộc qua Trụ sở Công An xã Việt Hồng đến cầu Vân Hội	1,00
9.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất Chính trang khu dân cư thôn 5 Cây Sy	1,00
9.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất Chính trang khu dân cư thôn 5 Cây Sy	1,00
9.4	Đoạn tiếp theo đến đập tràn Ngòi Lĩnh	1,00
9.5	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Hiền Lương - tỉnh Phú Thọ	1,00
10	Đoạn từ Nhà ông Thành Đôi đi cầu Treo	1,00
11	Đoạn từ nhà Ngọc Thủy đến cổng trường Tiểu học và THCS Vân Hội	1,00
12	Đường Vân Hội - Quân Khê rẽ đi Đài tưởng niệm đến nhà ông Tân Sự (thôn 8 Minh Phú)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
13	Đường nội bộ trong khu dân cư thôn 5 Cây Sy	1,00
14	Đường đi Hang Dơi (Đoạn từ cầu Vần đến Hang Dơi)	
14.1	Đoạn từ cầu Vần đến hết đất ở nhà ông Công Bản Vần	1,00
14.2	Đoạn tiếp theo đến Hang Dơi	1,00
15	Đường Việt Hồng đi giáp ranh xã Lương Thịnh	1,00
16	Đoạn từ ngã ba đường Hợp Minh Mỹ đến đình trong bản Chao	1,00
17	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

68. XÃ CÁT THỊNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường Quốc lộ 32	
1.1	Đoạn từ ranh giới hết đất ông Vũ Văn Sứ phía đối diện ranh giới hết đất ông Nguyễn Ngọc Quý đến hết ranh giới đất ông Nghĩa (Na) (Giáp cống thoát nước) phía đối diện ranh giới hết đất ông Cường Vân	1,01
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Sơn Quy (giáp cống thoát nước)	1,03
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hoàng Đình Biết, phía đối diện hết ranh giới đất ông Hoàng Văn Ban	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết cầu trắng đường QL32 (đường rẽ vào thôn Khe Kẹn)	1,06
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Đinh Công Hải, phía đối diện hết ranh giới đất ông Hứa Ngọc tiên	1,03
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Dũng, phía đối diện hết ranh giới đất ông Lê Trọng Tranh	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến giáp địa giới xã Văn Chấn	1,00
2	Trục đường Quốc lộ 37	
2.1	Đoạn từ giáp xã Chấn Thịnh đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Thái, phía đối diện đất ông Lê Văn Thoan (giáp cầu Ngòi Dị)	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất điểm trường mầm non khu Khe Dị, phía đối diện ranh giới đất ông Hoàng Văn Thịnh	1,03
2.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Phạm Quốc Huy (giáp cống thoát nước)	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Đình Hào	1,07
2.5	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới đất ông Vũ Văn Sứ, phía đối diện giáp ranh giới đất ông Nguyễn Ngọc Quý	1,00
2.6	Đoạn từ Ngã Ba (Bưu điện) và phía đối diện (từ ranh giới nhà bà Mai) đến hết ranh giới đất ông Dân - Nụ	1,00
2.7	Đoạn từ đất nhà bà Tuyết đến qua cầu Ngòi Lao	1,01
2.8	Đoạn từ giáp đất bà Viễn (xã Thượng Bằng La) đến hết ranh giới đất ông Bình (xã Cát Thịnh)	1,00
2.9	Đoạn từ ranh giới đất nhà bà Được đến hết ranh giới đất ông Hiệp (Quốc lộ 37 cũ) (nần tuyến)	1,00
3	Đường nội bộ 8m khu chợ Ngã Ba (Đất đấu giá)	1,00
4	Đường nội bộ 4m khu chợ Ngã Ba (Đất đấu giá)	1,00
5	Đường nội bộ (Khu Tái định cư thôn Ba Khe)	1,10
6	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

69. XÃ CHẤN THỊNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường Quốc lộ 37 (Yên Bái - Nghĩa Lộ)	
1.1	Đoạn từ giáp địa giới xã Hưng Khánh đến hết ranh giới đất bà Hà Hoàng Ngân	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến lối rẽ lên nhà ông Khánh	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết đường vào Khe Ma	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Lâm trường Ngòi Lao	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Xuyên (Tiền)	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Cát Thịnh	1,00
1.7	Đoạn từ ranh giới nhà ông Đình Trọng Phụ đến hết ranh giới nhà bà Hoàng Thị Thìn	1,00
2	Trục đường Đại Lịch - Minh An (Tỉnh Lộ 173)	
2.1	Từ Km00+00 đến hết ranh giới đất ông Huân Thẩm	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hữu	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến ngầm tràn cây đa	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến ngầm tràn ông Đỗ	1,00
2.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Khu điều trị phong	1,00
2.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Thắng	1,00
2.7	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Hùng	1,00
2.8	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Long	1,00
2.9	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi thôn Kiến Thịnh 2	1,00
2.10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Đặng	1,00
2.11	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nghĩa	1,00
2.12	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Xuân	1,00
2.13	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Linh	1,00
2.14	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Nhâm	1,00
2.15	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Yên	1,00
2.16	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Mơ (giáp xã Nghĩa Tâm)	1,00
3	Trục đường Văn Chấn - Yên Lập (đoạn từ Tỉnh lộ 173 đến Tỉnh lộ 172)	
3.1	Đoạn từ Cầu Cao (tiếp giáp tỉnh lộ 173) đến cầu Khe Nhừ	1,00
3.2	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất bà Thanh	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến đường tỉnh lộ 172	1,00
4	Trục đường Văn Chấn - Yên Lập (đoạn từ Tỉnh lộ 173 đến địa giới hành chính tỉnh Phú Thọ)	
4.1	Đoạn tiếp giáp tỉnh lộ 173 (nhà ông Cầm) đến hết ranh giới đất ông Thủy (Hương)	1,00
4.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Lộc (Hiệp)	1,00
4.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Tâm (Lý)	1,00
4.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Cư	1,00
4.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Ứng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
4.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Ưông	1,00
4.7	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Chấn Thịnh	1,00
5	Trục đường Tỉnh lộ 172 (giáp xã Việt Hồng đến Quốc lộ 37)	
5.1	Từ địa giới xã Việt Hồng đến cầu Đèo Cuồng	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Toan	1,00
5.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Thanh Bồng	1,00
5.4	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất bà Hảo Thành	1,00
5.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Khe Duyên	1,00
5.6	Đoạn tiếp theo đến đường đi Khe Mơ	1,00
5.7	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ thôn 10	1,00
5.8	Đoạn tiếp theo đến cầu Suối Kè	1,00
5.9	Đoạn tiếp theo đến cầu Góc Mỹ	1,00
5.10	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Bẫy Mẩu	1,00
5.11	Đoạn tiếp theo đến địa giới xã Tân Thịnh cũ	1,00
5.12	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Bẫy	1,00
5.13	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Tuyên Thương	1,00
5.14	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất phòng khám đa khoa Tân Thịnh	1,00
5.15	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Mỹ (giáp QL 37)	1,00
6	Đường trục chính nội bộ	
6.1	Đoạn từ chân dốc Mỹ đến hết ranh giới đất ông Hoàng Nhân Thành	1,00
6.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Trần Phú	1,00
6.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Thôn 10	1,00
6.4	Đoạn từ hội trường thôn 12 đến hết ranh giới xã Chấn Thịnh (giáp xã Cát Thịnh)	1,00
6.5	Đường nội bộ chợ xã (Khu đấu giá thôn Thanh Tú)	1,00
6.6	Đường nội bộ (khu đấu giá thôn Cao 2)	1,00
6.7	Đường nội bộ (Khu đấu giá thôn Đồng Bản)	1,00
7	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

70. XÃ GIA HỘI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường Quốc lộ 32	
1.1	Đoạn từ Km16 đến ranh giới đất nhà bà Lò Thị Sa U'	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất cửa hàng xăng dầu Yên Bái	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường nối IC 15	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Đàm Thị Thoa	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất nhà ông Phạm Văn Hạnh (thôn Hải Chấn)	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến cây xăng Trường Thành	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến ngã ba sân bóng Nậm Búng	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Quang Thuận	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến cầu Nậm Pươi	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến hết đường vào đồi xe Tăng	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Nậm Búng	1,00
1.12	Đoạn tiếp theo đến đường vào mỏ 3 Hà Quang thôn Nậm Chậu	1,00
1.13	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Triệu Y Đắc	1,00
1.14	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Gia Hội (Giáp ranh xã Tú Lệ)	1,00
2	Đường liên xã	
2.1	Đoạn đường từ QL 32 đến giáp ranh đất thôn 6 xã Phong Dụ Thượng huyện Văn Yên (đường đi thủy điện Ngòi Hút 1)	1,00
3	Đường liên thôn	
3.1	Đoạn từ giáp địa giới hành chính xã Sơn Lương đến ngã 3 đi Khu Tặc Tề	1,00
3.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất nhà ông Lý Văn Ngân	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến Cầu treo Sòng Pành	1,00
3.4	Đoạn từ giáp xã Liên Sơn đến ngã ba thôn Tộc Cài	1,00
3.5	Đoạn từ ngã ba rẽ đồi xe tăng đến ranh giới nhà Bàn A Nụ	1,00
3.6	Đoạn từ QL32 (đối diện trụ sở Lân trường Văn Chấn cũ) đến cây xăng Trường Thành	1,00
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,00
5	Đường nội bộ các khu tái định cư	
5.1	Khu tái định cư Chiềng Păn 1	1,05
5.2	Khu tái định cư Hải Chấn	1,05
5.3	Khu tái định cư thôn Nậm Cườm	1,05

71. XÃ NGHĨA TÂM

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường QL 32 A	
1.1	Đoạn từ cầu Minh An đến ranh giới đất nghĩa trang nhân dân thôn Tân An	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào thôn Tân An	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Khe Mòn	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất của xã (giáp ranh Phú Thọ)	1,00
2	Trục đường Tỉnh lộ 173	
2.1	Đoạn từ cầu Minh An đến hết ranh giới đất ông Hiếu, ông Dương	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết đỉnh dốc dê	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào trường mầm non xã Nghĩa Tâm	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Tiểu học Nghĩa Tâm B	1,00
2.4 a	Trục đường Tỉnh lộ 173 - Đoạn tiếp theo đến ngã ba Nghĩa Hùng	1,00
2.5	Đoạn từ ngã ba Nghĩa Hùng đến hết đất nhà ông bà Tám Ánh	1,00
2.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hoàng Đình Tiên (Ngã Ba Quăn).	1,00
2.7	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hoàng Kim Mười	1,00
2.8	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hoàng Kim Dũng	1,00
2.9	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Vũ Văn Thường.	1,00
2.10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất Hà Ngọc Lâm	1,00
2.11	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Nghĩa Tâm (giáp xã Chấn Thịnh)	1,00
3	Tuyến đường liên thôn	
3.1	Đoạn từ Bưu điện Văn hóa xã đến hết ranh giới đất ông Hoàng Văn Xuân (thôn Chiềng)	1,00
3.2	Đoạn từ nhà ông Hoàng Kim Hóa thôn Quăn đến hết ranh giới đất ông Hoàng Văn Thịnh	1,00
3.3	Đoạn từ ngã ba Nghĩa Hùng đi TTNT Trần Phú đến cổng nhà ông Nghị Vân	1,00
3.4	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Nghị Thương	1,00
3.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất HTX chè Minh An	1,00
3.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đậu	1,00
3.7	Đoạn từ nhà ông Đậu đến hết ranh giới xã Nghĩa Tâm (giáp ranh xã Thượng Bằng La)	1,00
3.8	Đoạn từ ngã ba chợ Tho đi xã Trung Sơn (Tỉnh Phú Thọ) đến đầu cầu Tho	1,00
3.9	Đoạn tiếp theo đến cổng trường cấp II	1,00
3.10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hiền	1,00
3.11	Đoạn tiếp theo đến ngã ba chân dốc Diềm	1,00
3.12	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Trung Sơn - Phú Thọ	1,00
3.13	Đoạn từ ngã ba chân dốc Diềm NVH thôn Hải Tâm	1,00
3.14	Đoạn từ nhà ông Truy Phên đến cầu thôn Tính Luát	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.15	Đoạn từ ngã ba thôn Duyên Đồng đến hết đất nhà ông Lý	1,00
3.16	Đoạn từ Đường tỉnh lộ 173 đến hết địa phận xã Minh An (giáp ranh xã Thượng Bằng La)	1,00
3.17	Đoạn từ nhà ông Thúy đến ngã ba đường (HTX Chè Minh An)	1,00
3.18	Các đường liên thôn khác còn lại	1,05
4	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

72. XÃ SƠN LƯƠNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường Quốc lộ 32	
1.1	Đoạn từ giáp ranh giới xã Liên Sơn đến hết ranh giới đất ông Báu (bản Giồng)	1,07
1.2	Đoạn tiếp theo từ nhà ông Báu đến hết ranh giới đất giáp xã Gia Hội	1,00
2	Trục Đường Tỉnh lộ 175 (tuyến nối Nghĩa Lộ với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC 14) qua xã Sơn Lương)	
2.1	Đoạn từ đất bà Hoàng Thị Thanh (giáp ranh xã Liên Sơn) đến đầu cầu Sơn Lương	1,51
2.2	Đoạn từ ranh giới xã giáp đất xã Liên Sơn đến hết đất ông Đào Văn Tâm (khu vòng Phung)	2,77
2.3	Đoạn tiếp theo đến Miếu thờ (cổng Trời)	2,96
2.4	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Mỏ Vàng	2,59
3	Các trục đường liên xã, phường	
3.1	Trục đường từ Quốc lộ 32 đến trung tâm xã Nậm Lành nay là xã Gia Hội	
3.1.1	<i>Đoạn từ QL 32 (nhà ông Thủy) rẽ đi hết ranh giới đất giáp thôn Tặc Tè, xã Gia Hội</i>	1,05
3.2	Trục đường liên xã phường Trung Tâm - Trung tâm Suối Quyền (xã Phù Nham - xã Suối Quyền)	
3.2.1	<i>Đoạn từ ranh giới giáp phường Trung Tâm đến ngã ba đường (thôn Suối Bắc).</i>	1,00
3.2.2	<i>Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất Nhà văn hóa thôn Suối Bắc</i>	1,00
3.2.3	<i>Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất Nhà văn hóa (Thôn Suối Bó)</i>	1,00
3.2.4	<i>Đoạn từ ngã ba đường (thôn Suối Bắc) rẽ đi thôn Suối Quyền đến Đường Tỉnh lộ 175</i>	1,00
4	Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô	
4.1	Đoạn từ QL 32 (nhà ông Báu) rẽ đi bản Mười đến hết ranh giới đất bà Chiến	1,01
4.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ đi thôn Nậm Biều (đến đất nhà bà Tám)	1,00
4.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ đi thôn Sùng Đô	1,00
4.4	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ đi thôn Nà Nội (hết đất ông Vàng Vàng Trống)	1,00
4.5	Đoạn từ ngã ba rẽ đi thôn Sùng Đô đến hết ranh giới đất ông Bàn Phúc Xuân	1,00
4.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Dương	1,10
4.7	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất Trường Phổ thông Dân tộc Bán trú trung học cơ sở Nậm Mười	1,00
4.8	Đoạn tiếp theo đến ngã ba (nhà ông Lâm) rẽ đi thôn Nậm Biều, Giăng Păng	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
5	Đường QL 32 (cổng Chà) đi Trung tâm UBND xã	
5.1	Đoạn rẽ từ bản Lằm (cổng chào) đến đầu cầu Nà La	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo từ đầu cầu Nà La đến Trụ sở xã Sơn Lương	1,00
5.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hưng đường rẽ đi Thủy điện Văn Chấn	1,00
6	Đường liên thôn Liên Suu - Làng Cò - Nậm Biều	
6.1	Đoạn từ nhà bà Tám đến ngã ba (nhà ông Lịch) rẽ đi thôn Làng Cò	1,00
6.2	Đoạn tiếp theo đến trường tiểu học Làng Cò	1,00
6.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Đặng Phúc Định	1,00
6.4	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã (giáp ranh xã Phong Dụ Thượng)	1,00
7	Đường thôn Ngã Ba - thôn Nà Nội	
7.1	Đoạn từ ngã ba đường đến hết ranh giới đất Trường TH&THCS Sùng Đô	1,00
7.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Giàng A Lừ	1,00
8	Đường tuyến Sùng Đô - Ngã Hai (thôn Sùng Đô)	
8.1	Đoạn từ ngã ba đường đến hết ranh giới đất ông Cừ A Cáng	1,00
8.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Giàng A Lồng (Tủa) thôn Sùng Đô (thôn Ngã Hai cũ)	1,00
9	Đường nội bộ các khu tái định cư	
9.1	Đường nội bộ Khu tái định cư Noong Mi	1,00
9.2	Đường nội bộ Khu tái định cư Bản Giồng (bản Xẻ cũ)	1,00
9.3	Đường nội bộ Khu tái định cư Tành Hanh	1,00
9.4	Đường nội bộ (khu tái định cư thôn Suối Bắc)	1,00
9.5	Đường nội bộ khu tái định cư thôn Nà Nội	1,00
9.6	Đường nội bộ khu tái định cư thôn Khe Trang	1,00
9.7	Đường nội bộ khu tái định cư thôn Sùng Đô (thôn Ngã Hai cũ)	1,00
9.8	Đường nội bộ (khu tái định cư thôn Háo Pành)	1,00
9.9	Đường nội bộ dự án Di dân khẩn cấp thôn Nà Nội, xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai	1,00
10	Đường nội thôn Bản Tủ - Khu TĐC Noong Mi	
10.1	Đoạn từ ngã ba Bản Tủ (nhà ông Sa Văn Tâm) đến hết đất nhà ông Lò Văn Tươi	1,00
11	Đường nội thôn Bản Giồng đi Khu TĐC Bản Xẻ cũ	
11.1	Đoạn từ QL 32 (nhà ông Hà Minh Tuấn) đến trạm biến áp	1,00
12	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

73. XÃ THƯỢNG BẰNG LA

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường QL 32 (Thượng Bằng La-Xã Thu Cúc, Tỉnh Phú Thọ) Đoạn từ Trạm Kiểm lâm (cầu Gồ) đến hết ranh giới đất xã Thượng Bằng La (giáp xã Nghĩa Tâm)	1,00
2	Trục đường Quốc lộ 37	
2.1	Đoạn từ Đầu cầu Ngòi Phà đến hết ranh giới đất bà Nguyễn Thị Ánh	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Thọ	1,00
2.3	Đoạn từ đất nhà ông Tư đến hết ranh giới đất ông Sâm Lanh	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Viễn	1,00
2.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất trạm kiểm lâm cầu Gồ	1,00
2.6	Đoạn từ đất ông Nguyễn Văn Ban (Hằng) đến hết đất bà Anh giáp xã Cát Thịnh	1,00
3	Trục đường QL 37 đoạn từ giáp đất TTNT Trần Phú đến đỉnh đèo Lũng Lô giáp ranh tỉnh Sơn La	
3.1	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất trạm kiểm lâm cầu Gồ	1,00
3.2	Đoạn từ cầu Gồ đến hết đất ông Phương (Hội)	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Hà (Lành)	1,00
3.4	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ vào thôn Dạ	1,00
3.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Thượng Bằng La	1,15
4	Trục đường nội thị	
4.1	Đoạn từ chân dốc đỏ giáp Quốc lộ 37 đến hết ranh giới đất bà Đặng Thị Hằng (Hợp)	1,00
4.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Khiên Hường	1,00
4.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Tính (Tâm)	1,00
4.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Thế (Tươi)	1,05
4.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hiếu (Hiên)	1,10
4.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất xã Thượng Bằng La (giáp xã Chấn Thịnh)	1,10
4.7	Đoạn từ đất nhà ông Vương Huyền đến đất bà Dung (Huy)	1,00
4.8	Đoạn từ đất nhà ông Đức (Hoa) đến hết ranh giới đất ông Thùy (Khanh)	1,00
4.9	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất xã Thượng Bằng La (qua nghĩa trang Khe Hu)	1,05
4.10	Đoạn từ ngã ba đội 7 (từ đất nhà ông Dũng) đến hết ranh giới đất ông Bắc (giáp xã Nghĩa Tâm)	1,00
4.11	Đoạn tiếp theo từ giáp đất xã Nghĩa Tâm đến giáp Quốc lộ 32 (Chân dốc than)	1,00
4.12	Đoạn từ đất nhà ông Sự - Duyên đến hết ranh giới đất ông Điều (Nhân) (Đầu cầu Trần Phú)	1,00
5	Đoạn từ chợ vào UBND xã Thượng Bằng La	
5.1	Đoạn từ đất nhà ông Bùi Văn Ứng giáp Quốc lộ 37 đến cầu bến Rìn thôn Hán	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
5.2	Đoạn từ chợ vào hết đất trường trung học cơ sở Thượng Bằng La	1,00
5.3	Đoạn từ trường trung học cơ sở Thượng Bằng La đến hết đất ông Cương thôn Cướm	1,05
5.4	Đoạn từ chợ xã Thượng Bằng La đến giáp đường bê tông vào bản Văm	1,00
5.5	Đoạn từ chân dốc nhà máy chè Trần Phú giáp Quốc lộ 37 (Nhà ông bà Năm Tú) đến hết đất xã Thượng Bằng La (giáp Thôn Vực Tuần, xã Cát Thịnh)	1,05
6	Các tuyến đường khác còn lại	1,55

74. XÃ VĂN CHẤN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Trục đường Quốc lộ 32	
1.1	Đoạn từ giáp xã Cát Thịnh đến ranh giới đất ông Sa Văn Tền, phía đối diện đến ranh giới đất ông Bùi Văn Ngôi	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Hà Đình Nhưng, phía đối diện đến ranh giới đất ông Tống Thành Vinh	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Mạnh Sơn, phía đối diện hết ranh giới đất ông Phạm Công Lượng	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Đào Tiến Lộ, phía đối diện ranh giới đất ông Vũ Thành Phúc	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Sa Công Giang, phía đối diện đến ranh giới đất ông Hoàng Đình Quang	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất bà Hà Thị Hoa	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến cầu Bản Đồn	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Trần Thái Hòa	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Bùi Quốc Khánh	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Hà Thị Lê	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến cổng chào xã Văn Chấn	1,00
1.12	Đoạn từ đường rẽ suối khoáng (nhà bà Trần Thị Liên) đến hết ranh giới xã Văn Chấn	1,00
2	Đường Sơn Thịnh	
2.1	Đoạn từ cổng chào xã Văn Chấn đến ngã 3 Suối Giàng (hết ranh giới đất bà Vũ Thị Loan - thôn Phiêng 1)	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến Sân vận động xã Văn Chấn (hết ranh giới đất ông Đào Văn Ngân), phía đối diện đi đường Lũng Lô	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến ngã tư đèn đỏ (đường vào cầu Nậm Bung)	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Bưu Điện - Chợ	1,00
2.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi thôn Suối Khoáng (hết ranh giới đất ông Trần Quang Chiến)	1,00
3	Trục đường nội thị Khu Trung Tâm	
3.1	Đường Lũng Lô (Đoạn tiếp giáp đường Sơn Thịnh - Suối Giàng đến ranh giới đất nhà bà Hoàng Thị Lọng)	1,00
3.2	Đường Lũng Lô (Đoạn từ đất nhà bà Hoàng Thị Lọng đến đường bê tông kè Suối Nhì)	1,00
3.3	Đường từ cổng chào thôn Sơn Lọng đến hết đất nhà ông Đình Văn Doanh (Yến)	1,00
3.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Đặng Thị Phụng (thôn Văn Thi 4)	1,00
3.5	Đường nội bộ (Khu đấu giá thôn Sơn Lọng)	1,00
3.6	Đường nhánh 1,2,3,4,5,6	1,00
3.7	Đường Phiêng 1 (Đoạn từ Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lào Cai đến tiếp giáp Sân vận động xã Văn Chấn)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.8	Đường Hoàng Văn Thọ (Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Xiên - thôn Sơn Lọng đến đường Sơn Thịnh (ngã tư đèn đỏ))	1,00
3.9	Nhánh C- Đoạn đường sau cổng chào thôn Phiêng 1	1,00
3.10	Đường Bờ Kè (Từ nhà ông Đinh Văn Kứu đến tiếp giáp đường Lũng Lô)	1,00
4	Khu Hồng Sơn	
4.1	Đường Nhánh 9 (Đoạn tiếp giáp đường Sơn Thịnh đến hết ranh giới đất Thủy điện Văn Chấn)	1,00
4.2	Đường Cửa Nhì (Đoạn tiếp giáp đường Sơn Thịnh đến hết ranh giới đất kho vật chứng công an xã)	1,00
4.3	Đường Hồng Sơn (Đoạn tiếp giáp đường Nhánh 9 đến hết ranh giới đất bà Hoàng Thị Hường)	1,00
4.4	Đường Trần Thành (Đoạn tiếp giáp đường Nhánh 9 đến hết ranh giới đất Trung tâm y tế Văn Chấn)	1,00
4.5	Đoạn từ đường Quốc lộ 32 (nhà bà Trần Thị Liên) đến hết ranh giới đất ông Sa Văn Hường (thôn Suối Khoáng)	1,00
4.6	Đoạn từ ngã ba thôn Suối Khoáng (nhà ông Nguyễn Duy Ước) đến hết ranh giới đất ông Vi Quang Thiêm	1,00
4.7	Các tuyến đường bê tông nội bộ thôn Suối Khoáng	1,00
4.8	Đường nội bộ (Khu đấu giá thôn Hồng Sơn)	1,00
4.9	Đường Nội bộ (Khu Tái định cư thôn Hồng Sơn)	1,00
5	Khu Đồng Ban	
5.1	Đường nội bộ (Khu đấu giá thôn Đồng Ban)	1,00
5.2	Đoạn từ ngã tư Bưu điện đến cầu treo đi thôn Thác Hoa 3	1,00
5.3	Đường Trục thôn Đồng Ban (Từ đất ông Đào Ngọc Đoan đến hết ranh giới đất bà Đinh Thị Tiến)	1,00
6	Khu Thác Hoa	
6.1	Đường Hoàng Văn Thọ (Đoạn từ đường Sơn Thịnh (ngã tư đèn đỏ) đến Trường PTDT nội trú - THCS Văn Chấn)	1,00
6.2	Đường Thác Hoa	1,00
6.3	Đoạn từ lối rẽ nhà chè của đội Thác Hoa 3 đến hết ranh giới đất bà Đỗ Thị Sắp (đường bê tông kè Suối Nhì)	1,00
6.4	Trục đường thôn Thác Hoa (Từ cổng công ty Đông Dược Thế Gia đến ngã ba Nhà văn hóa Phù Sơn cũ)	1,00
6.5	Đoạn từ cầu thủy lợi Phù Sơn đến đất nhà ông Triệu Văn Mong (thôn Thác Hoa)	1,00
6.6	Các tuyến đường bê tông nội bộ thôn An Thịnh	1,00
7	Đường Sơn Thịnh - Suối Giàng	
7.1	Đường Phiêng 2 (Đoạn từ QL 32 đến đầu đường Lũng Lô - hết ranh giới đất ông Nguyễn Ngọc Quý)	1,00
7.2	Đường Phiêng 2 (Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất nhà ông Hà Thề)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
7.3	Đường Phiêng 2 (Đoạn tiếp theo đến Cầu trắng Văn Thi 3)	1,00
7.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Vũ Đức Văn	1,00
7.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Bùi Văn Quyền	1,00
7.6	Đoạn từ đất ông Bùi Văn Quyền đến ranh giới đất ông Vàng Sáy Sùng	1,00
7.7	Đoạn từ đất ông Vàng Sáy Sùng đến hết ranh giới đất ông Sùng Mạnh Giàng	1,00
7.8	Đường Trục thôn Văn Thi 3 (Đoạn từ cổng chào thôn Văn Thi 3 đến hết ranh giới đất bà Hoàng Thị Kim Ngân)	1,00
7.9	Đường nội bộ (Khu Tái định cư thôn Kang Kỷ, thôn Văn Thi 3)	1,00
8	Các đoạn Đường trục chính xã Suối Giàng (cũ)	
8.1	Đoạn từ ngã ba thôn Giàng B (nhà ông Bùi Văn Tư) đến khu vực sân sự kiện (đối diện nhà điều hành hồ)	1,00
8.2	Đoạn từ đất nhà ông Sổng A Nủ đến hết ranh giới đất ông Sổng A Ninh (thôn Giàng B)	1,00
8.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Sổng A Mua (thôn Giàng B)	1,00
8.4	Đoạn từ đất ông Sùng Mạnh Giàng đến hết ranh giới đất ông Vàng A Tủa (thôn Giàng A)	1,00
8.5	Đoạn từ cổng Làng văn hóa Pang Cáng đến hết ranh giới đất ông Sùng A Chu	1,00
8.6	Đoạn từ đất ông Vàng A Hồng đến hết ranh giới đất ông Đoàn Quý Phú (Đường rẽ Enna)	1,00
8.7	Đoạn từ giáp đất ông Đoàn Quý Phú (Đường rẽ ENNA) đến đất ông Vàng A Lử (Tét)	1,00
8.8	Đoạn từ đất ông Vàng A Khua đến hết ranh giới đất ông Trang A Đàng	1,00
8.9	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Vàng A Hồng (Đường rẽ đi Cổng Trâu)	1,00
8.10	Đoạn từ nhà ông Vàng A Dao đến giáp đất quốc phòng	1,00
8.11	Đường Trục thôn Pang Cáng (đoạn từ đất ông Vàng A Hồng đến ngã ba Cổng Trâu)	1,00
9	Các đoạn Đường trục chính xã Đồng Khê - Suối Bu (cũ)	
9.1	Đoạn từ Quốc lộ 32 (nhà bà Lộc Thị Nhuận) đến hết ranh giới đất ông Sùng A Thên	1,00
9.2	Đoạn từ hết ranh giới đất ông Tống Thành Vinh (ngã 3 gốc sung) đến đường rẽ cầu Suối Dao	1,00
9.3	Đoạn từ đường rẽ cầu Suối Dao đến hết ranh giới đất nhà ông Đinh Văn Viên	1,00
9.4	Đoạn từ cầu Suối Dao đến ngã ba thôn Văn Tứ (hết ranh giới đất bà Nguyễn Thị Năm, phía đối diện hết ranh giới đất bà Nguyễn Thị Liệu)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
9.5	Đoạn từ ngã ba thôn Văn Tứ (nhà ông Phạm Công Đông) đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Văn Hiếu, phía đối diện hết ranh giới đất ông Hà Văn Đậu	1,00
9.6	Đoạn từ nhà bà Hà Thị Tổ đến cầu treo thôn Đồng Sặt	1,00
9.7	Đoạn từ nhà ông Hà Minh Chí đến hết ranh giới đất ông Đinh Công Liệu	1,00
9.8	Đoạn từ cổng làng văn hóa thôn Bu Thấp đến hết ranh giới đất ông Mùa A Chu (thôn Bu Cao)	1,00
10	Các tuyến đường khác còn lại	1,00

75. XÃ CHÂU QUẾ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Yên Bái - Khe Sang	
1.1	Từ giáp ranh giới xã Đông Cuông đến Khe Cạn	3,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Khôi	3,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Suối Nhược	3,00
1.4	Đoạn tiếp theo hết đất nhà ông Toàn Anh	3,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến suối Ngòi Lầu	3,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến cửa hầm phía Nam đường cao tốc NB-LC	3,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến cửa hầm phía Bắc đường cao tốc NB-LC	3,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến cầu Suối Lèn	3,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến suối bàn Tương	3,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Bảo Hà	3,00
2	Đường tại khu tái định cư của đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	
2.1	Đường tái định cư thôn Ngồn Lèn (Từ nhà ông Trung đến nhà ông Nam)	2,70
2.2	Đường tái định cư thôn Đồng Tâm (Từ nhà ông Mẫn đến nhà ông Thượng)	2,70
2.3	Đường tái định cư thôn 7 (Từ nhà ông Đến đến cầu Treo)	2,70
3	Các tuyến đường khác còn lại	2,70
4	Khu TĐC thôn Trạng Xô	1,60
5	Khu TĐC thôn Khe Bành	2,00
6	Khu TĐC thôn Bản Tát	2,00
7	Khu TĐC thôn Nhược	2,00

76. XÃ ĐÔNG CUÔNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Đông Cuông- Quang Minh	
1.1	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Minh Lành	1,00
1.2	Đoạn ngã 3 đường ngang đến ranh giới nhà ông Huy	1,60
1.3	Đoạn từ UBND đến hết ranh giới nhà ông Phùng Văn Thi (Khe Ván)	1,00
1.4	Đoạn từ cầu Bê tông thôn Khe Tăng đến ngã 3 nhà ông Minh (Nam)	1,00
1.5	Đoạn từ Ngã 3 nhà ông Thành (Cao) đến nhà ông Điền (Cục)	1,00
1.6	Đoạn từ nhà ông Điền Cục đến ngã 3 nhà Tham Hồng (thôn Minh Khai)	1,00
1.7	Đoạn từ ngã 3 Tham Hồng đến ranh giới xã Mậu A	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến nhà Văn Hóa thôn 6 cũ	1,00
2	Đường Yên Bái - Khe Sang	
2.1	Đoạn cầu Khai đến Cây Xăng Đông Cuông	1,20
2.2	Từ Cây xăng đến Cầu 10	1,00
2.3	Từ Cầu 10 đến Cầu Lầm	1,20
2.4	Từ Cầu Lầm đến giáp ranh giới ông Khánh Tĩnh	1,20
2.5	Từ Nhà ông Khánh Tĩnh đến đường vào đền Trái Hút	1,00
2.6	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Phụng Hoi	1,00
2.7	Đoạn tiếp theo đến cầu Cà Lò	1,00
2.8	Đoạn tiếp theo đến Cầu Trái Hút	1,00
3	Đường rẽ Bến Phà (Đường Yên Bái - Khe Sang cũ)	
3.1	Đoạn từ giáp xã Châu Quế Hạ đến hết đường vào Nhà thờ Đông An	2,00
3.2	Đoạn từ hết gianh giới khu tái định cư thôn Trà đến hết nhà văn hóa thôn An Khang	1,60
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Nhân	1,40
3.4	Đoạn từ nhà bà nhân đến hết cầu hút An Bình	1,40
4	Đường An Bình - Lâm Giang	
4.1	Đoạn từ cầu trái Hút đến Cổng trường TH&THCS An Bình (khu A)	1,00
4.2	Đoạn tiếp theo đến đường ngang (ông Hường)	1,50
4.3	Đoạn tiếp theo đến đập tràn Ngòi Trỏ	1,20
4.4	Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà bà Việt	1,00
4.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã An Bình	1,20
4.6	Đoạn tiếp theo đến điểm nối tỉnh lộ 164 đường An Bình - Lâm Giang	1,00
5	Đường Cầu vượt đường sắt An Bình	
5.1	Đoạn từ nhà hàng Hương Vân đến hết Khu tái định cư Cầu vượt đường sắt An Bình	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo đến hết Khu tái định cư Khu dân cư nông thôn mới (Khu 1- khu 2)	1,00
6	Đường vào đền Đông Cuông	
6.1	Ngã ba cầu 10 đến ranh giới nhà ông Tiến Thom	1,40

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
6.2	Đoạn tiếp theo đến cổng đền Đông Cuông	1,20
7	Đường Quy Mông - Đông An	
7.1	Đoạn từ giáp ranh giới Tân Hợp đến hết ranh giới nhà ông Lý	1,50
7.2	Đoạn từ nhà ông Lý đến hết Nhà văn hóa thôn Đức An	1,20
7.3	Đoạn từ hết Nhà văn hóa thôn Đức An đến hết đường bê tông rẽ vào nghĩa trang cánh đồng thôn Khe Cạn	1,00
7.4	Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Hút	1,20
8	Đường Đông An - Phong Dụ	
8.1	Đoạn từ đất nhà ông Lý Nga đến hết đất nhà ông Minh Hà	1,50
8.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Phong Dụ Hạ	1,60
9	Đường Đông An - Khe Lép (xã Xuân Tầm) (đoạn từ Ngã 3 khe Quyền đến hết ranh giới nhà ông Hà)	1,00
10	Đường liên thôn	
10.1	Đoạn từ cổng nhà ông Hiền đến Barie dưới	1,20
10.2	Đoạn từ Trường TH&THCS đến Ngâm Chui (thôn An Bình)	1,30
10.3	Đoạn từ Ngâm Chui đến hết xóm Cầu Cao (thôn An Bình)	1,30
10.4	Đoạn từ nhà ông Hà đến nhà ông Luyến (thôn An Bình))	1,30
10.5	Đoạn từ nhà ông Tấn Hiền đến nhà Văn Hóa Hoa Nam cũ (thôn An Bình)	1,30
10.6	Đoạn Từ nhà Huyền Đạo (thôn Sài Lương) đến Cổng làng Văn hóa thôn Thác Cái	1,30
10.7	Đoạn tiếp theo đến Nhà máy gạch Cường Phát	1,30
10.8	Đoạt ngã 3 Kim Đoạt đến cổng nhà máy gạch Mạnh San	1,30
11	Đường liên thôn Tam Quan đi Khe Cạn	
11.1	Đoạn từ ngã ba đến hết cổng chui cao tốc thôn Khe Cạn	2,00
11.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Dồn	1,20
12	Các tuyến đường khác còn lại	1,20

77. XÃ LÂM GIANG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường An Bình - Lâm Giang - Lang Thíp	
1.1	Đoạn từ Khe Xẻ đến đường ngang ga Lâm Giang	1,30
1.2	Đoạn tiếp theo đến Cầu Cài	1,30
1.3	Đoạn tiếp theo đến bến đò đền Phúc Linh	1,50
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Tư Linh	1,60
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Nghĩa trang thôn Vĩnh Lâm	1,60
1.6	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đi thôn Trục Ngoài	1,50
1.7	Đoạn tiếp theo đến nhà Văn hóa thôn Bãi Khay	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo vào Hồ thôn Ngũ Lâm	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến ngàm Ngòi Khay	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nghĩa trang thôn Hợp Lâm	1,25
1.11	Từ đường Ngang đến hết ranh giới khu tái định cư thôn Hợp Lâm	1,70
1.12	Đoạn tiếp theo đến hết ranh thôn Khai Đạo	1,70
1.13	Từ giáp thôn Khai Đạo đến Ngã ba Cầu Tân Lập	1,20
1.14	Đoạn tiếp theo đến giáp cây xăng Lang Thíp	1,00
1.15	Đoạn tiếp theo đến nương đầu bãi ghi	1,00
1.16	Đoạn tiếp theo đến cống Hồ trung tâm	1,20
1.17	Đoạn tiếp theo đến tràn Ngòi Thíp	1,25
1.18	Đoạn tiếp theo đến km 231 (đường sắt)	3,00
2	Đường Lâm Giang - Lang Thíp (Từ nghĩa trang Thôn Hợp Lâm đến ngã ba cầu Tân Lập)	1,10
3	Đường vào ga Lang Khay (Đoạn từ ngã ba ngàm Tràn đến ga Lang Khay và khu chợ)	1,10
4	Đường liên thôn	
4.1	Đoạn từ nhà ông Phong đến ngã ba trạm điện Nghĩa Phong	1,10
4.2	Đoạn từ ngã năm bản tin đi thôn Liên Kết đến trường Mầm non thôn Nghĩa Dũng	1,10
4.4	Đoạn từ nhà bà Thảo thôn Liên Kết đến Tràn Mỏ Đá	1,10
4.4	Đoạn từ Ngòi Thíp đến ngã ba Mỏ Đá (cả hai bên đường sắt)	1,10
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

78. XÃ MẬU A

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Lý Thường Kiệt	
1.1	Đoạn từ cầu A đến đường rẽ vào đường Hồng Hà	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết cổng trường THCS xã Mậu A (điểm chính)	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến ngõ 182	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Nghĩa trang Liệt sĩ	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Công viên Văn Yên	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ UBND xã Mậu A	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Bưu Điện	1,00
2	Đường Trần Hưng Đạo	
2.1	Đoạn Từ ngã tư Bưu điện đến cổng nhà ông Tùng	1,10
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Dung	1,59
2.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Chi nhánh điện Văn Yên	1,20
2.4	Đoạn tiếp theo đến đường ngang	1,20
2.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Dũng	1,20
2.6	Đoạn tiếp theo đến giáp đất đỉnh dốc Lu	1,50
3	Đường Lương Thế Vinh (Đoạn từ đường Tuệ Tĩnh đến đường Lý Thường Kiệt)	1,00
4	Đường Tuệ Tĩnh	
4.1	Đoạn từ ngã tư công an đến hết ranh giới Công ty Việt Trinh	1,00
4.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 5 cầu Mậu A	1,00
4.3	Đoạn tiếp theo đến ngõ 228	1,00
4.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Trung tâm y tế Khu vực Văn Yên	1,00
4.5	Đoạn tiếp theo đến Bến phà cũ	1,50
5	Đường Hoàng Hoa Thám	
5.1	Đoạn từ bến xe khách đến hết ranh giới nhà ông Cảm	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nhà thờ	1,50
5.3	Đoạn tiếp theo đến đường Lý Thường Kiệt	1,00
6	Đường Xưởng cơ khí đường sắt đi đường Thanh Niên (Đoạn từ đường Lý Tự Trọng đến đường Thanh Niên)	1,00
7	Đường Lý Tự Trọng	
7.1	Đoạn từ Ngã tư Công an đến ngã tư đường sắt	1,05
7.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Doanh	1,05
7.3	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới nhà ông Thìn	1,05
7.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Bằng	1,32
7.5	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường Hà Chương	1,32
7.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Quang	1,10
7.7	Đoạn tiếp theo đến giáp thôn Đoàn Kết 1	1,32

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
8	Đường Ngô Gia Tự (Đoạn từ Công ty Việt Trinh đi Thi hành án)	
9	Đường Trần Quốc Toản	
9.1	Đoạn từ ga Mậu A đến ngã tư Bưu Điện	1,10
9.2	Đoạn ngã tư Bưu Điện đến cổng nhà bà Minh	1,10
9.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ Võ Thị Sáu	1,10
9.4	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Trường Nội trú	1,50
9.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đường Nguyễn Du	1,50
9.6	Đoạn tiếp theo đến đường Hồng Hà	1,10
10	Đường Võ Thị Sáu	
10.1	Đoạn từ ngã ba đường Trần Quốc Toản đến giáp ranh giới nhà ông Minh	1,20
10.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ cổng Trường Võ Thị Sáu	1,20
10.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Trinh	1,20
10.4	Đoạn tiếp theo đến đường Hồng Hà	1,20
11	Đường Thanh Niên	
11.1	Đoạn từ đường Lý Tự Trọng đến đường rẽ Sân vận động	1,00
11.2	Đoạn tiếp theo đến ngã tư đường Trần Quốc Toản	1,00
11.3	Đoạn tiếp theo đến ngã tư đường trục T3	1,00
11.4	Đoạn tiếp theo đến đường Trần Huy Liệu	1,00
12	Đường trong khu đô thị mới thôn Quyết Thắng (Đường Thanh Niên giai đoạn 2)	
12.1	Đường trục T1	1,00
12.2	Đường trục T2	1,00
12.3	Đường trục T3	1,00
13	Đường Gốc Sỏi	
13.1	Đoạn từ H44 đến đường rẽ nhà máy nước	1,00
13.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới đất bà Tư	1,00
13.3	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới nhà ông Bản	1,00
13.4	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới nhà bà Hiền (Ngã tư đường sắt)	1,00
14	Đường Ga Nhâm	
14.1	Đoạn từ Ngã tư đường sắt đến giáp ranh giới ga Mậu A	1,00
14.2	Đoạn tiếp theo đến cổng Lương thực cũ	1,00
14.3	Đoạn tiếp theo đến đường sắt rẽ thôn Quyết Tiến	1,00
14.4	Đoạn tiếp theo đến ngã tư Lâm trường	1,00
15	Đường Lê Hồng Phong	
15.1	Đoạn từ khi bạc đến hết cổng Thi hành án	1,00
15.2	Đoạn tiếp theo đến đường Hồng Hà	1,00
16	Đường Chu Văn An	
16.1	Đoạn từ ngã tư Quảng trường đến trường Chu Văn An	1,00
16.2	Đoạn tiếp theo đến đường Thanh Niên	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
17	Đường trong khu đô thị mới khu vực trường THPT Chu Văn An GD2	
17.1	Đường trục T1, T2, T3, T4	1,00
18	Đường Trần Phú	
18.1	Đoạn từ ngã tư Quảng trường đến hết ranh giới Đảng uỷ xã Mậu A	1,00
18.2	Đoạn tiếp theo đến đường ngõ 69	1,00
18.3	Đoạn tiếp theo đến đường Hồng Hà	1,00
19	Đường Hồng Hà	
19.1	Đoạn từ ngã ba đường Lý Thường Kiệt đến hết ranh giới nhà ông Thông	1,10
19.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới nhà ông Ngọc	1,10
19.3	Đoạn tiếp theo đến Ngã tư Trại Cá (rẽ đường Lê Hồng Phong)	1,10
19.4	Đoạn tiếp theo đến ngã tư rẽ vào đường Trần Quốc Toản	1,00
19.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Khánh	1,00
19.6	Đoạn tiếp theo đến Xưởng Chè	1,00
19.7	Đoạn tiếp theo đến đường Yên Bái - Khe Sang	1,10
20	Đường Triệu Tài Lộc (Đoạn từ nhà ông Ký đến đường Kim Đồng)	1,00
21	Đường Nguyễn Du	
21.1	Đoạn từ nhà ông Giang đến hết ranh giới nhà ông Hiu	1,00
22	Đường Làng Minh đến Ga Mậu A (Đoạn từ ông Thủy đến ga Mậu A)	1,00
23	Đường Quyết Tiến	
23.1	Đoạn từ đường sắt Lâm trường đến hết ranh giới nhà ông Bút	1,00
23.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đường Hà Chương	1,00
24	Đường Bùi Thị Xuân (Đoạn từ nhà ông Toản đến ranh giới nhà ông Thiện)	1,00
25	Đường Kim Đồng	
25.1	Đoạn từ Ngã 4 Lâm trường đến ranh giới nhà ông Thử	1,00
25.2	Đoạn tiếp theo đến đường Triệu Tài Lộc	1,00
25.3	Đoạn tiếp theo đến đường Hồng Hà	1,00
26	Đường Trần Huy Liệu	
26.1	Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến ranh giới nhà ông Túy	1,00
26.2	Đoạn tiếp theo đến đường Ga Nhâm	1,00
27	Đường nội bộ khu đấu giá thôn Văn Yên	
27.1	Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường rẽ ra Trạm Khuyến nông	1,00
27.2	Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà ông Soạn	1,00
27.3	Các đường ngang còn lại trong khu	1,00
28	Đường Lê Hồng Phong đi đường Trần Phú (đường tổ 5 đi tổ 6 khu phố 2 cũ)	
28.1	Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến hết ranh giới nhà bà Miện	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
28.2	Đoạn tiếp theo đến đường Trần Phú	1,00
28.3	Đoạn tiếp theo đến đường Nguyễn Khuyến	1,00
29	Đường nội bộ trong khu đô thị mới thôn Gốc Đa (Tổ dân phố 7 cũ)	1,00
30	Đường thôn Đồng Bưởi	
30.1	Đoạn từ đường Lý Tự Trọng đến ranh giới nhà ông Đán	1,50
31	Đường Hà Chương	
31.1	Đoạn từ đường Lý Tự Trọng đến hết ranh giới đất ông Thăng	1,00
31.2	Đoạn tiếp theo đến đường bê tông rẽ đi Lâm Trường	1,00
32.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Chiêm	1,00
32.4	Đoạn tiếp theo đến đường Trần Hưng Đạo	1,00
32	Đường Phấn Trì	
32.1	Đoạn từ đường ngang đến đường Hà Chương	1,00
32.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Khánh	1,00
33	Đường Yên Bái - Khe Sang	
33.1	Đoạn từ giáp ranh giới xã Trấn Yên đến hết ranh giới nhà ông Hùng Thuận	1,00
33.2	Đoạn tiếp theo đến Cầu Tây	1,00
33.3	Đoạn tiếp theo đến dốc Lu	1,00
33.4	Đoạn từ Cầu A đến nhà ông Dân	1,00
33.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới ông Trường	1,00
33.6	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Đông Cuông	1,00
34	Đường Yên Thái - Ngòi A- Mậu Đông (tỉnh lộ 163)	
34.1	Đoạn ngã ba đường Yên Bái - Khe Sang đến giáp Khe Vầu	1,00
34.2	Đoạn từ Khe Vầu đến đến Quách	1,00
34.3	Đoạn từ giáp ranh giới thôn Ngọn Ngòi đến giáp ranh giới xã Đông Cuông	1,00
35	Đường Yên Thái - Mậu A (Đoạn từ ngã 3 rẽ ngòi a đến chân dốc lu)	1,00
36	Đường Mậu A - Tân Nguyên	
36.1	Đoạn giáp đất Mậu A đến hết đất nhà ông Lý Văn Minh	1,00
36.2	Đoạn tiếp theo đến đèo Tân Nguyên	1,00
37	Đường vào đền Trạng (đường Yên Bái- Khe Sang cũ)	1,00
38	Đường An Thịnh - Đại Sơn	
38.1	Đoạn đường rẽ Quy Mông - Đông An đến đầu đường rẽ mới khu công ty Quế Lâm	1,00
38.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ Nghĩa trang Đồng Vật	1,00
38.3	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Trung Duy	1,00
38.4	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ giáp trường Cấp 2	1,00
38.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi thôn Làng Lớn	1,00
38.6	Đoạn tiếp theo đến Cầu Đen	1,00
38.7	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới thôn Yên Thịnh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
38.8	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi xã Xuân Ái	1,00
38.9	Đoạn tiếp theo đến hết nhà ông Đạt Hoa	1,00
38.10	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nhà văn hóa thôn Khe Cỏ	1,00
38.11	Đoạn tiếp theo đến hết thôn Khe Cỏ (ngã 3 đi Góc Nụ)	1,00
38.12	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Tân Hợp	1,00
39	Đường Quy Mông - Đông An	
39.1	Đoạn từ giáp xã Xuân Ái đến đường rẽ khu tái định cư thôn Đại An	1,15
39.2	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Mậu A	1,15
39.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Bực	1,15
39.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Nhài	1,15
39.5	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Tân Hợp	1,15
40	Đường Khu tái định cư thôn Đại An	1,00
41	Đường vào Khu tái định cư thôn Cổng Trào (Đoạn đường từ giáp cây xăng đến hết Khu tái định cư thôn Cổng Trào)	1,00
42	Đường Khu tái định cư thôn An Hòa (Đoạn từ nhà văn hóa Khu tái định cư thôn An Hòa đến giáp đất nhà Nguyễn Hoan)	1,00
43	Đường trong khu dân cư mới phía Tây cầu Mậu A	
43.1	Đoạn đường từ nhà hàng Hoa Quế đi nhà hàng Sông Thao đến giáp đường tỉnh 166 khu dân cư mới phía tây cầu Mậu A	1,00
43.2	Đoạn đường trục còn lại khu dân cư mới phía tây cầu Mậu A	1,00
44	Đường trong khu dân cư mới thôn Đại An (Sau chùa Đại An)	1,00
45	Đường khu dân cư thôn Đại An (Cạnh đền) Đoạn từ giáp đất ông Hiệp đến hết đất khu dân cư mới thôn Đại An	1,00
46	Các tuyến đường khác còn lại	1,00
47	Đường liên xã (An Thịnh - Yên Phú)	
47.1	Đoạn ngã ba chợ An Thịnh đến hết ranh giới trạm Y tế xã (An Thịnh cũ)	1,00
47.2	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Xuân Ái	1,35
48	Tái định cư thôn An Hoà (TĐC của dự án Đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Hải Phòng - Lào cai)	1,00

79. XÃ MỎ VÀNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Tân Hợp - Mỏ Vàng	
1.1	Đoạn từ giáp xã Đại Sơn đến cầu bê tông Ngòi Thíp	1,50
1.2	Đoạn tiếp theo đến hết Khe Cóc	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Tun	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Quý	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến cổng điều áp Khe Đâm	1,05
2	Đường thôn Giàn Dầu	1,00
3	Đoạn từ giáp ranh xã Sơn Lương đến hết ranh giới đất ông Quyết	1,05
4	Đoạn từ ranh giới đất ông Quyết đến gốc Khe Mạ	1,00
5	Đoạn từ ranh giới đất ông Quyết đến hết ranh giới đất ông Minh	1,00
6	Đoạn từ giáp ranh giới đất ông Minh đến trường tiểu học An Lương	1,00
7	Đoạn từ giáp ranh giới đất ông Minh đến hết ranh giới đất ông Tính	1,00
8	Đoạn từ gốc khe Mạ đến trường tiểu học An Lương	1,00
9	Đoạn từ gốc Khe Mạ đi đến hết ranh giới đất ông Sơ	1,00
10	Đoạn từ giáp ranh giới đất ông Sơ đến hết ranh giới đất ông Nam	1,00
11	Đoạn từ giáp ranh giới đất ông Sơ đi đến ngã ba Sài Lương	1,00
12	Đoạn từ ranh giới đất ông Các đến giáp ranh giới thôn Khe Đâm	1,05
13	Đường nội bộ (khu đất đấu giá tại thôn An Lương)	1,00
14	Các tuyến đường khác còn lại	1,50

80. XÃ PHONG DỤ HẠ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Đông An - Phong Dụ	
1.1	Đoạn từ xã Đông Cường đến hết ranh giới nhà Ông Phong	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến Khe Mìn	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến điểm sạt Trạm Kiểm lâm (cũ)	1,20
1.4	Đoạn tiếp theo đến ngã ba Xuân Tầm	1,80
1.5	Đoạn giáp ngã ba Xuân Tầm (Khe Quặng) đến Khe Màng	1,50
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Tiệp	2,45
1.7	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Lắm	2,10
1.8	Đoạn tiếp theo đến Khe Cưởm	1,50
1.9	Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà ông Chuyển	2,30
1.10	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Phong Dụ Thượng (khe nhà ông Nhượng)	1,00
2	Đường từ UBND xã Phong Dụ Hạ đi Cầu treo	2,00
2.1	Đường Thanh Niên (Thôn Lắc Mường)	1,25
3	Đường thôn Khe Lầu (từ ranh giới nhà ông Chanh đến trạm tiếp sóng)	2,50
4	Đường liên xã	
4.1	Đoạn từ ngã ba Xuân Tầm lên đỉnh dốc Xuân Tầm (khu đất ông Thịnh)	1,00
4.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới trạm Y tế xã Xuân Tầm	1,00
4.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Chiêu thôn Khe Chung	1,00
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

81. XÃ PHONG DỤ THU'ƠNG

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Đông An - Gia Hội	
1.1	Đoạn giáp xã Phong Dụ Hạ đến Khe Kẽ (To)	1,00
1.2	Đoạn từ Khe Kẽ (To) đến Khe Tắm (To)	1,00
1.3	Đoạn từ nhà ông Ngô Xuân Màng đến nhà ông Nông Văn Quỳnh (đoạn mở mới)	1,00
1.4	Đoạn từ Khe Tắm (to) đến nhà ông Nông Văn Ảnh thôn Cao Sơn	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Ngô Thị Hóa	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến Nhà điều hành thủy điện Ngòi Hút 1	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến xã Gia Hội	1,00
2	Đường Mường La - Sơn La	
2.1	Đoạn từ Ngã 3 cầu Cao Sơn đến nhà ông Biền	1,00
2.1	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 nhà Văn Pú Khe Mạg	1,00
3	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

82. XÃ TÂN HỢP

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Đại Sơn - Nhà Hẩu	
1.1	Từ trường Mầm non đại sơn đến hết đất nhà ông Minh	1,50
1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba rẽ thôn Làng Bang	1,50
1.3	Đoạn tiếp theo đến đỉnh dốc Ba Khuy (giáp đất ông Trung Duy)	1,50
1.4	Tiếp theo đến hết đất nhà ông Diêu	1,50
1.5	Tiếp theo đến cầu suối Khe Cạn	1,50
1.6	Tiếp theo đến hết đất trường mầm non Nhà Hẩu	1,20
1.7	Đoạn từ hết đất trường mầm non Nhà Hẩu đến hết đất nhà ông Sinh	1,50
1.8	Tiếp theo đến hết đất nhà ông Giảng	1,50
2	Đường Quy Mông - Đông An	
2.1	Đoạn giáp đất xã Mậu A đến hết đất cây xăng	1,15
2.2	Đoạn tiếp theo đến giáp đường vào khu tái định cư	1,00
2.3	Đoạn tiếp theo đến đầu cầu Ngòi Thắt (cũ)	1,00
2.4	Đoạn từ đường rẽ đi thôn Hạnh Phúc đến cống trui Cao Tốc	1,10
2.5	Đoạn tiếp theo đến cầu Câu	1,05
2.6	Đoạn tiếp theo đến ngân tràn Làng Còng	1,50
2.7	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Đông Cuông	1,00
3	Đường Tân Hợp - An Thịnh (Từ Cống Chui Cao tốc đến giáp đất xã Mậu A)	1,05
4	Đường Đông Xuân - Hạnh Phúc (Đoạn từ Cầu treo đến hết thôn Hạnh Phúc)	
4.1	Đoạn từ đầu cầu Ngòi Thắt cũ đến Cống chào thôn Làng Câu	1,80
4.2	Đoạn tiếp theo đến cống chào thôn Hạnh Phúc	1,20
4.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường rẽ Làng Mít	1,20
4.4	Đoạn tiếp theo đến hết thôn Hạnh Phúc	1,20
4.5	Đoạn từ ngã ba đường rẽ Làng Mít đến đường rẽ đi Gió Bầu	1,20
5	Đường Câu Đạo (đoạn từ Gốc khế đến hết làng Câu Đạo)	1,20
6	Đường Khe Hoá (Đoạn từ đầu cầu Ngòi Thắt cũ đi bến đò)	1,20
7	Đường Ghềnh Ngai (đoạn từ Cầu Máng đến đền Đức Ông)	1,20
8	Đường đi thôn Ghềnh Gai (Đoạn từ đầu cầu Còng đến hết thôn Ghềnh Ngai)	1,20
9	Đường vào khu Tái định cư (Đoạn từ giáp đường Quy Mông - Đông An đến Nhà văn hoá thôn Gốc Gạo)	1,00
10	Đường chợ Tân hợp (Đoạn từ nhà ông Khỏe đến hết đất Giáo sư Tân Hợp)	1,00
11	Đường Đại Sơn - Mỏ Vàng	
11.1	Đoạn giáp ranh giới Mậu A đến cống mã Làng	1,00
11.2	Đoạn tiếp theo đến đập Đầu mối Thôn Đại Sơn	1,00
11.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà Sơn Lan thôn Đại Sơn	1,00
11.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất trạm y tế	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
11.5	Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Tiến	1,00
11.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất bà lan thôn Đoàn Kết	1,05
11.7	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Vên	1,00
11.8	Đoạn tiếp theo đến đất nhà ông Hải	1,00
11.9	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Mỏ Vàng	1,00
12	Các tuyến đường khác còn lại	1,80
13	Khu tái định cư Khe Dệt 2	
13.1	Đoạn từ giáp đường Quy Mông - Đông An đến đất nhà ông Chính	1,00

83. XÃ XUÂN ÁI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Quy Mông - Đông An	
1.1	Đoạn từ xã Quy Mông đến cầu Vật Dừng	1,20
1.2	Đoạn tiếp theo đến Cầu Ngòi Viễn	1,20
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Lành	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ khu tái định cư	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ngã tư công UBND xã	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Thủy	1,00
1.7	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Thức Yển	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Thành Mùi	1,10
1.9	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hà	1,10
1.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thân	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hán	1,00
1.12	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường rẽ vào thôn Thống Nhất	1,00
1.13	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Như	1,00
1.14	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới ông Khang	1,15
1.15	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Mậu A	1,15
2	Đường liên xã (Xuân Ái - Kiên Thành - Viễn Sơn cũ)	
2.1	Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Vật Dừng đến thôn Tháp Con	1,20
3	Đường liên xã (Xuân Ái - Viễn Sơn - Yên Phú - Yên Hợp cũ)	
3.1	Đoạn từ bến đò Ngòi Hóp - Xuân Ái đến trạm Y tế xã	1,00
3.2	Từ trạm Y tế đến hết ranh trường tiểu học Xuân Ái	1,00
3.3	Đoạn tiếp theo đến ngã tư UBND xã	1,00
3.4	Đoạn tiếp theo đến hết nhà Đội thuế số 2	1,00
3.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hương Minh	1,10
3.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hùng Hợp	1,00
3.7	Đoạn tiếp theo đến trường Mầm non xã Viễn Sơn	1,00
3.8	Đoạn tiếp theo đến Nhà máy quế	1,00
3.9	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Chiến, Bính	1,80
3.10	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Thuận	1,10
3.11	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Bình	1,00
3.12	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Huyền	1,80
3.13	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới đất ông Nghiêm	1,20
3.14	Đoạn tiếp theo đến ngã ba UBND xã Yên Hợp cũ	1,00
4	Đường Nghĩa Lạc - Quyết Tiến (đoạn từ ranh giới nhà bà Thê đến ngã 3 nhà ông Dương)	1,00
5	Đường liên xã (An Thịnh đi Đại Phác cũ)	
5.1	Đoạn từ cổng nhà ông Nội đến ngã 3 (Sân vận động)	1,00
5.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà văn hóa thôn Đại Thắng	1,00
5.3	Đoạn tiếp theo hết ranh giới nhà ông Sinh	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
6	Đường liên xã (Yên Hợp - Yên Phú cũ)	
6.1	Đoạn từ Ngã 3 thôn Yên Thành đến đỉnh Dốc đen	1,50
7	Đường liên thôn	
7.1	Đoạn từ ngã 3 (trường TH & THCS) đến Đập số 2 (Đầm Bèo Con)	1,00
7.2	Đoạn từ ranh giới đất bà Thêm đến Cổng nhà văn hóa thôn Cá Nội	1,00
7.3	Từ nhà ông Thụ thôn Tân Thành đi nhà ông Sự thôn Tân Thành đi nhà ông Bằng thôn Tân An	1,00
7.4	Từ Nhà văn hoá thôn Tân Thành đi nhà ông Yên thôn Tân An đi nhà bà Kiệm thôn Tân An	1,00
7.5	Từ nhà ông Lộc đến Đình đền Đại Phác	1,15
7.6	Từ nhà ông Tứ thôn Tân Thành đến Nhà văn hoá Tân Thành đến nhà ông Diễm đến nhà ông Kỳ thôn Tân An	1,10
7.7	Từ nhà ông Tâm thôn Tân An đi ông Lương thôn Phúc Thành	1,10
7.8	Đoạn từ giáp ranh giới đất ông Định đến đường tránh Mỏ đất hiếm thôn Yên Sơn	1,20
7.9	Đoạn từ nhà Sơn Huyền đến nhà ông Thăng thôn Phú Sơn	1,15
7.10	Đường tránh Mỏ đất hiếm	1,40
8	Các tuyến đường khác còn lại	1,40
9	Các Khu Tái Định Cư Thuộc Dự Án Đường Sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	
9.1	Đường Tái định cư thôn Ngòi Viễn	
9.1.1	<i>Đoạn từ đường Quy Mông - Đông An đến nhà ông Cương</i>	1,00
9.1.2	<i>Đường nội bộ trong Khu tái định cư</i>	1,00
9.2	Đường Tái định cư thôn Nghĩa Lạc	1,00
9.3	Đường Tái định cư thôn Quyết Hùng	1,00
9.4	Đường Tái định cư thôn Yên Hòa	1,00
9.5	Đường Tái định cư thôn Thống Nhất	1,00
9.6	Đường Tái định cư dự án Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Yên Hợp	
9.6.1	<i>Đường nội bộ trong khu Tái định cư tuyến T3</i>	1,00
9.6.2	<i>Đường nội bộ trong khu Tái định cư tuyến T2, T4</i>	1,00

84. XÃ BẢO ÁI

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 70	
1.1	Từ giáp ranh xã Yên Bình đến cống qua đường (đối diện nhà ông Lương Ngọc Hải)	1,11
1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường Cẩm Ân đi Tân Đồng	1,11
1.3	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường (đối diện nhà ông Ngọ)	1,30
1.4	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường (đối diện nhà bà Nguyễn Thị Cúc)	1,30
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất nhà nghỉ Trung Kiên	1,20
1.6	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông La Ngọc Kim	1,20
1.7	Đoạn tiếp theo đến mốc Km 22	1,50
1.8	Đoạn tiếp theo đến cầu ngòi Lự	1,20
1.9	Đoạn tiếp theo đến cầu Km 26	1,20
1.10	Đoạn tiếp theo đến mốc Km 26	1,20
1.11	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi thôn Đát Lụa (nhà ông Yên)	1,11
1.12	Đoạn tiếp theo đến cống rẽ vào Nhà máy chè Văn Hưng	1,20
1.13	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào thôn Vĩnh An	1,20
1.14	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường (nhà ông Long)	1,11
1.15	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường cống trường TH&THCS Tân Nguyên	1,20
1.16	Đoạn tiếp theo đến Cầu Km32	1,50
1.17	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường giáp ao nhà ông Hoàng Ngọc Độ	1,11
1.18	Đoạn tiếp theo đến mốc Km34	1,11
1.19	Đoạn tiếp theo đến cống qua đường (nhà bà Trình)	1,11
1.20	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Bảo Ái	1,30
2	Đường Cẩm Ân - Mông Sơn	
2.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến cống qua đường (giáp nhà bà Nông Thị Ngọc)	1,18
2.2	Đoạn tiếp theo đến cống Trường Mầm non Cẩm Ân	1,40
2.3	Đoạn tiếp theo đến Cầu Ngầm	1,18
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Bảo Ái (giáp địa giới xã Yên Bình)	1,18
2.5	Đoạn Từ giáp xã Yên Bình đến cống qua đường (gần nhà ông Trường Thao)	1,18
2.6	Đoạn tiếp theo đến hết đập nước Voi Sơ	1,20
2.7	Đoạn tiếp theo đến hết đường nhựa vào mỏ đá	1,20
3	Đường Cẩm Ân - Tân Đồng	
3.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến cống qua đường (nhà ông Bút)	1,40
3.2	Đoạn tiếp theo đến Cầu nước sạch	1,50
3.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Bảo Ái	1,50

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
4	Đường bê tông vào UBND xã Bảo Ái từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn	2,00
5	Đường thị tứ Cẩm Ân	
5.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến hết khu đất tái định cư đường thị tứ Cẩm Ân	1,40
5.2	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn	1,80
6	Đường vào Chợ mới (Từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 qua chợ mới đến hết đường)	
6.1	Từ sau vị trí 1 QL 70 đến hết đất chợ mới xã Bảo Ái	1,30
6.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ ra QL 70 (qua đất trường PTTH Cẩm Ân)	1,20
7	Đường thôn Tân Tiến (Đoạn từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Tân Đồng đến đập Tân Yên)	1,20
8	Từ sau vị trí 1 đường Quốc lộ 70 đến sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Tân Đồng (từ nhà ông Oanh Đoàn qua hội trường thôn Tân Tiến đến ngã 3 nhà ông Chủ)	1,20
9	Đường thôn Tân Lương	
9.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường thị tứ đến hết đất nhà ông Hà Văn Ái	1,20
9.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba giáp nhà ông Cao	1,20
10	Đường thôn Ngòi Khang đi thôn Ngòi Ngù	
10.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến hết hội trường thôn Ngòi Khang	1,50
10.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Khang	2,00
10.3	Đoạn tiếp theo đến trạm biến áp	1,20
11	Đường thôn Ngòi Khang đi thôn Ngòi Chán	
11.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến công trường THCS xã Bảo Ái	1,10
11.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Nam (trưởng thôn)	1,20
11.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba rẽ đi thôn An Bình	1,20
12	Đường từ Quốc lộ 70 đi thôn Đoàn Kết	
12.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến hết đất nhà ông Cường	1,20
12.2	Đoạn tiếp theo đến hết hội trường thôn	1,20
13	Tuyến Mậu A - Tân Nguyên	
13.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến đường rẽ vào nghĩa trang thôn Tân Phong	1,20
13.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Lý Trình II	1,20
13.3	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Bảo Ái	1,20
14	Đường vào thôn Đèo Thao	
14.1	Đoạn từ cầu đến công trường Tiểu học	1,20
14.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Đèo Thao	1,20
15	Đường vào thôn Đông Ké (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến Hội trường thôn)	1,20
16	Đường vào thôn Khe Cọ (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến cống qua đường (nhà ông Hùng))	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
17	Đường vào thôn Núi Nì	
17.1	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến cổng vào nhà bà Thục	1,20
17.2	Đoạn tiếp theo đến hết đường rẽ thôn Núi Nì	1,20
18	Đường vào đập Khe Sến	
18.1	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến bờ đập Khe Sến	1,20
18.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Đệ	1,20
19	Đường vào thôn Quyết Thắng hết đường bê tông	1,20
20	Đường vào thôn Tân Minh (Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến hết đường thôn Tân Minh)	1,20
21	Đường cầu Bon thuộc thôn Tân Minh (Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân Mông Sơn đến hết đất nhà ông Hảo)	1,20
22	Đường vào thôn Trung Sơn	
22.1	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến đập Lò Vôi	1,20
22.2	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến mỏ đá thôn Trung Sơn	1,20
22.3	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến nhà ông Thuấn	1,20
23	Đường vào thôn Làng Cạn	
23.1	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến hết đất nhà ông Đình Văn Sự	1,20
23.2	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến thôn Làng Mới (từ nhà ông Tiến đến ngã ba đường rẽ vào nhà ông Liệu)	1,20
24	Đường vào thôn Làng Mới	
24.1	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến điểm nối đường đi thôn Giang Sơn (hết ranh giới nhà ông Kiểm)	1,20
24.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Đình Lợi	1,20
24.3	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân - Mông Sơn đến hết đất nhà ông Thái	1,20
25	Từ sau vị trí 1 đường Cẩm Ân- Mông Sơn đến Trung tâm cai nghiện cũ	1,20
26	Các tuyến đường khác còn lại	2,50

85. XÃ CẨM NHÂN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Vĩnh Kiên - Yên Thế	
1.1	Đoạn từ giáp xã Yên Thành đến Cầu Sắt	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đối diện Trường Cấp 3 Cẩm Nhân	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến cây xăng (thôn Làng Lạnh)	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến ngã ba chân đèo Tảng Sính (chợ Ngọc cũ)	1,00
1.5	Đoạn từ ngã 3 chân Đèo Tảng Sính + 100m đường đi xã Yên Thành	1,00
1.6	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Yên Thành	1,60
1.7	Đường Đi UBND xã Đoạn từ Ngã 3 (trường THPT Cẩm Nhân) đến nhà ông Lèo Văn Lạng.	1,00
1.8	Từ nhà ông Lèo Văn Lạng đến cổng qua đường giáp đất nhà ông Nông Văn Giới	1,00
1.9	Đoạn tiếp theo đến ngầm tràn	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào thôn Bạch Thượng cũ	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến Đài tưởng niệm	1,00
1.12	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Nông Ngọc Hương thôn 1 (Ngòi Quán)	1,00
1.13	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Long Thị Nội (thôn Ngòi Quán)	1,05
1.14	Đoạn tiếp theo đến ngã 3 Kéo Sa (giáp nhà ông Nguyễn Văn Phương)	1,00
1.15	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Nhân Mục - Tuyên Quang	1,05
1.16	Đường từ ngã ba chân đèo Tảng Sính đến đỉnh đèo Tảng Sính (Thôn Ngọc Chân 1)	1,50
1.17	Từ đỉnh đèo Tảng Sính đến đến cổng qua đường (cạnh nhà ông Nông Xuân Kiên)	1,20
1.18	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (cạnh nhà ông Thông)	1,00
1.19	Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Lăn (nhà ông Đình Lý Thìn)	1,20
1.20	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hoàng Văn Doanh	1,00
1.21	Đoạn tiếp theo đến cổng trường THCS + 200 m	1,00
1.22	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hoàng Ngọc Thanh đường đi Bến Giăng	1,00
1.23	Đoạn tiếp theo qua chợ Xuân Long cũ +200m	1,00
1.24	Đoạn tiếp theo đến giáp xã Mường Lai	1,30
1.25	Đường vào thôn Làng Hùng từ ngã 3 đến sân vận động (cổng UBND xã)	1,00
1.26	Đoạn tiếp theo qua cổng trường Tiểu học THCS số 1 Cẩm Nhân 100m	1,00
2	Đường vào thôn Tích Chung 2 (đường bê tông) (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Ích đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Bàu)	1,50
3	Đường vào thôn 1 (từ sau vị trí 1 đường Vĩnh Kiên - Yên Thế) đến giáp xã Cẩm Nhân	1,10
3.1	Đoạn từ ngầm tràn chợ Cẩm Nhân đến nhà ông Hoàng Văn Vĩnh (trường thôn Nà Dụ)	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.2	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Nông Văn Hiến (thôn Thái Y)	1,10
4	Đường từ giáp ranh xã Phúc Ninh đến cầu qua suối Ngòi Sọng xã Yên Thành	1,10
5	Các tuyến đường khác còn lại	1,10

86. XÃ THÁC BÀ

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 37	
1.1	Đoạn giáp ranh tỉnh Phú Thọ đến nhà bà Tâm Thắng	1,10
1.2	Đoạn tiếp theo đến qua trường THCS Đại Minh	1,10
1.3	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đường bê tông (rẽ vào thôn Đại Thân)	1,70
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết thôn Làng Cẩn	1,50
1.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nhà bia tưởng niệm	1,70
1.6	Đoạn tiếp theo đến đường bê tông rẽ vào thôn Hàn Đà 2	1,50
1.7	Đoạn tiếp theo cổng qua đường(giáp nhà ông Vi)	1,70
1.8	Đoạn tiếp theo đến ngã ba đi Phà Hiên	1,50
1.9	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Thu Thủy)	1,50
1.10	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (hết ranh giới nhà bà Vũ Thanh Chiến)	1,10
1.11	Đoạn tiếp theo đến cột điện cao thế (hết ranh giới nhà bà Nhung thôn 1)	1,10
1.12	Đoạn tiếp theo đến Bưu Điện (ngã 3)	1,10
1.13	Đoạn tiếp theo đến cầu Thác Ông (cũ)	1,10
1.14	Từ giáp cầu Thác Ông cũ đến NVH thôn Phúc Khánh	1,10
1.15	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (giáp đất nhà ông Nguyễn Thành Chung)	1,10
1.16	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Thác Bà	1,10
2	Quốc lộ 2D	
2.1	Đoạn từ sau Vị trí 1 Quốc lộ 37 đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Chuyền	1,50
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết thôn An Lạc	1,70
2.3	Đoạn tiếp theo đến Hết địa phận thôn Đại Thân	1,70
2.4	Đoạn tiếp theo đến cầu Hoàng Thi	1,70
3	Đường Vĩnh Kiên - Yên Thế	
3.1	Đoạn từ ngã 4 nhà ông Vọng đi đến cổng qua đường (nhà ông Toàn Hải)	1,20
3.2	Đoạn tiếp theo đến Ngâm tràn (thôn Ba Chăng)	1,20
3.3	Đoạn tiếp theo đến đỉnh dốc Đồng Do (nhà ông Thế)	1,20
3.4	Đoạn tiếp theo đến cổng đôi (nhà ông Vũ Văn Hiên)	1,20
3.5	Đoạn tiếp theo đến Ngâm tràn thôn Quyên	1,20
3.6	Đoạn tiếp theo đến Cổng đôi (giáp đất ông Thanh)	1,20
3.7	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (giáp đất nhà ông Lương Văn Lan)	1,20
3.8	Đoạn tiếp theo đến hết đất Trường mầm non xã (trường Tiểu học số 1 cũ)	1,20
3.9	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào thôn Tầm Vông	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.10	Đoạn tiếp theo đến đỉnh dốc (ông Nguy) cách trạm biến thế 100m về phía xã Yên Thành	1,20
3.11	Đoạn tiếp theo đến giáp đất xã Yên Thành	1,20
4	Đường Bạch Hà - Vũ Linh	
4.1	Đoạn từ Quốc lộ 37 cách 20m đến cầu Bồng	1,36
4.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Đài tưởng niệm (thôn Cây Thị)	1,36
4.3	Đoạn tiếp theo đến đỉnh dốc đá thôn Gò Chùa	1,20
4.4	Đoạn từ tiếp theo đến ngã tư nhà ông Đỗ Văn Quý	1,20
4.5	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Phạm Trung Kiên	1,28
4.6	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Vương Đình Nhung thôn Ngòi Lèn	1,28
4.7	Đoạn tiếp theo đến giáp đất thôn Trại Máng	1,20
4.8	Đoạn tiếp theo đến giáp đất cầu Ngòi Phúc	1,20
4.9	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Vĩnh Kiên - Yên Thế	1,20
5	Đường Yên Bình - Vĩnh Kiên	
5.1	Đoạn từ đường Bạch Hà - Vũ Linh (ngã tư giáp chợ) đến cầu Đức Tiến	1,20
5.2	Đoạn tiếp theo đến ngân tràn thôn Đình	1,20
5.3	Đoạn tiếp theo đến đường Vĩnh Kiên - Yên Thế	1,20
6	Đường đi thôn Ngọn Ngòi	
6.1	Đoạn từ nhà ông Đỗ Văn Khải đến ngã tư nhà ông Bùi Dẫn Toàn	1,28
6.2	Đoạn tiếp theo đến ngã ba hết đất nhà ông Hoàng Văn Khoái	1,28
6.3	Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hoàn Hợp	1,28
6.4	Đoạn từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Khoái đi ngã ba thôn Ngọn Ngòi	1,28
7	Đoạn từ ngàm tràn thôn Quyên đến Bến gỗ (hộ ông Nguyễn Chí Trung)	1,28
8	Đoạn từ giáp ngã 4 chợ đi thôn 15 đến QL 37	1,28
9	Đoạn từ trạm biến áp cầu Đất Lạn đến ngã ba nhà ông Thanh Huấn	1,28
10	Đoạn từ ngã ba nhà ông Vĩ thôn Hồ sen đến ngã ba nhà ông Tòng thôn Ngòi Lèn	1,28
11	Đoạn từ ngã tư nhà ông Đỗ Văn Quý đến ngã tư nhà ông Bùi Đăng Toàn (Đường nội bộ quỹ đất đầu giá)	1,28
12	Đường thôn Gò Chùa đi thôn Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, Tuyên Quang: (Đoạn từ sau vị trí 1 đường liên xã Bạch Hà-Vũ Linh đến hết địa giới xã Bạch Hà)	1,28
13	Đường nội bộ khu di dân tái định cư	1,10
14	Đường nội bộ quỹ đất đầu giá thôn Trung Tâm, giáp Chợ mới (sau vị trí 1 đường Bạch Hà-Vũ Linh)	1,00
15	Đường bê tông vào Hội Lâm Sinh thôn Mạ	
15.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến cổng qua đường (giáp nhà ông Ty)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
15.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đội Lâm sinh thôn Mạ	1,20
16	Đường bê tông từ doanh trại bộ đội đến hội trường thôn Mạ	1,20
17	Đường từ Nhà máy thủy điện Thác Bà đến cầu Thác Ông	
17.1	Đoạn từ cầu Thác Ông (cũ) đến ngã ba (rạp ngoài trời)	1,10
17.2	Từ ngã ba (rạp ngoài trời) đến nhà điều hành Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	1,10
17.3	Từ ngã ba (sân bóng) đến nhà điều hành Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	1,10
17.4	Từ ngã ba (rạp ngoài trời) đến Bưu điện	1,10
17.5	Từ ngã ba (Nhà điều hành) đến bến ca nô	1,10
18	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 (ngã ba đi Phà Hiên) đến bến phà cũ	1,20
19	Đoạn từ cổng phân viện Thác Bà đi ngã 3 Hồ Xanh đến kho đá dự trữ của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	
19.1	Đoạn từ cổng phân viện Thác Bà đến ngã 3 Hồ Xanh	1,60
19.2	Đoạn tiếp theo đến kho đá dự trữ của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	1,60
20	Đường bê tông vào thôn Hán Đà 1 (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến nhà ông Nguyễn Văn Trinh)	1,10
21	Đường bê tông vào thôn Hán Đà 2 (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến nhà ông Nguyễn Văn Trinh)	1,10
22	Đường bê tông vào thôn An Lạc (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến sau vị trí 1 Quốc lộ 2D)	1,10
23	Đường bê tông vào thôn Phúc Hòa (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến nhà ông Phạm Như Biên)	1,10
24	Đường bê tông vào thôn Tiên Phong (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến nhà ông Phạm Thứ Chính)	1,10
25	Đường bê tông vào thôn Tiên Phong (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 37 đến nhà ông Nguyễn Văn Trường)	1,10
26	Đường bê tông vào thôn Hồng Quân (Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 2D đến mỏ Felspat Hồng Quân)	1,10
27	Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Cẩm đến Nhà máy thủy điện Thác Bà 2	1,10
28	Đường nội bộ đất đường Hoàng Thi (Quý đất thuộc bãi đỗ đất đường Hoàng Thi)	1,10
29	Đường bê tông vào thôn Khả Linh (Đoạn từ cổng Đồng Cáp đến đường rẽ đi thôn Quyết Tiến)	1,10
30	Đường bê tông Cầu Mơ đi Phai Tung (Đoạn từ cổng Bản đến hết đường bê tông đi Phai Tung (nhà ông Thuận))	1,50
31	Các tuyến đường thuộc các thôn Thác Bà 1, Thác Bà 2, Thác Bà 3, Thác Bà 4	1,50
32	Các tuyến đường khác còn lại	1,50

87. XÃ YÊN BÌNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Quốc lộ 70	
1.1	Từ đường Đại Đồng đến mốc Km1 thôn Làng Đất	1,00
1.2	Đoạn tiếp theo đến cổng Công ty TNHH 1 TV Lâm nghiệp Yên Bình	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến cầu Hương Giang	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi phường Nam Cường	1,15
1.5	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Chóp Dù (thôn Đá Chồng)	1,15
1.6	Đoạn tiếp theo đến thôn Khe Gầy	1,15
1.7	Từ thôn Đá Chồng qua 50m đi về phía xã Bảo Ái	1,15
1.8	Đoạn tiếp theo đến mốc Km11	1,15
1.9	Đoạn tiếp theo đến mốc Km13	1,15
1.10	Đoạn tiếp theo đến mốc Km15	1,15
1.11	Đoạn tiếp theo đến cầu Khuân La 1	1,00
1.12	Đoạn tiếp theo qua cổng làng văn hoá thôn Yên Thắng 50m (hết đất nhà ông Phan Văn Năm)	1,00
1.13	Đoạn tiếp theo đến cầu Khuân La 2	1,00
1.14	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Tuấn (đối diện nhà ông Chí)	1,00
1.15	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Yên Bình	1,00
1.16	Từ giáp đường Đại Đồng đến mốc Km16	1,00
1.17	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (giáp nhà ông Khánh)	1,00
1.18	Đoạn tiếp theo đến đường nhánh vào phường Văn Phú (Km19)	1,00
1.19	Đoạn tiếp theo đến hết xã Yên Bình	1,15
2	Đường Nguyễn Tất Thành	
2.1	Đoạn từ đường Đại Đồng đến cổng qua đường (giáp nhà bà Bâm)	1,00
2.2	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh phường Văn Phú	1,00
3	Đường Đinh Tiên Hoàng	
3.1	Đoạn từ Km 8+600 đến hết đất Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Chăn nuôi thú y, Thủy sản Lào Cai	1,20
3.2	Đoạn tiếp theo đến Ngã 3 Km 9	1,20
4	Đường Đại Đồng	
4.1	Từ giáp thôn Làng Đất đến hết đất Chi nhánh điện Yên Bình	1,20
4.2	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ lên trạm 110KV	1,20
4.3	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào Công ty ga Tân An Bình	1,20
4.4	Đoạn tiếp theo đến cổng nghĩa trang Km 10	1,20
4.5	Đoạn tiếp theo đến đường vào Trường Dân tộc nội trú	1,13
4.6	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào bến Km 11	1,13
4.7	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ giáp Ngân hàng Nông nghiệp	1,10
4.8	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ giáp Ngân hàng chính sách xã hội	1,10
4.9	Đoạn tiếp theo đến giáp cổng qua đường (giáp đất nhà ông Cường)	1,10
4.10	Đoạn tiếp theo đến cổng lên Tòa án Khu vực 2	1,10

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
4.11	Đoạn tiếp theo đến vòng xuyên Km13	1,10
4.12	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào nhà văn hóa thôn 10	1,10
4.13	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Mai Thị Lợi	1,10
4.14	Đoạn tiếp theo đến đường vào nghĩa trang số 4 thôn 15	1,10
4.15	Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào bến lâm sản cũ	1,10
5	Đường Hương Lý	
5.1	Từ bến cảng Hương Lý đến giáp đất Công ty TNHH Hiệp Phú	1,20
5.2	Đoạn tiếp theo đến cổng Nhà máy xi măng Yên Bái	1,20
5.3	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Đại Đồng về phía cổng Nhà máy xi măng	1,20
5.4	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng về phía trường tiểu học đến ngã ba rẽ vào đường bê tông	1,20
5.5	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (giáp nhà bà Lại Thị Oanh)	1,20
5.6	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Yên Bình	1,20
6	Đường Văn Chính: Từ ngã 3 giáp đường Hương Lý đến bến đá	1,20
7	Đường Vũ Văn Uyên	
7.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Loan đến hết đất nhà ông Lý Đình Tiến	1,05
7.2	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Đại Đồng	1,05
7.3	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng (Chợ Km12) đến cầu Bản	1,05
7.4	Đoạn tiếp theo đến hết đất Chi nhánh VPĐK đất đai khu vực Yên Bình	1,05
7.5	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Yên Bình	1,05
8	Đường Hoàng Thi	
8.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến hết đất Nhà văn hóa thôn 11	1,20
8.2	Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Khó	1,20
8.3	Đoạn từ nhà ông Khó đến hết đất nhà ông Hà Tài Úy	1,20
8.4	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Yên Bình	1,20
9	Đường Nguyễn Văn Mậu	1,10
10	Đường Trần Nhật Duật	
10.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến ngã ba đi Nghĩa trang số 2 (phần đường nhựa)	1,50
10.2	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Hoàng Loan	1,50
11	Từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến hết đất Công ty Ga Tân An Bình	1,50
12	Đường Tân Quang	
12.1	Từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến hết đất Trường Dân tộc nội trú	1,80
12.2	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,80
13	Đường Đông Lý	
13.1	Từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến Đội dịch vụ điện lực Yên Bái	1,00

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
13.2	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (Giáp đất nhà ông Toàn Ấn)	1,10
13.3	Đoạn tiếp theo đến cổng nhà máy xi măng Yên Bình	1,00
14	Đường bê tông cạnh nhà tình nghĩa đến đường Hương Lý (Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến sau vị trí 1 đường Hương Lý)	1,30
15	Đường bê tông (công làng văn hóa thôn 5)	
15.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến hết đất nhà ông Lê Đức Thuận	1,30
15.2	Đoạn tiếp theo đến hết đường Bê tông	1,30
16	Đường An Bình: Từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng (qua trụ sở Đảng ủy xã Yên Bình) đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	1,80
17	Đường Thanh Bình: Từ sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh phường Văn Phú	1,05
18	Đường Vũ Văn Mật	
18.1	Từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng (Trạm Kiểm lâm Km14) đến sau vị trí 1 đường Hương Lý	1,10
18.2	Đoạn tiếp theo từ sau vị trí 1 đường Hương Lý đến hết đất nhà bà Dung Khoa (giáp cổng qua đường)	1,10
18.3	Đoạn tiếp theo đến giáp đất phường Văn Phú	1,10
19	Đường Hoàng Loan	
19.1	Từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến tiếp giáp đường Trần Nhật Duật	1,20
19.2	Đoạn tiếp theo đến sau vị trí 1 đường Đường nối 2 nhà máy xi măng	1,20
20	Đường từ sau vị trí 1 đường Vũ Văn Uyên đến hết quỹ đất giáp chợ Yên Bình (giáp đường rẽ vào nhà bà Trần Thị Bình)	1,20
21	Đường từ chợ Yên Bình (giáp đường rẽ vào nhà bà Trần Thị Bình) đến vị trí 1 đường Vũ Văn Uyên (giáp khu đô thị thôn 7)	1,20
22	Đường nối 2 nhà máy xi măng (đoạn từ sau vị trí 1 đường Hươngng Lý đến sau vị trí 1 đường Đông Lý)	
22.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hương Lý đến cổng qua đường nối 2 ngách hồ (thôn 6)	1,20
22.2	Đoạn từ cổng qua đường nối 2 ngách hồ (thôn 6) đến hết đất nhà ông Bùi Quang Đạo	1,20
22.3	Đoạn từ đất nhà ông Bùi Quang Đạo đến sau vị trí 1 đường Đông Lý	1,20
23	Từ sau vị trí 1 đường Đông Lý đến hết đất thôn 3 (Hướng đi thôn Hồng Bàng khu ao 41)	1,20
24	Đường khu đô thị thôn 6, thôn 7	
24.1	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Loan đến sau vị trí 1 đường Vũ Văn Uyên (qua đường rẽ vào Trung tâm văn hóa thể thao)	1,20
24.2	Đoạn sau vị trí 1 đường Đại Đồng qua Công ty xổ số đến đường nối giữa đường Hoàng Loan và đường Vũ Văn Uyên	1,20
24.3	Đường nội bộ trong khu đô thị thôn 6 (giáp bể bơi, giáp khu tái định cư gần nhà bà Xuân)	1,20
24.4	Đường nội bộ trong khu đô thị thôn 6 (giáp đất nhà ông Long)	1,20

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
24.5	Đoạn từ vị trí 1 đường Hoàng Loan đến hết đường nhựa (giáp đất nhà bà Hương)	1,20
24.6	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Loan đến hết đất trường Mầm non Bình Minh	1,20
24.7	Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Loan (đối diện cổng B sân vận động) đến giáp đất trường Mầm non Bình Minh	1,20
24.8	Các tuyến đường nội bộ khác trong khu đô thị RuBy thôn 6, thôn 7	1,20
25	Đường từ QL 70 đến đường Hoàng Thi (Bến Lâm Sản cũ)	1,30
26	Đường Yên Bình - Văn Phú	
26.1	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến đường rẽ vào đơn vị C25, Trung đoàn 174	1,40
26.2	Đoạn tiếp theo đến cầu Đồng Rum	1,40
26.3	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Yên Bình	1,40
27	Đường Cẩm Ân - Mông Sơn (Chợ Cọ)	1,30
28	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 ra Khu du lịch sinh thái Hồ Thác Bà	1,30
29	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đi phường Văn Phú đến hết địa phận xã Yên Bình (thôn Đá Chồng)	1,40
30	Đoạn từ sau vị trí 1 Quốc lộ 70 đến ngã ba (rẽ vào nhà ông Quý - thôn Hương Giang)	1,40
31	Đường vào trường THCS Đại Đồng (Đoạn từ cầu Thương Bình đến cổng nhà ông Vượng)	1,30
32	Đường vào thôn Hồng Bàng (Đoạn từ Quốc lộ 70 đến hết đất nhà ông Đức Hương)	1,30
33	Đường thôn Hồng Bàng đi thôn 3 (Đoạn từ nhà ông Đức Hương đến Thôn 3)	1,30
34	Đường từ hội trường thôn Trung Tâm đến suối nước giáp đất Nhà máy may (qua quỹ đất đầu giá)	1,30
35	Đường Cụm công nghiệp Phú Thịnh (Từ giáp ranh phường Văn Phú đến hết đường Cụm công nghiệp)	1,30
36	Khu tái định cư dự án: Khu đô thị mới, khu sinh thái Thịnh Hưng 1, Thịnh Hưng 2.	1,05
37	Chỉnh trang đô thị thôn 10, xã Yên Bình	1,05
38	Khu dân cư thôn Đào Kiều	1,30
39	Các tuyến đường khác còn lại (Thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13)	1,40
40	Các tuyến đường khác còn lại	1,50

88. XÃ YÊN THÀNH

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Tỉnh Lộ 170	
1.1	Đoạn từ giáp xã Thác Bà đến nhà ông Bình Tuyến	1,50
1.2	Đoạn tiếp theo đến nhà thờ Phúc An	1,00
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Ma Văn Poóc	1,00
1.4	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Đặng Văn Chiến	1,00
1.5	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Lương Văn Lợi (Đèo Di)	1,20
1.6	Đoạn tiếp theo đến trường THCS xã Yên Thành	1,15
1.7	Đoạn tiếp theo đến cổng trường Tiểu học số 2	1,00
1.8	Đoạn tiếp theo đến ngã ba vào thôn Máy Dựng (cửa hàng Tám Hà)	1,20
1.9	Đoạn tiếp theo đến Ngã ba đường rẽ đi Đèo Quân (Giáp nhà ông Lê Văn Nam)	1,00
1.10	Đoạn tiếp theo đến cầu Đát Tri (cạnh nhà ông Liên)	1,00
1.11	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Đàm Ngọc Thương	1,05
1.12	Đoạn tiếp theo đến nhà bà Hà Thị Tới	1,05
1.13	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hoàng Văn Thụ	1,00
1.14	Đoạn tiếp theo đến cổng qua đường (nhà ông Vũ Văn Lượng)	1,00
1.15	Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Cẩm Nhân	1,10
2	Đường liên xã Cẩm Nhân - Phúc Ninh	
2.1	Đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Nhân đến hết ranh giới nhà ông Phùng Kim Cương	1,20
2.2	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Vũ Ngọc Chấn	1,10
2.3	Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà ông Hứa Ngọc Diễm	1,00
2.4	Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã	1,15
3	Đường đi bến cảng Mỹ Gia (Từ sau 40m tiếp theo của đường Tỉnh lộ 170)	1,00
4	Đường liên xã Yên Thành - Hùng Đức (Từ sau 40m tiếp theo của đường Tỉnh lộ 170 giáp Trụ sở Đảng Ủy, HĐND xã Yên Thành đến ranh giới xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang)	1,10
5	Đoạn từ ngã ba Hội trường thôn Đồng Tâm cũ qua Trụ sở công an xã đến sau vị trí 1 đường tránh đi cầu treo (Đường nội bộ quỹ đất đấu giá)	1,00
6	Đường tránh đi cầu treo	
6.1	Đoạn từ ngã 3 UBND xã Phúc An cũ đến cầu treo (Từ sau 40m tiếp theo của đường Tỉnh lộ 170)	1,00
6.2	Đoạn tiếp theo đến đường Tỉnh lộ 170	1,55
7	Các tuyến đường khác còn lại	1,80

89. XÃ LIÊN SƠN

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
1	Đường Quốc Lộ 32	
1.1	Đoạn giáp ranh giới phường Nghĩa Lộ (nhà Thủy Toan) đến hết ranh giới nhà ông Phạm Văn Thành (giáp đường rẽ vào khu tái định cư)	1,05
1.2	Đoạn từ nhà bà Lò Thị Huân (giáp đường rẽ vào khu tái định cư) đến hết Phòng cháy chữa cháy (cả hai bên đường)	1,05
1.3	Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Đảng ủy - HĐND xã Liên Sơn (Cả hai bên đường)	1,05
1.4	Đoạn tiếp theo đến chân cầu Suối Đôi (Cả hai bên đường)	1,05
1.5	Đoạn từ Cầu Suối Đôi đến đường rẽ vào bản Cóc giáp trụ sở Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn (cả hai bên đường)	1,05
1.6	Đoạn từ Ủy ban nhân dân xã đến hết ranh giới nhà bà Đỗ Thị Mai (cả hai bên đường)	1,05
1.7	Đoạn tiếp theo đến hết đường rẽ vào trạm biến áp bản Héo (giáp ranh giới nhà ông Nguyễn Mặc)	1,05
1.8	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Mặc đến Cầu Cài (Cả hai bên đường)	1,05
1.9	Đoạn từ Cầu Cài đến hết đất nhà ông Cường Hà (giáp đường xã Sơn Lương)	1,05
1.10	Từ giáp đất nhà ông Cường Hà đến giáp đất trụ sở Trạm y tế Nông trường Liên Sơn cũ (Cả hai bên đường)	1,05
1.11	Từ đất Trụ sở Trạm y tế Nông trường Liên Sơn cũ đến hết đất Công an thị trấn Nông trường Liên Sơn cũ (Cả hai bên đường)	1,05
1.12	Từ giáp ranh giới Công an thị trấn Nông trường Liên Sơn cũ đến giáp ranh giới xã Sơn Lương	1,05
2	Đường thôn Ả Thượng	
2.1	Đoạn từ nhà ông Đặng Anh đến giáp vị trí 1 Quốc lộ 32 (Giáp cây xăng)	1,05
2.2	Đường nội bộ khu đầu giá (giáp bệnh viện KV Nghĩa Lộ)	1,05
2.3	Từ lối rẽ đường Quốc lộ 32 (trục chính đường vào khu tái định cư Ả Thượng) đến giáp ranh giới đất nhà ông Khánh	1,05
2.4	Đường nội bộ khu tái định cư thôn Ả Thượng	1,05
2.5	Đoạn từ nhà ông Khiên đến nhà ông Thông	1,05
3	Đường lối rẽ Quốc lộ 32 (giáp Đảng ủy xã Liên Sơn) thôn Ả Hạ đến hết ranh giới thôn bản Bay	
3.1	Từ lối rẽ Quốc lộ 32 (giáp Đảng ủy xã Liên Sơn) đến hết ranh giới đất nhà ông Đình Công Hào (thôn Ả Hạ)	1,05
3.2	Đoạn từ ngã tư giáp ranh giới nhà ông Đình Công Hào đến hết ranh giới đất nhà ông Thăng - Nhung	1,05
3.3	Đoạn từ ngã tư giáp ranh giới nhà ông Đình Công Hào đến hết ranh giới đất nhà ông Hà Thủy	1,05
3.4	Đoạn tiếp theo từ giáp ranh giới nhà ông Hà Thủy đến hết ranh giới nhà ông Tình (Đầu cầu treo bản Bay)	1,05

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường (Ktt = lần)
3.5	Đoạn tiếp theo từ cầu treo bản Bay đến hết ranh giới nhà ông Trục	1,20
4	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (thôn Ả Hạ) đến ranh giới phường Nghĩa Lộ (xã Nghĩa Sơn cũ)	
4.1	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (thôn Ả Hạ) đến hết đất nhà ông Ích (cả hai bên đường)	1,05
4.2	Đoạn tiếp theo đến ranh giới phường Nghĩa Lộ (xã Nghĩa Sơn cũ)	1,05
5	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (thôn Bản Vần) đến hết thôn Góc Bực (giáp Quốc lộ 32)	
5.1	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (thôn Bản Vần) đến giáp Trường Mầm non Sơn A	1,05
5.2	Đoạn từ Trường Mầm non Sơn A đến hết thôn Góc Bực (giáp Quốc lộ 32)	1,05
6	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 đến Suối nước nóng Bản Bon	
6.1	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 đến ngã ba đầu đường rẽ vào suối nước nóng bản Bon (khu Bán đấu giá Bản Bon)	1,05
6.2	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 giáp ranh giới nhà ông Hoàng Văn Inh đến hết ranh giới nhà ông Sầm Văn Ngân	1,05
6.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ vào suối nước nóng bản Bon đến suối nước nóng bản Bon	1,05
6.4	Đường nội bộ khu Bán đấu giá Bản Bon	1,05
7	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (giáp Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn) đến hết ranh giới thôn bản Cóc	
7.1	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (giáp Ủy ban nhân dân xã Liên Sơn) đến ngã ba thôn bản Cóc	1,20
7.2	Từ ngã ba thôn Bản Cóc đến hết ranh giới thôn bản Bay	1,20
7.3	Từ ngã ba thôn Bản Cóc đến hết ranh giới thôn bản Cóc	1,20
8	Đoạn rẽ từ QL 32 (Nhà ông Vinh Xuân) đến đất nhà ông Nguyễn Văn Võ - Thôn 6.	1,05
9	Đoạn rẽ từ QL 32 (Nhà bà Phạm Thị Liên) đến hết ranh giới đất nhà ông Trần Ngọc Sơn -Thôn 6.	1,05
10	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (giáp Giáo xứ Vĩnh Quang) giáp ranh giới nhà ông Nguyễn Văn Thụy đến hết ranh giới nhà ông Trương Văn Cường	1,05
11	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 từ giáp nhà ông Biên đến hết ranh giới đất nhà ông Vững	1,05
12	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 từ nhà ông Nguyễn Cát Chinh đến hết ngõ	1,05
13	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (đi cầu Sơn Lương) đến hết địa phận xã Liên Sơn	1,05
14	Đoạn từ lối rẽ Quốc lộ 32 (đối diện trụ sở Công an xã Liên Sơn) đến ngã ba đường rẽ xuống suối nước nóng bản Bon	1,05
15	Các tuyến đường khác còn lại	1,50

Phụ lục IV
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH THEO QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Đối với đất ở thấp tầng (đất ở liền kề, biệt thự, nhà vườn)

STT	Hệ số sử dụng đất theo quy hoạch	Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh} = lần)
1	Hệ số sử dụng đất < 4 lần	1,00
2	$4 \leq$ Hệ số sử dụng đất ≤ 6 lần	1,01 - 1,10
3	Hệ số sử dụng đất > 6 lần	1,15

2. Đối với đất thương mại dịch vụ, đất hỗn hợp cao tầng

STT	Hệ số sử dụng đất theo quy hoạch	Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch (K_{qh} = lần)
1	Hệ số sử dụng đất < 4 lần	1,00
2	$4 \leq$ Hệ số sử dụng đất < 8 lần	1,01 - 1,08
3	$8 \leq$ Hệ số sử dụng đất ≤ 12 lần	1,08 - 1,10
4	Hệ số sử dụng đất > 12 lần	1,13

3. Đối với các loại đất khác

- Hệ số điều chỉnh quy hoạch đối với các loại đất khác: $K_{qh} = 1,0$.

Ghi chú:

(1) Hệ số sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng.

(2) Đối với các khu đất hoặc thửa đất có hệ số sử dụng đất không nằm trong bảng này thì được phép áp dụng theo công thức nội suy giữa 2 giá trị gần nhất

$$K_{qh} = K_{qha} + \frac{(H_{sdda} - H_{sda}) \times (K_{qhb} - K_{qha})}{H_{sdb} - H_{sda}}$$

Trong đó:

K_{qh} : Hệ số điều chỉnh quy hoạch của khu đất hoặc thửa đất thực hiện dự án (đơn vị tính: lần)

K_{qha} : Hệ số điều chỉnh quy hoạch cận trên (đơn vị tính: lần)

K_{qhb} : Hệ số điều chỉnh quy hoạch cận dưới (đơn vị tính: lần)

H_{sdda} : Hệ số sử dụng đất của khu đất hoặc thửa đất thực hiện dự án (đơn vị: lần)

H_{sda} : Hệ số sử dụng đất cận trên (đơn vị: lần)

H_{sdb} : Hệ số sử dụng đất cận dưới (đơn vị: lần)

(3) Đối với các loại đất tại bảng trên có hệ số sử dụng đất từ 12 lần trở lên khi cứ tăng thêm 1 lần thì hệ số điều chỉnh quy hoạch tăng thêm 5%.

(4) Ví dụ:

- Công ty A được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện xây dựng dự án thấp tầng có hệ số sử dụng đất là 4,35 lần thì hệ số điều chỉnh theo quy hoạch $K_{qh} = 1,0258$ lần.

- Công ty B được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện xây dựng dự án khách sạn có hệ số sử dụng đất là 9,65 lần thì hệ số điều chỉnh theo quy hoạch $K_{qh} = 1,0883$ lần.

Phụ lục V
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG KHÁC
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác (K_{ah} = lần)
I	Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất	
1	Thửa đất, khu đất tiếp giáp từ 03 mặt đường trở lên	1,15
2	Thửa đất, khu đất có đường giao thông hướng thẳng vào mặt tiền thửa đất	0,95
3	Thửa đất, khu đất tiếp giáp hoặc có mặt tiền hướng ra khu nghĩa trang, nghĩa địa, miếu, am, nhà tang lễ kể cả khu cây xanh trong khuôn viên các công trình này	0,95
4	Thửa đất, khu đất tiếp giáp hoặc có mặt tiền hướng ra khu cây xanh hoặc khu công viên hoặc mặt nước có đường dạo trù khu cây xanh (trừ cây xanh quy định tại mục 3)	1,05
5	Thửa đất, khu đất có hệ thống đường dây điện chạy qua bên trên (không di dời)	0,98
II	Các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất (nếu có)	1,0